

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I



KỶ NIỆM
11 NĂM

આણી
૭ાણી
૮૬ણી
265.266

★ 15 THÁNG 1 NĂM 1968 ★



L'antitussique pour
tous les âges...

Sirop Pectoral Gobey

- sans opiacés
- sans action dépressive
- sans effets secondaires

De 1 cuiller à café chez le nourrisson à une cuillerée
à soupe chez l'adulte.

GOUT AGRÉABLE

3-24



BÁCH

KHOA THỜI-ĐẠI

SỐ KỶ-NIỆM 11 NĂM

265-266 ngày 15-1-1968

BÁCH KHOA THỜI ĐẠI <i>lá thư tòa soạn</i>	3
BÙI KHÁNH ĐÀN <i>xuân ca; thi tứ xuân tình (thơ)</i>	4
TỪ TRÍ <i>một năm thử thách</i>	5
LÊ TẮT ĐIỀU <i>qua một năm</i>	11
DUY <i>một sự-kIỆN kinh - tế lớn lao năm 1967 : kế - hoạch kinh-tế hậu-chiến</i>	19
NHẬT TIẾN <i>sinh-hoạt tiểu - thuyết một năm qua</i>	25
TRẦN THÁI ĐÌNH <i>Ba-lê, chiều hướng văn-học mới</i>	34
ĐOÀN THÊM <i>những ngày chưa quên : Anh và các em</i>	40
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>tình - hình văn - học Đài-Loan (từ 1949 đến 1958)</i>	51
ĐỖ BẰNG ĐOÀN và ĐỖ TRỌNG HUỀ <i>ngày Tết nhớ non Côi</i>	60
ĐOÀN THÊM <i>Xuân (thơ)</i>	66
ĐÔNG HỒ <i>ngồi đây thương nhớ họa bài thơ Xuân (thơ)</i>	66
ĐÔNG HỒ <i>hương gậy mùi nhớ (thơ)</i>	67
VÕ PHIẾN <i>chim và rắn</i>	71
LINH BẢO <i>tình và điện (truyện ngắn)</i>	88

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa-soạn :

160 Phan Đình Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133 Võ Tánh Saigon

GIÁ 50\$ Công sở : Giá gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

VÕ HỒNG <i>gió cuốn</i> (truyện dài)	97
MỘNG TRUNG <i>nhạc Việt ở xứ người : những chuyến đi</i>	104
MINH QUÂN <i>xuân ngừng lại bên ngoài</i> (truyện ngắn)	109
TRẦN HOÀI THƯ <i>một vì sao lạ</i> (thơ)	116
NGUYỄN VĂN TRUNG <i>Sartre trong đời tôi</i>	117
NGUYỄN TRỌNG VĂN <i>nghĩ về hiện tượng « Hippies »</i>	123
TRẦN QUÍ SÁCH <i>trên đời nhìn xuống</i> (truyện ngắn)	131
HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN <i>mùa xuân trên tóc</i> (thơ)	136
TRẦN HUIỀN AN <i>thảo mộc gian truân</i> (thơ)	137
NGUYỄN THỊ HOÀNG <i>thành - lũy hư vô</i> (truyện ngắn)	138
NHẤT PHIẾN BĂNG <i>bảy màu áo, bảy bài thơ</i>	146
TRẦN ĐẠI <i>khi mùa xuân tới</i>	148
TRẦN THỊ TUỆ MAI <i>lời đưa xa</i> (thơ)	158
HỒ MINH DŨNG <i>ngọn khô</i>	159
SINH HOẠT	
TRÀNG THIÊN <i>các giải thưởng văn chương Pháp : năm 1967</i>	160
TRẦN ĐẠI <i>ca quanh họ 36 điệu</i>	161
TRANH BÌA CỦA PHẠM THẮNG	

HỘP THƯ

Bách Khoa đã nhận được các bài sau đây :

Tuổi mộng du ; Lời già từ ; Hiện diện, Những ngày cuối năm, (Tâm Dương). Phiên khúc 20 ; Tôi yêu (Minh Anh), Cát, mây trời và vũng nước (Nguyễn-Hà,) Chiều mùa đông ; Nỗi ngờ ; Sáng tạo ; Tình ngoài hiên vắng, Phân trần ; Khi thức dậy ; Mặt Nguyễn-thị-Nguyệt ; Thứ nhận cùng anh, em đa vàng ; (Nguyễn-văn-Phụng). Cao nguyên ; Hôm nay (Hoàng-Điệp). Buồn vào tình yêu ; Mưa đêm thành phố ; Vùng mưa đêm ; Đôi mắt nhung huyền ; Khi em ra về (Duyên Thi). Chó hoang (Nhật Huyền-Thanh). Xuân về trong mắt Em ; Điềm bắt đầu ; Màu đen kỷ-niệm (Hoài Minh). Nhân đưa em đi làm xa về thăm nhà

(Sầm nghi Đông Trinh). Hát trong đêm. Bên via hè (Xuân-Tử). Cỏ lan (Bùi-ngọc-Tuấn). Tàn tích quê hương ; Tin về từ trận tuyến (Phạm-thị Lê-Khanh. Dòng sông ; Xa lạ (Bình-lệ-Phương). Nỗi niềm ; Thơ không đề (Việt-Hoài). Mưa trong lòng người ; Soi gương ; (Nguyễn lệ Tuấn). Mặt trời bay qua cánh đồng (Cao nhật Vũ). Hải cảng đêm ; Giác ngữ (Mạc-ly-Châu). Ngày ; Bây giờ ; Đi qua vườn ươm cây (Hồ-Minh-Dũng). Bài thơ khói thuốc ; Cầm thu tháng chín (Phạm-Doãn Điệp). Mùa xuân trên cao (Nguyễn-Trần Liêm-Phương).

Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ THƠ và trường hợp có thư riêng) thì các bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho, Đa tạ.

Các bạn thân mến

Năm 1967 vừa qua thực là một năm chật vật đối với sách báo xuất bản: Vật giá cao nhân công hiếm, sự chuyên chở lại khó khăn tốn kém. Thêm vào đó, giá giấy báo gần nửa năm tăng lên đột ngột. Tạp chí Bách Khoa, vì vẫn dùng loại giấy khổ lớn (65x100), mà loại này biến mất trên thị trường, nên phải mua giấy chợ đen suốt bảy tháng liền.

Trong những điều kiện khó khăn đó, tờ báo của quý bạn vẫn đứng vững được chính là nhờ lòng tin yêu bền chặt của bạn đọc và sự ủng hộ nhiệt thành của tất cả quý vị đã nhận thấy đường lối và nội dung hữu ích của tờ báo. Bởi vậy, lời nói đầu tiên của nhóm chủ trương, bước sang năm thứ 12 của tạp chí Bách Khoa, là lời chân thành cảm tạ quý bạn đọc và quý vị đã sốt sắng giúp đỡ bằng mọi cách (mua báo, cổ động, giới thiệu, đăng quảng cáo...) để tờ báo được tồn tại và phát triển.

Phải nhận rằng những trở ngại trình bày trên đây đã kìm hãm không ít sự cải tiến của tờ báo và giới hạn các cố gắng của ban biên tập. Cũng do những khó khăn của ngoại cảnh mà tòa soạn, trong năm qua, đã có rất nhiều sơ xuất, đôi khi làm phiền lòng những bạn bè thân nhất: số trang mỗi kỳ có hạn, nên nhiều bài giữ lại quá lâu mà không đăng được, thư trả lời các bạn cầm bút lắm khi rất trễ, ấy là không kể nhiều trường hợp thư từ cũng như báo chí gửi đi còn bị thất lạc nữa. Nhân dịp này xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn.

Ước vọng của tạp chí Bách-Khoa vẫn là ghi lại được tối đa những biến cố thời đại, những hiện-tượng đáng tìm hiểu, những kiến thức cần phổ biến, phản ánh được những luồng dư-luận, những nhận định cảm nghĩ về các vấn đề, sự việc đương làm băn khoăn bạn đọc. Mỗi quan tâm của tạp chí Bách Khoa vẫn là làm cho tờ báo bớt khô khan, nặng nề, lại sát với thời cuộc, luôn luôn giới thiệu được những cây bút mới đề bồi tiếp sinh lực cho cả địa-hạt khảo luận và sáng-tác.

Khó khăn trở ngại của mỗi năm bao giờ cũng là những thử thách cho bước trưởng thành của tờ báo. Với sự ủng hộ vững bền của bạn đọc tạp-chí Bách-Khoa, đã vượt qua được những cam go trong 11 năm qua, nên tin tưởng rằng sẽ thực hiện được hoàn hảo những ước nguyện của mình trong tháng năm sắp tới.

Nhân dịp tết Mậu Thân, kính chúc quý bạn một năm mới vui vẻ, may mắn và hạnh phúc.

BÁCH - KHOA THỜI - ĐẠI

Thơ **BÙI KHANH ĐAN**

XUÂN CA

Đường đi nở bước hoàng-hoa
Sông núi cao dâng ý thái-hòa
Ôi, đẹp một trời, tâm chí-sĩ
Ôi, hùng muôn thuở, nhịp trường-ca
Thơ xanh âm lại dòng xuân yếu
Rượu cũ say thêm cánh nguyệt già
Hỏi chuyện đời ư? Ba thước kiếm
Chàng lòng người thì cũng lòng ta

thi tứ xuân tình

Thơ đến mùa hoa, thơ kết tình
Hương thiêng muôn thuở vẫn hương tình
Đàn ru hoài niệm tơ tìm mộng
Chữ chuyền hào quang bút hóa linh
Vi gọi màu yêu là tuyệt sắc
Xin cho ý đẹp giữ nguyên hình
Đông Quân về ngự ngôi tiền định
Tất cả son vàng sẽ hiện sinh

Một năm thử thách

Trong năm 1967 vừa qua thế giới đã gặp nhiều cuộc khủng hoảng quan trọng. Khủng hoảng trong bang-giao quốc-tế, khủng-hoảng tại nội bộ quốc-gia, các cuộc khủng-hoảng này, dưới hình thức ngoại giao hay quân sự, đã luôn luôn tạo cho đời sống quốc-tế một tình trạng căng thẳng, một bầu không khí ngột ngạt.

Ở bất cứ một nơi nào trên thế giới cũng bày ra cảnh-tượng chia rẽ. Tuy nhiên, không một lúc nào hòa-bình thế-giới bị đe dọa trầm trọng vì các đại cường-quốc Nga, Mỹ đã tỏ ra đủ khôn ngoan để tránh mọi hành-động có thể gây nguy-hại tới tương-lai toàn thế giới. Như vậy năm vừa qua chỉ là một năm đầy thử thách. Các thử-thách này đã có tác dụng là giúp các nhà lãnh-đạo thế-giới ý thức được vai trò của mình trong đời sống và tương lai của nhân-loại.

Á-Châu : Những khó khăn của Trung Cộng

Cuộc Cách-mạng văn-hóa của Trung Cộng bắt đầu vào giữa năm 1966 vẫn tiếp tục vào đầu năm 1967. Cuộc cách-mạng này gây cho Trung-Cộng quá nhiều khó khăn đến nỗi vào cuối năm 1967 đã gần như phải ngừng phát triển. Cuộc Cách-mạng văn-hóa là một phần của chiến-dịch chống « bọn xét lại » do Mao-Trạch-Đôn, hướng dẫn. Lúc đầu Trung-Cộng hướng mọi nỗ lực vào việc đả kích Kroutchev và Tito, hai « tên xét lại » được

coi là nguy hiểm nhất cho chủ-nghĩa cộng-sản. Tới năm 1966 chiến dịch này hướng về nội-bộ để thanh trừng những đảng viên cộng sản còn lòng chùng thiều hăng hái. Nhưng cuộc cách-mạng văn-hóa đã gặp nhiều trở ngại tại Hoa-lục. Phe « chống Mao » đã hết sức chống đối phong-trào này, vì vậy trong suốt năm 1967, phe « chống Mao » đã nổi dậy ở Nam Kinh, Thượng-Hải, Tân-Cương, Quí-Châu, Tứ-Xuyên, Giang-Tây... Thọ thuyền đình công ở các đô thị lớn. Ngoài ra Vệ-binh đỏ đã phá hoại rất nhiều các guồng máy sản xuất nên tình hình kinh tế Trung Cộng bị sáo trộn hết sức. Mao-trạch-Đôn không còn làm chủ được tình thế ở Bắc kinh vì Lưu-thiếu Kỳ, chủ tịch Trung Cộng, và Bành Chân, Thị trưởng Bắc kinh, nắm hết mọi quyền hành. Vì vậy Mao đã quyết định phân công thanh lọc hàng ngũ đảng Cộng sản, bắt giam Bành Chân. Đầu năm 1967, cuộc thanh trừng vẫn tiếp tục. Ngày 11-1-67 Bạc-nhất-Ba Phó Thủ-tướng kiêm Tổng-trưởng Kế hoạch bị thanh trừng, và sau đó khởi xướng phong trào đả kích Lưu-thiếu-Kỳ. Cuộc thanh trừng hình như đã đi quá xa, vì vậy các tướng lãnh trong Hồng quân Trung-Cộng và cả Chu-ân-Lai cũng bị đả kích dữ dội. Chu ân Lai đã phải cố gắng rất nhiều mới làm dịu bớt được sự hung hãn của phe thân Mao. Cho đến

NHỮNG BIẾN-CỐ CHÍNH-TRỊ trên thế giới năm 1967

Tháng I

3, 4, 5—1 : Phe chống Mao nổi loạn ở Nam-kinh và Thượng Hải.

9—1 : Báo chí Trung Cộng tố cáo «bọn xét lại» Nga sô và Trung Hoa thông đồng với nhau.

10—1 : Đình công tại các đô thị lớn ở Trung Cộng.

11—1 : Bạc-Nhất-Ba, Phó Thủ tướng Trung Cộng, bị bắt giữ.

12—1 : Đảo chính tại Togo.

22—1 : Quân đội Trung Cộng can thiệp đàn áp phe chống Mao

26—1 : Quân đội Nam Dương yêu cầu Tổng thống Sukarno rút lui.

27—1 : Sinh viên Trung Cộng đụng độ với cảnh sát tại Paris.

31—1 : Biểu tình, do Trung Cộng tổ chức, trước tòa Đại-sứ Pháp ở Bắc kinh.

Tháng II

1—2 : Tây Đức tái lập liên lạc ngoại giao với Lỗ-ma-ni.

3—2 : Trung Cộng biểu tình trước tòa Đại sứ Nga. Đàn bà trẻ con Nga được tản cư khỏi Bắc-kinh.

8—2 : Nông dân Bắc Mãn-Châu nổi dậy chống chính quyền Cộng-sản.

14—2 : Biểu tình do Trung Cộng tổ chức trước tòa Đại sứ Cuba tại Bắc kinh.

22—2 : Tổng thống Sukarno trao quyền cho tướng Suharto.

Tháng III

9—3 : Bà Svetlana Staline xin tỵ nạn chính trị tại Tòa Đại sứ Mỹ ở Ấn Độ.

tận tháng 4 Mao mới làm chủ được tình thế vì Lưu Thiệu Kỳ tuy vẫn giữ chức vụ Chủ-tịch Nhà nước Trung cộng nhưng đã mất hết mọi quyền hành. Mao cũng cố được địa vị cũng là nhờ ở sự ủng hộ của quân đội. Nhưng khi ủng hộ Mao, quân đội đã được đưa ra nhiều điều kiện như là có quyền tự thanh trừng trong hàng ngũ quân nhân, cấm không được đả kích các tướng lãnh v.v... Do đó, quân đội đã trực tiếp can thiệp vào chính trị trong nước.

Đề dân chúng quên những khó khăn nội bộ, Mao Trạch Đông đã gây sự với các quốc gia khác. Chính phủ Trung Cộng tổ chức những cuộc biểu tình trước các Tòa Đại-sứ ngoại quốc. Lần lượt các Tòa Đại sứ Nga, Anh, Nam Dương, Miến-điện, Pháp, Ấn-độ Cuba.v.v... đều bị bao vây hoặc bị phá hủy. Nhiều nhân viên ngoại giao (Nga, Nam Dương, Ấn-độ bị trục xuất. Nam Dương đình chỉ mọi liên lạc ngoại giao với Trung cộng. Các phần tử thân Mao còn gây rối loạn tại các quốc gia lân cận như Nam Dương, Miến-điện và nổi loạn ở Hồng Kông. Các sinh viên Trung-cộng biểu tình ở Mạc-tư-khoa và Balê, các nhân viên ngoại giao Trung-cộng « xuống đường » đụng độ với cảnh sát Anh, Nga. Trung-cộng còn kêu gọi dân chúng lật đổ các chính phủ « phản động » ở Ấn-độ và Miến-điện. Tòa Đại-sứ Trung-cộng ở Tunis bị đóng cửa. Nói tóm lại Trung-Cộng đã gây sự rất nhiều với các nước khác, nên hiện nay Trung cộng đang bị cô-lập trên trường quốc-tế.

Lúc này tình hình Trung-Cộng đã tương đối được ổn định và phong trào Cách-mạng Văn-hóa cũng đã giảm bớt hẳn hoạt động. Nhưng có lẽ đó chỉ là một chiến-thuật hoãn-binh của Mao để

chuẩn bị cho tương lai mà thôi.

Nhưng ta thấy rằng Trung-Cộng càng gây rối với các nước lân-bang thì các nước này càng xa lánh. Trước đe dọa của Cộng-sản Trung-hoa, Ấn-độ và Miến-điện đã bỏ chính sách Trung-lập thân Cộng để tiến dần về phía Tây-phương. Nhật cũng đã tuyên bố ủng hộ Mỹ tại Việt-Nam. Sau khi thăm viếng nhiều nước Á-châu, Thủ tướng Nhật Sato đã tuyên bố hoàn toàn ủng hộ sự tham chiến của Mỹ tại Việt-Nam. Nhưng để cho dân chúng Nhật chấp thuận chính sách này, Nhật đã chính thức đòi lại các quần đảo Bonin và Riu-Kiu.

Âu-châu: Ý - chí độc - lập vẫn bành trướng mạnh

Chia rẽ không kém gì Trung Cộng, các quốc-gia Âu-Châu năm vừa qua đua nhau chủ trương đường lối độc lập đối với Mỹ. Pháp đã rút khỏi khối phòng thủ Bắc Đại-Tây-Dương. Tổng hành-dinh của khối này đã phải rời Fontaine-bleau sang Bỉ. De Gaulle lúc nào cũng ngại Mỹ làm bá-chủ thế-giới nên đã luôn luôn tìm cách phá Mỹ. Trước hết ông quyết định rút khỏi khối Bắc Đại-Tây-Dương để làm cho khối này bị suy yếu. Theo De Gaulle, giảm lực lượng của khối phòng thủ Bắc Đại-Tây-Dương tức là làm suy yếu một công-cụ mà Mỹ dùng để chế ngự Âu-Châu. Tháng 6 vừa qua, khi chiến tranh bùng nổ giữa Ả-Rập và Do-Thái, De Gaulle đã không ngần ngại hy sinh tình thân-hữu cũ truyền Pháp — Do-Thái để ủng hộ Ả-Rập. Ông cho rằng Do-Thái chỉ là tay sai của Mỹ nếu để cho Do-Thái thắng thì Mỹ sẽ làm chủ vùng Trung-Đông và nền độc-lập của Âu-Châu bị đe dọa. Ông còn đổ lỗi cho Mỹ đã gây nên cuộc chiến Trung-Đông: theo ông «sự tham chiến của Mỹ ở Việt-Nam là nguyên nhân chính của chiến tranh Trung Đông, vì

một cuộc chiến-tranh này luôn luôn dẫn tới một cuộc chiến-tranh khác.»

Đầu tháng 7 khi sang thăm Gia-nã-đại De Gaulle lại còn có một hành động không tiền khoáng hậu trong lịch-sử ngoại giao thế giới là đòi giải phóng Québec, một tiểu bang của Gia-nã-đại có đông dân cư gốc Pháp. Tuy chính phủ Ottawa đã tỏ ra hết sức có thiện chí, sự giao hảo giữa Pháp và Gia-nã-đại, hai quốc gia đồng minh trong Khối phòng thủ Bắc Đại-Tây-Dương, đã trở nên lạnh nhạt.

Đầu năm 1967, Anh đã chính thức xin gia-nhập Thị - trường chung Âu-Châu. Sáng kiến này, thay vì củng cố tinh thần đoàn kết Âu-Châu lại có hậu quả là làm cho Âu Châu thêm chia rẽ. Tuy Anh chịu từ bỏ cuộc sống cũ truyền bên lề Âu Châu, Pháp vẫn không chịu vì theo De Gaulle, Anh còn quá lệ thuộc Mỹ; nếu Anh được gia nhập Thị-trường-chung, Mỹ sẽ dùng Anh để chi phối lục-địa Âu-Châu, điều mà De Gaulle đã-phá từ nhiều năm nay. Để thỏa mãn lời yêu cầu của De Gaulle và cũng để áp dụng một chính sách kinh tế mạnh mẽ, Anh đã phải hạ giá đồng Anh-kim xuống 14,3% ngày 18-11 vừa qua. Nhưng Pháp vẫn nhất định dùng quyền phủ quyết để ngăn cản không cho Anh gia nhập Thị trường chung. Nhưng 5 quốc gia hội viên khác lại muốn Anh gia nhập để giới hạn bớt uy thế của Pháp. De Gaulle hiểu như vậy nên đã bắt các quốc gia này phải chọn giữa Pháp và Anh, nếu Anh vào, Pháp sẽ ra. Chính sách cứng rắn của Pháp đã có kết quả là phân-hóa các quốc gia Âu Châu nói riêng và các quốc gia Tây phương nói chung.

Thái độ của Tây Đức cũng tỏ ra không kém độc lập. Từ khi lên cầm đầu một chính phủ liên hiệp Thiên-Chúa giáo — Xã-hội, Thủ tướng Đức Kiesinger đã tìm cách hoạt động riêng rẽ. Ông tự ý

10—3 : Bà Indira Gandhi được tái cử Thủ tướng Ấn Độ

11—3 : Tướng Suharto chính thức thay thế Tổng thống Sukarno

12—3 : Biểu tình của Trung Cộng trước tòa Đại sứ Nga ở Bắc-kinh

19—3 : Hai nhà ngoại giao Nga bị Trung Cộng trục xuất

21—3 : Cuộc trao đổi thư từ giữa Tổng Thống Johnson và Hồ-chí - Minh được công bố.

Tháng IV

21—4 Đảo chính quân sự tại Hy-Lạp

Tháng V

22—5 : Biểu tình của phe thân Mao ở Hồng Kông.

Lãnh sự quán Anh ở Thượng Hải bị đóng cửa.

30—5 : Ly khai tại Nigeria : thành lập quốc gia Biafra.

Tháng VI

5—6 : Chiến tranh Trung Đông giữa Ả-Rập và Do Thái

12—6 : Tình trạng căng thẳng giữa Trung Cộng và Ấn Độ. Nhiều nhân viên ngoại giao của Ấn Độ bị Trung-Cộng trục xuất.

15—6 : Biểu tình trước tòa Đại sứ Trung Cộng ở Tân-Đề-Li. Nhiều nhân viên ngoại giao Trung Cộng bị thương.

17—6 : Trung-Cộng cho nổ bom kinh khí

20—6 : Cảnh sát Ấn bao vây tòa Đại sứ Trung Cộng tại Tân-Đề-Li.

23—6 : Hội nghị thượng đỉnh Johnson-Kossyguine tại Glassboro (Hoa-Kỳ).

28—6 ; Tình trạng căng thẳng giữa Miến Điện và Trung Cộng. Trung Cộng kêu gọi nhân dân Miến và Ấn lật đổ chính phủ « phản động » của họ.

giảm kinh-phí quân sự, khiến sự góp phần của Tây-Đức vào công cuộc phòng thủ chung của Khối Bắc Đại-Tây-Dương bị giảm đi nhiều. Ông Kiesinger lại còn tỏ ra thân-hữu với các quốc gia cộng sản Đông-Âu. Ông đã tái lập liên lạc ngoại giao với Lỗ-ma-ni và ông cũng đã đề nghị trực tiếp thương thuyết với Đông-Đức. Chính-sách này đã đi ngược với đường lối của Mỹ và vì vậy làm suy yếu lực lượng Khối Bắc Đại-Tây-Dương.

Khối cộng sản cũng không kém chia rẽ ở Âu-Châu. Các quốc gia cộng sản Đông Âu cũng tỏ ra bướng bỉnh đối với Nga. Thủ tướng Lỗ-mã-ni Manescu chấp thuận xiết chặt bang-giao với Tây-Đức, từ chối không chịu ủng hộ đường lối của Nga trước vấn - đề Trung-Đông. . . Nga không những gặp khó khăn với Trung Cộng mà còn bị mất dần ảnh hưởng tại các nước Đông-Âu. Nga đã phải đề cho Ả-Rập thua trận mà không dám can thiệp, vì vậy mà thế-lực của Nga dần dần bị suy giảm. Khối cộng-sản đã mất tính cách đồng-nhất ngày trước. Tháng 11 vừa qua, khi các phái đoàn đại biểu các đảng cộng-sản trên toàn thế-giới tới dự lễ kỷ-niệm 50 năm Cách-mạng tháng 10, Nga đã thất bại trong việc toan tính triệu-tập một hội-nghị cộng-sản thế-giới đề lên án Trung Cộng.

Trung-Đông và Phi-châu : đảo-chính và chiến tranh nóng

Khủng hoảng trầm trọng nhất là cuộc chiến-tranh bùng nổ ngày 5 tháng 6 giữa Ả-Rập và Do-Thái. Trước sự bao vây của các quốc-gia Ả-Rập đông đảo, Do-Thái đã tấn công trước và đã hoàn toàn chiến-thắng. Sau 5 ngày chiến tranh, quân đội các quốc gia Ả-Rập bị tiêu-diệt hoàn toàn. Do-Thái đã đóng quân

trên nhiều lãnh-thò Á-Rập và tỏ ý muốn chiếm giữ để bảo-đảm an-ninh cho tương-lai. Trong cuộc chiến tranh này uy-tín của Mỹ đã lên cao và Nga đã phải nhượng bộ không can thiệp. Tuy ngoài mặt lên án Do-Thái một cách nặng nề, Nga vẫn bất động, không làm gì để giúp dân Á-Rập lật ngược thế cờ. Tuy thắng, nhưng Mỹ đã hết sức tránh không khai thác lợi điềm của mình. Kossyguine, Thủ tướng Nga, sang Huê-kỳ đã làm cho các quốc-gia Á-Rập hoàn toàn thất-vọng khi ông hội-đàm với Tổng-Thống Mỹ Johnson tại Glassboro để tìm cách dàn xếp mọi vấn đề quốc tế một cách hòa-hoãn.

Tuy cũng có kẻ thù chung là Do-Thái, các quốc gia Á-Rập vẫn chia rẽ. Họ không cùng một quan-niệm về thái-độ đối với Do-Thái. Quốc-vương Hussein xứ Jordanie muốn thương-thuyết, nhưng các quốc-gia Algérie và Syrie lại tỏ ra hết sức cứng rắn trước chuyện điều đình. Các quốc gia sản xuất dầu hỏa muốn hòa để bán dầu, nhưng các quốc-gia Á-Rập khác lại chủ chiến. Tuy nhiên các quốc gia chủ chiến cũng không dám ra mặt chống đối các nước sản xuất dầu hỏa vì họ còn phải lệ-thuộc vào viện trợ của các quốc-gia này. Lợi dụng sự chia rẽ của đối phương, Do-Thái đã tìm phương-thế củng cố chiến thắng của mình bằng cách không chịu trả lại các đất đai đã chiếm được.

Tại Phi Châu sự chia rẽ cũng không kém phần trầm trọng. Các quốc gia Hắc Phi vẫn tiếp tục mắc «bệnh trưởng thành» (crise de croissance). Đảo chính tại Togo, nội chiến tại Nigeria, là những triệu chứng rõ rệt nhất của căn bệnh này.

Mỹ Châu : Hoa Kỳ lúng túng

Tại Mỹ châu, Hoa Kỳ trong năm vừa qua đã thu được nhiều thắng lợi, nhưng

cũng không tránh khỏi tình trạng lúng túng.

Cuộc chiến tranh Việt Nam vẫn tiếp diễn khiến Hoa-kỳ phải tiếp tục hy sinh nhân mạng và tài sản. Tuy bên ngoài lực lượng của Mỹ mạnh mẽ hơn bao giờ hết, nhưng bên trong, chính phủ Hoa Thịnh Đốn gặp khá nhiều khó khăn. Phong trào phản chiến bành trướng mạnh và sự kỳ thị chủng tộc đã là nguyên nhân của nhiều cuộc nổi loạn của dân Mỹ da đen trong suốt mùa Hè 1967. Tổng thống Johnson, trước viễn tượng của cuộc bầu cử Tổng thống 1968, đã cố tìm cách giải quyết hai vấn đề quan trọng nhất trong đời sống quốc gia là chiến tranh Việt Nam và kỳ-thị chủng-tộc.

Mỹ-châu la-tinh cũng chia rẽ không kém. Các quốc gia bị phe cộng sản Castro đe dọa đang dồn mọi nỗ lực để chống Cộng. Nhưng các đảng cộng sản tại các nước Mỹ-châu la-tinh cũng không nhất trí và chia ra làm 2 khuynh hướng chính : thực hiện cách mạng một cách ôn hòa và thực hiện cách mạng bằng võ trang bạo động. Hội nghị « Các dân-tộc Mỹ-châu đoàn kết » đã cho ta rõ những lúng túng nội bộ của phe cộng sản Mỹ-châu. Ngoài ra Fidel Castro, lãnh tụ phong trào cách mạng cộng sản, lại bất đồng ý kiến với cả Nga và Trung-Cộng. Hơn nữa, phong trào cộng sản Nam Mỹ còn bị suy yếu vì cái chết của Che Guévara tại Colombie ngày 8-10-1967 vừa qua.

Vai trò lãnh đạo của Nga và Mỹ

Trong những cuộc thử thách trình bày trên đây cả Nga và Mỹ đều tỏ ra hết sức khôn ngoan. Cả hai đều không muốn gây ra một cuộc tự sát của nhân loại nên đã cố gắng liên kết với nhau để xây dựng nền hòa bình thế giới trên một căn bản vững chắc. Nga để mặc cho Mỹ hành

Tháng VII

12—7 : Lưu Thiểu Kỳ tự kiểm thảo.

23—7 : De Gaulle sang thăm Gia-nã-đại, đòi độc lập cho Québec.

— Người da đen nổi loạn ở Detroit (HK)

31—7 : Khai mạc Hội nghị "Các dân tộc Châu-Mỹ la-tinh đoàn kết".

Tháng VIII

14—8 : Nhiều cuộc đụng độ xảy ra giữa 2 phe thân Mao và chống Mao tại Giang Tây, Hồ Nam, Tứ xuyên...

17—8 : Vệ binh Đỏ phá lãnh sự quán Nga ở Bắc-kinh

22—8 : Vệ binh Đỏ đốt cháy tòa Đại sứ Anh ở Bắc-kinh.

Tháng IX

26—9 : Trung Cộng đóng cửa tòa Đại sứ ở Tunis

Tháng X

8—10 : Nam Dương đình chỉ liên lạc ngoại giao với Trung cộng.

«Che» Guevara bị tử thương tại Bolivie

Tháng XI

7—11 : Kỷ niệm 50 Cách mạng tháng 10 tại Liên-xô.

15—11 : Tranh chấp đẫm máu giữa Thổ Nhĩ-Kỳ và Hy-Lạp tại Chypre

18—11 : Đồng Anh-kim hạ giá 14,3%

26—11 : Hy-Lạp nhượng bộ rút quân khỏi Chypre

Tháng XII

13—12 : Quốc vương Hy-Lạp mưu toan lật đổ chính phủ quân nhân bất thành đã trốn ra nước ngoài.

16—12 : Cuộc nổi loạn quân sự tại El Affroun (Algérie) đã bị dẹp tan.

động ở Việt Nam và Trung Đông. Ngược lại Mỹ cũng hết sức giúp Nga bằng cách không khai thác việc bà Svetlana Staline sang Mỹ chọn tự do. Người ta có cảm tưởng rằng cả Mỹ và Nga đang tìm cách giải-quyết chung những vấn đề quốc tế quan trọng. Hội nghị thượng đỉnh Glassboro ngày 23/6 tỏ cho ta biết rằng Mỹ và Nga muốn chia nhau vai trò lãnh đạo thế giới. Hơn nữa cả hai nước đang hoạt động mạnh mẽ để đi tới một Hiệp-ước cấm không phổ biến vũ-khí nguyên-tử (Traité de non dissémination des armes nucléaires) là một nỗ lực của cả hai bên để giữ độc quyền dùng loại vũ khí này.

oOo

Những thử thách chính trị trong năm vừa qua tuy đôi khi có phần gay go nhưng không một lần nào đe dọa hòa bình thế giới một cách trầm trọng. Những thử thách này đã giúp cho các nhà lãnh đạo thế giới ý-thức được tầm quan trọng của mỗi vấn đề quốc tế. Vì vậy ta có thể tiên đoán rằng sẽ không có biến chuyển nào quan trọng xảy ra khả dĩ có thể đưa tới một cuộc Thế chiến. Ngược lại, những vấn đề có tầm quan trọng nhỏ hơn sẽ được giải quyết. Tại Á Châu, vấn đề Việt Nam sau nhiều cuộc thử thách sẽ dần xếp ổn thỏa. Tại Âu Châu, Pháp sẽ được phải nhượng bộ cho Anh gia nhập Thị trường chung. Và vai trò lãnh đạo của Mỹ và Nga sẽ còn được tăng cường trong năm mới.

TỪ TRÍ

17—12 : Thủ-tướng Úc chết đuối tại ngoài khơi hải-cảng Victoria.

— Đảo chánh ở Dahomey.

24—12 : Trung-Cộng cho nổ trái bom nguyên-tử thứ 7.

Qua một năm...

Bút-ký của LÊ-TẮT-ĐIỀU

Tháng I :

Chuyện hưu chiến mỗi năm gây trong lòng người một chút cảm-động, tin tưởng mơ hồ. Hận thù có một chút kẽ hở để thở. Hai phe như gần gũi hơn, có một điểm gặp gỡ, có vài sự kiêng nể chung. Dân gian truyền tụng vài giai thoại về ngày hưu chiến, đề cao sự tôn trọng lời cam kết của bên ta, bên địch. Nhờ sự thêm thắt của những tâm hồn khát khao hòa bình, vài giai thoại thật đẹp, thật hiền, tưởng như người ta vừa buông súng xuống bỗng biến ngay thành một nông dân hiền lành, người cùng một nước nhìn nhau như anh em.

Trên mặt báo xao xác những lời tuyên bố tin tưởng : hy vọng có thể kéo dài hưu chiến, từ cái đà hòa bình gần gũi đó người ta có hy vọng nhảy tới một cuộc ngưng chiến lâu bền hơn,

Nhưng món quà đầu năm này lại chỉ là món quà xa xỉ. Sự vi-phạm hưu chiến tăng lên đến con số 135 vụ. Phe địch bắn con chim hòa bình nhỏ xíu bằng đủ thứ vũ khí : súng mìn và bằng đủ chiến thuật : pháo kích, phục kích.

Phong trào vệ binh đỏ đột ngột nổi lên. Nhiều người hân hoan, thú vị và hơi tin tưởng. Tai họa chụp xuống đầu anh không lồ Tàu đỏ? Liệu có vì thế mà anh ta bước ngã nghiêng, chơi vơi? Nếu bỗng dưng bệnh nội thương này làm anh ta yếu đuối, sa sút thì dân tộc mình cũng có cơ được nhờ? Vài cụ già di cư, đã tuyệt vọng về ngày trở về xứ Bắc đang cảm thấy Thiên đường gần mình hơn Hà nội, bỗng vui tươi chút đỉnh. Chắc trời giúp mình đây!

Nhưng những niềm hy vọng bé nhỏ, ngây thơ nhất cũng sớm tàn. Nghe chuyện mấy chú vệ binh đỏ múa may, chém giết ở mãi bên Tàu chẳng được lâu, mọi người lại bị lôi về thực tại vì câu chuyện nhà.

Chuyện nhà có một ông Trung Tướng ra đi rồi chẳng được về. Lúc khởi hành, ông là ông tướng công du, kèn trống rập rình đưa rước, ba quân nghiêm chỉnh giàn chào. Khi ông lơ lửng giữa trời trên đường hồi hương, toàn dân đã được thông báo ông chỉ là một tên ăn cắp của công, tham nhũng, thối nát. Phi trường được sửa soạn để đón ông theo nghi lễ đặt biệt rất đáng ngại nếu ông nhất định không chịu bắt chước tráng sĩ Kinh Kha. Ông tướng đành trở lại quê người. Không hiểu xứ đó người ta kinh ngạc đến thế nào khi thấy vị quốc khách hóa thân thành kẻ tội lỗi ngập đầu.

Tháng hai :

Thượng nghị sĩ Fulbright đặt câu hỏi cho bộ Quốc Phòng Mỹ : « Tại sao không oanh tạc cái xe đạp vì Bắc Việt chuyên chở, tiếp tế bằng xe đạp? »

Bản tin không ghi rõ là ông này có ý mỉa mai, xỏ xiên gì chẳng. Hay chính ông bị người ta loan truyền một câu nói hớ, làm cảm đề chứng tỏ cái miệng ông nhiều lúc cũng thiếu gang, thiếu thép. Trước đây cũng có một ông tuyên bố một câu ly kỳ, và bất ngờ. Ông ta đề nghị hãy thả xuống Bắc Việt những quân xi «bích» vì những quân bài này mang dấu hiệu xui xẻo. Biết đâu món đồ nghề của dân cờ bạc này chả làm cho tụi Bắc Việt mặt vận, rồi chúng sẽ sợ cháy túi mà ngồi vào bàn hội nghị. Báo chí đăng những câu tuyên bố nghiêm chỉnh một cách hài hước đó lên rồi cũng chẳng bàn tán, chú thích gì thêm, chắc thời cuộc làm tắt cả bận túi bụi, quên cả cười. Các nhân vật quan trọng của người anh em nước bạn, đồng minh lên tiếng hơi nhiều. Nói nhiều thì cũng có lúc lú lờ, phát ngôn nhằm nhí hoặc trẻ con. Chỉ tiếc những câu đó cũng được loan đi khắp thế-giới, lọt cả vào tai đám công dân Việt-Nam đau khổ.

Quân nhân, công chức không bị ai đem xi «bích» oanh tạc lên đầu nên được một cái hên nhỏ. Nhờ ơn mưa móc, tất cả được quyền quyết luôn món tiền vay tết. Nhưng gạo muối cũng vui mừng, chúng nó nhất định chia sẽ ân huệ ấy. Giá gạo tăng vùn vụt. Các bà mẹ trong gia đình nhăn nhó suốt tháng, chạy ngược chạy xuôi, nhìn ngày mai một cách kinh hãi, không biết những bao gạo tiếp tục treo cao giá ngọc ở đâu. Trong một vài gia đình đông con, ông gia trưởng tự đứng ca tụng một cách nhiệt thành món cơm gạo lúc muối mè, Lũ con nhỏ không đủ kiên nhẫn để nhai cơm lai rai cả ngày nên phản đối âm i một cách rất trần tục, thiếu căn cứ.

Tháng Ba :

Nhiều cuộc biểu tình chống nguy hòa được phát động tại mấy trường trung học công lập lớn. Ý nghĩa sự lên tiếng tập thể này thoạt tiên có vẻ như chính đáng. Nhưng thiếu món lựu đạn cay và dùi cui của chính phủ, các vụ xuống đường trở nên sôi nổi một cách nhạt nhẽo. Ở một trường nọ có ông giám thị xoay tròn ra hì hục làm việc cả buổi trưa để kẻ biểu ngữ chống nguy hòa. Ông này thuộc loại chuyên nghiệp xuống đường hoan hô Tổng Thống anh minh và đá đảo cộng sản độc tài, gian ác. Sự đóng góp tiếng nói một cách công khai và nhiệt thành của ông do đó đã làm cho sự chống đối bộc lộ chân tướng quá sớm. Tường thuật một vụ bãi khóa tại một trường nữ trung học một phóng viên đã kết luận bằng hình ảnh các nữ sinh bãi khóa, sau cuộc phỏng vấn, vui vẻ rủ nhau đi ăn quà vặt.

Trong khi đó, giá gạo vẫn leo thang cùng nhịp độ với chiến tranh.

Tháng Năm :

Ông Đạo Dừa và sáu đệ tử vượt biên giới, trốn sang Cao Miên quyết tâm tìm hòa bình về cho xứ sở. Thiện chí cao đẹp ấy lại không được nhà nước láng giềng hoan nghênh. Họ lừa hết cả đám thầy trò ông Đạo vào nhà giam, nuôi ít ngày rồi tính chuyện trả phái đoàn hòa bình về nguyên quán. Cuộc giao trả dĩ nhân này diễn ra ở Tây-Ninh.

Ông Đạo xuất hiện trên mặt báo mỗi năm vài lần, thường là đề kỳ kèo đòi nhà cầm quyền cho xuất ngoại. Ông ngồi chờ trước dinh chủ tịch, bao giờ vị chủ

tịch cũng đi vắng suốt thời gian tinh tọa chờ đợi của ông. Thịnh thoảng có vài con vật nhỏ xuất hiện cạnh ông để yểm trợ cho chương trình tìm kiếm hòa bình, khởi sắc nhất là con mèo chịu chơi với mấy con chuột. Báo chí loan tin một cách nghiêm chỉnh hoặc giấu cợt để cười cũng được. Hình như ông Đạo không bao giờ nản chí.

Một lần ông ngồi trên lễ đường, trước dinh chủ tịch, gần trường Văn khoa. Vài sinh viên tò mò, đứng trong câu lạc bộ nhìn ra, được đệ tử ông Đạo phát cho một gói truyền đơn. Truyền đơn in trên khổ giấy bằng tờ chương trình của mấy rạp chiếu bóng, màu đỏ. Hình ông Đạo Dừa in chính giữa rất rõ. Dung mạo ông trong hình uy nghi, tóc búi, trán cao, mắt sáng. Vài sinh viên liên tưởng đến các phim kiếm hiệp Nhật. Họ thử vẽ cho ông một thanh gươm đeo chéo trên lưng, thấy ông cũng hùng không thua gì chàng hiệp sĩ thích giang hồ trong mưa gió.

Ông Đạo long đong vất vả. Sự kiên nhẫn, lòng thiết tha của ông nhiều khi cũng gây xúc động. Tiếc rằng sản chim hòa bình, thiên hạ vẫn cho là phải dùng súng. Nên không mấy ai tin tưởng rằng tâm thành của ông có thể đạt tới hòa bình.

Tháng Sáu :

Thượng đế muốn cứu vớt những linh hồn sớm được về dưới chân ngài nhờ chiến tranh, phải hướng thêm một bàn tay đón nhận về một điểm nữa trên mặt địa cầu. Việt Nam mất độc quyền sản xuất khói lửa. Thế giới xôn xao về một tiết mục quan trọng, một nỗi lo âu mới. Do Thái Ai Cập choảng nhau, choảng nhau tận tình! Báo chí tạm quên chiến cuộc Việt Nam hoặc gạt nó vào hai ba cột nhỏ để lo dọn món ăn mới lạ cho độc giả.

Việt Nam thì chả bao giờ quên đóng góp thêm phần khổ ải của mình trong thảm-kịch mới. Các bà nội trợ dùng dùng kéo nhau ra khỏi nhà, chen chúc đi mua dầu tây về dự trữ.

Tháng Bảy, tháng Tám :

Cuộc vận động bầu cử, tranh cử gây nhiều hiện tượng đặc biệt. Mọi người không choáng mắt vì sắp có chính quyền dân cử mà hoa mắt, xôn xao vì không biết những món tiền khổng lồ được tung ra sẽ được phân tán, rơi rớt như thế nào.

Giới nhà in chắc ăn nhất, phần lớn dồn toàn lực vào cuộc in bích chương. Sách vở đưa thuê in được gác lại. Văn hóa khép nép chui vào một học tủ nằm giương đôi mắt khiếp hãi nhìn ông khổng lồ chính trị bước tới một cách vững mạnh. Món tiền in một cuốn sách, dù đã leo thang theo thời cuộc một cách đầy thiện chí, lúc này cũng trở nên quá khiêm nhượng khiến các tác giả mất hết cả quyền ăn nói trước ông, bà chủ nhà in.

Nhưng cuộc bầu cử còn tỏ sự hào phóng bằng rất nhiều cách. Giới trẻ, một phần lớn, cũng đổ xô đi tìm tiền hoặc tiền tự ý tìm đến họ. Bỗng dưng, khối anh giật mình phát giác ra rằng mình có tài làm đại diện cho một liên danh. Có anh hàng chục năm nay cần cù sống đời công chức bây giờ thấy lanh lợi hẳn, tươi cười với đồng nghiệp, úp mở tiết lộ rằng anh có chân trong một chính đảng, hiện

ủng hộ một liên danh X. Một ông giáo sư khác thì cả ngày chạy ngược chạy xuôi với cái cặp đũa ấp tuyên ngôn, tiểu-sử. Có người trả lời thành thật khi được hỏi : «Kề ra cũng cầm được ba trăm ngàn đấy, nhưng còn chi phí, vận động chứ». Có anh than thở một cách hài lòng : «Hàng chục thằng chia nhau, phần tao có chừng chục ngàn, cũng đỡ.» Người taxi xào đồn là vài liên-danh được ngoại bang trợ cấp hàng trăm triệu, theo họ thì chóng mặt lắm. Nhưng phần lớn đã chạy theo tiền một cách rất có lập trường vững chắc. Nghĩa là họ chỉ nhận tiền phục vụ những liên danh họ mới khám phá ra là thuộc «cánh ta». Chưa bao giờ dân chạy cò lại làm ăn phát đạt tới mức đó.

Bích chương đầy ăm ắp những khuôn mặt quen, lạ. Trên tường, trên thân cây không còn một chỗ nhỏ cho những tờ giấy quảng cáo bình thường. Người ta liên tưởng đến một đám cháy rừng. Voi, cọp, báo, rắn rết, thỏ, khi đều được lửa khói lừa ra, chạy tứ tung.

Tất cả được trình diễn, hiện nguyên hình. Không có một danh từ nào thuộc loại cứu quốc, kiến quốc bị bỏ quên. Sự khéo léo lừa phỉnh hay sự vụng dại nghề nghề nằm cạnh nhau, được rải ra khắp nơi. Dàn chúng phát ngáy, tưởng có thể nôn ói ra tuyên ngôn, chương trình.

Máy truyền hình lại đưa các liên danh đến từng gia đình, trình diễn một cách lễ phép. Thứ máy này dùng cho người ta những sự phản trắc hết sức bất ngờ. Một nghệ sĩ được cảm tình của thính giả vô tuyến truyền thanh qua mục thi văn Tao Đàn, khi diễn xuất trước ống kính truyền hình lại khiến khán giả quên mất là anh đang ngâm thơ, cứ nhất định búi ngùi cảm động và không dám nhìn anh vì thấy anh nhăn nhó diễn tả, làm ăn có vẻ vất vả, cực nhọc quá. Rất nhiều ứng cử viên chịu chung cái số phận hẩm hiu đó.

Một vị có thành tích cách mạng, tranh đấu, hiện còn là lãnh tụ của một chính đảng, thỉnh thoảng được báo chí nhắc nhở. Nếu khéo tuyên truyền người ta có thể gắn vào quá khứ vào tài năng của ông một số huyền thoại và chắc được nhiều người tin cậy. Nhưng ông xuất hiện trên màn ảnh TV, mặt ông phì nộn, háu ăn và dễ nuôi quá. Ông lại chào cái ống kính một cách quá lễ phép đến độ như hơi bần tiện. Ông nói hay và hùng, nhưng cặp môi ông dày cộm khiến người ta nghĩ đến những miếng thịt bò mà chắc ông tiêu thụ một cách tự nhiên và thường xuyên. Sự tổng hợp tất cả những ý nghĩ, quan điểm lộn xộn đó của khán giả làm giảm uy tín của ông không ít.

Thêm vào đó là cái kỹ thuật còn phôi thai của việc thu, phát hình. Có liên danh xuất hiện với mười nhân vật hom hem, đen thui. Có ông đại diện lùn xùn, có ông hình ảnh bị kéo dài cao nhòng. Có ông cái trán cứ trơ ra, bóng nhẫy phản chiếu ánh đèn lấp lánh như xoa mỡ. không biết do vô tình hay cố ý, thỉnh thoảng đài lại truyền đi một đoạn phim câm. Ông ứng cử viên múa men tổ chức phủ cái này, chủi chính phủ điếm nọ. Sắp tới đoạn gay cấn bỗng thấy ông chỉ múa, môi mấp máy mà chẳng ra lời, rồi chợt ông nhảy nhót loạn xạ vài giây và hóa thân thành cái vòng tròn điều chỉnh có cái đầu anh mọi da đỏ Huế Kỳ. Cả một câu chuyện cứu quốc, nghiêm chỉnh nhiều lúc biến thành trò chơi lô bịch của vài ông chuyên viên. Một số ứng cử viên hứa hẹn những điều hoang

đường như muốn đổ dành con nít, vài người nói năng ngược ngạnh như chưa hề nói bao giờ. Nhưng không vì thế mà các nhà trí thức khác diễn xuất nổi bật hơn. Họ cũng chấp chừa tạo những hình ảnh mờ nhạt trong lòng người.

Vài cụ già thích nói chuyện 'hồn thiêng sông núi', ưa truyền tụng những giai thoại lạ lùng, lúc nào cũng tin tưởng một cách lạc quan rằng 'nước ta còn nhiều người tài, họ còn chờ thời, chưa chịu xuất đầu lộ diện đấy thôi', giờ cũng có vẻ bán khoán. Bá quan văn võ xuất hiện đông đủ cả và chưa hứa hẹn một ngày mai sáng sủa. Báo chí lại nhắc nhiều đến món tiền vận động khá lớn đang bị tiêu phí.

Đám thanh niên ngại nghe chuyện bầu cử, ít khi theo dõi các cuộc nói chuyện của ứng cử viên, một buổi tối bỗng dán mắt vào màn ảnh truyền hình. Ông ứng cử viên già khoe rằng mình là đàn anh của Hồ Chí Minh. Nếu đắc cử cụ chỉ sai đàn em ra nói chuyện, giàn xếp với lão Hồ là hòa bình có ngay. Nói xong ông lão lại mỉm cười thích thú. Đám khán giả trẻ cười rú lên từng hồi, vắng tục bữa bãi quên hết cả sự tôn kính tối thiểu dành cho tuổi già.

Một phần lớn tội lỗi cũng ở cái Ti-Vi.

Một bông hoa nhỏ xiu của văn hóa đã đại dột chọn đúng mùa bầu cử để nở nên ít được chú ý : giữa tháng bảy Ủy Ban điều chế văn tự được thành lập. Nhiều vị tai to mặt lớn cũng như một vài vị hình như có hoạt động văn hóa được mời họp tại phủ Phó Thủ tướng đặc trách văn hóa, xã hội. Kết quả di nhiên chẳng thể có ngay. Làm văn hóa là việc lâu dài, vội gì. Và lại, mọi người còn chờ đợi vị Tân Tổng thống. Ai dại gì làm những việc có thể bị hủy bỏ bất ngờ.

Dân chúng cũng xôn xao về tình trạng chênh vênh của các vị công chức cao cấp. Cái ghế của họ bấp bênh như được đặt trong lòng tea một chuyến tàu vét. Ý muốn kiểm chác này nở mạnh trên hoàn cảnh chênh vênh ấy. Nghe nói chỗ nào cũng có tham nhũng. Tham những sợ ai và ai bắt tham những bây giờ ? Người dân chột tìm thêm được một kinh nghiệm sống mới : một ông to có thể tác hại với hiệu năng cao nhất vào lúc ông sắp thành ông nhỏ. Những vị công chức chỉ bê trễ công việc để 'chờ xem' lại là những vị có lương tâm chức nghiệp và trong sạch nhất.

Tháng Chín :

Sinh viên mở màn bãi thi chống bầu cử gian lận, căng biểu ngữ tại trụ sở đường Duy Tân tỏ ý ngờ rằng bầu cử chỉ là cách hợp thức hóa một chính phủ tiền chế. Các liên danh thất cử họp báo khiếu nại. Các vị thượng tọa ở chùa Ấn Quang tự nhiên cũng thấy cần phải chống hiến chương mới một cách quyết liệt hơn và tiện thể cũng móc thêm một câu tán thành việc chống bầu cử. Có dọa xuống đường, có Thủ tướng Kỳ lên tiếng đe trước : sẽ dùng biện pháp mạnh.

Những ngày cuối tháng bầu không khí thật sôi nổi. Sinh viên hội thảo trách người Hoa kỳ hay xen vào nội bộ Việt Nam. Hoa kỳ thường có lối tự nêu cao chính nghĩa bằng cách liên tiếp cải chính những tin đồn.

Ngày 28-9 năm trâm Tảng Ni phe Ấn Quang xuống đường đến dinh Độc Lập có thượng tọa Trí Quang dẫn đầu. Giây thép gai được căng ra bít nhiều ngã đường. Người và dụng cụ dành cho việc dẹp biểu tình được giàn ra đầy đủ. Phóng viên báo chí ngoại quốc ùn ùn kéo tới vây quanh các thượng tọa. Thế rồi có giàn xếp, hứa hẹn. Có tự thiêu, có sinh viên biểu tình, bị đàn áp, bắt bớ... không thiếu mục nào.

Nhưng rồi tất cả trở nên yếu đuối, xẹp dần. Mấy ngày sau đó con đường trước dinh Độc Lập được lưu thông bình thường. Mấy vị thượng tọa ngồi tuyệt thực với nhau giữa hoa viên có vẻ lặng lẽ, bình an. Xung quanh họ có cảnh binh gác. Những người này đứng rải rác ở vài góc đường để ngăn mấy Phật tử chấp chới muốn đến gần các thầy. Vài nhân viên an ninh tụ họp đánh đáo ngay trên lề đường, dưới bóng cây. Họ chăm chú vào cuộc chơi, cãi nhau chỉ chóc như không còn việc gì quan trọng đáng làm hơn. Giờ tan sở, mọi người đi làm về, có dịp qua đây, nghiền cò nhĩa về nơi các thượng tọa ngồi một cách tò mò. Nhưng mâm cơm và giấc nghỉ trưa léo nhéo gọi họ ở nhà. Thế là họ tiếp tục tiến tới. Hiếu chương mới, cũ đối với họ mơ hồ quá chăng? Thế còn cuộc bầu cử?

Gần giữa tháng, các thượng tọa đành lặng lẽ về chùa để tiếp tục tranh đấu trường kỳ.

Cuộc tranh đấu này có bắt bớ giam cầm, có những người tự thiêu, nhưng phần lớn giới trẻ thờ ơ. Được hỏi, nhiều người cũng chẳng chịu nói rõ lập trường, chỉ tỏ lộ những cử chỉ rời rã, chán chường một cách đáng ngại.

Một đoạn ghi trong sổ tay để dùng làm tài liệu khi cần viết về tâm trạng một vài thanh niên :

«Chiến tranh kéo dài tạo cho chúng tôi những thói quen tàn nhẫn. Sự chết chóc ghi thành số trên mặt báo không gây xúc động. Nó đã biến thành một phần đời sống thường nhật. Một tờ báo thiếu tai họa thì nhạt nhẽo. Ngày nào không có tai họa, tất cả các báo đều bớt hay. Chiến tranh quá quen thuộc tạo ra những nhu cầu thật quái đản.

Thỉnh thoảng có một người lớn cất tiếng gào thét. Tiếng ông ta không rơi vào khoảng không. Bọn trẻ xúc động và hưởng ứng ngay. Khi một nhạc sĩ gọi quê hương là Mẹ Việt-Nam thì tất cả đều cảm động. Chúng tôi thu băng bản trường ca, quây quần hàng giờ say mê nghe. Chúng tôi hát ngẫu ngao và mơ hồ cảm thấy thương nước hơn.

Tình trạng đang tốt đẹp như thế bỗng đây đó bật lên những tiếng eo éo kêu Mẹ Việt Nam của mấy nhạc sĩ kém cỏi khác. Họ gào thảm thiết quá khiến bọn trẻ cũng đâm ra mắc cỡ. Bỗng đứng mối xúc động tốt đẹp biến thành món thời trang sắp hết mùa.

Tất cả biến thành tầm thường quá nhanh. Thói quen và sự nhàm chán đây chúng tôi đi xa hơn. Có hồi chúng tôi say mê biểu tình, tưởng một năm chẳng được xuống đường một lần thì có thể buồn bã mà tự tử chết hết.

Bây giờ... bây giờ chúng tôi ít xúc động. Chuyện tự thiêu, một chuyện rùng

ron, ghê gớm cỡ đó mà cũng bị giảm giá trị. Chúng tôi biến thành đá cả rồi sao? Có lẽ chúng tôi chỉ mắc bệnh chung là mệt mỏi và ưa đòi tiết mục.»

Những ngày cuối năm :

Vài trận đánh khốc liệt., người chết như rạ. Lệnh động viên mới gây hoang mang. Một chú em họ vút sách, nhảy vọt vào một bình chủng. Học sinh lớn nghe thầy giảng bằng một tai, tai kia lắng nghe tiếng gọi của chiến trường.

Tin từ Thành đến tỉnh trên một nhật báo ghi rằng nữ giáo sư Bích Thu trường trung học M. Đ. C. bị học trò trêu ghẹo. Ông giám thị can thiệp bị đánh văng cả kính. Một vị giáo sư khác than thở về chứng tật mới của học trò và muốn giải nghệ. Có đờn hồn lảo đến độ điên khùng, lên tiểu tiện lên cả bàn giáo sư. Chưa chi đám thiếu niên đó đã tưởng mình là những anh lính ba gai.

Nếu có một cuộn chỉ thần thu ngắn thời gian như trong truyện cổ tích, có lẽ một thanh niên cũng xử dụng một cách phân vân. Kéo qua những ngày tháng nào, đến đâu mới gặp hạnh phúc, yên ổn.

Năm tháng đã qua đi như thế. Một thanh niên có quan niệm sống dễ dãi, tự cho mình là người đứng đãi cát tìm những màu vàng hạnh phúc giữa dòng suối thời gian đầy sỏi đá trôi qua. Quên sỏi đá đi thì có thể vui với những thành công nho nhỏ. Nhưng năm nay, anh không còn lạc quan lắm. Suối thời gian càng ngày càng đục ngầu cát, sỏi...

LÊ-TẮT-ĐIỀU

Rượu bò
QUINQUINA

Quina '9'

CỔ ACIDE GLUTAMIQUE

*khai vị,
ăn thêm ngon.*





BỔ ÓC
bồi dưỡng
cơ thể



KN 2071. BYT

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

B. N. P.

BANQUE NATIONALE DE PARIS

Siège social : 16, Boulevard des Italiens — PARIS

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — SAIGON

Tél 21.902 (3 lignes) — 24.995

B.P. : E - 5

BUREAU DE QUARTIER

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Tél. 22.797

SUCCURSALE DE HONGKONG :

*Central Building, Queen's Road Central
HONG KONG*

**Téléphones : 24 — 6081 (8 lignes,
P.O. Box N° 763**

Bureau Permanent Causeway Bay

60-62, Yee Wo Street — HONGKONG

Tél. 772.171 à 772.173

Bureaux De Kowloon :

Agence TSIM SHA TSUI

Milton Mansion, 96 Nathan Road

KOWLOON Tél. 667.254

Bureau Permanent

Sham Shui Po :

290 et 292, Castle Peak Road, KOWLOON

Tél. 863.875

Bureau périodique

«Des Voeux Road» :

Realty Building, 71 des Voeux Road

Central, Hongkong

BUREAU DE REPRÉSENTATION

DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

PHNOM PENH

Tél : 24.37

B.P. N° 122

★

Kế-hoạch kinh-tế hậu-chiến

L.T.S — *Tạp chí Bách-Khoa* xin chân thành cảm tạ Giáo-sư Vũ-quốc-Thúc, Trưởng Nhóm Nghiên-cứu kế-hoạch kinh-tế hậu-chiến, đã vui lòng dành cho phái-viên Bách-Khoa cuộc tiếp xúc ngày 5-12-1967, đã sốt sắng giải thích về tổ-chức hoạt-động của Nhóm Nghiên-cứu và soi sáng vấn-đề dưới những khía cạnh gai góc nhất.

...Nước ta, từ trước đến nay vẫn có một cơ quan kế-hoạch, dầu dưới hình thức Bộ hay Tổng-Nha mà nhiệm-vụ thiết-yếu nhất là thảo ra kế-hoạch phát-triển kinh-tế và xã-hội, trong khoảng thời gian lâu dài, 3 năm, 5 năm liên tiếp. Lại còn có Bộ Kinh-tế, hoặc Tổng-bộ Kinh-tế Tài-chánh, đề án định đường lối chính sách kinh-tế khả di đem lại đời sống ấm no thịnh-vượng cho nhân dân. Tại sao còn phải thiết lập một Nhóm Nghiên-cứu tư-nhân với danh hiệu Nhóm Nghiên-cứu kế-hoạch kinh-tế hậu-chiến đề hoạch-định về kinh-tế ?

Phải chăng cả Bộ Kinh-tế và cơ-quan kế-hoạch Việt-Nam đều bất-lực chẳng ấn định được một chính-sách kinh-tế nào cho ra trò, hoặc thiết lập một kế-hoạch hoạt-động kinh-tế cho hợp-tình hợp-lý và hữu-hiệu ? Phải chăng, theo truyền thống nước Mỹ, người ta thường tin vào những cơ-quan, xí-nghiệp tư-nhân, cho rằng hoạt động sáng suốt và thông-minh hơn là các cơ-quan nhà nước ? Hay là vấn-đề kinh-tế hậu-chiến là một vấn-đề đặc biệt, nên cần giao cho cơ-quan đặc biệt ?

Cắt nghĩa lối nào, người dân cũng thấy không ổn. Nếu cho là đặc biệt,

cũng chỉ cần thiết lập một kế-hoạch riêng biệt, do một bộ-phận của Nha kế-hoạch phụ-trách là đủ.

Hơn nữa vấn-đề Hậu-chiến đối với nước Việt-Nam cũng không có tầm quan trọng như đối với các quốc-gia lâm chiến khác. Trong cuộc chiến tranh cõ-diễn, tất cả nỗ-lực đều tập-trung để phục-vụ chiến-trường. Phải đúc súng ống, khí giới, đạn dược, chế tạo quân xa, chiến xa, phi cơ, tàu chiến, lương khô, quân dụng, quân trang. Có thể rói, tất cả nhịp sống quốc-gia đều dồn vào chiến trận, tất cả tài sản, nhân lực đều phải được triệt để vận dụng để chiến thắng quân địch. Nên hễ chiến tranh chấm dứt là lại phải biến-cải cả khối tổ-chức kinh-tế chiến-tranh sang một hình-thức hoàn toàn đối lập và khác biệt. Vấn-đề hết sức khó khăn và phức tạp : tỷ dụ biến một nhà máy đúc đạn thành một nhà máy chế tạo thực phẩm v.v...

Trường-hợp Việt-Nam không giống như vậy. Có thể nói hầu hết nhu-cầu của chiến-trường đều do Mỹ viện-trợ. Chúng ta chỉ cung cấp nhân lực. Nhất là nhân công. Cho nên chúng ta cũng

để xoay sở, dầu Hòa-bình có tới đột ngột.

Bàn tay lao-động của người Việt-Nam sẵn sàng băng bó các vết thương chiến-tranh và xây-dựng đất nước, không sợ nạn thất-nghiệp, không ngại sự phồn-thịnh giả-tạo do chiến-tranh và ngoại-nhân đem lại, không bỏ ngõ trước sự thay đổi của hạ-tầng cơ sở xã-hội.

Người dân cũng nghi ngờ rằng, trong khi chưa có dấu hiệu gì về hòa-bình mà chiến-tranh đã kéo dài không phải chỉ qua một thế-hệ, mà từ đời ông qua đời cháu, thì nói đến «kinh-tế hậu-chiến» là chuyện thực-tế hay lại chỉ là một đòn chính-trị!

Nhóm Nghiên-cứu đã quan-niệm một cách linh-động rằng: « Ở những vùng tương đối an ninh thí dụ: các thành phố và các làng đã bầu được Hội-đồng Nhân dân xã, ta có thể coi rằng thời-kỳ hậu-chiến đã bắt đầu »

Như vậy là ngay từ bây giờ, chương-trình phát-triển kinh-tế hậu-chiến đã có thể khởi-sự thực-hiện tùy theo địa-phương.

Chúng tôi rất hoan nghênh quan-niệm khoáng đạt trên đây phản-ảnh một sắc-thái hết sức đặc biệt của chiến-tranh du-kích là sự phối-hợp giữa Lửa và Nước.

Nước với lửa — nỗ-lực chiến tranh và nỗ lực kiến-thiết — phải kết-hợp với nhau để trong khi phá hoại, vẫn xây dựng được đất nước.

Vấn đề thật là tế-nhị, nên thái độ của Nhóm Nghiên cứu, chấp nhận sự linh động, là một thái độ rất thực-tế. Chúng ta phải coi như tại nhiều vùng an-ninh, thời-kỳ hậu-chiến đã điềm và đòi hỏi những kế-hoạch, chính-sách của thời bình.

Đừng nên coi kinh-tế hậu-chiến là những vấn-đề viển vông, không tưởng. Đừng nên nghi, chúng ta chỉ cần lao đầu vào chiến-tranh và đốt cháy tất cả các tiềm-lực cho giai-đoạn hiện tại. Chúng ta phải nghi đến ngày mai, phải bảo toàn một phần sinh-lực và tài-sản, phải xây dựng hòa-bình, kiến thiết đất nước ngay từ hôm nay.

Từ tám tháng nay, Nhóm Nghiên cứu đã bắt tay vào việc và đề nghị một số chương trình cụ thể.

Có lẽ vì khiêm tốn mà cũng có lẽ vì muốn tránh sự thiếu thông-cảm của cơ quan chánh quyền — «đạo cao một thước, ma cao một trượng» — thường thường vương phải bệnh «phủ bệnh phủ, huyện bệnh huyện» và coi khinh tư-nhân không đủ phương-tiện và tài-giỏi bằng người «Nhà nước», Nhóm Nghiên cứu tự giới hạn trách nhiệm vào các chương trình có tính cách dài hạn. Nếu phải đề cập tới một số dự-án hành-động tức thời thì chỉ vì những dự-án này, trong bản chất, gắn liền với các chương-trình dài hạn.

Sự thận trọng của Nhóm Nghiên-cứu cũng là chính-đáng. Muốn giúp ích cho nước nhà, muốn cho lời khuyến-cáo được nghe theo và các đề-nghị được chấp nhận, trước nhất Nhóm Nghiên-cứu phải ráng tồn-tại: Không gây thù gây oán, không dẫm chân lên ai, giữ một thái-độ khiêm-nhường, dùng những lời khuyên nhỏ nhẹ, đó là những bí-quyết căn bản xử-thế.

Nhưng nếu cuộc chiến tranh du kích này là cuộc chiến tranh ý-thức-hệ và toàn diện, nếu mặt trận kinh-tế cũng quan trọng ngang mặt trận chính trị, quân sự, thì người dân đòi hỏi chính quyền phải tuyên bố rõ ràng về một chính sách kinh-tế đối lập với kinh-tế

Mác-xít, một nền kinh-tế thoát thai từ chủ-nghĩa Tự-do, Dân-chủ.

Hệ-thống tư-tưởng kinh-tế còn thiếu sót, thì người dân kỳ vọng ở Nhóm Nghiên-cứu công việc trám lỗ hổng đó. Khi đề-nghị các kế-hoạch ngắn hạn, dài hạn, mặc dầu chỉ đề-cập tới một vấn-đề riêng biệt, Nhóm Nghiên-cứu không thể nào không đặt nền-tảng chung cho thượng-tầng kiến-trúc kinh-tế. Dầu chỉ làm một cái cửa sò, một mái hiên che mưa, cũng phải nghĩ đến xây tường, đồ móng, cao thấp sâu nông. Chớ Nhóm Nghiên-cứu làm sao khi không mà treo cái cửa lên giữa trời được?

Tất nhiên Nhóm Nghiên-cứu không làm việc không-tưởng và đã đưa ra một số nguyên-tắc hướng dẫn :

— Nguyên-tắc đầu tiên và quan-trọng nhất là : sự phát-triển và sự tiến-bộ phải mở rộng cho tất cả mọi người chứ không phải cho một thiểu-số.

— Phát-triển và tiến-bộ phải đưa tới thay đổi về quyền-hành và đặc lợi để thực-hiện phân chia đồng đều và công bằng xã-hội.

Phải chăng, đó là tính chất đại-chúng của nền kinh-tế tương-lai? Kế hoạch kinh-tế phải đem lại cơm no áo ấm cho đại đa số nhân-dân tức là những người nghèo, chớ không thể nước chảy chỗ trũng, chỉ làm giàu thêm cho những người giàu và gian-thương ngoại-kiều.

Muốn cải thiện đời sống nhân dân, muốn tiến tới công-bằng xã-hội, thì phải đả phá tất cả các đặc-quyền đặc-lợi, bất cứ từ đâu tới, nhất là đặc-lợi vẫn nằm trong tay tư-bản quốc-tế.

— Nguyên-tắc thứ hai là nếu các chương-trình phát-triển định cung-ứng các vật phẩm mà nhân-dân mong muốn, thì sự chọn lựa của nhân-dân phải được phát-

triển qua các định-chế có tính cách đại-chúng nhất là qua các hội-đồng xã, hàng tỉnh.

Phải chăng, đây cũng là một khía cạnh của tính chất đại-chúng của nền kinh-tế tương-lai? Phải có sự tham-gia đông đảo của nhân-dân mới hy vọng thực-hiện được bất kỳ kế-hoạch kinh-tế nào. Pháp-trường cát dựng lên nếu đã chẳng chém đầu được các gian-thương tàn ác chính là vì nhân-dân vẫn còn thờ ơ trước lời hô hào của người cầm quyền.

Muốn tiến tới nền kinh-tế phồn thịnh, các kế-hoạch kinh-tế phải đem lại lợi-ích thực-sự cho nhân-dân, và do chính nhân-dân tham dự trong việc hoạch-định cũng như trong khi thực-hiện, qua sự trung-gian của các đại-diện trực tiếp của dân ở cấp xã, tỉnh, và qua các tổ-chức nhân-dân tại địa-phương như các Hiệp-hội nông-dân, các hợp-tác-xã sản xuất v.v...

Nhóm Nghiên-cứu cũng chủ-trương, cần phải có các chương-trình chặt-chẽ, nhằm xir-dụng đầy đủ và hiệu quả khả năng của nhân-dân và chính quyền cần phải luôn luôn tỏ ra lo lắng cho sự an-lạc của các công dân, phải chứng tỏ là các lời hứa bao giờ cũng đi đôi với hành động, luôn luôn có sự tiến-bộ và phải chứng tỏ là sự thành-đạt một tương lai tốt đẹp, cho thế-hệ chúng ta cũng như các thế-hệ sau này, chẳng những là một điều khả dĩ mà còn là một điều thực sự chắc chắn.

Phải chăng đó là tính chất hợp-lý và tiến-bộ của nền kinh-tế tương lai?

Chính-sách kinh-tế phải hợp-lý nghĩa là phù hợp với đường-lối tiến-triển của một quốc-gia nhỏ bé, nông-nghiệp lạc-hậu và chậm tiến, lại lâm vào chiến-tranh Quốc-Cộng, huynh-đệ tương-tàn.

Khi chúng ta đã ấn-định một hướng đi, đã có một chương-trình chặt chẽ, chắc chắn sẽ không có cảnh trống đánh xuôi kèn-thời ngược như là muốn kỹ-nghệ-hóa mà lại đánh thuế rồ nặng máy móc, nguyên-liệu nhập-cảng, hoặc muốn bảo vệ kỹ-nghệ quốc-gia còn non nớt mà lại nhập cảng bừa bãi hàng hóa chế-tạo tại ngoại-quốc, khiến cho xí-nghiệp quốc-gia phải lâm vào tình trạng phá-sản, vì không cạnh tranh nổi với những điều-kiện thuận-lợi của kỹ-nghệ ngoại-quốc : máy móc tối tân, kỹ-thuật vững chắc, kinh nghiệm lâu dài, thị-trường rộng lớn, nhân công đầy đủ và mức sống không bị chiến tranh làm xáo trộn.

Nhóm Nghiên cứu đã bắt mạch đúng ngay vào căn bệnh thời-đại, là lời nói của chính quyền không đi đôi với việc làm. Chính-sách kinh-tế chỉ tiến bộ, khi mục-tiêu tối-hậu là phục vụ quyền lợi đại đa số nhân-dân. Chính-quyền thực sự phải lo lắng tới đời sống và sự no ấm của dân nghèo. Không thể tuyên truyền huênh hoang, đề-cao đạo-đức dân-chủ giả-hiệu, trong khi dân chúng phải hy sinh cho một lớp trưởng-giả-mới, trọc phú, cường quyền thâu tóm tất cả tài-lợi quốc-gia vào trong tay. Chính-phủ phải tôn trọng lời hứa, không thể nói một đằng, làm nẻo. Tỷ dụ : tuyên bố giữ vững giá-trị đồng bạc thời phá giá quá 100%. Tuyên-bố bãi trừ chợ đen thời đem giá chính-thức lên cao quá giá chợ đen. Tuyên bố chính-sách khắc khổ nhưng tranh dành xe Méc-xê-đét, vi-la, tiếp tân linh đình, năm ngày đại-yến, ba ngày tiểu yến v.v ..

Một chính-sách kinh-tế không bịp bợm thời phải đem lại tiện-nghi lợi ích ngay cho thể-hệ chúng ta. Đừng nhân danh các thể-hệ tương-lai như kinh-tế Cộng-sản, đề đầu bóp cổ nhân-dân để phục vụ cho quyền lợi riêng tư của Đảng.

Trên những nét chính yếu vừa được

đề cập, Nhóm Nghiên cứu đưa ra ba giả-thuyết về sự diễn tiến của nền kinh tế trong bốn năm tới—tùy theo sự biến chuyển của tình hình quân sự : Chiến tranh có thể tiếp tục với cường độ hiện tại, hoặc đột ngột chấm dứt nhờ cuộc thương-huyết hòa bình, hoặc có thể dần dần « tàn lụi », chiến cuộc giảm dần cường-độ, khu-vực an-ninh ngày một mở rộng.

Chương-trình phát-triển kinh tế phải lệ-thuộc vào tình - hình quân sự, và nếu tình hình này không cải thiện thời chương-trình kinh-tế cũng chỉ thực-hiện được phần nào mà thôi. Rất nhiều kinh-tế-gia cũng đồng ý là tình hình an-ninh quyết định hết thảy và chúng ta không thể nói tới vấn-đề kỹ-nghệ-hóa hay phát-triển nông-thôn, khi mà địch còn phá-hoại khắp mọi nơi.

Người dân không phủ nhận tầm quan trọng của mặt trận quân sự. Nhưng muốn thắng địch trong chiến-tranh du-kích, phải phối hợp chặt chẽ ba mặt trận: kinh-tế, chính-trị, quân-sự. Mặt trận nào cũng lệ thuộc vào hai mặt trận kia, và chịu ảnh hưởng qua lại của nhau. Mặc dầu máu đang đổ, súng đạn đang tàn phá, nhưng chúng ta vẫn phải làm một chuyện mà không quốc-gia lâm chiến nào thực hiện : bầu cử Tổng-thống, Quốc-hội, xây dựng các thể-chế dân-chủ. Vì nền chính-trị không lành mạnh thời nỗ-lực quân-sự cũng không thể có kết quả tốt đẹp và không xây dựng được kinh-tế phồn thịnh. Mà dân không no ấm thời bụng nào mà vững bền tồn tại được. Trong ảnh-hưởng qua lại như vậy, nên chương trình kinh-tế phải căn cứ vào tình hình quân sự thời ngược lại kinh-tế cũng có thể bó buộc chương-trình binh-định phải thực

hiện trong thời gian và theo nhịp-độ ấn định. Nói cách khác, chuyên-viên hoạch định chương-trình phát-triển kinh-tế phải được sự đảm bảo trong mỗi năm sắp tới cơ-quan quân-sự sẽ bình-định, thêm bao nhiêu đất đai, lời cuốn thêm bao nhiêu nông-dân, thiết lập thêm bao nhiêu ấp An-sinh. Trong kế hoạch vết dầu loang, biết trước những vùng nào được tái-lập an-ninh, là có thể dự tính sản xuất thêm bao nhiêu thóc gạo, hoa màu, chăn nuôi thêm bao nhiêu gà vịt trâu bò, thiết lập thêm bao nhiêu nhà máy sản xuất phân bón, biến chế nông phẩm.

Nói tóm lại, với vai trò quá thụ động, nền kinh-tế sẽ khó tiến tới thịnh vượng và hại cho cả sự chiến đấu chống Cộng nữa.

Nên người dân kỳ vọng ở Nhóm Nghiên cứu, trong cái thể Cố-vấn, sẽ vượt lên trên vị trí chuyên-viên, đứng vào địa-vị chính-trị để cùng Chính-phủ và Quân-đội, ấn định một đường lối, một kế-hoạch phát-triển chung cho các mặt trận Chính trị, Quân sự, Kinh tế.

Tỷ dụ, để điều-hòa việc vận-tải tiếp-tế giữa Nam, Trung và Cao-nguyên, Kinh-tế sẽ đề-nghị trong năm 1968 Quân sự phải giải một sư-đoàn dọc theo Rừng Lá hoặc ven biển Phước-Tuy, Bình-Tuy và Hành-chánh phải lập các làng bình-định dọc theo trục-lộ.

Khi Quân-sự đã chịu phối hợp hoạt động thời chuyên-viên kinh-tế mới làm chủ được tình-hình và thắng được địch trên mặt trận kinh-tế.

Giả sử chúng ta chỉ kiểm soát được 50% đồng ruộng, vào khoảng 1.200.000 mẫu đất, chúng ta vẫn thiết lập ngay được một kế-hoạch tăng-gia sản xuất, ứng dụng

giống, phân bón, cây máy, để điều trị thủy đề tăng gấp đôi sản ngạch, và đem số lúa thâu hoạch riêng trong vùng an-ninh lên 5 triệu tấn. Quân đội không những phải đảm bảo an-ninh cho vùng quốc gia, mà còn phải bình-định vùng xôi đậu, mỗi năm thêm 10%, 20% tùy theo khả năng. An-ninh lan tới đâu thời kế-hoạch canh-nông bành trướng thêm tới đó.

Với sự phối hợp giữa Quân-sự và Kinh-tế, dân Việt-Nam lo gì thiếu gạo ăn, và chỉ cần những chương-trình ngắn hạn, 1 năm, 2 năm cũng thoát khỏi được tình-trạng nhập-cảng gạo Mỹ, gạo Thái-Lan.

Nếu Nhóm Nghiên cứu không can đảm gióng lên tiếng chuông báo động, nền kinh-tế nước nhà sẽ luôn luôn là đầu đề chỉ-trích của tất cả các đoàn-thể, đảng phái, chính-trị-gia nào không đứng trong cương-vị thân Chính-phủ.

Người dân hy vọng nhiều ở Nhóm Nghiên-cứu, vì Nhóm này đã làm được một cuộc điều tra — lần đầu tiên và đầy ý nghĩa — về tình trạng thực sự ở nông thôn, nguyện vọng thành thực của nông dân, thâu thập các yếu-tố để nghiên-cứu kế-hoạch phát-triển nông-thôn.

112 sinh viên, trong số có tới 100 sinh viên Đại-học chính-trị kinh-doanh Đà-Lạt, trong hai tháng trời, được tung đi toàn quốc, về các xã, để tiếp xúc với nông dân.

Không cần phải đi sâu vào kỹ-thuật điều tra, chỉ xem qua bản nguyện-vọng, xếp theo hạng điểm, ai cũng thấy ngay kết quả chính xác, và các nguyện-vọng tha-thiết của người dân chân lấm tay bùn:

1.— Cần được giúp đỡ để tăng gia sản xuất	:	554	điểm
2.— Cần đường sá, cầu cống, kinh, đê đập	:	335	»
3.— Cần điện nước	:	339	»
4.— Cần cơ quan y tế	:	305	»
5.— Thêm trường và thầy giáo.	:	304	»
6.— Tăng cường an ninh	:	303	»
7.— Cần được tiếp tế	:	262	»
8.— Lập cơ sở xã hội	:	103	»
9.— Lập trụ sở xã và phương tiện hoạt động	:	198	»

Cuộc điều tra đã cho biết rõ là nông dân muốn được giúp đỡ nhiều nhất là phương-tiện để canh tác. Riêng về vấn-đề phân bón, nếu được giúp đỡ đúng mức, chỉ trong một mùa lúa nông dân cũng thêm được vài ba ngàn hoa lợi mỗi mẫu.

Nhưng từ 12 năm nay, Nông-tín-cuộc đã giúp đỡ được gì cho nông dân? Hay là vay được tiền chỉ như người trúng số đuôi, đủ ăn nhậu vài ba bữa là hết. Và bây giờ Ngân hàng Nông-tín, với số tiền hai tỷ bạc, có làm được gì hơn Nông-tín-cuộc không? Hay vẫn rùa hành-chánh, thủ tục nặng nề, sợ trách nhiệm, vẫn chỉ một thiểu-số đặc biệt được ban ân mưa móc? Trong 576 xã được điều tra, 334 xã không có cơ-quan tín-dụng, 25 xã không biết và chỉ có 217 xã là có cơ-quan tín-dụng. Nếu nói rằng chỉ có 50% nhân dân là hiểu biết Ông Nông-tín, chắc cũng không có oan cho Ông nhiều.

Một quốc-gia nông-nghiệp, với khẩu-hiệu luôn luôn được đề cao: «Tất cả cho nông-thôn», mà nền kinh-tế nông-thôn lại nằm trong Lhu-vực «suy-trầm»

nhất, thời đáng là điều cho chúng ta phải suy nghĩ.

oOo

Trên đây chúng ta đã điem qua các nguyên-tắc căn-bản làm nòng cốt cho sự hoạt động của Nhóm Nghiên-cứu kế-hoạch kinh-tế hậu-chiến. Một lần khác chúng tôi sẽ đề-cập tới công việc của Nhóm Nghiên-cứu: Phân-tích hiện-tình kinh-tế Việt-Nam, việc ứng phó để chuyển kinh-tế thời chiến sang thời bình, đề nghị một số chương-trình hành động trong khoảng 1968-1971 v.v...

Dẫu chưa đi được vào chi tiết, chúng ta cũng đều đã thấy rõ tầm quan trọng của việc thành lập Nhóm Nghiên-cứu, một sự-kiện kinh-tế lớn lao trong năm 1967. Chúng ta mong rằng rồi đây sẽ có một chính-sách kinh-tế lành mạnh và hữu-hiệu để khỏi còn bị chỉ-trích như trong cuộc hội-thảo gần đây tại Tòa Đô-chánh, cụ Phan-khắc-Sửu đã chê bai tình-trạng kinh-tế hiện-hữu với lời phê bình: «Vẫn là những người phá giá đồng bạc năm 1966 và chẳng có gì mới lạ!»

DUY

SINH-HOẠT TIỂU-THUYẾT

một năm qua

Không như những năm trước, năm nay công việc kiểm điểm một năm sinh hoạt tiểu thuyết Việt-Nam thật là một nhọc. Bởi vì, không biết do một sự chuyển hướng nào đó về phía độc giả, trong một vài năm gần đây, người ta bắt đầu chịu mua sách đọc, đặc biệt là tiểu thuyết. Do đó, các nhà xuất bản thi nhau ra đời và tung ra hàng loạt tác phẩm cũ, mới. Sự kiện này đã gây nên một khung cảnh náo nhiệt chưa từng có trong địa hạt tiểu thuyết Việt-Nam trong khoảng hơn mười năm trở lại đây. Đến nỗi có những người rất chịu khó mua sách và đọc sách, hàng tháng đã dành riêng một ngân khoản đặc biệt vào việc tiêu thụ sách, mà cũng không đủ tiền để mua, không đủ thì giờ để đọc và theo dõi tất cả các tác phẩm tiểu thuyết xuất bản trong năm 1967. Lại cũng đến nỗi trước sự xuất hiện ồ ạt của đủ loại tiểu thuyết trên thị trường, nhiều nhà xuất bản kỳ cựu năm trước ấn hành rất đều mỗi tháng từ một đến hai cuốn, năm nay cũng chịu ảnh hưởng của hiện tượng bão-hòa nên đã trở nên ngất ngư, phải rút bớt số ấn-bản lại để chỉ phát hành lai rai một hai cuốn gọi là cho có mặt, và trong tương lai, nếu tình trạng đó vẫn còn kéo dài thì sẽ phải đóng cửa tạm nghỉ một hai năm để thời gian đào thải bớt những ấn phẩm bừa bãi mà do một

sự hốt hi, hốt nộ nào đó, người ta đã tung ra tràn ngập thị trường.

Như vậy, mới chỉ phóng một tia nhìn tổng quát vào sinh hoạt tiểu thuyết Việt Nam trong năm 67 vừa qua, người ta đã thấy ngay hiện tượng ồ ào, náo nhiệt báo hiệu một năm hoạt động phồn thịnh nhất của tiểu thuyết Việt Nam từ trước đến nay.

Đề bài nhận định trở nên có thứ tự và độc giả tiện bề theo dõi, chúng tôi xin đề cập những nhận xét của chúng tôi thành ba phần :

— Nhận xét về tình hình các tác giả sáng tác trong năm 67.

— Nhận xét về nội dung các tác phẩm đã xuất bản.

— Nhận xét về tình hình xuất bản sách, phát hành sách và độc giả tiêu thụ sách.

1) Nhận xét về phía tác giả.

Trong vòng 6 tháng đầu năm 67, một hiện tượng nhận thấy rõ rệt nhất trong giới sáng tác tiểu thuyết là hiện tượng các cây bút phụ nữ hoạt động gần như đơn thương độc mã, làm mưa làm gió trong ngành tiểu thuyết.

Mở đầu là Nhã Ca với tác phẩm *Đêm nghe tiếng đại bác* gây được tiếng vang rộng rãi và sự tiếp đón nồng nhiệt của độc giả. Lần đầu tiên ở Việt-Nam, một

tác phẩm văn nghệ được tái bản trong vòng không đầy hai tháng. Nguyên nhân cũng dễ hiểu, vì đó là lần đầu tiên một tác giả đem không khí chiến tranh vào một tác phẩm viết về dân đô-thị mà thành-phần tiêu biểu là giới trí thức trung lưu tiểu tư sản. Người ta lấy làm lạ về sự xuất hiện muộn màng này, khi cuộc chiến tranh trên đất nước ta đã kéo dài từ nhiều năm và ảnh hưởng của nó đối với thành phần tiểu tư sản ở đô-thị không phải là chỉ mới bắt đầu. Nhưng viết về cái ảnh hưởng ấy, lại viết một cách trung thực, truyền cảm thì chỉ mới có Nhã-Ca làm được công việc đó. Cho nên chính tác phẩm đã đưa Nhã-Ca từ cương-vị một nhà thơ (chiếm giải Thi-ca toàn quốc 1967) qua cương-vị một nhà văn một cách vững chắc. Tuy có điều là Nhã-Ca viết hơi vội, hơi nhiều trong khoảng thời gian quá ngắn, cho nên ở những tác phẩm sau này như *Bóng tối thời con gái*, *Xuân thì*, *Người tình ngoài mặt trận*, *Sống một ngày...* tất cả vẫn không làm độc-giả quên được cái dư-âm của tác-phẩm đầu, tác phẩm mà nhà văn Nguyễn-Mạnh-Côn đã hết lời ngợi khen, như trong năm 67 không một tiểu-thuyết nào được người ta ngợi khen đến như thế.

Một tác-giả phụ-nữ thứ hai gây sóng gió trong làng tiểu-thuyết 67 là Nguyễn-thị-Hoàng với tác phẩm *Vòng tay học trò*, một truyện dài đã in từng kỳ trên Bách-Khoa. Nếu *Đêm nghe tiếng đại bác* của Nhã-Ca chỉ gây được sự sôi nổi một chiều (nghĩa là khen ngợi mà không thấy chê bai) thì tác-phẩm của Nguyễn thị Hoàng gây được phản ứng của cả hai phía. Cũng có người khen hết lời nhưng cũng có người mặt sát

thậm tệ. Và đặc biệt, sự khen chê này không nhằm vào yếu tố kỹ-thuật mà chỉ hướng vào vấn đề đạo-đức trong nội-dung tác phẩm. Trong *Vòng tay học trò* Nguyễn thị Hoàng viết về mối tình sai đắm, thiết tha, cuồng nhiệt, khi si mê, khi hờn dỗi của một cô giáo với một cậu học trò. Với đề-tài ấy, cơn bão tố nổi lên trong phản ứng độc giả là chuyện dĩ nhiên. Nhưng dù khen hay chê, dù chấp nhận hay từ chối nội dung táo bạo đó, người ta cũng phải công nhận ngòi bút của Nguyễn thị Hoàng là một ngòi bút lý tưởng viết về tình yêu. Sự nhận xét này càng được chứng tỏ hơn nữa qua truyện dài *Vào nơi gió cát* ấn hành vào gần cuối năm 67. Nguyễn thị Hoàng đã diễn tả được, qua ngoài bút tài tình của cô, tất cả những cảm giác của kẻ vì yêu mà sung sướng, mà phiền lụy, mà đón đau, mà dằn vặt, mà trống rỗng, mà hờn tủi, mà v. v. . . nghĩa là, có thể nói, tiếng nói của Nguyễn thị Hoàng là tiếng nói của tình yêu tuổi trẻ bây giờ, với đầy đủ ngọn lửa nhiệt-tình bốc cháy cao độ nhất, si mê nhất, diễn tả bằng một thứ kỹ-thuật bay bướm, hào hoa, xen vào một chút hương-vị triết-lý hợp-tình-trang, do đó tác-giả đã được giới trẻ tiếp đón nồng nhiệt.

Một ngòi bút phụ nữ thứ ba đã gây được sự sôi nổi trong dư-luận độc-giả bằng một cửa ngõ khác. Đó là Nguyễn-thị-Thụy-Vũ với kỹ thuật phơi bày gần như trắng trợn vấn đề sinh-lý nam nữ trong nội dung tác phẩm. Từ *Mèo đêm* đến *Lao vào lửa*, người ta thấy nhà văn này đã lựa chọn hướng đi đó cho sự-nghiệp sáng-tác của mình, sẵn sàng

khai thác triệt-đề cái khía cạnh mà ít cây bút phụ nữ nào dám đề-cập tới. Cho nên, có thể nói Nguyễn-thị Thụy-Vũ (vượt cả Trưng-Dương với Mịra không ướt đất và những truyện ngắn đăng rải rác trên tạp-chi) là một cây bút táo bạo nhất trong năm, nhưng đúng như sự nhận xét của Cao-thế-Dung, cây bút phê bình thường trực trên Sống Chủ-nhật, khi nghệ-sĩ trình bày bất cứ một sự bần thiêu, thấp kém nào, người đọc cũng thấy cái ánh sáng tốt đẹp từ đó tỏa ra, đó là ánh sáng của lương tâm và trách nhiệm mà người viết muốn soi sáng vào những sự thực thấp kém và bần thiêu đó. Nhưng qua những đoạn văn của Nguyễn-thị Thụy-Vũ, người ta không tìm thấy cái ánh sáng cao quý đó. Vì vậy, cái thiện chí, nếu có, của tác giả đã bị những sự thật đúng hết và tầm thường kia làm che lấp đi và do đó những tác phẩm đã ấn hành của Thụy Vũ chưa đủ đảm bảo cho tác giả một giá trị đích-thực và bền vững.

Một cây bút phụ nữ khác xuất hiện đột ngột và bất ngờ nhưng báo hiệu một văn-tài có tương lai nhiều hứa hẹn. Đó là Trịnh-thị Diệu-Tân với truyện dài *Mảnh vụn*. Đề tài của *Mảnh vụn* thật ra không có gì mới lạ. Chỉ là vô số mảnh vụn của những tâm hồn tan vỡ trước những nghịch cảnh trong tình yêu. Nhưng văn của Diệu-Tân gọn gàng, kỹ thuật diễn tả truyền cảm và những nhận xét khá sâu sắc, do đó tác phẩm của nhà văn mới mẻ này tuy là tác phẩm đầu tay, nhưng cũng đã dành được một chỗ đứng tốt đẹp trong cảm quan của độc giả.

Một cây bút phụ-nữ khác sáng tác từ lâu nhưng bây giờ mới ấn hành tác phẩm, đó là Đỗ-Phương-Khanh với tập

truyện ngắn *Hương Thu Hầu* hết những truyện trong tác phẩm này đã được đăng tải trên giai-phẩm Văn-hóa Ngày nay và tạp chí Tân Phong. Văn của Đỗ Phương - Khanh nhẹ nhàng, đôi khi dí dỏm. Đề-tài của tác phẩm không có gì mới lạ mà chỉ xoay quanh những tình cảm viết về đời sống của gia đình. Một tác phẩm tương đối đẹp, nhất là trong sự phân hóa cùng cực của xã-hội trước ảnh hưởng của chiến tranh hiện nay.

Bên cạnh đó, Minh-Đức Hoài-Trình cũng cho in trong năm 67 mấy tác phẩm dài: *Hai gốc cây*, *Bức thành biên giới*, *Sám hối* và đặc biệt nhà văn được giải truyện ngắn của Văn Bút Việt-Nam (1965) nữ sĩ Minh Quân cũng cho ấn hành tác phẩm dài đầu tay, tập *Đất và người*.

Trong khi những nhà văn phụ nữ hoạt động rầm rộ và ráo riết như vậy, sự xuất hiện tác phẩm của các cây bút kỳ cựu phái nam có vẻ im lìm, nếu không nói đến những cuốn mới ra đã bị rơi ngay vào quên lãng. Kiểm điểm lại, ta thấy: trong năm 67, một số nhà văn như Doãn-Quốc-Sĩ, Thế-Nguyên, Lê-Tất-Điều hoặc ngừng sáng tác, hoặc chỉ tái bản tác phẩm cũ mà không ấn hành tác phẩm mới. Sự kiện này không có nghĩa là những cây bút này không còn thiết tha với văn nghệ mà có thể giải thích bằng một sự nghỉ ngơi cần thiết để sửa soạn cho một chặng đường sắp tới. Trong khi ấy Võ Phiến càng ngày càng sâu sắc với tập *Áo ảnh*. Võ Hồng giới thiệu *Hoa Bươm Bướm*. Nguyễn Đình Toàn, vẫn với một chỗ đứng độc đáo, đã cho ấn hành tác phẩm thứ ba, truyện dài *Con đường*. Cho đến nay, thế giới tiểu thuyết của Nguyễn Đình Toàn, với những suy tư, dẫn vật, đầy rẫy hoài nghi và thắc mắc không được giải quyết, vẫn còn là một

thế giới đặc sắc thu hút được nhiều độc giả, đặc biệt là thành phần trí thức thuộc về lớp trẻ. Dương Nghiễm Mậu và Thanh Tâm Tuyền sau khi đoạt giải văn chương toàn quốc với bộ môn truyện dài và truyện ngắn, cả hai đều ấn hành khá nhiều tác phẩm, nhưng tác dụng của những tác phẩm này thuộc loại chậm rãi, cho nên phải một thời gian nữa, mới có người giới lại những tác phẩm của họ ấn hành trong năm 67, như *Khuôn mặt*, *Cát lầy*, *Ba chị em*, (Thanh Tâm Tuyền), *Kính cầu nguyện*, *Ngày lạ mặt*, (Dương Nghiễm Mậu), cũng như bây giờ người ta mới mở xẻ, phân tích từng câu trong tác phẩm *Liên*, *Đêm*, *Mặt trời tìm thấy* của Thanh Tâm Tuyền xuất bản từ hai năm trước (Nghiên Cứu Văn Học, tập I tháng 11-67).

Hai cây bút đặc sắc nhất miền Nam hiện nay là Sơn-Nam và Bình-nguyên-Lộc cũng không tạo được tác-phẩm nào đáng kể trong năm nay. Sơn-Nam ấn hành tác-phẩm *Truyện ngắn của Truyện ngắn*, Bình Nguyên Lộc vẫn theo con đường của mình là đại-chúng-hóa tác-phần của mình với những sáng tác dễ dãi như *Nụ cười nước mắt học trò*, *Quán tai heo*, *Thăm lặng*, *Một nàng hai chàng.. v.v...* Dẫu sao độc giả vẫn không quên Sơn-Nam với *Hương rừng Cà Mau* và Bình - Nguyên-Lộc với những truyện ngắn *Ba sao giữa trời*, *Rừng Mắm Hồn ma cũ..v.v...*

Với nhà văn cộng tác với nhà xuất-bản Thứ Tư tuần san như Nguyễn-Thụy-Long, Duyên-Anh, Phan - Tùng - Mai, Dương-Kiến v.v... cũng đóng góp trong năm 67 một số khá nhiều tác phẩm, nhất là Duyên-Anh, một cây bút viết về trẻ thơ, nhưng không phải trẻ thơ hồn nhiên, trong sáng, của một thế-giới trầm

lặng mà là trẻ thơ bị vùi dập, quần quai giữa bão-tổ của cuộc đời. Tác-phẩm được hoan nghênh nhất của Duyên-Anh là *Dấu chân sỏi đá*, rồi sau đó là những *Bồn lửa*, *Cỏ non*, *Trần-Thị Diễm-Châu v.v.* Nguyễn-Thụy-Long, sau tác phẩm nổi tiếng *Vác ngà voi*, đã ấn hành liên tiếp trong năm 67 hai truyện dài *Loan mắt nhung*, và *Vùng trời giang hồ*. Nguyễn Thụy-Long đi xa hơn Duyên-Anh một mức nữa, ông bước vào thế-giới của những kẻ sống bên lề xã hội, với mặc cảm đầy rẫy của những kẻ phạm tội mà không được xã-hội dành cho cơ hội để cải-tạo. Tác-phẩm của Thụy Long vì thế nhiều khi mang vẻ tàn nhẫn, nhưng là sự tàn nhẫn chứa đựng một nỗi niềm chua xót, bi thương. Hai kịch-tác-gia được giải kịch toàn-quốc năm trước, năm nay lại không ấn-hành một kịch-bản nào, trừ Phan-Tùng-Mai dựng được một vở *Người giết Tần-Cối* trên sân-khấu rạp Thống-Nhất mà kết quả không mấy thành công. Trái lại, trong năm nay, cả hai người cùng in truyện, Phan-Tùng-Mai tái bản *Mỹ-Linh và tôi* một tác phẩm thuộc về văn vui nhưng không qua được tác phẩm đồng loại: cuốn *Gia đình tôi* của Duy-Lam và Dương Kiến in *Máu của Mẹ*, một tập truyện ngắn tương đối chọn lọc và sâu sắc.

Trong năm 67, Thế-Uyên, nhà văn trẻ nổi tiếng là dẫn thân chỉ cho xuất bản một tập truyện dài. Cuốn *Tiền đồn* đã đăng trọn trên Bách Khoa. Nhưng tác phẩm của Thế-Uyên gây sôi nổi dư-luận trong năm nay lại là một cuốn tiểu-luận. Cuốn *Nghĩ trong một xã-hội tan rã*. Dù đồng ý hay không đồng ý với những ý-nghĩ của nhà văn này, người ta đều phải công nhận cái thái-độ háng hái,

nồng-nhiệt, đáng yêu của Thế-Uyên trước những sự-khien phân-hóa của xã-hội Miền Nam hiện nay.

Từ sau ngày giai phẩm Văn-Hóa Ngày Nay khám phá được những cây bút trẻ như Duy Lam, Tuyết Hương, Thu Vân, thì đến bây giờ, Bách-Khoa là tạp chí thứ hai giới thiệu được nhiều nhất những cây bút mới gia nhập làng văn với những tác phẩm vững vàng. Trong năm 1967 những cây bút này, nhất loạt trình diện tác phẩm của họ. Đó là Y-Uyên với *Tượng đá sườn non* và *Quê Nhà*. Đỗ Tiến Đức với *Má Hồng* và Bùi Kim Đình với *Chợ Đêm*. Cả ba đều là những nhà văn trẻ chưa quá tuổi ba mươi, trưởng thành trong một quê hương khói lửa, nên hầu hết sáng tác của họ đều hướng về cái không khí ngọt ngào của chiến tranh trên những nẻo đường đất nước mà họ đã có dịp đặt chân qua. Tác phẩm của họ xứng đáng góp phần làm phong phú sinh hoạt tiểu-thuyết Việt Nam trong năm 1967.

Trong khi ấy, về phía những nhà văn quân đội, người ta thấy Trần Văn Minh xuất hiện lần đầu với tập truyện ngắn *Chết Non*, Lê Văn Trước với tập truyện ngắn *Cầm Xuân, Tháng Ba cuộc đời*, cả hai tác phẩm đều viết về nếp sống của người lính không quân với những nỗi vui, buồn, trong thời chiến, và đặc biệt là sự xuất hiện của một cây bút trẻ, viết hăng nhất, in nhiều nhất; đó là Nguyễn Vũ với *Đời pháo thủ*, *Niềm vui mặt trời mọc v.v..* Nguyễn Vũ có cái ưu điểm là những đề tài dùng trong tác phẩm của ông đều là những kinh nghiệm sống, do đó đáng lẽ những tác phẩm của ông phải đem lại nhiều khám phá thích thú cho người đọc. Nhưng chỉ tiếc rằng Nguyễn Vũ sáng tác còn hơi hẫ, lại chưa biết kìm giữ cảm hứng của mình để đạt

tới độ khách quan cần thiết, cho nên nhân vật của ông nhiều khi còn nặng về công thức, làm suy giảm những tính chất truyền cảm đi rất nhiều.

Trên đây chỉ là một cái nhìn tổng quát vào những điểm đáng chú ý trong sinh hoạt sáng tác của các nhà văn trong năm 1967. Tất nhiên cái nhìn này có thể còn phiến diện và thiếu sót, theo chủ quan của người viết. Bởi vì nếu đem đối chiếu với các tác phẩm đã in trong năm 67, thật ra còn nhiều tác phẩm mà phần trên không đề cập đến, hoặc giả cũng có những cuốn mà vì giá trị tâm thường của nó, chúng tôi không muốn đề cập tới.

2) Nhận xét về mặt nội-dung các tác phẩm.

Nhìn chung, các đề tài mà những nhà văn Việt Nam đưa ra trong các tác phẩm tiểu thuyết 1967 tuy phong phú, nhiều màu sắc, nhưng không có khuynh hướng nào nổi bật để gây được một cao trào ủng hộ nồng nhiệt về phía độc giả. Như thế là ngoại trừ những tác phẩm viết táo bạo của giới cầm bút phụ nữ, gây cho độc giả một ấn-tượng mới mẻ về những ý tưởng muốn thoát ly cái vỏ phụ nữ Á Đông thuần túy của những nhà văn này, còn đa số các tác phẩm khác vẫn chỉ loay hoay trong những vấn đề của năm trước. Trong khi ấy, nếu ghé mắt một chút qua giới làng thơ, đặc biệt là giới làm thơ trẻ, thì người ta thấy một khuynh hướng rõ rệt nhất mới trở dậy trong khoảng thời gian không đầy một năm trở lại đây. Đó là những bài thơ hàm chứa khuynh hướng phủ nhận chiến tranh đã được đăng tải đầy rẫy trên các tạp chí, trên những tác phẩm ấn-hành bằng ronéo hay những đặc san không kiểm duyệt. Khuynh hướng phản chiến trong văn chương đã trở

thành một vấn-đề của văn học nghệ thuật năm 67.

Nói như vậy không phải là những cảm nghĩ của nhà văn và nhà thơ Việt Nam đã đi trái ngược nhau. Bởi vì trái ngược làm sao được khi cả hai giới đều chịu chung một số phận của những kẻ nhìn thấy quê hương đau khổ trên hai mươi năm ròng.

Nhưng có lẽ nhà văn khác nhà thơ ở điểm nhà văn phải dùng nhiều suy-luận hơn nhà thơ. Và chính vì lý do đó mà họ đã phải biểu-lộ ý-nghĩ của họ một cách dẫn đo hơn. Cảm nghĩ của họ phải tiềm ẩn qua từng cảm nghĩ của các nhân vật. Và những nhân vật này lại còn phải sống một cách linh động qua sự đối chiếu thực tế trong cuộc đời với cuộc sống trong tác phẩm. Do đó, trong khi nhà thơ có thể phát biểu dễ dàng nguyện vọng của quần chúng đau khổ Việt-Nam là khát vọng Hòa bình bằng cách lên án chiến tranh, phơi bày những hậu quả khốc liệt, thê thảm của chiến tranh bất cứ vì ai mà có, vì đâu mà phát sinh, thì nhà văn làm công việc đó sẽ gặp phải khó khăn hơn, vì lý do này hay lý do khác. Cho nên phải khoác cái mặc cảm "đề cập đến phản-chiến là phản-bội xương máu của những người đã chết vì chiến tranh" nhà văn Việt-Nam trong năm 67 vẫn chưa tìm thấy một lời giải đáp cho nội dung tác phẩm của mình đề hoặc là đáp ứng khát vọng Hòa bình (dù là thực sự hay giả tạo) hoặc là biện-minh một cách mạch lạc, có đầu có đuôi, cho một cuộc bắn giết không biết đầu là bờ, là bến.

Trong nỗi lúng túng đó của nhà văn Việt-Nam hiện tại, một số người đã kết tội tác-phẩm văn-nghệ của nhà văn Việt-Nam chỉ là một loại xa-xỉ phẩm, mà không đóng góp được điều gì hữu-ích thiết thực cho dân-tộc. Trong

cuộc hội-thảo về "Số mạng của người cầm bút hôm nay" do Trung-Tâm Văn-Bút Việt Nam tổ chức vào ngày 17-12-67, một người tiêu-biểu cho giới trẻ đã lên tiếng kết án người cầm bút hôm nay là đã xoay lưng trước những nguyện-vọng chính đáng của dân-tộc trong hoàn cảnh hiện nay của đất nước, đó là nguyện vọng được thấy đất nước chấm dứt chiến tranh. Do đó người cầm bút hôm nay phải nhắm đến mục tiêu gần gũi nhất, chính đáng nhất, đó là việc lên án chiến tranh và tranh đấu cho Hòa bình. Thật ra vấn đề không phải giản dị chỉ có thế. Vấn đề Hòa bình của đất nước còn liên-hệ đến biết bao nhiêu yếu-tố khác, tất cả đã giăng thành những mắt lưới ngăn cản người cầm bút đi thẳng tới gần. Chính vì thế mà chưa một tác phẩm tiểu thuyết nào trong năm 67 đề cập thực sự vào vấn-đề đó. Ý-thức phản-chiến chỉ bàng bạc mờ hồ trong một đôi ba đoạn nào đó trong tác-phẩm. Không mạnh mẽ như nhạc Trịnh-Công-Son, không quyết liệt như thơ của phần lớn các nhà thơ trẻ bây giờ

Trong năm 67, người ta cũng không thấy xuất hiện một tác phẩm lớn, điều mà nhiều người chờ đợi đã từ lâu, một tác phẩm thể-hiện được trọn vẹn khuôn mặt đau thương của dân tộc trong một quá trình lịch-sử đầy rẫy chông gai và thê-thảm đã qua và đang tới. Nó phải mang được nhiều sắc thái, thể-hiện được nhiều tâm tư, khai phá được nhiều khía cạnh sâu sắc trong cuộc sống có muôn ngàn điều đáng nói và cần nói của dân tộc trong nhiều giai-đoạn lịch sử. Mỗi tác phẩm tiểu thuyết trong năm 67 mới chỉ đi vào được một phần trong toàn bộ những vấn-đề lớn lao đó. Nhà văn Việt-Nam trong năm 67 đã chiếu rọi ở mỗi người một ánh sáng chứng tỏ sự tìm tòi

và khai phá cho sự hình thành những tác-phẩm loại đó. Đặc biệt nhất là những khai phá đặc sắc của những ngòi bút trẻ như Lê-Tất-Điều, Y-Uyên, Đỗ tiến-Đức, Trần-Đại, Bùi-Kim-Đình v.v...

3) Nhận xét về tình hình xuất bản, phát-hành và giới tiêu-thụ tiểu thuyết.

Năm 67 có thể gọi là một năm hoạt động nhộn nhịp và đông đảo nhất của các nhà xuất bản. Ngoài những cơ sở vững vàng từ mấy năm trước như Thời Mới, Lá Bối, An Tiêm, Cảo Thơm, Giao Điểm, Văn, Phù Sa, Trình Bầy, Vạn Hạnh, Thứ Tư tập san vẫn tiếp tục hoạt động, năm 67 người ta thấy có sự hiện diện của nhiều cơ sở mới, đặc biệt là phần đông do chính các văn nghệ sĩ chủ trương. Nguyễn thị Hoàng tách rời nhà Kim Anh để lập cơ sở xuất bản Hoàng Đông Phương, nhà thơ Phổ Đức đẩy mạnh hoạt động cơ sở xuất bản Nhân Chứng, Thế Phong chuyển các loại sách của Đại Nam Văn Hiến in ronéo trước đây thành sách in typo, Nguyễn thị Vinh tái lập trở lại cơ sở báo chí và xuất bản Đông Phương sau mấy năm im tiếng. Thế Uyên chủ trương nhà xuất bản Thái Độ, Lê tất Điều nhà xuất bản Ngày Mới. Đó là chưa kể đến những nhà xuất bản chuyên ấn hành loại sách văn nghệ giải trí khác như Chọn Lọc, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Thế Kỳ v.v... hay những nhà xuất bản chỉ xuất hiện đúng có một lần rồi im bặt, đó là trường hợp những tác giả bỏ tiền túi ra in lấy tác phẩm, nên cũng chọn một cái tên cho cơ sở xuất bản của mình.

Sự hiện diện đông đảo của tiểu thuyết đủ loại thương vàng hạ cám đó đã gây nên một tình trạng ứ đọng trên thị trường. Độc giả không thể mua hết và đọc hết

các tác phẩm mới. Do đó, nhiều nhà xuất bản đứng đắn trước đây hoạt động đều đặn, năm nay đã gặp phải nhiều khó khăn. Nhà xuất bản Văn chật vật lắm (nhờ phương tiện in nhà in nhà) mới duy trì được loại sách phổ-thông, nhà xuất bản Thời Mới hoạt động cầm chừng. Trong tương lai, cứ tình trạng này còn kéo dài, trừ những cơ sở có trường vốn như Trình Bầy, Lá Bối, Vạn Hạnh, Cảo Thơm, Khai Trí, còn những nhà xuất bản khác sẽ lâm vào tình trạng kiệt quệ vì số vốn bỏ vào mỗi tác phẩm quá nhiều mà số thu trong đợt đầu giới lắm là được một phần ba. Hai phần ba còn lại muốn thu hết phải mất khoảng thời gian từ một đến hai năm, tùy theo từng tác phẩm có ăn khách hay không.

Tình trạng phát hành sách qua đến năm 67 vẫn không cải thiện được thêm phần nào sáng sửa. Nghĩa là về phương thức phát hành vẫn theo những thể lệ thông dụng từ mấy năm trước:

— Hoặc nhà phát hành mua đứt số ấn phẩm đã in của nhà xuất bản, trả tiền ngay, nhưng số hoa hồng lại quá cao, nghĩa là nhà phát hành lấy 64% tổng số trị giá của mớ sách (tính theo giá tiền in trên bìa), 36% mới dành cho nhà xuất bản, công in, tiền giấy mực, và bản quyền tác giả. Tuy phải chịu giá cắt cò như thế, nhưng không phải tác phẩm nào cũng bán được theo phương thức đó. Trông giở bỏ thóc, nhà phát hành dầu sao, đứng trên quan điểm thương mại, cũng phải nhắm vào loại sách tên sách, tác giả và đề tài của tác phẩm rồi sau đó mới bỏ tiền mặt để mua tác phẩm theo phương thức này.

— Hoặc nhà phát hành mua đứt một số ấn-phẩm (từ 100 cuốn đến 200 cuốn) để cho có đủ mặt hàng giao cho các nhà

sách, tất nhiên cũng trả tiền mặt nhưng ăn hoa hồng nhẹ hơn là 50%. Như thế mỗi lần phát hành, ở đợt đầu, tối đa nhà xuất bản chỉ tiêu thụ được từ 500 đến 600 cuốn là cùng, do đó số tiền lấy về chỉ bằng 1/3 số vốn đã bỏ ra 2/3 còn lại sẽ phải chờ ít ra là vài tháng, chờ sách tiêu thụ vội bớt mới tung ra kỳ phát hành đợt II, rồi đợt III, tùy theo tình trạng bán chạy hay không của cuốn sách.

— Một phương-thức phát hành nữa thường chỉ được áp-dụng đối với Thơ nhiều hơn là Tiểu-thuyết, đó là gửi phát hành với hoa-hồng từ 35 0/0 đến 40 0/0. Một vài tháng sau nhà phát hành tổng kết lại mới trao tiền cho nhà xuất bản. Hình thức này, xét ra cả hai bên đều thiệt thòi. Nhà xuất bản thiệt thòi vì số sách bị hoàn lại không bán được, sẽ hư, rách. Ngược lại, nhà phát hành lại phải chịu tiền cước phí gửi đi và thu về những cuốn sách đó. Cho nên, qua đến năm 67, lối phát hành này, mặc dầu vẫn được các nhà thơ muốn áp dụng, nhưng lại bị sự từ chối của nhà phát hành. Vì thế tác-phẩm in ra rồi mà sự phổ biến lại chẳng được bao nhiêu trừ phi phải có phương-tiện, đi từng hiệu sách một, gửi gắm mỗi nơi một vài cuốn, nhưng nghĩ cho cùng, cách làm việc như vậy thật thủ-công-nghiệp, vừa mất thì giờ, vừa mất nhiều công lao vất vả, mà kết quả cũng chẳng hơn được bao nhiêu.

Về tình trạng tiêu thụ sách của độc giả, cho đến nay vẫn khó mà có thể xác định rõ rệt những thành phần nào tiêu-thụ loại sách nào theo tỷ số là bao nhiêu. Bởi vì ngoài trừ một số rất ít độc giả trung thành với một loại sách nào đó, còn đa số, nói chung, thì thú đọc sách vẫn là một cái

thú bất thường. Một dạo người ta đồ xô đi đọc kiếm-hiệp, khiến tác-phẩm của Kim-Dung dẫn đầu số sách tiêu-thụ trong sinh-hoạt một năm tiểu thuyết. Rồi kiếm-hiệp hết thời, nhường chỗ những tác phẩm gián-điệp ồ ạt xuất hiện tràn ngập trên thị trường, mở đầu là Z.28 của Bùi Anh Tuấn, tiếp theo sau là những tác phẩm bắt chước một cách tương tự, nhưng ngược ngập tuy vẫn có khách như N24, Z33, FA 007, U42 v.v... Qua năm 67, tác phẩm gián điệp không còn được tiếp đón nồng nhiệt nữa, vì độc-giả có khuynh-hướng quay về đọc những tác-phẩm tiền-chiến. Dưới chiêu bài « bồi dưỡng nền văn-hóa dân-tộc » hay « tài liệu dành cho các sinh viên Đại-học Văn-khoa », người ta đã in lại bừa bãi những tác phẩm cả về văn lẫn thơ của các cây bút thời tiền-chiến như Nguyễn-Hồng, Tô-Hoài, Nguyễn-Tuân Nguyễn-Công-Hoan, Xuân-Diệu, Huy-Cận, Lưu-Trọng-Lư, Chế-Lan-Viên, v.v... và lối làm ăn này có vẻ còn đang thời kỳ thịnh vượng, mặc dầu khi đề-cập đến bản quyền tác giả (gạt bỏ ra ngoài yếu tố chính trị), người ta tự hỏi không biết kẻ thừa-kế của những tác giả nói trên được hưởng ngay tại miền Nam này không hay là chính các tác-giả đó đã bị kết án là cộng sản rồi thì người quốc-gia ở miền Tự-do có quyền tự do bóc lột theo kiểu đó.

Tuy vậy, về nhu cầu đọc sách của độc giả trong năm 67 dù sao người ta cũng ghi nhận được một vài sự-kiện rõ rệt :

— Thứ nhất là độc giả bình dân vẫn chìm đắm trong các loại sách bình dân mà nội dung mỗi ngày một thêm tệ hại hơn. Sự hiện-diện của một loại sách mỏng, in màu sắc lòe loẹt, bán đồng giá với một cuốn, năm nay tràn ngập các

cửa hiệu sách bán «son» và số lượng gia-tăng càng ngày càng nhiều, chứng tỏ đã được sự ủng hộ nồng nhiệt và bền vững của đám độc giả bình dân. Mà nội dung của những cuốn sách này nói những gì? Tất nhiên quanh đi quẩn lại thì chỉ là những chuyện ái tình nhằm nhí rẻ tiền, chuyện quỉ sống hiện hình, chuyện yêu tinh ăn thịt con nít hay những chuyện ma quái, đầy rẫy tính cách ngu dân và phản tiến-hóa. Cho nên, trong buổi hội-thảo về «Sứ mạng của người cầm bút hôm nay, như đã nói ở trên, một thính-giả đã rất có lý khi đòi hỏi các nhà văn phải nhìn vào đám độc-giả bình-dân này, đề hạ thấp tiêu-chuẩn sáng-tác của mình sao cho họ có thể thưởng thức được những văn-nghệ-phẩm vừa có giá trị nội-dung lại vừa giản dị, dễ hiểu ở phương-diện hình-thức. Có như thế nhà văn Việt Nam mới lôi kéo được đám độc giả này ra khỏi vòng kiểm-tòa của một lũ con buôn chữ-nghĩa một cách dễ hèn, và đồng thời nâng cao được trình-độ đọc sách của quần-chúng.

— Trong khi ấy, ngược lại, ở thành phần các độc-giả trí-thức hơn, người ta nhận thấy các tác-phẩm biên khảo, nghị-luận, nhận-định hay phê bình đã được tiếp-đón một cách khả-quan hơn nhiều

so với năm trước. Nhà xuất-bản Trình-Bầy gần như trình bày không biết mệt rất nhiều cuốn sách khảo-cứu giá trị nhưng rất khô khan mà vẫn bán được, và còn đang tiếp tục ra đều, thực hiện được đúng những dự định đề ra trong chương trình hoạt động của năm 67. Mặt khác, những tác phẩm triết lý, tôn giáo, văn nghệ dịch từ những tác phẩm ngoại quốc cũng rất được thịnh hành và bán được trong năm. Như thế, đứng trên phương diện tìm hiểu nhu cầu đọc sách để nâng cao trình độ hiểu biết của độc giả, người ta thấy độc giả của năm 67 tiến bộ hơn nhiều so với những năm trước. Chính vì điểm đó mà sinh hoạt văn học nói chung của năm 67 mang một sắc thái phần thịnh, ít ra ở mặt ngoài.

Hy vọng với cái đà tiến triển sẵn có, nhà văn Việt Nam, đặc biệt là về bộ môn viết tiểu-thuyết, sẽ đáp ứng được sự ủng hộ đó của độc giả, đề một mặt bồi dưỡng cho mình một môi trường hoạt động dễ dàng và tốt đẹp hơn, một mặt đóng góp cho nền tiểu thuyết Việt-Nam cũng như đem lại cho toàn thể độc-giả những tác phẩm tiểu-thuyết có giá trị trong năm 1968.

NHẬT TIẾN

- Sau 5 năm hoạt động, nhà xuất bản *THỜI MỚI* đã đưa bước đầu tiên của nó tới 10 tác giả: Thế Uyên, Túy Hồng, Y Uyên, Viên Linh, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Đỗ Tiến Đức, Bùi Kim Đình... Những tác giả ấy mỗi ngày mỗi tiến xa trên văn nghiệp.
- Sau 5 năm hoạt động, nhà xuất bản *THỜI MỚI* đã cho ra đời 50 năm tác phẩm. Không một tác phẩm nào trong số đó không vừa ý độc giả.
- Nhà xuất bản *THỜI MỚI* sắp khởi đầu năm thứ 6 với tất cả thận trọng và tin tưởng,

Ba-lê, chiều-hương văn-học mới

Trở lại Ba-lê sau chín năm về nước dạy học, tôi đã chứng kiến một thay đổi lớn lao gần như không ngờ. Từ khi về Việt-nam, mỗi năm tôi vẫn mua sách mới bên Pháp để đọc và theo dõi đà tiến nước người. Tôi vẫn thường xuyên đọc những tạp chí mua năm như *Revue de métaphysique et de morale* (của một nhóm giáo sư Sorbonne), — *Revue philosophique de Louvain* (của Đại-Học Louvain), — *Esprit* (của nhóm trí thức Mounier, Lacroix, Ricoeur), — *Etudes* của các linh mục dòng Tên) v.v. Tôi vẫn liên lạc thư từ với các thầy dạy và các bạn học ở Ba-lê. Nhưng đọc sách, đọc thư, nghe họ nói về học thuyết mới đó mình có cảm tưởng như đó là những sự-kiện rời rạc, những tư tưởng cá nhân, do đấy mình vẫn giữ nguyên hình ảnh văn-học năm 1958 khi bỏ đũa về đây. Tới Ba-lê ngày 9 tháng 5 vừa qua (1967), tôi cảm thấy như lạ lẫm với không khí văn-học ở đó, một bầu không khí đã chuyển mình khá mạnh từ mấy năm nay, và đang khai mạc một trào lưu tư tưởng mới, một kiểu văn học mới, đặt nền trên học thuyết cơ-cấu (structuralisme). Như vậy phong trào hiện-tượng-học và triết hiện-sinh của những năm 1940 và 1950 đang lui vào dĩ vãng như một cái gì đã làm xong vai trò lịch sử của chúng, nhường chỗ cho những hiện tượng mới của văn học.

Tôi có may mắn ở lại Ba-lê hai tháng rưỡi. Tôi đã bỏ bớt vài cuộc viếng thăm bạn bè hàng có thể dành hết thời giờ

tìm hiểu phong trào văn học mới : thời gian của tôi đã trôi qua trên những trang sách và những cuộc đàm thoại với thầy cũ và những bạn học cũ nay cũng làm giáo sư triết. Để chuẩn bị những cuộc đàm thoại này, tôi đã phải đọc đêm đọc ngày những cuốn sách được nói đến trên cửa miệng giới văn học và được các tạp chí luôn luôn đưa ra mổ xẻ mà tôi mới chỉ đọc một phần thôi : đó là những tác phẩm của Lévi-Strauss, của Benveniste, của Althusser, của Barthes, của Lacan và nhất là của Foucault. Có hiểu những nét cốt yếu của văn học mới nơi những tác giả này, những cuộc đàm thoại mới khả dĩ dẫn vào những vấn đề then chốt và hóc búa, những vấn đề mà chính các giáo sư và giới trí thức Ba-lê cũng đang nát óc suy nghĩ. Tôi đã đi vào vấn đề bằng con đường khiêm tốn và thực tiễn : tôi đã xin một anh bạn cũ, nay là giáo sư triết, giúp ý kiến nên đọc thêm những cuốn nào, và đọc cuốn nào trước cuốn nào sau, vì thực sự những tác phẩm mới đó quá nhiều, kể cả loại được coi là căn-bản và loại được coi là tìm hiểu. Rồi các tạp chí cũng thi nhau truyền bá văn học mới với những số đặc biệt và những số không đặc biệt về thuyết cơ-cấu và các ngành khoa-học nhân văn xây dựng theo phương pháp của cơ-cấu thuyết. Đi ở khu Latin (tức quận 5 và quận 6 nơi có các trường Đại-Học và các trường Cao-đẳng) nhìn vào các tiệm sách mà sợ : thật đấy, cảm tưởng của tôi dần biến

từ ngỡ ngàng đến sờ sợ. Mình có cảm giác đang bước đi trong một thế giới không quen.

Không phải chỉ có tôi lạ lẫm và có cảm giác sờ sợ cái thế giới văn học mới này. Một vài giáo sư trong số tôi bàn hỏi về chiều hướng mới của các khoa học nhân-văn cũng tỏ ra lưỡng lự và nói thật tình họ cũng chưa nắm được vấn đề, chưa hiểu phương pháp và chủ trương của thuyết cơ-cấu. Vài giáo sư già cho tôi cái cảm tưởng là họ đành chịu « chết đuối », nghĩa là không hiểu nổi những tác giả mới. Vào cuối tháng 6, khi tôi đã bắt đầu hiểu và cũng bắt đầu vững tâm rằng không phải chỉ có mình sợ « chết đuối » trước ngọn cao trào tư tưởng mới, thì nhật-báo *Le Monde* số ra ngày 28-6-67, đã công-hiến độc giả những thành quả của một cuộc điều tra văn học. Bài của Frederic Gaussen, nhan đề « Cuộc điều tra : sự phát sinh một quần chúng » (Enquête : Naissance d'un public). Bản điều tra này trả lời câu hỏi: tại sao vài năm nay số sách thuộc khoa học nhân văn lại bán chạy một cách kinh khủng như thế ? Những độc giả đó là ai ? Bản điều tra đã nhắm vào hai sự kiện để kiểm chứng : số sách bán ra, và thành phần độc giả. Về số sách bán ra, bản điều tra viết : « Các khoa học nhân văn đang lúc hợp thời trang. Ấn-biểu của các nhà xuất bản càng ngày càng dành cho các bộ-môn về khoa này (tâm lý học, xã hội học, dân tộc học, tâm phân học, ngôn ngữ học...) một địa vị lớn hơn. Các tạp-chí chuyên môn càng ngày càng thêm nhiều, phản ánh sự gia tăng các khuynh hướng nơi mỗi bộ môn. Từ năm sáu năm nay, những tác phẩm quan trọng nhất đã đạt những con số tiêu thụ lớn lao, còn trước kia thì nhiều khi từng bao nhiêu năm không có người

mua. Cuốn « Dẫn vào tâm phân học » của Freud (nhà xuất bản Payot) đã in ra 165.000 quyền trong 5 năm qua, thế mà trong 30 năm trước đây sách đó không bán tới số 30.000 cuốn. Sách « Dạy về ngôn ngữ học tổng quát » của De Saussure cũng ấn hành tại nhà Payot năm 1928, đã chỉ bán được 15.000 cuốn, trong 30 năm qua : bây giờ mỗi năm bán hết 10.000 cuốn. Quyền « Năm trường hợp tâm phân học » của Freud, mới in lại tháng 8 năm 1966, chỉ trong 8 tháng mà đã bán hết một số tương đương với 12 năm trước kia. Thành quả của những tác giả mới cũng không kém bề sấm sét. « Danh-từ và sự vật » (Les mots et les choses) của Foucault (nhà xuất bản Gallimard) chỉ trong 3 tháng mà đã đạt được con số bán 30.000 cuốn, tức là số bán ra của cuốn « Hữu-thê và vô-thê » (L'Être et le néant, của Sartre) trong 20 năm qua. Rồi mới xuất bản năm ngoái, cuốn « Những vấn đề của khoa ngôn ngữ học tổng quát » (Problèmes de linguistique générale) của Benveniste đã bán tới 10.000 quyền. Sau hết, cuốn « Những bản viết » (Ecrits) của Lacan, xuất bản chưa được một năm nay mà đã phải tái bản rồi. » Những con số của bản điều tra Gaussen trên đây là tiếng nói rõ ràng về cao trào các bộ môn khoa học nhân văn.

Nhưng ta muốn biết giới nào đã mua những sách trên đây ? Thì bản điều tra đã đưa ra những con số khác như sau. Trước hết là số sinh viên ghi học ngành nhân-văn : « Niên khóa vừa qua, số sinh viên ghi học ban tâm-lý đứng vào hàng thứ ba sau sinh ngữ và văn-chương mới. Và nếu nhìn vào biên kê những luận-án tiến sĩ đệ tam chu-kỳ năm rồi ở Sorbonne, người ta thấy một phần ba những luận án đó nghiên cứu về những

bộ môn của khoa học nhân văn : xã hội học, tâm lý học, dân tộc học, giáo dục.» (Gaussen). Vấn đề theo bản điều tra, thì sự bành trướng ghê sợ của các môn khoa học nhân văn nơi Đại-Học đã được phản ánh đúng mức nơi những hoạt động của nhà xuất bản *Presses Universitaires de France* (Nhà Xuất-bản Đại-Học Pháp) : năm rồi nhà này xuất bản hơn sáu trăm nhan-đề, nghĩa là hơn sáu trăm quyển sách mang nhan-đề khác nhau, thì hơn một nửa số này là những sách thuộc bộ-môn nhân-văn. Về phía nhà xuất-bản Gallimard, tức cung thánh của nhóm « *nvf* » (*nouvelle revue française*) được coi là kim chỉ nam của văn học Pháp, ngang hàng với những Đại Học của Pháp, thì ta biết vào những năm 1940, nhà này đã tung ra « Tủ sách ý-tưởng » (*Bibliothèque des Idées*) do Merleau-Ponty và Sartre chủ trương và đã xuất bản không những các tác phẩm của hai triết gia này, nhưng còn xuất bản sách của Gabriel Marcel, của Raymond Aron, của B. Russel, của Etienne, của A. Toynbee v.v. Từ năm ngoái, nhà Gallimard lại tung ra một tủ sách mới lấy tên là « Tủ sách những khoa học nhân-văn » (*Bibliothèque des sciences humaines*) và mới sản xuất 4 cuốn cho tủ sách này, trong số đó 2 cuốn đã trở nên thời danh, tức cuốn « Danh từ và sự vật » của Foucault và cuốn « Những vấn đề ngôn ngữ học tổng quát » của Benveniste. Được hỏi về ý nghĩa Tủ sách khoa học nhân văn, ông Nora, người chủ trương Tủ-sách này thưa rằng « cao trào các bộ môn khoa học nhân văn đáp ứng lại nhu cầu gây nên do sự ngộp thở của văn chương và triết học cổ truyền và do sự thích thú của công chúng đối với một công cuộc nghiên cứu vừa cụ-thể vừa dựa trên thực nghiệm nhiều hơn ». Sau hết, đối

với giáo sư Wahl là người cùng với giáo sư Ricoeur chủ-trương tủ-sách « Lãnh vực triết-lý » (*L'ordre philosophique*) của nhà xuất bản Seuil, thì «quan chúng đích thực của khoa học nhân văn chính là giới sinh viên : đối với họ, đọc sách không phải là chạy theo mốt, nhưng đọc sách là trường dạy suy-tưởng và là phương tiện giúp họ bước vào một thế giới trí-thức hoàn toàn mới. Cuộc cách mạng của các khoa học nhân văn mà nhiều người coi là biệt hiệu của thế kỷ XX, hiện còn ở thời kỳ khai phá : nó chỉ thực sự mạng lại những kết quả và phát triển tốt bực khi nào cái thể hệ trẻ đang được huấn luyện theo phương pháp của nó đây, bước sang giai đoạn nghiên cứu và sản-xuất.» (Bản điều tra Gaussen).

Phải chăng vì ý thức rõ ràng sự chuyển mình của lịch sử văn học và thấy trước cái không khí văn học ngày mai bị thống trị bởi các khoa học nhân văn, nên một nhóm giáo sư và những vị phụ trách việc đào tạo các chủng sinh làm lịch mục ngày mai, đã viết trong nguyệt-san *Etudes*, số tháng 7 vừa qua : « Có lẽ sẽ phải bớt chú trọng đến việc nghiên cứu các thánh Giáo-phụ, bớt giờ dạy lịch sử, để có thể chú trọng nhiều hơn về những thành-quả của khoa nhân-học hiện-đại (*anthropologie*). Làm thế, tất nhiên sẽ có lợi đặc biệt, nhưng cũng là nghèo đi nhiều thực. Nhưng ai lại không cảm thấy sợ rằng, nếu không làm thế, các linh mục trong tương lai của chúng ta sẽ trở thành xa lạ đối với những lo toan trọng đại nhất của những người thế hệ họ, rồi có thể xa lạ cả với ngôn ngữ và văn học của thế hệ họ nữa? » (*Etudes*, Juillet 1967, p. 101).

Như vậy, không phải mình tôi ngỡ ngàng và sợ bị « chết đuối » trước cao

trào nhân văn. Đều đi vào thế giới văn học mới này, tôi đã khiếm tốn đi từ những con đường quen thuộc của tôi, tức thế giới của hiện-tượng học và triết lý hiện-sinh. Tôi đã lấy những tác giả quen thuộc làm bạn đồng hành : Ricoeur, Sartre, Dufrenne. Tôi đặc biệt thích Ricoeur vì ông này cởi mở và đã đi vào thế giới văn học mới mà vẫn giữ nguyên những gì là hữu-nghiệm của ông và của hiện-tượng-học. Sartre có vẻ đứng ở một thái độ phủ nhận, và thực ra ngay quan niệm « nguy-tín » của ông, một cách ông giải nghĩa cái vô-thức của Freud, cũng tỏ ra duy-tâm như chính sắc-thái triết-ly hiện sinh của ông. Tôi đã theo rõi tư tưởng của Ricoeur từ mấy năm nay, qua bộ sách « triết-ly về ý-chí » của ông. Đặc sắc nhất là cuốn thứ ba, với phụ đề là « La symbolique du mal » (Thề tượng-trung của sự ác). Năm kia ông cho xuất bản cuốn « De l'interprétation : essai sur Freud » (Về cách diễn-giải : một tiểu luận về Freud) ; cuốn này tôi mới đọc năm ngoái trước khi đi Balê, và ở Balê tôi đã đọc lại với một ánh sáng mới, bởi vì tôi đã đọc lại trong không khí văn học mới là thứ văn học chú trọng khám phá phần vô-thức của con người dưới ba chiều hướng chính : vô-thức tâm-ly (Freud), vô-thức xã-hội và chính trị (Marx), vô-thức siêu-hình-học (Nietzsche). Theo thiên ý, cuốn « Về cách diễn-giải » là tác phẩm tuyệt nhất của Ricoeur, tỏ rõ sự già dặn của một tư tưởng, đồng thời vén mở cho thấy chân trời văn học ngày nay của khoa học nhân văn. Với cuốn này và hai số *Esprit* tháng 11 năm 1963 và tháng 5-1967, trong đó có những bài của Ricoeur, của Dufrenne và của Cuise-nier, tôi đã làm quen « những thuyết cơ-cấu » của Levi-Strauss, của Althusser,

của Lacan và của Foucault. Tôi vừa nói đến hai số đặc biệt của tờ *Esprit* dành cho phong trào cơ-cấu : thật ra nhiều tạp chí khác cũng thi nhau phát hành những số đặc biệt về thuyết cơ-cấu, đó là những tờ *Les temps modernes*, tờ *Critique*, tờ *L'homme*, tờ *Alétheta*, tờ *Arc* v.v. Đặc biệt là số đặc biệt của tạp chí *Arc* dành cho Claude Levi-Strauss, trong một năm mà số đặc biệt này đã phải tái-bản tới lần thứ ba để đáp ứng nhu cầu độc giả. Những tạp chí này giúp ta có những cái nhìn xa, nhìn gần, nhất là có những cái nhìn tổng quát và sơ bộ về các bộ môn của khoa-học nhân văn, nhân đó ta lãnh hội được những gì là căn bản, rồi từ những căn bản này ta có thể đi sâu vào những vấn đề phức tạp hơn.

Tóm lại, Balê đang chứng kiến một trào lưu văn học mới, xây dựng trên một lập trường hoàn toàn mới. So sánh lập trường mới này với lập trường của Hiện-tượng-học, giáo sư Ricoeur đã gọi nó là « một thuyết tri-luận hết sức chống phản-tình, chống duy-tâm, chống hiện-tượng-học : họ chủ trương một thứ vô-thức đồng-âm với thiên-nhiên, và có thể được coi là chính thiên-nhiên » (P. RICOEUR, *Esprit* số tháng 11 năm 1963, trg. 600). Ricoeur còn nói phương pháp của hiện-tượng-học là « giảm trừ thành ý-thức » (*réduction à la conscience*). và phương pháp của ngôn-ngữ-học là « giảm trừ thành vô-thức » (*réduction à l'inconscient*). Nói cách khác, trong khi Hiện-tượng-học chủ trương thế giới là cái ta ý-thức, vì thế giới là cái đối-diện với ý-thức ta : thế giới là đối-tượng, thì các khoa-học nhân-văn ngày nay lại quả quyết rằng cái ta ý-thức chưa phải là tất cả thực-tại và thường khi chỉ là

cái hơi hợt nhất của thực tại. Chỉ biết cái mình ý thức thì chưa đáng gọi là biết: cái hữu-thức chỉ là cái mặt ngoài, cho nên khi ta chỉ đi ngang qua dinh Độc-lập và thấy cái mặt tiền của nó, thì chưa phải là biết về kiến trúc, trang trí và tổ chức của dinh đó.

Như vậy các thuyết cơ-cấu nhằm đào sâu đến tận nền của những vô-thức. Freud đã khám phá ra vô-thức tâm-lý: Lacan muốn dùng ngôn ngữ học để khám phá sâu thêm nghĩa là đạt tới cơ-cấu của vô-thức. Karl Marx đã vạch trần vô-thức (tức vong-thân) xã hội và chính trị của con người. Althusser đang dùng phương pháp cơ-cấu để lôi ra ánh sáng chính cơ-cấu của sự vong-thân đó. Nietzsche đã tự nhận là thần Zarathoustra giúp con người nhận ra những vong-hồn về lãnh-vực tinh-thần, như quan-niệm thiện ác, và ông đã ngang nhiên tuyên bố « Thượng Đế chết rồi »; nay một Michel Foucault muốn đi xa hơn và đào sâu hơn để đạt tới cơ-cấu của quan niệm con người, và ông này đã ngang nhiên tuyên bố « con người chết rồi », con người chỉ là một ảo tưởng do văn-học thế-kỷ XIX tạo ra và sắp hết thời rồi. Khi nói đạt tới cơ-cấu của vô-thức, vô-thức tâm-lý hay vô-thức xã-hội, các khoa học nhân-văn ngày nay có tham vọng khám phá ra một cái gì sâu xa và nền tảng hơn: chẳng hạn họ cho vô-thức của Freud là một sự vật và phương pháp « liên-tưởng tự do » của ông để khám phá vô-thức là phương-pháp còn nhiệm chủ-thuyết đơn-tổ tâm-linh; họ quan niệm vô-thức là một cơ-cấu, một hình-thái những tương quan liên-hệ giữa nhiều yếu-tố, cho nên vô-thức là một bộ mặt và một hệ-thống. Chưa đạt được cơ-cấu của hệ-thống, chúng ta mới chỉ đạt được một vô-thức phiến diện và nông cạn, nhân đó tri-thức của ta còn sơ sài lắm.

Cái mộng của các khoa-học nhân-văn ngày nay thực là lớn lao. Họ đã thực-hiện được những gì? Họ đang dự tính những gì? Đọc vào sách vở của họ, người ta thường gặp những câu điển-hình như « Tôi không nói, nhưng tôi bị nói. Tôi không hành động, nhưng bị hành động » (Je ne parle pas, je suis parlé. Je n'agis pas, je suis agi). Ít hay nhiều, họ chung nhau một lập-trường mệnh danh là « hải-chữ-thề ra khỏi trung-tâm điểm » (le décentrement de l'ego) Họ ngbi rằng họ đang mở màn cho kỷ-nguyên mới của văn-học, một thứ văn-học không chủ-thề tính: theo họ, thì từ Platon đến Husserl và Heidegger, triết-lý vẫn là thứ triết-lý của *logos*, của một chủ-thề tự phong cho mình là một tinh-thần hay một ý-thức, trong khi thực sự sinh-hoạt con người chỉ là một *mythos*, một huyền-thoại. Bởi vậy mặc dầu công nhận những giá trị lớn lao của hiện-tượng học, « một số người (trong nhóm khoa-học nhân-văn ngày nay) coi hiện-tượng-học là hóa-thân kỳ-diệu của một ý-thức-hệ đang hấp hối » (G.G. GRANGER, *Pensée formelle et sciences de l'homme*, Aubier 1960, p. 217).

Chúng tôi dự tính sẽ lần lượt giới thiệu quan-niệm cơ-cấu trong khoa ngữ-học xét như nó được khai-thác trong các khoa-học nhân-văn, rồi sau đó chúng tôi sẽ trình bày đại-tượng về: khoa Nhân-học cơ-cấu của Claude Lévi-Strauss, khoa tâm-phân-học cơ-cấu của Jacques Lacan, khoa tâm-lý-học cơ-cấu của Noel Mouloud, khoa phê-bình văn-học mới của Roland Barthes, thuyết Mác-xít cơ-cấu của Louis Althusser, và sau cùng là triết-học cơ-cấu của Michel Foucault. Chúng tôi sẽ dành phần quan trọng đặc biệt cho Foucault bằng cách phân-tích cuốn « Les mots et les choses »

của ông. Sau đó chúng tôi sẽ đưa ra mấy nhận định tổng quát về trào-lưu cơ-cấu.

Đây chỉ là những nét đại-cương theo kiểu những cái nhìn tổng-quát về các ngành nhân-văn mới. Chúng tôi không có tham vọng nói nhiều. Cũng không có tham vọng nói hết, bởi vì chính những con chim đầu đàn như Lévi-Strauss và Foucault cũng chưa nói hết những gì các ông muốn nói: Lévi-Strauss nói cuốn *Les structures élémentaires de la parenté* ghi dấu giai đoạn một, và cuốn *La pensée sauvage* ghi dấu các giai đoạn hai và ba của triết-lạc hiện-sinh.

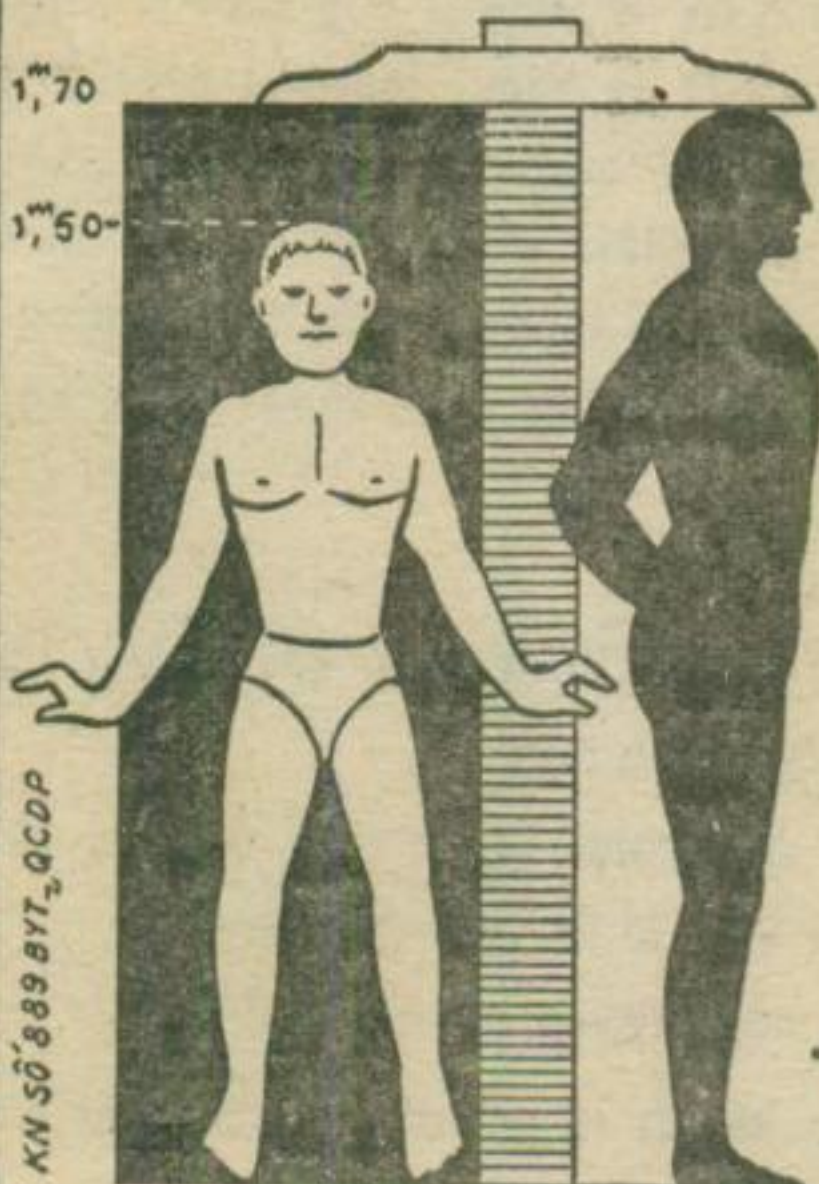
ông, và trong giai đoạn hai này, ông coi cuốn *Le totémisme aujourd'hui* là bài tựa

cho cuốn *La pensée sauvage* và cuốn *La pensée sauvage* lại là « bài tựa cho cuốn sách quan trọng hơn » ông đang dự tính viết (*Esprit*, số tháng 11 năm 1963). Về phía Foucault, sau cuốn *Les mots et les choses*, ông sẽ cho xuất bản một cuốn « bàn về những vấn đề phương pháp do cuốn sách của ông đặt ra » (*Les mots et les choses*, p. 13). Nói thế để bạn đọc thấy trào-lưu nhân-văn mới còn đang ở độ khai-phá, và công việc của chúng tôi lần này sẽ khó khăn hơn khi giới thiệu

TRẦN THÁI ĐÌNH

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU
BIẾT ĐI

- CỨNG XƯƠNG.

- MẠNH KHOẺ .

- NGƯỜI LỚN
CỨNG RĂNG .

- ÍT ĐAU RĂNG.

- BỆNH YẾU PHÔI.

- HO - MỆT MỎI .

- MỖI LẦN PHA 1 ỒNG
VÀO NỬA LÍT NƯỚC,

- CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY
THỂ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN

ĐOÀN - THÊM

Anh và các em

Sáng hôm 12 tháng 7 năm 1954, tôi cầm giấy gọi vô dinh Gia-Long để xem được giao việc gì. Dĩ-nhiên tôi phải gặp cấp hữu-quyền.

Một bạn trong phủ Thủ-tướng bảo tôi cần yết kiến trước hết ông Ngô Đình Nhu.

Điều này hơi lạ, đối với một công-chức quen theo hệ-thống chánh-thức. Nhưng vì đã nghe nói khá nhiều đến học-lực của ông, tôi cũng muốn có dịp nhận xét.

Một tùy-viên dẫn tôi ra hành-lang, về phía một người đương đứng dựa cột nhìn ra vườn sau :

— Ông ấy đó.

Ông quay lại, nét mặt nghiêm-nghị, nhưng chợt mở rộng miệng cười khi nghe giới thiệu, và nói với giọng rất trầm :

— Ở... vô đây cùng làm việc, chỗ anh em cả.

Ông không bắt tay : về sau tôi mới rõ là ít khi ông theo lệ thường này đối với người trong Phủ. Tôi chú ý đến nước da sạm, mắt sắc nhưng hơi trợn, hai tai bạt thiếu ráy, má lúm đồng tiền và đôi hàm rất khỏe : lúc cười, răng trắng soi sáng về mặt chiếu dăm. Tôi còn ghi nhận những ống quần nhàu không ủi, chiếc sơ-mi hở cổ cộc tay và hơi cũ, đôi dép da quai sỏn. Y-phục quá sơ-sài của em một ông Thủ-tướng khiến tôi phát ngượng và lúng túng trong bộ đồ lớn của tôi.

Tôi hỏi về nhiệm-vụ phải giữ ?

— Ở... cái đó để ông Bộ-trưởng trình Thủ-tướng. Liệu cùng làm với nhau.

Tôi thưa rằng anh em dặn tôi hỏi chính ông.

— Không, tôi có là chi đâu ! Ở đây giúp lãng quăng ông cụ vài việc vặt lúc ban đầu, vì chưa có người, chớ không biết gì về tổ-chức cả...

Chắc thấy tôi nghi ngại, ông lại cười trắng và nói chậm :

— Tôi có bàn giấy nào đâu, tiếp khách cũng đứng đây, ngoài hè.

Tôi bèn cáo thoái và đi tìm một cao-cấp. Ông này quả quyết với tôi : không thể định đoạt, để trình lại... ông Nhu !

(Xin xem BK. TĐ. từ số 259)

Chợt ông Thủ-tướng từ phòng đi ra, ông cao-cấp cùng tôi đứng dậy, và tới gần ông Diệm nói khẽ một câu.

Ô. Diệm nhìn thoáng tôi, rồi gật :

— Ờ... hãy đưa tới ông Nhu coi !

Ông Thủ-tướng đi khỏi, tôi cũng đi ra, trong tai còn văng những tiếng "ờ"...

Ông nọ đồ quyền cho ông kia, ông nào cũng chối hoặc "ờ"

Bởi vậy, tôi ngán quá, và nhân dịp chính-quyền sơ-lập còn đương bối rối về nhiều việc ngồn-ngang, tôi lẳng lặng lên Đa-Lát dạy học ít lâu, cho tới khi có lệnh kêu trở lại.

oOo

Từ khi ấy, cho tới 1958, tôi hay có dịp gặp ô. Nhu, hay đúng hơn thì ông hay đến gặp tôi, không hẳn vì có nhiều việc liên quan đến tôi, nhưng vì ông thường phải qua phòng giấy của tôi để vào bàn luận với ông Bộ-trưởng.

Nhiều lần, ông dưng lại ngồi trước mặt tôi và nói chuyện rất tự-nhiên, có khi trọt dép ghếch chân lên góc bàn. Quần áo của ông vẫn như trước kia, người lạ gặp ông có thể lầm với một nhân-viên cấp dưới, thật trái hẳn với ô. Diệm hay ô. Luyện là những người quen phục sức chỉnh-tề.

Về bình-dị bất-thường của ông khiến tôi tự hỏi: tuy ông không có lương-bổng chi hết, chẳng lẽ nào ông Thủ-tướng để ông túng thiếu như hồi còn ở trọ một bệnh-viện tư cách đây không lâu? Hay là ông lại muốn noi gương già Hồ, để được coi như hiện-thân của giới cần-lao hoặc của Cần-Lao?

Tôi càng thấy khó hiểu, khi mục kích ông co-ro cùng vợ con trong một căn phòng 4 x 3 thước trên lầu dinh Độc-Lập, tuy còn những phòng rộng lớn và đẹp đẽ hơn. Theo một người thân-cận, thì ông không muốn ở trong dinh, chỉ chờ dịp dọn đi, nhưng ông Diệm không nghe, quyết giữ ông lại để còn luôn luôn hỏi việc.

Căn cứ vào những lời ông nói và nếp sống bề ngoài của ông, tôi đã kết luận rằng ông tránh tiếng lợi dụng quyền-lực và địa-vị của ông anh. Ông muốn được coi như một tư-nhân đứng sau lưng ô. Diệm, đem công-tâm ra giúp ít nhiều vào việc tranh-đấu mà thôi, chớ không nhằm chức-vụ hay lợi-lộc chi hết.

Cũng có lẽ, vì thái-độ dễ dãi của ông Nhu hồi đó phù-hợp với không-khí chưa khó thở trong dinh 1955. Chính ông Thủ-tướng cũng xuề-xòa, trước mặt chúng tôi. Ông cũng cởi cà-vạt, xắn tay áo cho mát; một bận, gặp một nhân-viên và tôi giữa cầu thang nhỏ, ông cười nhũn-nhặn và đứng dẹp vào tường, ra hiệu cho đi trước. Tại bàn ăn trên lầu, hôm nào cũng thấy bày sẵn đến mười bát đĩa, khách thân trúng bữa có thể ngồi ăn liền. Một phòng rộng cạnh phòng ông Diệm được dành cho vài người tin-cần xử dụng ngày đêm.

Song mọi sự vừa kè, dầu cố-ý hay tự-nhiên, cũng vô-hiệu đối với đa-số ở

trong hay ngoài chính-giới. Ngay khi ô. Nhu chưa được ai gọi là ông Cố-Vấn, ông vẫn bị nhân-sĩ hay nhân-viên thăm hỏi về mọi việc cần-cấp, hoặc nhờ cậy can thiệp: chối là vô-quyền cũng chẳng xong. Và lại, hề việc nào phải xét kỹ, là ô. Diệm bảo : đưa ô. Nhu coi, hỏi ô. Nhu chưa ? Nếu thừa là rồi, ô. Diệm mới ký hoặc phê.

Ông Nhu thường tỏ vẻ bực mình, phần vì giữ ý với công-chúng, phần vì ghé những việc không tối quan-trọng. Có lần ông câu nhậu với nhân-viên mang hồ-sơ tới hỏi ông theo lệnh Thủ-tướng : « Ai muốn làm sao thì làm, cái gì cũng hỏi thì ai biết sao ? » rồi ông bỏ lên Cao-nguyên đi săn. Ô. Diệm nghe tin phàn nàn : « Chẳng chịu làm chi hết, cứ đi chơi ! Cố-Vấn gì mà cứ đi bắn ! ».

oOo

— Cố-Vấn gì ? Cố-Vấn nào ?

Ô. Nhu đã nói qua điện-thoại, giữa 1955, không phải để trả lời câu trên của ô. Diệm, nhưng để bẻ lại khi tôi có việc cần hỏi ông, và theo lối mọi người cũng gọi ông là Cố-Vấn.

Tôi chợt nhớ rằng khi tôi mới vào phủ, thì ô. Bộ-trưởng D. rồi ô. Bộ-trưởng C. và cả tôi đã quen miệng gọi ông là anh.

Đến khi cần cử ông qua Pháp thương thuyết với Thủ-tướng Edgar Faure, một số người trong chánh-phủ thấy ông phải đi với một danh-nghĩa chánh-thức hơn là với tư-cách bào-đệ ô. Diệm. Nên hai chữ Cố-Vấn đã được đem dùng để đồng-thời thừa nhận một sự vẫn được coi là hiển-nhiên.

Ô. Nhu đã thành Cố-Vấn Chánh-trị mà chẳng cần văn-kiện nào bổ nhiệm. Thực-tế ở V.N. thường mạnh hơn pháp-lý, và pháp-lý có khi thừa.

Ông cũng biết là không tránh được chức-vị, song vì chưa quen, nên lúc đầu không muốn người thân-cận kêu theo hai tiếng lạ tai : thì cũng như mấy bạn sinh-viên ngày xưa thấy ngược khi mới thi đậu tri-huyện mà bị suy tôn làm Quan-lớn, nhưng rồi cũng chịu đựng được hết.

Ô. Nhu không thoát khỏi lệ thường, nên chỉ tới đầu 1956 là ông hết phàn đối, và dấu viết cho «ông Cố-Vấn», thì cũng được Cố trả lời và gọi lại là Ông : ông Bộ-trưởng, ông Đồng-lý v.v.

Cử-chỉ này báo hiệu cho tôi những sự thay đổi đáng chú ý hơn.

Ngày 26-10-1955, khi ban hành Hiến-ước tạm-thời, sự lạ nhất đối với tôi là bộ đồ Tergal mới tinh của Cố. Cố diện sang lần đầu tiên, và lần đầu tiên chịu ra mặt dự lễ cùng các nhân-viên chánh-phủ, trước thềm dinh Độc-lập.

Cách đó ít lâu, những người thân-tín trước kia ăn ở ngay trên lầu, đều ra ngoài cả, các phòng được trang trí lại, và gần hết căn phía tay trái, — về sau bị ném bom, — được nhường cho gia-đình Cố-Vấn. Rồi Cố có phòng giấy riêng, nhỏ nhưng rất kín đáo, với dụng-cụ mới như quần áo, đặc-điểm nữa, là

về riêm-rúa của các ghế ngồi có đệm bọc sa-tanh hồng bóng loáng : một màu sắc chỉ có thể dung thứ ở căn phòng phấn sáp của phụ-nữ nhà giàu.

Khi nếp sống đổi, con người cũng đổi hay là ngược lại ? Ở trường hợp ô. Nhu và bà Nhu, chỉ là sự trở về di-vãng, của hai gia-cảnh quan-liêu và trưởng-giã, sau một thời kỳ tương-đối khó khăn. Nhưng sự vãn-hồi đó lại bị một số người coi như một biến-cải của những phẫn-tử lảng xa cương-vị tranh-đấu khắc-khò. Tôi nghĩ ông Nhu chỉ muốn chấm dứt giai-đoạn ăn bóng đè ra mặt vào cuộc, khi đã nắm vững thế cờ.

oOo

Cả ông và bà Ứng cử và đắc cử Dân-biểu. Mỗi người lập một văn-phòng riêng Sự giao-thiệp với các cấp chánh-quyền và các giới ngoài mỗi ngày một nhiều, trực-tiếp và công-khai. Sau 1958, và nhất là từ 1960, số người lui tới Cố hay bà Nhu không kém hay lắm khi còn nhiều hơn số vào trình việc ông Tổng-Thống. Ở nhiều trường-hợp, được ông Nhu hay bà thoả-hiệp, thì khỏi xin chấp-thuận của Cụ ; hoặc dù thỉnh thị ô Diệm rồi, vẫn nên báo cho ô Như : có khi Cố thấy cần xét lại, thì Cụ dầu ưng rồi cũng đề đổi ý. Lệnh của ông hay của bà, dù chỉ khâu-truyền, được tuân hành tằm tấp. Nhiều tờ trình chánh-thức, và cả lăm đơn khiếu-nại, vừa được gửi lên Tổng-Thống vừa được sao lên Cố-Vấn. Có khối công-văn đệ bà, tham chiếu cả những văn-thư mang chỉ-thị của văn-phòng bà, y như đối với cấp trên hoặc cơ-quan hữu quyền liên hệ.

Hai người hoạt động song song, chi phối các đoàn-thể công hay tư làm hậu-thuần cho chế-độ. Ông lập Thanh-niên Cộng-hòa, bà lập Phụ-nữ Liên-dới. Ông tổ chức Lực-lượng Đặc-biệt, bà tổ chức Phụ-nữ Bán-quân-sự. Bà tuyên bố, chủ tọa, khánh thành, kinh lý. Ông phát động các phong-trào tổ Cộng, học tập Nhân-vị, đề xướng và áp dụng quốc-sách Ấp Chiến-Lược. Rồi quốc-sách bao trùm các lãnh-vực. Hầu hết các Bộ-trưởng và cao-cấp quân-chính phải tham dự các buổi họp hàng tuần của Ủy-Ban đặc trách trung-ương do ông triệu tập và điều khiển : cơ-quan này từ 1961 thành ra Hội-đồng Chánh-phủ đích thật, với những quyết-định qui-mô và cụ-thể. Còn Hội-đồng Nội-các thì chỉ nhóm họp đôi khi để nghe ông Tổng-Thống cho chỉ-thị riêng về một vài vấn-đề không mấy quan-trọng.

Nên tôi không ngạc-nhiên khi có bạn sửng sốt, hôm có buổi họp tại phòng ăn dinh Độc-Lập để nghe Cố thuyết trình lần đầu về Ấp Chiến-lược : cùng với dăm trăm cao-cấp, các Bộ-trưởng đều đứng dậy chào lúc Cố từ trên lầu bước xuống nơi họp, không khác nào khi đón ông Diệm. Chẳng ai bảo ai, chẳng ai đặt lệ, mà nghi-thức cứ như vậy.

Tôi hồi tưởng đến người đã tiếp tôi tháng 7 năm 1954 tại hành-lang dinh Gia-Long : hình ảnh xa xưa quả đã khác nhiều, cả quần áo lẫn người. Bộ Orlon lịch-sự thay đã bộ đồ cũ nát, nhưng tóc sớm chấm bạc, nước da càng sạm, đôi mắt có quầng và khía, còn miệng cười trắng nhợt không xua đuổi được vẻ chán-chường và mệt nhọc của hai má chày dài : dấu vết, hay hậu-quả của những quyền-hành quá nặng ?

Ông và bà Nhu có địa- vị của một Quốc-sư và một Qui-phi. Đã có người ví bà với Evita, vợ nhà độc-tài Péron, Tổng-Thống Á-Căn-Định. Nhiều báo Hoa-Kỳ hay dùng tính-từ *Powerful*, thể-lực mạnh, khi nói đến hai người.

oOo

Sự tham-gia của ông được chính-giới chấp nhận như một sự tất-nhiên. Đối với hạng người lớn tuổi, mối liên-hệ gia đình vẫn còn chặt-chẽ, anh em thường được tin cậy và nâng đỡ hơn người ngoài ; giá thử không dùng khi có quyền, thì chỉ vì muốn tránh tiếng thiên-vị, hoặc vì người thân thích quá thấp kém. Nhưng nếu có kẻ giỏi, thì sao lại gạt bỏ, và ngại chi lời dị-nghị khi tin rằng đương-sự được việc ? Nếu về nguyên-tắc, mọi chức-vụ phải được chánh-thức giao phó, thì ở trường-hợp ô. Nhu, sự bổ-nhiệm chỉ là việc giấy tờ, một tiêu-tiết không đáng kể. Thắng hoặc có điều gì đáng trách, thì phải tìm trong oác thái-độ và hành-động của người được tin dùng.

Song người ngoài chính-giới không chia xẻ quan-điểm như trên. Đa số cho là những người phục vụ chế-độ không có can đảm phản đối chánh sách gia-đình-trị mà thực ra họ chẳng tán thành. Những người thuộc các nhóm đối-lập trách ô. Diệm đặt tình thân lên trên nhu-cầu đoàn-kết quốc-gia, chối từ sự tham-chính của những nhân-vật hay đoàn-thể không được lòng ô. Nhu, và nhắm mắt theo các mưu-kế do ông em bày đặt : truất phế Quốc-trưởng, loại trừ giáo-phái, thực-hiện độc-tài. Một ít người biết năng-lực của ô. Nhu và sự phức-tạp của tình-thế, không tin hẳn vào những lời đả kích, cho rằng trên lý-thuyết, ô. Diệm có thể tạm dùng em ruột nếu tránh được sự lạm-quyền.

oOo

Về phần bà Nhu, thì ở bất-cứ giới nào trong nước hay ngoài nước, dư-luận trước sau vẫn vô-cùng nghiêm-khắc. Lời khen bà, ở miệng hay dưới bút vài nhà báo ngoại-quốc, chỉ liên-quan đến sắc đẹp. Còn tiếng chê bai, thì dẫu đúng hay sai cũng không thể nào kể hết.

Duy ông Tổng-thống không hiểu vì sao người ta oán ghét bà như vậy.

Ngay từ 1955, nghĩa là từ khi chưa có Quốc-hội, Liên-đới hay Bán quân-sự, đã có lần ông chép miệng thở dài :

— Tội nghiệp, bà Nhu có làm chi đâu ?

Song một người như ông, đã hiểu và muốn giữ nếp sống cũ-truyền, sao có thể quên một điều tối-kỵ trong xã-hội này : dù không làm hay chưa làm việc gì có hại, người đàn-bà không thể thừa thế nhà chồng mà xen lấn vào việc chánh-quyền. Sự ra mặt và bề ngoài của bà, dưới mắt số đông, trái ngược hẳn với hình-ảnh cổ-hữu của người phụ nữ Á Đông khiêm-nhượng, ý-nghị và hiền-hậu ; của người mẹ và người vợ VN chăm lo trước hết việc nhà. Nên đối với ô. Nhu, người ta

còn chịu chờ đợi việc dở hay đề xét định ; nhưng đối với bà, thì ngay cả sự xuất đầu lộ diện cũng không được tán thành hay dung thứ.

Nguyên-do sâu xa nhất và đích thật nhất của nỗi ác-cảm chung, là sự mâu-thuẫn giữa lối sinh-hoạt của bà, và ý-niệm thâm thiết về phái đẹp của rất nhiều đàn-ông nước Việt : người đẹp mà lại muốn khoẻ và hách nữa, thì quá lắm, không chịu nổi. Nên dù phải hay trái, người đàn-bà VN muốn vội sống theo gương đàn-bà tiên-phong (Avant-garde) Âu Mỹ, tất chưa thể được yên thân trên một đất nước mà nhiều người còn ghê sợ những Võ-hậu và những Từ-Hi.

Tâm-lý của số đông như vậy, nên nhiều con mắt dễ nhìn thấy những sơ-hở và lầm-lẫn dễ buộc lối gay go. Mỗi lời nói và việc làm của bà, liên quan đến đời công hay đời tư, đều là những cơ những dịp cho dư-luận chỉ trích ngặt nghèo.

Đầu năm 1961, một bạn Việt-kiểu đứng tuổi ở Ba-Lê có hỏi tôi về những sự bất-lợi mà người ta gán cho bà Nhu.

Tôi đã trả lời : có nghe nói, nhưng không biết dựa vào đâu mà xét đoán.

Anh ta kết luận rằng :

— Theo nhiều bạn ở bên này, chắc cũng có phần đúng phần không. Nhưng dù sao, nếu đã làm mang tiếng cho ô. Diệm, thì bà nên tự ý lánh mình có hơn không ? Vì ở chánh-trị phải tránh sự hiểu lầm, và bề ngoài cũng đáng kể như sự thật.

Song một người quen bà lại cho biết :

— Khốn nhưng bà ấy cứ tin rằng bà phải làm, nếu không thì chẳng ai làm một số việc mà bà coi là tối-cần : như huy động phụ-nữ vào những công-cuộc chung. Mà thực ra, phải có bề thế của bà mới lay chuyển và lôi cuốn nổi phần lớn các bà chưa chịu ra khỏi gia-đình.

Một số khác, thuộc Phong-trào Cách-Mạng, cũng đồng ý rằng bà có thể và nên làm việc công. Những tồ-chức của bà ở thời-kỳ thí-nghiệm, chưa thể cho là dở cả. Nhưng họ phàn nàn : thái-độ của bà làm hại chính-sách, giá thử bà dễ dãi, nhún nhường, mềm dẻo, thì may ra bà cũng được tin theo phần nào, ít ra không bị ghen ghét lắm. Nhưng bà nói quá mạnh, có vẻ coi thường hết mọi người, nên dù hoạt-động có ưu-điểm gì chẳng nữa, cũng không thể đòi ngược chiều công-luận.

oOo

Trong mấy năm đầu, ô. Diệm không thấy các em ông có lỗi gì hết. Ông tin rằng mọi sự công-kích đều do lòng đố-ky, hoặc do mưu-mô ly gián của các đối-phương.

Đã vài lần, ông nói với người chung quanh :

— Bà Nhu chịu khó lắm, Đâu hoài, mà cứ gắng làm việc công-ích. Thiên-hạ ác miệng lắm.

Nhưng rồi ông thấy cả những người chí-thân cũng phản đối nhiều hành-động

của bà. Sự bất-hòa giữa bà và ô. Cần chẳng hạn, không thể giữ kín. Phải là Chi-đạo mới có gan lên án bà trước ông Tổng-thống. Ô. Diệm hay bị trách, là nhu-nhược, để mặc cho vợ chồng ô. Nhu làm mưa làm gió.

Ô. Diệm biết xử trí ra sao ? Có thật ông yếu ớt quá không ? Tôi rất muốn biết rõ về hai điểm đó.

Vài người thân-tín và quyến-thuộc đã hiểu được nỗi khổ-tâm của ông. Không những ông phân vân giữa tin-tưởng riêng và dư-luận chung, ông còn hay bị kẹt giữa những người ruột thịt.

Có bận ông ở Huế về, ngồi phờ rất lâu, mớ tóc đen và dài rớt cả xuống trán và mang tai ; ông không nói không rằng, chỉ theo thói quen khi ông suy nghĩ, nghĩa là dụi tèn thuốc lá, chưa hết nửa điếu này đã dụi và châm điếu khác để dụi nhiều hơn...

Ông muốn trong ấm ngoài êm, thì họ cứ lục đục và dẫn dỗi, người nọ khích bác người kia. Ông thương tất cả, chẳng nở bênh ai gạt ai. Ông cần ô Nhu hơn hết, sao mọi người cứ nhằm chặt chân tay ông ?

Nhưng chẳng lẽ ông không dám có phản-ứng hay sao ? Ô. Cần biết tính lưỡng-lự của anh, đã bảo một người cháu : « Giục ông Tổng-thống mà không *khủng bố* ông, tất không được. » Khủng bố Tổng-thống, là nói mạnh, dọa làm bừa nếu ông chưa chịu nghe. Đồng ý hay không, bà Nhu lắm lúc đã biện thuyết quá hùng-hồn trước mặt ông...

Ở những trường-hợp đó, người phải chứng kiến đã ái ngại cho ô. Diệm. Ông không quen mạnh dạn trước phụ-nữ nói chung, lại cả nê vợ yêu của người em quý nhất, sau hết ông kém về ngôn-ngữ và thiếu tài ứng đối. Nên ông chỉ cau mặt, không nghe không bác, lặng thinh trong một bầu không-khí nặng-nề. Rút cuộc, ông thường thở dài, hình như để tự giải thoát, giải thoát bằng tha-thứ.

Ông cho là ông rộng lượng chứ không phải là ông chịu đựng. Bởi thế, có lần ông khuyên một Bộ-trưởng :

— Thôi, thôi thường đờn-bà người ta hay nhiều lời. Xong thì thôi, mình đờn-ông bận tâm chi, cho nó yên mà lo việc lớn...

Nhưng tất cả vấn-đề, là nếu « nó » không yên thì sao ?

Sau vụ đảo-chính hụt 1960, một đêm chuông điện-thoại gay-gắt khua tỉnh một nhân-viên trong Phủ ; anh ta choàng giậy nghe :

— A-lô, đây là Sĩ-quan Tùy-viên. Thưa ông, chỉ-thị của Cụ từ Đà-Lạt truyền về như sau, Cụ dạy ông lấy cây viết ghi cho rõ từng chữ : « Bảo bà Nhu im mồm đi, không tuyên bố gì nữa. Bảo ngay. »

Thật là khổ. Ai có quyền vô dinh đánh thức bà hay ông Cố-Vấn, nhất là để đưa điện-văn quá đặc-biệt này ?

Đương-sự đánh đem tới Bộ-trưởng phủ Tổng-thống đề tùy ông tìm cách chuyển đạt.

Sở-di phải cấp tốc, không những vì lệnh ra bằng điện-tín, nhưng là vì việc

có tính-cách đại bất-thường : ông Tổng-thống phải bực tức đến cực-độ, không còn nề nang gì nữa, mới thốt ra lời với giọng kia.

Chẳng biết khi tung trái bom đó, ai đã nhẹ mình, ông hay là những người biết chuyện ?

Có người rầy lấy làm lý-thú :

— Con giun xéo lắm cũng quăn. Huống hồ ông. Thinh thoảng ông cũng phải quát tháo đôi ba tiếng cho bầu trời đỡ nặng, cho ra vẻ Tổng-thống...

oOo

Phần vì muốn chống đỡ hộ ô. Nhu và bà Nhu, phần vì lòng tự-ái không khỏi bị kích thích, ông đã cố tỏ cho mọi người biết rằng ông lãnh trách-nhiệm quyết định trong nhiều trường-hợp.

Một dự-án trợ-cấp được đệ lên ông. Vì ông Bộ-trưởng phủ Tổng-thống vắng mặt, người chuyên-trách đem việc lãnh ý-kiến ô. Nhu, và trình ngay sự-kiện đó, yên trí rằng như thế chắc vừa lòng ô. Diệm.

Nhưng trái với thường-lệ, ô. Diệm dồn luôn cho một thôi một hồi :

— Ai phải xét ? Phải trình ai trước ? Ai là Tổng-thống ? Tôi là máy ký hay sao ?

Nhân-viên bị quở, lui-thúi đem hồ-sơ về than phiền với một đồng-sự tinh-khôn hơn ; ông này bảo :

— Trước 1956 hay 1957, thì được. Ít lâu nay, Tổng-thống đòi nhiều rồi. Đành rằng về việc quan-trọng, cần có ý-kiến ông Cố, song cứ phải trình thẳng Cụ đã. Nếu Cụ thấy nên hỏi, thì tùy Cụ. Còn nếu Cụ định đoạt lấy, thì thôi. Đàng này, anh vội đi hỏi lấy, cho Cụ cảm-tưởng rằng anh coi Cụ như không biết việc, không dám quyết định, chẳng trách ! Có khi Cụ còn bực rằng : người trong Phủ còn hiểu lắm, thì trách sao được người ngoài khi họ phao là Cụ chỉ bị giật dây !

Kẻ đại-dột cũng thấy bực nó có lý, nhưng chưa tin hẳn. Rồi một lần được ô. Diệm kêu lên về một vấn-đề Dinh-điền. Anh ta trình đầu đuôi việc đó, nhưng theo thói quen, ông Tổng-thống lại chẳng thiết xét, chỉ nhân dịp này nói rất nhiều về công-cuộc khẩn hoang... Rồi ông kết luận :

— Dinh-điền. Không có gì quan-trọng hơn, mà ông Canh-nông, ông Cố-Vấn cũng không nghĩ ra. Cái ông Canh-nông không ngó chi cả, nước mặn mà không biết, tôi thọc ba-toong xuống cắm ngập nửa gậy. Kỹ-sư với chả kỹ-sư. Ông Nguyễn-công-Trứ không kỹ-sư gì hết, làm dinh-điền vùng biển ngoài Bắc. Tôi chưa coi, nhưng biết khá lắm. Chúa Nguyễn có cái công lớn là mở bờ cõi tận nơi đây. Nhưng đến Cà-Mau là cụt, không biết đi đâu nữa. Mình mới nghĩ rằng mình phải tiếp tục, chánh-sách Hiền-Vương, Võ-Vương... Sáng kiến của mình (tới đây, ông cười hề, đắc chí) mà không ai chịu tỏ rõ. Cái thông-tin còn dở lắm, ghi liền, biểu họ chịu làm hơn lên. Phải có nhiều tranh ảnh Dinh-điền. Vì Dinh-điền là của Tổng-thống, sáng-kiến Tổng-thống, chứ đâu có của ông Bùi-văn-Lương hay của ông Cố-Vấn. Ông Cố-Vấn ông ấy giỏi mà không biết nhiều Dinh-điền. Các Chúa

Nguyễn không biết Cao-nguyên, Minh mới biết Cao-nguyên. Minh còn tỏ rộng được hơn các Chúa Nguyễn. Minh phải mise en valeur, khai khẩn gấp. Nên tôi tính cho dân Trung lên đó lập nghiệp. Ông Cần cũng phải chịu mình là phải. Dân Bắc di-cư không đủ. Ngày xưa, các ông nhà Nguyễn thiếu dân, phải cho lính đi mới gọi là đồn-diễn. Nay mình có dân. Ông trên cho mình dân để mình đem lên trồng tía. Ông Nhu không hiểu, nói đưa dân Trung lên, họ oán. Mình đem đi, mình nuôi, có cá, có kénaf, có cam, quít, bưởi. Oán chi? Sáng kiến mình phải thực hiện. Lên Ban Mê Thuột mà coi, xanh tốt lắm. Ông Nhu đi sẵn mà không biết sao?..,

oOo

Ông muốn chứng tỏ rằng ông có nghĩ, và biết tìm ra, chứ không phải là ý hết vào ô Nhu.

Tuy vậy, ông vẫn rất cần Cố-Vấn, và hề ông này đi vắng vài hôm, là ông sốt ruột hồi hoai.

Nếu gom góp ý-kiến của những người thân-cận trong gia-đình và trong phủ Tổng-thống, hoặc lâu đời quen thuộc họ Ngô, thì có thể giải thích như sau sự quyến-luyến và lòng tin-nhiệm đặc-biệt của ông đối với ô Nhu.

Ông vốn ít giao thiệp, lại từng bị lừa dối khá nhiều trong thời Pháp-thuộc, nên thành đa-nghi. Nói cho đúng hơn, ông không hay ngờ vực vì sẵn ác-ý, nhưng vì không dám tin ở sự xét đoán riêng của mình mà yên lòng trông cậy vào kẻ khác.

Đến lúc phải lo đại-sự, ông đành dựa vào người ruột thịt trước hết, nhất là khi những người này cùng chịu như ông một nền nếp giáo-huấn và tín-ngưỡng mà ông noi như đủ bảo đảm những đức-tính căn-bản tối-cần.

Nhưng tại sao ô. Nhu được đặc dụng hơn cả? Vì trong mấy anh em, không ai đủ điều-kiện như ông này. Đức Cha Thực, vốn người tu-hành, không thể gánh vác việc chánh-trị! Ô. Luyện có học-vấn cao, nhưng chuyên về kỹ-thuật, và không khắc-khở như ô. Nhu, khi đặc-tính này đối với ô. Diệm, lại đồng nghĩa với lòng cương-ngạnh và đức hy-sinh mà ông đòi hỏi ở người lãnh trọng-trách. Còn ô. Cần, tuy có công như ô. Nhu trong sự tranh-đấu để giúp ô. Diệm lên cầm quyền, lại học ít, tính-linh liêu-linh nhưng ngang-ngạnh, chỉ biết rõ miền Trung, nắm vững được tình-thế địa-phương nhưng không tiếp xúc được với người ngoại-quốc, thì đảm đương sao nổi những việc có tầm quan-trọng quốc-gia? Và lại, trong họ Ngô-đình, tôn-ti cũng cần theo đúng; ngay ở gia-đình, anh phải hơn em, nên ô. Luyện, ô. Cần phải nhường bước ô. Nhu.

Bởi vậy, ở địa-vị và theo quan-điểm của ô. Diệm, khó lòng chọn cố-vấn nào khác ô. Nhu.

oOo

Riêng tôi không đủ các yếu-tố cơ-mật để xét về toàn-diện thân-thể và hành-động của ông. Tôi không rõ ông có làm hay không những việc có hại cho người này hay nhóm khác.

Song nếu căn cứ vào những sự từng thấy, thì đối với ông, ý-niệm của tôi có thể dứt khoát hơn là đối với ông Diệm.

Về phương-diện trí-thức, trình-độ của ô. Nhu rất cao. Học-vấn cò-diễn và nhân-bản của ông rộng và vững. Qua lời nói ề-à, kẻ chú ý có thể bắt gặp những nhận xét sâu sắc về người và việc, một sự khó thấy ở ô. Diệm, và ít thấy ở người chung quanh.

Triết-lý Nhân-vị mà ông thấu triệt và tin tưởng, theo tôi không mấy quan-trọng, vì tôi quen nhìn với nhỡn-quan của người chỉ mong thấy được việc cho xứ sở, hơn là quan tâm đến lý-thuyết cao vời. Nhưng tôi nhận rằng ông muốn tìm cho chánh-sách một căn-bản, cho chánh-quyền một chánh-sách, cho tương-lai một định-hướng. Khi đa-số người hữu-trách và ngay cả ô. Diệm chỉ hay nhằm sự trước mắt và mắc việc hàng ngày, ông suy nghĩ và chỉ một mình ông suy nghĩ như trên. Nếu chế-độ cần một đầu óc, thì đầu óc đó dù sáng nhiều hay sáng ít, lại không phải là « Lãnh-đạo anh minh » của các chức-từ và các bản thông-tin.

Nhưng lắm phen tôi đã tự hỏi: ông chịu nghĩ thì có tìm ra nổi gì không? Lâu dần, tôi thấy ông đã nắm trúng yếu-điểm của cuộc-diện: tình-trạng chậm tiến và nhu-cầu phát sinh từ tình-trạng này. Bi-kịch của chúng ta bắt nguồn từ đó. Từ đó chúng ta phải suy luận, chớ không thể còn mơ tưởng từ sự tự-hào về bốn ngàn năm văn-hiến. Ý-thức phát-triển gấp rút ám ảnh ông hoài, và luôn luôn ông dựa vào đấy mà làm hay nói.

Biết tôi ưa làm thơ, một lần ông biên mấy chữ chì than và gửi riêng cho tôi: « Lãng-mạn không hợp với tình-trạng chậm tiến. Người thức-giả nên cảnh giác ». Tôi vẫn đồng ý với ông về nhiệm-vụ của người có học đối với việc mở mang xứ-sở, nhưng tôi không nghĩ rằng tìm đẹp làm thơ có thể hại đến công-cuộc chung.

Bận khác, tôi đưa ông tập « Lược-khảo về Hiến-Pháp các nước Á Đông », ông phê: « Đã bắt đầu được. Đi xa hơn về phương-diện chậm tiến. » Hai chữ này được nhắc nhiều lần trên những bài diễn-văn mà ông thảo cho ông Tổng-thống. « Chậm tiến » thành động-lực cho Kế-hoạ h ngũ-niên, Kỹ-nghệ-hoá, Viện-trợ kỹ-thuật và kinh-tế, Khu trú-mật, Hiệp-hội Nông-dân, Ấp Chiến-lược, báo Quê Hương v.v...

oOo

Tiếc thay, ông suy tưởng hợp-lý mà áp dụng không công-hiệu. Nguyên-do, là thiếu ở nơi ông, hai điều-kiện mà tôi tạm gọi là khả-năng phát huy và khả-năng thực hiện.

Những ý-kiến của ông không được bày tỏ rõ ràng, nên dù ông muốn phổ biến, cũng không lôi cuốn nổi nhiều người. Cũng như ô. Diệm, ông nói rất kém, khi hùng-biện lại là lợi-khí tối-cần cho chính-khách muốn có ảnh-hưởng bên ngoài sĩ-lông hay các phòng giấy. Nghe ông, thì phải kiên-tâm chịu đựng sự chậm rãi, dài lời, nhát gừng, loanh quanh hay mịt mùng. Thật lạ quá, ở một người có cây bút rất nhạy, đưa nổi dòng tư-tưởng theo dòng mực, một mạch từ nguồn ra biển...

Ông viết lẹ, ít khi phải ngừng phải xoá, cô đọng nhiều ý trong ít chữ, với những tiếng chắc nịch : ít ra là như thế khi ông viết bằng Pháp-văn. Pháp-văn của ông vượt xa về mặt văn-thề, của những cây viết có tiếng ở miền Nam : Nguyễn Phan Long và Vương Quang Nhường.

Trên địa-bạt thực-hành, ông cho cảm-tưởng là lạc từ lý-tưởng vào thực-tế. Tờ-chức Thanh-niên Cộng-hòa là một tỉ-dụ cụ-thể. Ông bỏ quên giới trẻ có học ở các thành-thị, tuy ông không thiếu tư-cách và phương-tiện hấp dẫn. Ông nhắm trước hết vào giới công-chức, để phát động một phong-trào cách-mạng. Nhưng trong lịch-sử, lịch-sử mà ông thuộc hơn ai, không bao giờ có cuộc cách-mạng nào do công-chức cầm đầu, vì lý-do rất giản-dị là họ chỉ quen phục vụ theo qui-củ và sống yên theo nền-nếp : không thể trách họ về các điểm này, vì giới nào cũng có đặc-tính của giới ấy. Nhưng ông đã tin, và tin thật vào bộ đồng-phục màu xanh ? Bộ đó không có phép lạ biến người thư-ký hay ông chủ-sự thành một phần-tử đấu tranh. Bất mặc thì mặc, xếp hàng thì xếp hàng, giờ tay thì giờ tay : người tùy-phái của tôi vừa cười rử vừa thay đồ và tùm tùm xin phép "đi Thanh-niên", rồi một lát sau về trút vỏ Thanh-niên, lại đưa giấy, mở cửa cho khách, hút thuốc và đọc báo : anh ta cũng chẳng hiểu mình cách-mạng ở chỗ nào ? Nhưng Cố-Vấn Ngô Đình Nhu, học-giả kiêm chánh-trị-gia, đã tỏ vẻ hài lòng về sự thành-công của mình, khi đứng nhìn diễn hành hàng ngàn bộ đồ xanh. Tờ-chức của ông có giúp được chút nào cho chế-độ đang vững hay không ?

Đâu phải ông không thấu thực-trạng của bộ máy chánh-quyền ? Nhưng ông tưởng rằng có thể vượt gấp các chặng đường, xông tới đích cách-mạng mà không cần những sự cải-cách chuyền tiếp. Từ 1954, chưa từng có phong-trào cải tổ hành-chánh một cách sâu rộng và bền bỉ : trên nguyên-tắc, thì ông vẫn chấp nhận, vì ông ưa lý-thuyết hay. Nhưng ông không chịu theo dõi sự tiến-hành, và cũng như ô. Diêm, ông không lo thu xếp cho khỏi bị công việc tràn ngập, nên ông dặn trước quên sau, mặc chúng đánh trống bỏ dùi, rồi đầu lại vào đấy. Rồi dùng một cái, ông muốn lời cuốn rất mạnh cả khối người rất nặng của chế-độ, mà chính ông đã ví với con voi tiền-sử *Le mastodonte administratif*. Ông đã khiến tôi tưởng tượng đến một quan cai-trị xứ Pérou hay Áo Đại-Lợi đột nhiên sang điều khiển xứ tôi, nghĩa là với những phương-pháp không ăn nhập gì với những sự-kiện đặc-biệt của một chính-quyền chưa chính-đốn.

(Còn tiếp)

Đ.T.

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong bài " Góp ý với Nguyễn Hiến Lê " trên Bách Khoa số 264 (1-1-68) có mấy chỗ sai lầm như sau, xin bạn đọc vui lòng sửa giúp cho :

Hàng 7, đã in : Hay dịch truyện nước ngoài ;

xin sửa là : Hay dịch truyện nước ngoài.

Hàng 20, đã in : *Mất độc chí* ; xin sửa là *Bất đắc chí*.

Tình-hình văn-học Đài-Loan từ 1949 đến 1958

L.T.S Ông Nguyễn Hiến Lê đã viết xong từ trên một năm nay bộ Văn học Trung Quốc hiện đại dày khoảng 500 trang để bổ túc bộ Đại cương Văn học sử Trung Quốc của ông đã in lần thứ nhì.

Trong bộ Văn học Trung Quốc hiện đại ông phân tích kỹ các văn trào rồi giới thiệu khoảng 50 tác giả và hai trăm tác phẩm Trung Hoa trong giai đoạn từ chính biến Mậu Tuất (1898) đến 1960, giai đoạn sôi nổi nhất, gồm nhiều biến chuyển lớn lao nhất trong lịch sử văn học Trung Hoa.

Vừa giới thiệu ông vừa so sánh với văn học Việt Nam cũng trong thời gian đó, vạch cho ta thấy rõ rằng khi hai dân tộc có một văn hóa như nhau mà cũng gặp những hoàn cảnh như nhau thì văn học cũng có những nét chính như nhau, cũng biến chuyển theo một đường lối như nhau, gần như là cùng một tốc độ như nhau. Nhận xét đó của ông rất lý thú và rất gợi hứng cho những nhà nghiên cứu nền văn học đối chiếu.

Ngay trong bài dưới đây, độc giả sẽ nhận thấy Văn học Đài Loan từ năm 1949 gần y hệt tình hình Văn học Việt Nam từ 1954 đến 1963.

Sau bài này, chúng tôi sẽ xin phép ông giới thiệu với Độc giả thêm vài chương trong bộ đó nữa, một bộ ra lúc này kể ra cũng là quá trễ vì ở Bắc Việt, văn học hiện đại của Trung Quốc đã được nghiên cứu và dạy mười lăm nay rồi.

Về văn học Đài Loan sau năm 1949 chúng tôi không có tài liệu nào khác ngoài mười mấy trang, Hạ Tế An viết bằng tiếng Anh và in vào phần phụ lục ở cuối cuốn A History of Modern Chinese Fiction của Hạ Chí Thanh. Tế An là anh (hoặc em) của Chí Thanh, làm chủ bút tờ Văn học ở Đài Bắc, một tạp chí có giá trị ra đời từ 1956.

Ông phân tích tình hình văn học trong

mười năm 1949-58 ; đọc xong chúng ta có cảm tưởng rằng trên Hoa lục, phong trào văn nghệ rầm rộ bao nhiêu thì ở đây quang cảnh lạng lẽ bấy nhiêu, không khác gì ở miền Nam nước Việt chúng ta này.

Ở bên kia, nhà cầm quyền coi văn nghệ là lợi khí của chính trị, chỉ huy văn nghệ nhưng cũng đặc biệt khuyến khích văn nghệ; ở đây (Đài Loan) nhà

cầm quyền lừng chừag, không ra chỉ thị cho văn nghệ-sĩ, nhưng vẫn hô hào họ chống cộng, và họ chống hay không thì cũng mặc; mà cũng không phải là cho họ tự do hẳn, vẫn kiểm duyệt đầy nhưng cơ hồ như không có đường lối. Ở bên kia, nhà văn hoặc được đề cao rất mực hoặc bị trừng trị rất gắt, mỗi hành động bị theo dõi mỗi hàng chữ bị phân tích; ở đây họ muốn viết gì thì viết, miễn đừng làm rộn chính phủ, họ sống ra sao thì sống, chính phủ không biết tới, và họ có « đầu độc » thanh niên hay không, chính phủ cũng chẳng cần xét.

Sức sáng tác trong mười năm đầu rất kém. Không hẳn là tại số độc giả ít. Vì Đài loan tuy chỉ có khoảng mười hai triệu dân, nhưng còn mấy chục triệu Hoa Kiều ở khắp miền Đông Á này nữa chứ. Hay là tại mới di cư qua Đài Loan người ta còn bàng hoàng? Có lẽ vậy. Tại chính quyền không khuyến khích văn nghệ sĩ? Cũng có lẽ nữa. Tại họ thiếu một lý tưởng? Rất có thể. (1) Mà cũng có thể rằng tại họ thiếu tài.

Trở lên trên là chút cảm tưởng của chúng tôi sau khi đọc bài của Hạ Tế An. Dưới đây chúng tôi xin lược thuật những ý chính trong bài đó.

Hạ Tế An không nói gì tới ngành kịch, thành thử chúng ta không biết ở Đài Loan, người ta còn soạn kịch hay không.

Về thơ, ông viết:

Có một nhóm thi sĩ viết bằng bạch thoại, rất hoạt động mà bất chấp dư luận độc giả, làm thơ chỉ để cho nhau đọc và để truyền lại hậu thế. Trường hợp của họ là trường hợp thoát li hiện tại, trốn tránh trách nhiệm một cách tệ hại nhất. Người viết truyện còn bị bó

buộc một phần nào: tình cảm, tư tưởng của nhân vật có thể sai sự thực nhưng ít nhất cốt truyện cũng phải hợp với sự thực, không thể vô lý được; còn người làm thơ thì hoàn toàn tự do, không bị cái gì câu thúc, thế là người ta khoan khoái để cho trào lưu hình ảnh bất tận lôi cuốn đi — hình ảnh của Kea's, Yeats, của phái Cubisme... và đủ các loại hình ảnh khác chỉ trừ những hình ảnh Trung hoa quen thuộc của thi sĩ đời Đường, đời Tống. Vì các thi sĩ lớp mới của chúng ta là những nhà cách mạng quyết tâm đả phá truyền thống của dân tộc, coi những thi sĩ cũ là kẻ thù số một của họ. Chỉ trọng những cái ngoại lai, thơ của họ không có gì là Trung Hoa cả; lại thêm họ cơ hồ như không nhắc tới tình thế khẩn trương, tới những những vấn đề của quốc gia trong thời kỳ xáo động này.

Thực là trái ngược hẳn với Hoa lục: một bên trở về những « hình thức nhân dân », (2) một bên theo Âu triết đề; một bên chỉ phụng sự nông, công, binh, một bên thoát li thực tại. Đảo Đài Loan này phải chăng là Bồng đảo?

Các tiểu thuyết gia cũng trốn tránh trách nhiệm như các thi sĩ; họ chỉ « mơ mộng hão huyền và lấy làm thỏa mãn về tâm trạng đó »

« Trong mười năm nay tôi chưa thấy một tiểu thuyết nào xuất bản ở Đài loan mà tả một cách nghiêm trang hoặc đi dôm đời sống nông dân, công nhân hoặc đời sống giới trung lưu tức giáo viên, thư ký, giới của chính các nhà cầm

(1) Chỉ xét những bộ cổ văn in tại ở Đài Bắc và bán ở Chợ Lớn, chúng ta cũng thấy người ta trình bày rất cầu thả, đầy lỗi, xấu xí.

(2) Những tiếng trong ngoặc kép đều của Hạ Tế An — Dưới cũng vậy

bút, trừ vài lệ ngoại. Ngày nay đọc lại những nhà văn phái tả thời trước, ta cười họ là ngây thơ, chỉ mơ ước cải tạo xã hội mà bóp méo sự thực; nhưng phải đọc hoài những tác phẩm ủy mị mơ hồ ở đây, tôi đâm ngán và thính thoảng thấy thêm cái giọng văn cứng cổ; chua chát, gây gắt bênh vực sự công bằng xã hội mà chúng ta thấy trong những tác phẩm có giá trị nhất của phái tả thời trước.

Nào phải họ thiếu đề tài thiếu kinh nghiệm! Cuộc tiến quân như thác đổ của cộng, cuộc bại tẩu rối loạn của quốc, cuộc thoát thân gian nan qua Đài-Loan rồi những cảnh gia đình tan rã cảnh định cư ở Đài-Loan, những bờ ngõ lo lắng trong buổi đầu những suy tư, thắc mắc về tương lai, những tiếp xúc với đồng bào Đài Loan mà ngôn ngữ, lối sống đều khác.., có biết bao đề tài mới mẻ thiết thực mà chưa thấy tác-giả nào khai thác cả.

Người ta rất ghét Cộng, mà cũng chẳng có được một truyện chống Cộng nào vliết cho cao, đi sâu vào bản chất cộng sản. Có vài truyện đứng đắn tả đời sống ở Trung-Cộng; nhưng các cán-bộ cộng-sản trong truyện giống các vai hề hơn là người cộng-sản ở ngoài đời. Cũng mắc cái tật công thức: hễ là cộng thì đâm bạo, tàn nhẫn; và trong những cuộc mít-tinh đề tố khổ điền chủ, thì điền chủ luôn luôn là vô tội, dân chúng luôn luôn là buồn rầu, bất lực, mà trời thì luôn luôn là mưa phùn gió bắc, cho không khí thêm thê thảm!

Còn ngoài ra chỉ là những truyện tình mà nhân vật ít khi linh động.

Hạ tế An nói tháng nào cũng phải khổ công kiếm trong mớ bản thảo gửi tới, lọc đi lọc lại mới được ít truyện tạm đáng được. Ông tóm tắt vài truyện cho ta thấy tác

phong của các tiểu thuyết gia Đài-Loan:

« Một tiểu thuyết có ít nhiều tính cách tự truyện tả tâm trạng người lính mê một thiếu nữ ở Bắc Bình vào cái lúc mà quân đội quốc gia thua những trận lớn ở Hoa-Bắc. Người lính đó được lệnh di chuyển từ mặt trận này qua mặt trận khác rồi sau cùng, theo chính phủ qua Đài-Loan. Bơ vơ tại một xứ lạ, anh ta không thể nghĩ tới cái gì khác, ngoài mối tình của mình với thiếu nữ nọ. Bao nhiêu cuộc chinh chiến mà anh đã dự một phần, lưu lại những vết thương không lành được trong thể xác và tinh thần của anh; vậy mà anh chẳng âu sầu lấy một chút về cảnh nhà tan nước mất, chỉ nghĩ: bây giờ mà được gặp mặt người yêu thì sướng biết bao! »

Một truyện khác: một giáo viên từ lục địa qua, yêu một thiếu nữ ở Đài-Loan, hỏi cưới nàng nhưng cha mẹ nuôi của nàng không thuận vì chàng nghèo mà lại là người nơi lạ tới. Tác giả đã cho ái tình thắng (họ sống chung với nhau hay cùng ôm nhau tự tử, gì đó, Hạ không nhớ nổi); chứ tuyệt nhiên không phân tích tâm lý người Đài Loan và người Hoa lục khác nhau ra sao, phong tục Đài Loan ra sao, cảnh làm con nuôi ở Đài Loan ra sao....

Nên thơ nhất là truyện dưới đây:

Một sinh viên nọ kiếm được một chỗ dạy học tại tư gia, rồi yêu ngay cô học trò của mình, một thiếu nữ kia đủ cả tài lẫn sắc, nhưng mắc một tâm bệnh bí mật nên xanh xao tiêu tụy. Nàng rất cảm động và cảm tạ tình yêu của chàng, nhưng rồi cũng chết để lại một mối hận miên miên vô tuyệt kỳ trong lòng chàng. Bối cảnh tuyệt đẹp: biệt thự của nàng lộng lẫy không kém điện Versailles hoặc Cẩm Điện ở Bắc-Bình mà lại xây cất

trong một miền thẳng cánh có rừng có núi như Tyuy Sĩ.» (1)

Cần có những nhà phê bình đứng đắn sáng suốt để cải thiện tình hình đó. Nhưng mục điền sách trên báo đã không phải là mục xuất hiện đều đều, mà người điền sách lại nhã nhận quá, không muốn làm mất lòng ai, nên « giọng ôn hòa đã thành một cái lệ được mọi người chấp nhận, đến nỗi nếu ngẫu nhiên có một bài nào không khen mà lại chê bai, mạt sát, thì độc giả ngờ ngay rằng giữa tác giả và nhà phê bình tất có điều gì bất bình với nhau.»

Ngay công việc nghiên cứu, phê bình văn học cổ điển của Trung Quốc và văn học phương Tây cũng rất ít người lưu ý tới,... Các tiểu thuyết *Thủy hử*, *Hồng lâu mộng*... đã ít người đọc; mà những tên như Richards và Empson cũng lạ hoắc; những tên như Russell, Toynbre, Freud tuy quen thuộc hơn, nhưng học thuyết của họ thì người ta chỉ hiểu lơ mơ; chỉ có Croce là được độc giả hiểu rõ hơn cả, nhờ những tác phẩm của Chu Quang Tiềm đã được tái bản mà không xin phép tác giả. (2)

Vì người ta đã in lại một số công trình nghiên cứu văn học và dịch thuật thời trước, như bản dịch các tiểu thuyết của Tourgueniev, Tolstoi, Dostoievsky, Romain Rolland...

Dịch giả những cuốn đó phần đông còn sống trên lục địa, làm sao tiếp xúc với họ để xin phép? Mà chẳng xin phép thì họ cũng chẳng kiện cáo được. Tới tên dịch giả người ta cũng đề trống vì ở Đài loan mà ai dám nhắc tới tên Quách Mạt Nhược hay Mao Thuấn Vả lại sách bán chạy hay không, phần lớn là nhờ tên tác giả (Tolstoi, Dostoievsky) chứ không phải nhờ tên dịch giả.

Kề ra như vậy thì cũng kém đứng đắn đấy, nhưng dịch lại mất công quá (và chắc gì đã bằng người trước?); mà nếu không tái bản thì độc giả biết lấy gì mà đọc? Cho nên chính Hạ Tế An cũng nhận rằng các nhà xuất bản đó đã « có công rất lớn với hạng người yêu văn nghệ », đã « kích thích các nhà văn trẻ tuổi và đứng đắn để họ ganh đua viết cho bằng hoặc hơn các văn hào ngoại quốc. Nếu sau này Đài Loan sản xuất được những tác phẩm lớn thì một phần công lao là về những nhà xuất bản đã chịu mang tiếng không xin phép, cứ in đại lại các bản dịch cũ.»

Họ chỉ in lại những truyện bán chạy thôi, gần như « chưa nghĩ tới những dịch phẩm có giá trị mà khó bán: Homère, Dante, Milton. Baudelaire, Shaw tới năm 1958 vẫn còn đợi có nhà in lại. Họ cũng chẳng có kế hoạch gì cả để dịch các tác phẩm phương Tây: những danh tác của Henry James, Proust, Kafka, Joyce và Lawrence cũng ít được phê bình giới thiệu hoặc dịch.

« Nhưng vì chỉ in lại những dịch phẩm mà không in lại những sáng tác thời 1919-1949, thành thử thanh niên ở Đài-Loan ngày nay gần như hoàn toàn cách biệt với những phong trào văn học trước 1949.»

(1) Từ 1950 trở đi, tình hình chắc có thay đổi: một nữ sĩ tiêu biểu cho lớp văn nghệ mới của Đài Loan. Quách Lương Huệ có phong cách tựa như Françoise Sagan và cuốn *Tâm thơ* của cô bán rất chạy, in khoảng 50.000 bản, được dịch ra tiếng Anh. Phong trào lãng mạn đã có một hình thức âu hóa, không lạc hậu như vậy nữa. (2) Vì Chu Quang Tiềm ở lại Hoa lục.

(2) Chẳng hạn cuốn Văn nghệ tâm lý học của Chu xuất bản năm 1936. Chu ở lại Hoa lục.

Ngày nay không làm sao kiếm được những tác phẩm quan trọng xuất bản từ cuộc Ngũ tứ vận động vì chính phủ Quốc gia không muốn cho thanh niên biết chút gì về văn học trong ba chục năm trước 1949.

« Đối với độc giả trung bình ở Đài Loan ngày nay thì văn học hiện đại trước 1949 gần như chỉ do hai nhà dưới đây làm đại biểu: nhà thơ lãng mạng Từ Chí Ma và nhà viết tạp bút tình cảm Chu Tự Thanh. Vì có hai nhà này rất ít dính líu tới phong trào khuynh tả trong văn học, cả hai lại đều may mắn đã mất trước năm 1949.

« Ngay những tác phẩm vô hại của Băng Tâm cũng bị cấm vì bà ở lại lục địa và hợp tác với Cộng sản. Còn Lỗ Tấn, nhà viết truyện ngắn và tạp bút đầu tiên, theo thiên kiến, đã nói lên được đúng nhất cái ý thức của dân tộc Trung Hoa trong thời quá độ đau đớn, ê chề thì lại bị coi là loài rắn độc nhất trong văn học; ngay cả những truyền đơn chống Cộng của ông cũng không được đưa ra ánh sáng. »

Chính sách đó, Hạ Tế An cho là « đáng buồn nhất; » nhưng nếu ông biết rằng ở nước ta cũng có chính sách như vậy thì ông có bớt buồn không? Lạ thật! Việt và Hoa, trong mấy chục năm nay, về chính trị cũng như về văn học có ảnh hưởng gì trực tiếp với nhau đâu, vậy mà không hẹn, cùng gặp nhau trong một chính sách văn hóa! Mãi đến năm nay (1967) Nha Thông tin mới cho phép, chúng ta tái bản ít tác phẩm hồi tiền chiến, mấy năm trước kẻ viết bài này đã phải bôi bỏ một đoạn vì nhắc tới Nguyễn-Công-Hoan.

Hai nước còn giống nhau cả trên đường lối chống cộng nữa. Hạ Tế An viết:

« Tất nhiên báo chí (ở Đài Loan) vui vẻ truyền những tin về các cuộc thanh

trừng văn nhân trên lục địa; chẳng hạn người ta cho chúng ta hay Thẩm Tông Văn đã chiếu đấu ra sao để giữ được tinh thần đứag đản, Hồ Phong đã bị nghiêm trị ra sao vì dám chống lại Đảng, Đinh Linh bị khai trừ ra sao vì có tư tưởng khuynh hữu, nhưng nếu vì chút lòng thương hại cho cảnh ngộ các nhà đó mà chúng ta tò mò muốn biết tác phẩm của họ thì chúng ta sẽ thất vọng vì không kiếm đâu ra được. »

Rốt cuộc, theo Tế An, chỉ có công trình khảo cứu ở Đài Loan là có chút giá trị « Hồ Thích vẫn còn có thể lực, (1) vẫn còn tượng trưng cho sự phụ chứng văn hóa, vẫn được mọi người kính trọng; » nhiều học giả khác nghiên cứu văn học cổ điển cũng đã thấu triệt được những phương pháp khoa học, trong môn Chi-na học người ta đã có tinh thần vô tư, đã chịu kiểm soát lại tác giả, nguồn gốc tác phẩm, so sánh các bản, xác nhận lại các niên đại: nhưng họ không phải là những nhà phê bình, không xét nhiều vấn đề khác chẳng hạn: những tài liệu văn học cổ đó đối với độc giả ngày nay có ý nghĩa gì không? Nó còn có một giá trị tinh thần nào nữa không? Các văn nhân thi sĩ ngày nay còn rút được bài học nào trong các tài liệu đó không? Thành thử công việc của họ không thúc đẩy sự sáng tác văn nghệ. Một số khác nữa, gồm nhiều cây bút khác lại chỉ chuyên phê bình chính trị: phân tích thời sự, báo cáo về tình hình ở Hoa lục, cân nhắc và đoán tương lai của thế giới tự do trong cuộc chiến đấu với Cộng sản...

oOo

Các văn nghệ sĩ sáng tác ít, chỉ hội họp nhiều, không phải đề đấu tranh tư tưởng như ở Hoa lục — dĩ nhiên — mà đề tỏ tình khăng khít.

(1) Tế An viết vào hồi 1957-58, lúc đó Hồ Thích còn sống.

Thường cứ đúng kỳ người ta lại gặp nhau, cũng nhận xét về tác phẩm của nhau nhưng luôn luôn giữ một giọng xã giao, ôn hòa, nhã nhặn.

Các văn đoàn phát triển mạnh : có Hội nhà văn Tự-Do (tên chính thức của hội không phải vậy) gồm đa số các nhà văn của tạp chí Free China, có hội P.E.N., hội các Nữ Sĩ.. Thi sĩ chia làm hai phe : Phe cổ, không đồng, cổ từ nếp sống tới tác phong, làm sống lại ít nhiều tục lệ cũ ; phe mới, chia làm hai nhóm : nhóm thi sĩ hiện đại, có khuynh hướng Đa-đa (Dadaisme) và nhóm Ngôi sao xanh thích tìm cái đẹp hiền nhiên hơn nhóm trên.

Đáng chú ý nhất là nhóm do Trung tướng Trương Kinh Quốc đỡ đầu, tức Hội nhà văn trẻ tuổi. Tên hội như vậy nhưng hội không phải chỉ thu nhận các nhà văn trẻ tuổi : ai vô cũng được chẳng kể trẻ hay già, chẳng cần khuynh hướng này khuynh hướng khác, mà cũng chẳng cần phải cầm cây viết nữa. Tôi thì đủ hết : nào là các thi sĩ bất chước trường Lăng mạn của Anh, trường Tương trưng của Pháp ; nào là các nhà chuyên môn biện hộ cho chủ trương tri vị (tri biết để biết); nào là các tiểu thuyết gia đề cao ái tình nhục dục, các ký giả giữ mực thời đàm thịnh thoảng mỉa mai chính phủ chơi ; các nhà viết tạp bút rất hợp thời đúng mốt, năm nay nói về Jiménez, sang năm nói về Camus. Những văn nhân thi sĩ đó, Tướng Kinh Quốc đều quý và trọng ngang với những nhà văn ái quốc lúc nào cũng ca khúc : nhất định ta phải thắng, Cộng phải thua.

Như vậy thì sự đỡ đầu của Trung tướng Trương có lợi gì cho văn hóa hay cho đích thân các văn nhân không ? Hình như không. Ở Đài Loan, các ông

tướng cũng có thái độ đối với văn nghệ. Ông các ông tướng bên mình chẳng ? Làm chủ tịch một hội gồm các văn nghệ sĩ toàn quốc thì ai mà chẳng khoái ? Đeo lon đeo gươm (cổ này thì tôi phải xin lỗi độc giả, đã tưởng tượng thêm một chút xiu, Tế An không hề nói vậy) tôi dự một cuộc họp của họ trong vài phút rồi nhã nhặn rút lui để « các vị thảo luận, tôi không dám xen vào, » cứ chỉ đó ai mà chẳng cho là đẹp !

Còn cái việc tạo điều kiện hoặc giúp phương tiện cho nhà văn sáng tác thì...

«Thực là ngược đời, những tạp chí do hội xuất bản (1) trả nhuận bút lại không hậu bằng tờ độc lập Free China.»

Còn một văn đoàn nữa, Đài Loan có mà nước ta không có, tức tổ chức của các nhà văn Quốc Dân Đảng chính thống. Họ rờng rã mấy chục năm chiến đấu với Cộng sản trên phương diện ý thức hệ, nhưng rõ ràng là họ thất bại và tác phẩm của họ xuất bản ở Nam Kinh, Trùng Khánh phần lớn đã bị độc giả quên rồi. Ngay như phong trào Tân sinh của Tưởng giới Thạch, rầm rộ được một vài năm rồi cũng chẳng được ai nhắc tới nữa kia mà. Quốc dân đương muốn tiến — tiến về đâu, đó là chuyện khác, đem ra bàn thì dài dòng lắm — mà người ta muốn tìm lại thì tìm sao được.

Bây giờ họ hoạt động lại rất hăng' muốn hướng dẫn thế hệ trẻ, đặc biệt là những mầm non có khuynh hướng về văn nghệ nhưng Quốc Dân Đảng không nhận định đúng mức công lao của họ, không tìm cách cho tác phẩm của họ

(1) Hạ Tế An không muốn nhưng tôi chắc rằng các vị Chủ nhiệm, Chủ bút hay Giám Đốc gì đó của các tạp chí ấy đều đường hoàng hết, không thiếu tiền nhuận bút của các nhà văn, như hồi nước ta hồi nào.

được tiêu thụ mạnh hơn, chẳng khuyến khích, cũng chẳng nhìn nhận lòng trung kiên của họ.

«Thành thử trong số các nhà văn lão thành đó, không một vị nào có chút quyền hành hay danh vọng như bọn Chu Dương, Quách Mạt Nhược ở lục địa, mặc dầu về hình thức cũng như nội dung, tác phẩm của họ không kém tác phẩm hai nhà văn nghệ độ: tài của cộng sản. Họ phải tùy vào sở thích bất thường của dân chúng trong việc tiêu thụ sách, mà tiền nhiệm bút đã không đủ nuôi sống thì họ phải cực khổ làm thêm những việc khác như dạy học, làm công chức.»

Đó là ý kiến của Hạ Tế An. Tôi chưa được đọc những trứ tác của các nhà văn lão thành đó, nên không giám bàn gì thêm. Nhưng tôi không thể không liên tưởng tới một số nhà văn lớp trước của ta từ Bắc di cư vô đây, người thì bị chính quyền nghi kị như Nguyễn Tường Tam, người thì chỉ được giao cho những việc cạo giấy lạng nhăng, người thì mới đầu được tin dùng một chút, sau bị gạt bỏ, tới nỗi kiếm một chân giáo sư Trung học cũng không được... hiện trạng đó có nhiều nguyên nhân phức tạp, hầu hết liên quan tới chính trị, có đủ tài liệu, sau nầy phân tích thì cũng thú.

Rốt cuộc nhà văn ở Đài Loan cũng như ở nước ta, ít ai hy sinh được cho nghệ thuật. «Người ta phải lo kiếm cơm, làm nhiều công việc khác, chứ không chuyên sống bằng cây viết được» mà «viết văn là một nghề bạc bèo, không được trọng vọng, cũng không được thưởng công, nên ít ai chịu mang cái nghiệp đó cũng là dễ hiểu»: (1)

oOo

Nhưng Hạ Tế An cũng nhận rằng

chính quyền Quốc gia không khuyến khích văn nghệ, chứ cũng không bóp nghẹt văn nghệ.

Ông viết:

Một số người cho rằng chính sách độc tài của Quốc Dân Đảng đã bóp nghẹt sự phát biểu chân thành trong văn nghệ ở Đài Loan, theo họ thì Quốc Dân Đảng cũng phạm cái lỗi lớn là muốn thống nhất tư tưởng, đè nát cá nhân chủ nghĩa chẳng kém gì đảng Cộng sản trên lục địa. Tôi không hoàn toàn đồng ý với họ. Dĩ nhiên Đài Loan không phải là một kiểu mẫu dân chủ nhưng tôi không nghĩ rằng những khuyết điểm về chính trị có thể giáng được những thất bại trong mọi khu vực hoạt động khác (...)

«Quốc Dân Đảng bận nhiều việc gấp quá đầu nghĩ tới việc ra chỉ thị cho văn nhân nghệ sĩ. Có một lần Đảng phát động một phong trào đả đảo thứ văn nghệ tam sắc: hồng (cộng sản) hoàng

(1) Ở nước ta, tình hình cũng vậy, nhưng có thêm một bọn ký sinh trùng của văn nghệ, chẳng hề cầm cây bút bao giờ, chẳng hề biết chút xíu gì về văn nghệ mà lại lãnh nhiệm vụ chỉ huy huy văn hóa và được quyền cao chức trọng bổng lộc nhiều nữa. Tôi chỉ xin kể một trường hợp điển hình mới xảy ra đây, trong một cuộc phát phần thưởng ở Sài Gòn tháng 5 năm vừa rồi, một Ông lớn trong bộ Giáo dục nhân nhủ học sinh, dẫn một câu của Khổng Tử:

«Khổng Tử nói: «Biết cái gì mình biết, không biết cái gì mình không biết đó mới thực là biết vậy (Tri nhi vi tri chi, bất vi bất tri, thị chi dã). Đó là điều kiện về trí tuệ... (Chép đúng nguyên văn trên bản Thông tin Giáo dục số 2, tuần lễ từ 22-5 đến 28-5-66.)

Về một số Giáo sư Đại học, cũng có nhiều chuyện lắm, không thể kể hết được (Coi bài *Làm sao cho học sinh bớt dốt Việt*, văn của chúng tôi, Tin Văn số 4 ngày 21-7-66)

(tính dục), hắc (tội ác); nhưng kết quả thì đáng ngờ lắm. (...)

Tất nhiên, về phương diện lý thuyết, Quốc Dân Đảng quả có chủ trương một chính sách, hô hào tất cả các người cầm bút một mặt chiến đấu với Cộng sản và Nga xô, một mặt đề cao đạo lý truyền thống của dân tộc. Nhưng trên thực tế thì chính sách đó chỉ được áp dụng trong phạm vi viết truyện tuồng, truyện phim vì soạn giả những truyện này phải thỏa mãn những đòi hỏi của các nhân viên kiểm duyệt khó tánh, nếu không thì tuồng và phim sẽ bị cấm.

« Tuy nhiên, phần đông các nhà văn và các nhà xuất bản ít khi phải đụng chạm với chánh quyền: Tổng bộ Trung ương, chi bộ hàng tỉnh của Quốc Dân Đảng, bộ Bình Định, bộ Giáo Dục, bộ Nội Vụ, các tỉnh đường và vô số cơ quan phòng giấy khác, cơ hồ như đều có quyền kiểm duyệt được cả, nhưng đã khéo léo ít khi thi hành điều đó. Vậy nếu các văn nhân không sáng tác được tác phẩm có giá trị thì ít nhất họ cũng có thể tự hào rằng không hề nhận mệnh lệnh của ai cả và sự liêm chính về văn nghệ hoàn toàn ở trong tay họ ».

Không những không ra chỉ thị mà chính quyền còn cho văn nghệ sĩ được tương đối tự do, chỉ trích chính phủ nữa, chẳng hạn tờ Free China Fortnightly vẫn được phê bình đường lối của Quốc Dân Đảng, vạch sự bất lực, tham nhũng và lạm quyền của nhiều cơ quan, không trừ một cơ quan nào, gần như lãnh cái nhiệm vụ của một đảng đối lập chưa được chính thức thừa nhận, vậy thì nhà văn không có lý gì lại không dám đưa quan điểm chính trị của mình vào trong tiểu thuyết hay thơ. « Chắc chắn là không ai làm phiền gì họ đâu nếu họ thẳng thắn

phân tích những thắc mắc, thất vọng, cùng tâm trạng tiến thoái lưỡng nan của hạng công dân trung bình; ghi chép miêu tả sự lãnh đạm lạ lùng của hạng đó đối với chính trị, sự an phận sống cuộc đời hưởng thụ, vô dụng, và rối bất bình của họ mỗi khi bọn quan lại quyền hành tỏ ra ngu xuẩn hoặc hách dịch. Mà dù cho rằng chính quyền có độ tài đi nữa thì cũng không độ tài bằng Nga Xô được; những điều kiện đề sáng tác ở Đài Loan vẫn thuận tiện hơn ở Nga Xô, vậy thì tại sao không có những tác phẩm như Bác sĩ Zhivago mà ngay đến những tác phẩm hiện thực tí ti cũng vắng bóng trên văn đàn Đài Loan ?

Theo Tế An, lỗi một phần nhỏ về chính phủ không có đường lối, lãnh đạm với văn nghệ, lơ là với văn nghệ sĩ; một phần lớn về các nhà văn.

Ông chê họ kém tài: thiếu cao vọng và làm biếng; ông viết:

« Có một cách giảng giải tình trạng lúng túng khó hiểu đó, mặc dầu nó sẽ làm phật ý các bạn cầm bút của tôi, là ở Đài Loan này, thiếu người có tài, bao nhiêu cây viết có khả năng nhất ở cả bên kia, trên lục địa (...) »

Còn các văn nhân ở Đài Loan đã kém, lại « càng ngày cảm xúc và tư tưởng càng hời hợt, thiếu sâu sắc, thiếu kiên nhẫn hoặc nhiều tự mãn, vội vàng đưa ra những giải pháp có sẵn cho những vấn đề đa diện, rắc rối; hoặc chỉ tìm cái đẹp hư ảo trong « tháp tre » của họ, chỉ dùng có một phần nếu không phải là hoàn toàn bỏ phí những kinh nghiệm phong phú trong đời họ, không nhận thức được cơ hội tốt cùng trách nhiệm của mình ».

Có lẽ còn do hiện trạng của Hoa ngữ nữa. Theo ông, cổ văn đã nhất định thuộc về dĩ vãng; tới bạch thoại cũng đã

đầy những sáo ngữ cũng như vãn ngôn mà lại không có cái đẹp đẽ, bóng bẩy của vãn ngôn. Mà chưa ai nghĩ tạo ra một thứ tân vãn đề thay những sáo ngữ và bắt vãn nghệ sĩ phải suy nghĩ sâu sắc hơn, diễn tả tinh xác hơn.

Cũng có lẽ rằng họ ít chịu suy nghĩ vì chịu cái hậu quả của thói « tuyên truyền ngớ ngẩn » và « của mấy chục năm thất lợi về chiến tranh », nhưng cứ đổ lỗi cho Quốc Dân Đảng thì chắc chắn « chỉ làm cho vấn đề hóa mập mờ, chỉ tỏ khuyến khích người cầm bút đừng gắng sức, giữ hoài cái mức tầm thường.

Tác phẩm thành công hay thất bại, hay hoặc dở, chỉ riêng có vãn nghệ sĩ chịu trách nhiệm thôi ».

Lời trách cứ của Hạ tế An thật nghiêm khắc và can đảm ; nhưng cuối cùng giọng ông dịu xuống. Ông bảo, từ khi tách rời lục địa, thời gian còn ngắn ngủi quá, không nên quá bi quan, và trong mười năm đó cũng đã xuất hiện một hai tác phẩm có giá trị như cuốn *Toàn phong* của Khương Quý mà chúng tôi sẽ phân tích trong bài sau.

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

THU-LÂM ẤN THU' QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn
Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn,
nhãn cổ áo (étiquette)

BỔ PHỔI - BỔ XƯƠNG
BỔ MÁU - BỔ GAN

THUỐC ỚNG ƯỚNG

RUBICAL

Calcium B₁₂

Sorbitol

VIỆN DƯỢC PHẨM SAIGON
75, Đường NGUYỄN-BÌNH-KHIÊM
DƯƠNG-THÀNH-QUỚI DƯỢC-SƯ

SỐ KIỂM NHẬN 12.039, Ngày 26. 2. 66

Ngày Tết nhớ non Côi

ĐỒ - BẮNG - ĐOÀN
và ĐỒ - TRỌNG - HUỀ

Mồng một chơi cửa chơi nhà
Mồng hai chơi chợ mồng ba chơi đình
Mồng bốn chơi chợ Quả Linh,
Mồng năm chơi Trình, mồng sáu non
Côi.
Các ngày mồng bảy nghỉ ngơi,
Sang ngày mồng tám đi chơi chợ
Viềng. (1)

Mỗi năm mới có một phiên,
Cái nón em đội là tiền anh mua.

Trên đây là câu ca dao ở huyện Vụ-Bản, tỉnh Nam Định (Bắc-Việt) mô tả những thú giải trí của dân chúng địa phương trong dịp Tết. Trong những thú giải trí ấy, cuộc du ngoạn non Côi vào ngày mồng sáu tháng Giêng cũng có ý nghĩa tương tự như chúng ta đi lễ Lăng Ông ở Gia Định: vừa thưởng ngoạn vừa tưởng nhớ một nhân vật lịch sử có liên hệ mật thiết với sự tồn vong của đất nước.

Côi-sơn, tục gọi là núi Gôi, thuộc địa phận huyện Vụ-Bản, là một thắng cảnh của tỉnh Nam -Định, được nhiều người biết tiếng qua bài thơ của Tú Xương:

Nhà gỗ năm gian lợp lá gồi,
Trông giòng sông Vị, tựa non Côi.
Đầu nhà khanh-khách vào làm tồ,
Ngồi thấy chim con nó há mồi.

Dưới chân núi, trông ra đường xe hỏa Nam-Định Ninh-Bình, có đền thờ Thừa tướng Lã-Gia. Theo thần tích đền này, Lã-Gia quê quán ở phủ Quốc-Oai, tỉnh

Sơn-Tây, làm Thừa-tướng trải ba đời vua Triệu: Minh Vương, Ai Vương và Dương Vương.

Nguyên Triệu-Đà sáng lập nhà Triệu xưng là Vũ Vương, mất năm Giáp Thìn (137 trước Tây lịch kỷ nguyên). Con trai Trọng Thủy tên là Hồ lên nối ngôi hiệu là Văn Vương, trị vì được 12 năm thì mất, truyền ngôi cho con là Anh Tề hiệu là Minh Vương.

Anh-Tề lúc còn là Thế-tử đã có vợ con. Sau được Văn Vương cử sang Trường-An làm con tin, sống trên đất Tàu mười năm lại cưới thêm một người vợ Tàu họ Cù quê ở Hàm-Đan, sinh hạ một con trai đặt tên là Hưng. Đến khi về nước nối nghiệp cha, bèn lập Cù thị làm Hoàng-hậu, phong Hưng làm Thế-tử.

Hán Vũ-Đế sai sứ sang dụ Minh-Vương vào châu. Minh Vương nhớ lời căn dặn của Triệu Vũ-Vương lúc còn sinh thời «Thờ nhà Hán chỉ nên thờ cho

(1) Trước cửa phủ Giầy, nơi thờ Liễu-Hạnh công chúa, ở Làng Tiên-hương, mỗi năm đến ngày mồng 8 tháng giêng âm lịch, dân địa phương mở 1 phiên chợ đặc biệt họp ở ngoài trời, gọi là Chợ Viềng. Họ tin rằng nhà nào bán được nhiều hàng thì làm ăn phát đạt cả năm. Trai thanh gái lịch khắp nơi nô nức rủ nhau về chơi chợ, nhân thế những nhà buôn ở Hà Nội, Nam Định và các tỉnh lân cận cũng đem đủ thứ hàng hóa bày bán ở chợ Viềng: nào đồ thêu, đồ khảm, đồ gỗ, đồ đồng, nạo tơ lụa, đồ sứ cổ, cây cảnh.

đủ lệ, chớ nên sang châu vì sang châu (t có cơ hội trở về», tìm cơ thoái thác và sai một người con bà vợ trước tên là Chuyết sang Trường-An làm con tin Năm Mậu Thìn (113 trước Tây-lịch), Minh-Vương mất, truyền ngôi cho Hưng, hiệu là Ai-Vương,

Bấy giờ Lã-Gia làm Tề-tướng, nắm giữ quyền chính trong ngoài, bà con họ hàng có đến hơn 70 người làm trưởng-lại, con trai thì lấy con gái vua, con gái thì lấy con trai vua, huân nghiệp lừng lẫy, được dân tin phục hơn cả vua.

Ai-Vương lên làm vua, tôn Cù-thị làm Thái-hậu. Hán Vũ Đế lập mưu thôn tính Nam-Việt, mới kiếm người nhân-tình cũ của Cù-thị, tên là An-quốc Thiệu Quý quê ở Bí-Lãng, phong làm sứ giả, bề ngoài sang đề dụ Ai-Vương cùng Cù Thái-hậu vào châu, nhưng bên trong là cốt rử mỗi câu Cù-thị đưa giang sơn Nam-Việt dâng cho nhà Hán. Lại sai Chung-Quân đi tuyên đọc dụ-văn và dựng sĩ Ngụy Thần ngầm theo giúp Chung-Quân. Đồng thời cử Vệ-úy Lộ-Bác-Đức đem một đạo quân đóng ở Quế-Dương đề thị-uy và sẵn sàng giúp sức sứ-giả cho thành sự.

Ai-Vương khi đó còn nhỏ tuổi, Cù-thị vốn tính dâm dăng nên, quả như kế hoạch của Hán Vũ Đế dự liệu, hoa xưa bướm cũ gặp nhau, Cù-thị cùng Thiệu-Quý dan díu tư thông ngay trong triều, quần thần đều biết, trong ngoài thì thăm nghị-luận. Cù-thị sợ các quan rối loạn, muốn dựa vào nhà Hán để củng cố quyền lợi mới khuyên Ai-Vương xin cho Nam-Việt được nội-thuộc nhà Hán cũng như các nước chư hầu khác và xóa bỏ hết quan-ai ở biên-giới.

Thiệu-Quý chuyển lời xin của Ai-Vương về Trường-An, Hán-Đế chấp thuận ngay, lại ban cho Ai-Vương và

Lã-Gia mỗi người một quả ấn bạc, cho phép được dùng pháp-độ của nhà Hán. Còn Thiệu Quý và bọn tùy tùng lưu lại Nam-Việt để đi phủ dụ các nơi.

Ai-Vương tiếp nhận ấn bạc cùng Cù-thị sắm sửa hành trang định vào châu vua Hán. Tề-tướng Lã-Gia can ngăn không cho đi và cũng không tiếp Hán sứ, không nhận ấn bạc. Hán sứ thấy tình hình trở ngại như vậy bèn bàn mưu với Cù-thị, đặt yến mời Lã-Gia và các đại-thần đến dự, ngầm mai phục giáp-sĩ để hành-thích Lã-Gia. Lã-Gia biết trước, khi đến dự yến đem một đạo thân-binh đi theo phòng-vệ rất nghiêm mật. Lúc mời rượu, Cù-thị bảo Lã-Gia: «Được nội thuộc nhà Hán là hạnh phúc cho dân nước ta, sao quan tướng-quốc lại không thuận?»

Cù-thị nói thế chủ ý khích nộ Hán sứ, nhưng bọn này khiếp nhược không dám ho he cử động. Lã-Gia bỏ tiệc, đứng dậy xăm xăm đi ra. Cù-thị giận lắm toan lấy dao đâm theo nhưng Ai Vương cầm tay mẹ ngăn lại.

Lã-Gia về nhà cho mời các triều-thần tâm phúc lại thảo luận. Mọi người đều đồng ý là phải giết Cù-thị mới tránh được họa mất nước.

Hán-Đế được tin Lã-Gia không nhận ấn mà Cù-thị mưu hành thích không xong mới sai Trang-Thám dẫn hai ngàn quân sang Nam-Việt hộ vệ cho mẹ con Ai Vương vào châu. Trang-Thám tâu:

«Lấy việc hai nước hòa hiếu với nhau mà đi thì chỉ vài ba người cũng đủ. Nếu lấy việc khiêu khích nhau mà đi, thân e hai ngàn quân không làm nổi việc.»

Tướng quân Hàn-Thiên-Thu đứng lên nói:

«Một nước Nam-Việt nhỏ bé, lại có vua Hưng và Cù-thị làm nội ứng, còn

sự gì nữa? Thần chỉ xin đem theo ba trăm dũng sĩ cũng lấy được đầu Lã-Gia về nộp.»

Hán Đế nghe lời cả mừng, sai Hàn-Thiên-Thu cùng Cù-Lạc là anh Cù-thị mang hai ngàn quân sang Nam-Việt. Lã-Gia hay tin liền dẫn vệ-sĩ vào cung giết luôn Cù-thị, Ai Vương và cả bọn Thiếu-Quý rồi cùng các đại thần lập con trưởng Mi-h Vương tên là Kiến-Đức (mẹ là người Nam-Việt) lên làm vua, hiệu là Vệ Dương-Vương. Đó là cuộc đảo-chính đầu tiên trong lịch sử nước ta.

Lã-Gia lập Vệ Dương-Vương rồi, sai người thảo hịch truyền bá khắp nhân dân đại ý nói rằng vua còn nhỏ tuổi, Thái-Hậu là người Hán cùng với Hán sứ thông gian, muốn đem xā-tắc dâng cho nhà Hán, vậy mọi người phải đồng tâm đứng giậy, giết hết quân bán nước hại dân.

Khi đó Hàn-Thiên-Thu và Cù-Lạc đã tiến quân vào lãnh thổ Nam-Việt, chỉ cách kinh đô Phiên-Ngung (thuộc địa giới tỉnh Quảng-Đông ngày nay) có 40 dặm. Lã-Gia thân cầm quân đón đánh, giết được Hàn-Thiên-Thu và Cù-Lạc, đem cờ tiết của Hán Đế ban cho Thiếu-Quý và bọn xứ thần niêm-phong lại đề trên cửa ải, rồi cắt đặt tướng sĩ canh phòng các nơi hiểm yếu ở biên-thùy.

Được tin Hàn-Thiên-Thu và Cù-Lạc đều tử trận, Hán Đế lập tức sai Phục-ba tướng quân Lộ - Bác - Đức và Lâu thuyền tướng quân Dương-Bộc mang 5 đạo quân sang đánh Nam-Việt phục thù. Lộ-Bác Đức hẹn với các tướng cùng đến sông Trường-Kha, hội ở thành Phiên-Ngung.

Dương-Bộc dẫn thủy quân vào sông Hoàng-Phổ, đánh tan hai vạn quân Nam-

Việt trấn thủ ở đó và cướp hết lương thực của vua Triệu chứa ở Thạch-môn.

Lộ-Bác-Đức kéo quân tới dụ các tướng nhà Triệu đầu hàng, cấp cho ấn tín và sai đi các nơi chiêu dụ quan lại quân sĩ Nam-Việt. Sau đó Dương-Bộc tiến quân vây thành Phiên-Ngung, đêm đêm bắn tên lửa vào đốt cháy nhà cửa trong thành, làm cho quân sĩ và nhân dân bị thương và chết rất nhiều.

Lã Gia thấy tình hình nguy cấp, đương đêm mang vua Kiến-Đức cùng hai trăm quân túc-vệ mở cửa thành, lấy thuyền chạy xuống miền biển. Dân chúng trong thành Phiên-Ngung thấy vua đã chạy, mở cửa thành ra hàng quân Tàu. Lộ-Bác-Đức kéo quân vào thành, tra hỏi các hàng tướng, biết vua Kiến-Đức và Lã Gia, chạy về làng Trang Nghiêm, huyện Thiên-Bản tức là huyện Vụ-Bản ngày nay, liền cho quân đuổi theo. Lã-Gia đem đám tàn quân giao chiến, được một lúc bao nhiêu lính tử trận hết. Vua Kiến-Đức cùng Lã-Gia đều bị quân Hán giết. Năm ấy là năm Canh Ngọ (111 trước Tây lịch).

Tương truyền khi Lã-Gia bị tướng địch chém, đầu vẫn dính trên cò, cưỡi ngựa chạy về đến Côi-sơn mới nằm vật ra chết. Hôm sau dân sở tại ra tống táng rồi bốn làng Côi-Sơn, Mỹ-Côi, Ván-Côi và Vân-Côi chung nhau lập đền thờ ông ngay dưới chân núi. Trong đền có bức hoành phi viết 4 chữ: « Tứ Côi linh từ. » (1), và nhiều câu đối như:

« Chí tại tiên-quân, danh tại sử,
Sinh vi lương-tướng, tử vi thần » (2)

và

« Triệu-thị hữu thiên tòa xā-tắc Hán-nhã vô địa xuất lâu - thuyền » (3).

(1) Đền thiêng của bốn làng Côi.

(2) Chí ở vua trước, tên lưu sử sách, Sống làm tướng giỏi, chết làm thần.

(3) Có trời thì họ Triệu vẫn còn xā tắc, Người Hán không có chỗ đem lâu-thuyền ra.

Hàng năm đến ngày mồng 6 tháng Giêng nhân dân bốn làng Côi cùng nhau họp tế. Viên chủ-tế phải ăn chay từ 3 ngày trước. Sáng mồng 6 ông ta tới đền, vào trong nội cung tự tay xe ra một cái tủ sơn son thiếp vàng đựng đầu Lã-Gia tạc bằng gỗ sơn trắng, đem đặt lên ngai đề tế. Đến khi tế tạ, viên chủ-tế lại phải xe cái tủ đựng đầu Lã-Gia vào nội cung như trước. Tế xong, có hát chèo và treo giải thưởng đánh vật trước sân đền, các đồ vật nổi tiếng từ khắp nơi kéo nhau về tranh giải, nghiêm nhiên là một đại-hội rất đông vui.

Ngoài đền non Côi, còn có 3 di-tích khác liên quan đến Lã-Gia, đều ở phủ Quốc-Oai, tỉnh Sơn-Tây là quê nhà ông:

1— Đền thờ dưới núi Hoàng Xá, làng Thạch Thất.

2— Trúc-viên (vườn trúc) ở trên núi Sài Sơn, làng Thụy-Khê.

Tương truyền đây là nơi Thừa-tướng Lã-Gia dựng nhà đọc sách. Ngày nay chỉ là một khoảng đất bằng phẳng, rộng độ hơn ba sào, nằm trước cửa chùa Đỉnh-sơn, chung quanh trúc mọc um tùm.

3— Hang Các-Cớ cũng ở trên núi Sài-Sơn

Sài-Sơn là một danh thắng miền Bắc, nhờ có chùa Thầy và hang Các-Cớ. Chùa Thầy làm từ đời Lý, gian giữa thờ Phật tam-thế, gian bên tả thờ vua Lý Thần Tông, gian bên hữu thờ cao tăng Từ Đạo Hạnh, tục truyền là tiền thân vua Lý Thần Tông. Còn hang Các-Cớ ở lưng chừng núi, cửa hang mở rộng như mồm con cá há ra. Theo tập « Sài-Sơn ký-sự » của Cử-nhân Nguyễn-văn-Bình thì thoát bước vào hang, có một cái vực sâu thẳm chắn ngang trước cửa, phải vòng qua vực đi men về phía tay phải hơn 300

thước, tới một khoảng đất rộng trên năm mẫu ta, ở đó chông chắt xương người đời cổ, đầu lâu lớn bằng cái nồi chõ, xương ống chân ống tai đều gấp rưỡi người thường. Tương truyền đây là hài cốt một đám tàn binh của Lã-Gia. Khi Lã-Gia tử trận, gia-thần dẫn quân chạy vào ẩn trong hang Các-Cớ, bị quân Hán vây kín bên ngoài. Bên trong hết lương thực, cả bọn dưng-sĩ đành chịu chết chớ không ra hàng quân địch. Lúc gần chết có viên tướng cắt tay lấy máu viết lên vách mấy chữ: « Chúng tôi là gia-tướng của Lã-Gia, xin chết theo cố chủ ».

Nguyên hang Các-Cớ có hai lối đi xuống. Một lối vào cửa hang rồi đi men về phía tay trái. Lối này du khách thường đi, vào những dịp hội chùa Thầy. Đường đi nguy hiểm, trong hang tối om dài hơn 500 thước, dưới là vực sâu, chỉ vừa lách đi được người một. Sợ sầy chân rớt xuống vực sâu, du khách phải bám sát nhau và dò dẫm từng bước. Lối thứ hai vòng về phía tay phải, dẫn tới bãi xương nói trên thì không mấy người dám đi vì đường có nhiều rắn độc. Thờ dân kể truyện ngày xưa có những kẻ chuyên môn đi bắt rắn bán cho thầy Tàu làm thuốc, nghe nói trong hang Các-Cớ có nhiều rắn độc, họ rủ nhau vào bắt, nhưng người nào vào cũng không thấy trở ra. Nhà chùa thấy thế lấy đá chẹn lấp kín lối vào, lâu đời không ai biết đến nữa.

Năm Duy Tân thứ 6 (1912) có một nhà sư không ai biết quê quán ở đâu, xưng tên là Nguyễn-văn-Mậu, hiệu là Như-Tùng, đến tu ở chùa Thầy. Sư học vấn uyên-bác, không những tinh thông Phật-học, lại nghiên cứu cả độn-giáp, đầu số và các ngoại-thư, tinh trước được mưa gió, biết được những

việc quá khứ và vị lai. Sư đạo-hạnh từ-bi, hết lòng bố thí, nên khắp miền đều kính phục. Một hôm sư lần xem những bia cũ trong chùa, thấy nó tới bãi xương người đời Triệu trong hang Cắc-Cớ, bèn lần mò khám phá ra lối đi bị lấp ngày trước, tìm cách trừ hết rắn độc trong hang. Rồi cùng với đệ-tử vào hang, thu nhặt những xương trắng-si xếp vào một khu, chu vi ước độ hơn một sào, ba mặt xây tường gạch, mặt ngoài ghép kính, xương xếp ở trong, đầu lâu xếp ở ngoài, biến chỗ hang sâu nguy hiểm xưa kia thành một nghĩa-trang thâm nghiêm. Ngoài nghĩa trang. Sư dựng một tấm bia nói rõ việc tìm được hang chứa xương người. Sau đó lại cúng một tuần chay để siêu độ cho vong hồn tử si.

Sáu năm sau, ông Cử Nguyễn-văn-Bình lên chơi chùa Thầy gặp nhà sư, tâm đầu ý hợp, được Sư kể lại truyện hơn 20 năm về trước. Thì ra nhà sư là đảng viên thân tín của Đồng-Quế, đã từng theo Nguyễn-thiện - Thuật đánh nhau với quân Pháp nhiều trận ở Bãi Sậy. Sau bị thua, Đồng-Quế chết, Nguyễn-thiện-Thuật chạy sang Tàu, Bãi Sậy tan rã. Sư chán nản, mượn cửa từ bi làm nơi ẩn náu.

Hôm sau sư dẫn ông Cử xuống thăm nghĩa trang dựng si, thuật hết đầu đuôi cho nghe và nhờ làm giúp một câu đối nôm đề khắc vào cột gạch của nghĩa trang. Cảm khái trước tính cách bi hùng của các nhân vật, một bên là tráng sĩ, một bên là nhà cách mạng, cả hai đều vì quốc vong thân, ông Cử cầm bút viết:

« Không biết thời đại nào, nhân vật nào, đồng xương vô định gửi với non xanh, ơn Phật dành cho nơi tịch địa.

« Đoái thương đất nước cũ, nòi giống cũ, giọt lệ hữu tình thấm theo đá trắng, hồn thiêng xin giúp sức hồi thiên »(1).

oOo

Đối với đạo lý Khổng Mạnh giết vua là trọng tội, nhưng xả thân cứu quốc lại là đại nghĩa. Vì diềm mâu thuẫn ấy mà các sử gia đời sau phê bình hành động của Lã Gia chia làm 2 phái đối nghịch. Một phái bảo ông là loạn thần, giết vua và làm mất nước Triệu. Một phái cho ông là trung nghĩa, hết lòng hết sức chống ngoại xâm. Đến nỗi hơn hai ngàn năm sau khi ông chết nhà thơ Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiểu vẫn còn phân vân :

*Ngồi buồn xem lại sử Nam nhà,
Quan đời vua Triệu : ông Lã-Gia,
Ngôi cao, quyền trọng, đầu râu bạc,
Hai vai gánh vác một sơn-hà.*

*Giặc ngoài ngấp nghé, vua Hưng nhỏ,
Nước đổ thành nghiêng một mục già !
Cù-hậu, sứ-thần trong nửa tiệc,
Quét sạch hôi tanh, tan nát hoa.*

*Con trưởng vua Minh lập nối dòng,
Hai ngàn vào cõi tỉnh đã xong,
Gói cờ-tiết Hán đề trên ải.
Bao nơi hiểm yếu đều canh phòng.*

*Năm đường lại tiếp quân Tàu sang,
Chín chục chết theo cơ nghiệp Triệu.
Chưa chắc loạn thần hay trung trinh,
Vãng vãng ngàn thu không kể hiền !*

Nhưng mặc cho các nhà trí thức tranh luận phân vân, hàng năm đến ngày mùng 6 Tết dân chúng vẫn nô nức kéo nhau về non Côi, viếng cảnh, lễ đền, nghe hát chèo, xem đánh vật, đề tưởng niệm một người đã hy sinh tất cả cho tổ quốc. Thì ra đối với quảng đại quần chúng

(1) Hồi thiên : chuyển trời lại. Ý nói mong cho cách-mạng thành công.

Việt-Nam từ bao nhiêu đời nay, chỉ có quốc-gia, dân tộc là trên hết. Đó là một chân lý hiển nhiên, không còn phải nghi ngờ gì nữa. Trước quốc-gia dân-tộc, chẳng những quyền lợi và tình cảm trở thành ti tiện nhỏ nhen, mà ngay cả những lý thuyết, những chủ nghĩa cao siêu cũng đều phải nhường bước.

... Và mồng 6 Tết năm nay, nhân dân Việt Nam ở miền Bắc cũng như ở

miền Nam, trong khói lửa và bom đạn, giữa những tiếng loa gào thét tuyên truyền hay giữa những điệu nhạc cuồng loạn — nhân dân Việt Nam có còn nghĩ tới non Côi, có còn nhớ bài học bán nước của Cù-thị, có còn nhớ bài học giết vua để cứu quốc của Lã-Gia ?

ĐỒ BẰNG ĐOÀN
ĐỒ TRỌNG HUỀ

Đã phát hành :

BÚT NỞ HOA ĐÀM

tác phẩm ưng ý nhất của một nhà thơ lớn Việt-nam :

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

lời đề tựa của Thượng-tọa Đức-Nhuận.

mẫu bìa của họa sư Nguyễn gia Trí vẽ, và Nghiêu-Đề trông coi phần kỹ thuật, trình bày rất mới, dày 136 trang, in trên toàn thứ giấy mây trắng đặc biệt, do VẠN HẠNH xuất bản. Sách in hạn chế.

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

148JBYT - D.P.Đ.C

XUÂN

Thơ ĐOÀN THÊM

Qua bốn mùa hoang, lại tới đây
Kiếm vẩn thơ biếc lạc trong mây
Các chiều gió lộng xô ngày tháng
Một bóng trăng hiền lướt cỏ cây
Cánh nhận dấu quen vùng khói tỏa
Cành mai vẫn nhớ hạt mưa bay
Tìm đâu cho thấy màu xuân cũ
Mười mấy năm rồi, ngắm chẳng say.

ngồi đây thương nhớ họa bài thơ Xuân

ĐÔNG HỒ

Biết ở đâu mà chẳng ở đây
Ngồi đây mà ngóng bốn phương mây
Hoa rơi từ đó trôi theo nước
Lá rụng về đâu chẳng nhớ cây
Đá nát vàng phai băng tuyết lạnh
Châu rơi ngọc vỡ phấn son bay
Bán buôn chi đợi chiều tan chợ
Rượu ngọt thôi đừng uống đến say

Hương Gây Mùi Nhớ

Gởi VŨ HOÀNG CHƯƠNG, Nhưng Ý nghĩ chưa
xong của một Bài thơ dang dở

★

HƯƠNG tan phần nát
Phần rụng hương rơi
Ngồi đây mà nhớ
Ngồi lại đây cũng nhớ phần hương rơi

★

Phần bay hương bay
Mong manh hương phần rời tay
Phần hương đầy đất
Đất đầy phần hương.
Mong manh không một tiếng vang
Mong manh như tiếng nhẹ nhàng hoa rơi

★

Hoa rơi. Hoa rơi
Phần rời. Hương rời.
Hoa rơi như phần hương rời
Hoa rời cành cây
Hương phần rời tay

★

Hoa một lần rời cây
Hay hơn một lần rời cây
Mọi khi hoa đã rời cây
Tay ai nhặt cánh hoa bay...
... mà chấp lại cho cành

★

Một chiều xuân rưng cánh hoa bay
Một chiều xuân rưng phấn hương bay
Chiều xuân mơ màng
Một chiều hương phấn bâng hoàng
Một chiều hương phấn nhẹ nhàng rời tay



Hơi hương thơm ngát lòng tay
Bụi phấn điểm tươi mặt đất
Bụi phấn thơm, cát bụi thơm say
Đất lên hương
Phấn lên hương
Hồng hồng bụi phấn lên hương
Hồng hồng lụa phấn lên hương.



Cúi vào lớp bụi tìm hương phấn
Lớp bụi gieo lòng tay ngát hương
Lớp lụa hồng trao áo ngát hương



Ngón trao bàn tay
Tóc vương mái đầu
Nào phải đâu
Bàn tay nghèo cảm xúc
Tay rời tay cho phấn rưng hương rời
Hay bởi bàn tay tê buốt
Vì bàn tay giàu cảm xúc đê mê.



Lòng rưng rưng
Cho tay bâng khuâng
Lòng biển khơi lòng tay ngọc bâng khuâng



Biển không sóng gió
Sóng gió đâu cho lòng biển băng khuâng
Mặt biển nông
Lòng biển sâu
Ai biết đâu
Từ đáy lòng sâu thăm thăm
Sóng ngầm gió kín biển băng khuâng

★

Chờ đợi làm chi
Mong ước làm chi ngày đó
Sóng ngầm gió kín thành giông tố
Giông tố chi. Bão tố chi
Cho Trời Đất băng khuâng
Cho lòng Trời, Thơ băng khuâng
Cho khoảng Không gian xa cách
Cho dòng Thời gian lặng ngừng.

★

Mây rồi tan
Mưa rồi tạnh
Sóng rồi lặng
Gió rồi dừng
Cho mặt biển lặng
Cho lòng biển thanh bình

★

Phấn tan như ngọc vỡ
Hương tan như ngọc nát
Phấn hương châu ngọc vỡ tan tành
Ngồi đây mà nhứt
Vò phấn hương cho mát lòng tay
Cho nát lòng tay
Cho tan nát phấn hương rời.

★

Ngồi lại đây mà vá
Vá ngọc châu cho khít lại lòng tay
Cho kín lòng tay
Cho đau buốt lòng tay
Nhặt viên ngọc vỡ
Mà chấp lại cho lành
Nhặt cánh hoa bay
Mà chấp lại cho lành



Nhặt phần hương đựng vào lòng hộp ngọc
Để giữ lại hương trời
Nhặt cánh hoa ép vào lòng trang sách
Để giữ lại hương trời
Nhặt khói trầm nhốt vào lò hương cũ
Để giữ lại hương trời



Hương phần
Hương hoa
Hương trầm hương
Hương năm tháng
HƯƠNG GÂY MÙI NHỚ
Hương gây mùi nhớ thương



Nhớ Thương trả lại cho Thương Nhớ
Hương Phần trao về cho Phần Hương

ĐỒNG HỒ

CHIM và RẪN

Trong tương lai, đã rõ là chúng ta dự định tìm thêm một vài tình cầu khác để đến sinh sống. Trước viễn tượng ấy, kiểm điểm lại thời gian loài người sống ở quả đất này, thấy rằng thái độ chúng ta đối với bạn bè có chỗ không được công bình. Hãy thành thực, lấp liếm làm gì?

Không công bình là vì cùng sống với nhau mà có bên yêu bên ghét không lý do chính đáng. Hầu hết chúng ta đều ghét các bạn thuộc loài bò sát, không phải vậy sao? Bảo rằng lỗi tại nọc độc của rắn? Ồi, lý do đó không vững đâu! Cọp, beo, sư tử v.v... không nguy hiểm à. Thế nhưng chúng ta vẫn thường thức được nét đẹp của một con sư tử, con hổ. Trái lại, trông thấy cái dáng con rắn nó trườn tới, chỉ có ghê, tởm. Không ai thích ngắm nghía cảnh tượng rắn bò, rắn quấn lúc nhúc,

Vả lại, bò sát không phải chỉ có rắn. Hãy bắt con thằn lằn bỏ vào cổ áo một cô em gái xem. Cô ta sẽ xanh mặt hét lên, hoặc ngất xỉu. « Nó nhột và lạnh ngắt. Gớm thấy mồ. » Lý ấy cũng không vững nữa. Một ngón tay nghịch ngợm của bạn làm nhột có thể tha thứ được như thường. Còn lạnh? Cá tôm cô em vẫn sờ mó hàng ngày không lạnh sao? Đầu đến nỗi gớm thấy mồ. Một con thằn lằn khốn nạn lúng túng trong cổ áo, một con rắn nước ngúc ngoắc trong tay cổ trốn thoát, chúng có làm hại được gì. Vậy mà chúng ta sợ chúng, ghét chúng.

Một chú thỏ con mới gặp muốn vuốt ve ngay, một con nai tơ bắt được muốn tung tiu ngay. Nhưng một con kỳ nhông, cắc kè, con cá sấu, dù sơ sinh, bé bỏng đến thế nào cũng không gọi được cảm tình của chúng ta. Bướm, có thể sưu tập mà chơi; còn như loài bò sát, trong tất cả ngót sáu nghìn giống bò sát sống trên mặt đất chúng ta chọn được mấy thứ để nuôi bên mình? Họa may được một con rùa. Nhưng con rùa, chỉ tiện bắt lên, sờ mó, khi nó rụt đầu vào, tự giấu mình trong hình dáng một cục đá xù xì. Nó phải mượn hình khoáng vật mới gần người được. Trái lại, khi rùa thò đầu ra không khỏi lăm kẻ giạt mình, rụt tay... Hơn nữa, nói về rùa phải thận trọng một chút đấy nhé: gọi đầu rùa bằng chữ nho hay gọi cái mai của nó bằng tục danh đều khiến ai nấy đỏ mặt. Chúng ta quả là tệ. Con rùa, nó có còn gì nữa đâu; cả cái nó phô ra cùng cái nó giấu vào đều bị chúng ta liên hệ đến chuyện tục tĩu.

Nhìn bằng mắt đã gớm ghiếc. Sờ bằng tay còn ghê sợ hơn. Đã có hai giác quan của con người chối từ loài bò sát. Bò sát lại không có tiếng kêu. Hầu hết

ác giống vật bò sát — ngoại trừ một số rất ít, như con các kè — đều lạng lẽ. Bởi vậy thính giác loài người gần không biết đến loài bò sát.

Gớm ghét những con hiện sống đã đành, chúng ta còn ghét đến tổ tiên chúng : những con đã mất tích tự bao giờ. Trong các loài sinh vật tiền sử, trông bức bình một con khổng tượng ta đâu có thấy xấu xí. Trái lại, những con khủng long, nó quái dị, trông thấy bình thù mà muốn ròi da gà. Rõ ràng giữa chúng ta và loài sinh vật ấy có một mối ác cảm sâu xa và tự lâu đời. Một mối ác cảm truyền kiếp.

Sự bất công nổi bật khi đem mối ác cảm ấy so sánh với thái độ chúng ta đối với loài chim. Thấy cái thích ngay. Không một đứa trẻ nào không ham bắt chim. Nhìn mà chớp được một sinh vật biết bay ấy, nắm nó trong tay, thật sung sướng vô kể. Nói rằng muốn vuốt ve nó vì lông nó êm tay, tay người vốn khoái những cái êm, ấm, mịn màng, như nhung như tơ v.v. ? Toàn nguy hiểm, chủ quan cả. Đã đành có thể tay người mềm lông mịn, nhưng lại không có trường hợp sờ vào chỗ mát và mềm như cũng kêu khoái ồm ồm sao ? Chúng ta chỉ thù cái cảm giác mát và mềm của da thằn lằn, rắn mối v.v. mà thôi. Cứ hễ cái gì của bò sát thì ghét, của chim chóc lại yêu.

(Oo

Bảo rằng ta có mối thù truyền kiếp đối với loài bò sát, thực ra thì truyền từ kiếp nào ? Có phải từ khi E-và trót nghe theo lời con rắn ăn quả cấm mà phạm tội ? Ăn vào trái cấm thì biết thẹn, và càng biết thẹn càng háng hái tiếp tục làm những điều đáng thẹn. Đó là tình thế đáng thương của người đàn bà. Bởi vậy cho nên trong đời đàn bà không e sợ oán hận thứ gì hơn là họ hàng nhà rắn. Nỗi oán hận ăn sâu vào chỗ cùng thẳm của tâm hồn họ, vào cõi tiềm thức mịt mù không thể hiểu thấu của họ. Hiện tượng một người đàn bà nhẩy tung lên, la hét, dầy đành đập, kinh hồn tán đởm vì một con thằn lằn tí xíu bỏ vào túi áo, có cái gì khó hiểu, phi lý, xứng đáng cho các nhà triết học suy nghĩ. Trái cấm trót ăn một lần khó lòng không ăn những lần kế tiếp. Vì vậy người đàn bà xưa nay vẫn vừa cắn soàn soạt vào trái cấm không ngừng, vừa nguyền rủa kẻ thủ phạm đích thực là loài rắn. Còn đàn ông, thì lại cũng giận rắn, vì noi gương đàn bà. Cứ thế, ngày nào con người còn khốn đốn vì tội tổ tông, ngày đó họ còn oán hận loài bò sát. Cả đàn ông đàn bà cùng đồng lõa trong sự khốn đốn kéo dài không thôi, và luôn cả trong mối thù dai dẳng nợ.

Nói thế, đúng chăng ? — Không chắc đâu. Trước khi nhà triết học suy nghĩ thì không có gì dám gọi là chân lý đích thực. Nhà triết học thì chuyện gì cũng có thể nghĩ đến, kể cả chuyện rắn rết : cuốn sách đầu tiên viết về loài bò sát là của Aristote. Trong sách ấy có cả cá sấu sông Nile, có rùa Hy-Lạp, có thằn lằn, có rắn v.v..., duy không có vấn đề liên hệ tình cảm giữa loài người và loài bò sát. Tuy vậy, hãy yên trí : bao giờ còn có triết-gia trên đời là còn có hy vọng. Một cái sờ, cái gãi, cũng được suy tư đến cùng. Lẽ nào có những vấn đề bị bỏ sót.

Trong khi chờ đợi, tha hồ thắc mắc vào vơ. Có thể nghĩ đến vai trò tiền

phong của loài bò sát chẳng hạn. Trong thời đại hồng hoang, mầm sống bắt đầu nảy sinh dưới nước. Từ những sinh vật li ti một tế bào cho đến loài cá, trải qua bao nhiêu triệu năm sự sống không rời khỏi mặt nước. Rồi thì loài ếch nhái cố gắng mon men thập thò lên mép đất, sống hai cuộc đời nửa khô nửa ướt. Khi thời oanh liệt của ếch nhái tàn tạ nhanh chóng thì xuất hiện loài bò sát. Bò sát đẻ những quả trứng to, chứa một lượng chất lỏng đủ nuôi sống bào thai, mỗi quả trứng là cả một cái ao cái hồ đối với con vật phôi thai yếu đuối. Nhờ đó mà loài bò sát thoát khỏi sự nô lệ vào nước. Nói cách khác, thực hiện cuộc giải phóng khỏi nước.

Người ta thường rêu rao về những năm 1789, 1911, 1917 v.v... Cái gì vậy? Cách mạng là những đổi thay tũn mủn như vậy đó sao? Nó khôi hài biết mấy so với ngày mà sinh vật đầu tiên tiến lên chiếm cứ mặt đất liền. Ấy mới là ngày cách mạng, trong lịch sử sinh vật. Mới là ngày đáng ghi nhớ làm kỷ niệm. Đờ rờ mai kia, khi chúng ta tiến được một bước nữa, chiếm cứ Nguyệt cầu chẳng hạn, lại ghi thêm một ngày cách mạng thứ hai. Những nhà cách mạng tiên bối, làm cuộc cách mạng thứ nhất — như đã rõ — tên gọi là loài bò sát.

Trong hai trăm triệu năm, những vị anh hùng ấy tung hoành trên khắp mặt đất. Họ nghênh ngang những tấm thân dài đôi ba mươi thước, kỳ hình dị tướng, họ làm bá chủ, bách chiến bách thắng, vô địch trên lục địa.

Thế rồi, một ngày kia dưới chân những đấng anh hùng cao lớn nọ bỗng ngộ ngộ một giống vật khác lạ, nhỏ bé, mà đặc điểm là những cái vú. Chẳng bao lâu sau đó, loài bò sát tàn tạ, loài có vú phát triển, làm chủ địa cầu. Một triều đại chấm dứt, một triều đại khác mở đầu. Giữa giòng họ đến hồi mặt lộ và giòng họ đang vươn lên, giữa đôi bên tình thế hẳn là tế nhị, tình cảm hẳn có điều éo le. Kẻ bị truất phế dĩ nhiên là cay đắng, nhưng lực lượng đang lên cũng gặp khốn đến vào buổi đầu. Giống vật có vú đầu tiên xuất hiện thân hình chỉ bằng con chuột. Hãy tưởng tượng sự hoang mang khủng khiếp của nó bên cạnh những đấng bò sát vĩ đại bấy giờ, mỗi bước đi làm rung rinh mặt đất bằng mấy tấn thịt. Trong hoàn cảnh ấy, trợ trợ, cô đơn, bất lực, chúng có thể điên lên vì kinh hãi. Không trách các ấn tượng ban đầu như thế đã ăn sâu vào đầu những giống vật có vú, tạo nên một mối kỳ thị có tính cách bản năng, không cắt nghĩa nổi. Mối kỳ thị gây ảnh hưởng sâu xa, làm sai lệch đến mỹ quan của loài: một hình thù dài ngoằng tự nó có gì không đẹp? một cảm giác trơn nhờn làm sao lại ghê ghê, không thể ưa? Mối kỳ thị giữa hai loài chúa tể, giữa lớp sau đối với lớp trước, nó có cái gì tựa tựa như mặc cảm oedipe vậy chăng?

oOo

Những ý tưởng lòng vòng và lẩn thẩn trên đây đã phát ra nhân lúc tôi tưởng nhớ đến chị Bốn Chia Vôi.

Trong nhân cách chị có nhiều đặc điểm. Nhưng đối với người làng điều thường được nêu lên như một tiêu biểu là chị không sợ thần lẩn rảo nước. Chị biết đề cao, khai thác đặc điểm của mìn, khiến mọi người chú ý. Một nhóm bạn bè đang ngồi dối dác, chị chạy tới mời ăn me. Đàn bà con gái ai lại không thích me? Mỗi người anh lấy một quả xong, chị Bốn rút từ trong bọc ra một gói nhỏ. Trời, sao mà chu

đáo thể : lại có cả muối ớt nữa kia. Vài bàn tay nóng nảy giật nhanh gói giấy, mở ra : con thằn lằn luống cuống nhảy hoảng vào lòng một chị nào đó. Cả bọn la như bị cắt cổ.

Chị Bốn Chia Vôi có thể bắt nhốt vào túi áo một con rắn nước, lấy kim băng cài lại cẩn thận. Đề rồi chỉ mở túi khi đã ngồi sát kề vài người bạn. Rắn vọt ra, kẻ nhanh nhất cũng không tránh kịp,

Người ta sợ những con vật hiền lành vô hại, sợ một cách vô lý. Chị Bốn không vô lý, thế là chị bị coi như nham nhở, lý lợm. Giá là hôm nay, chị đã được cho là rất chi. Chi thì không có gì tệ lắm. Nhưng ở địa phương, hồi đó, người ta đánh giá thấp thái độ ấy. Có người bảo : con đó ma vật không chết, Thiên lôi đánh không chết v.v... Toàn thị là những nhận xét có tính cách thóa mạ. Trong chỗ địa phương giàu có chẳng được mấy, hầu hết là dân nghèo với nhau. Từ lối xưng hô cho đến cách nhận xét nhau nghe có vẻ sỗ sàng mà thâm mật. Xóm diềng với chị Bốn Chia Vôi là những anh Ba Càng Cua, chú Năm Cán Vá, anh Hai Mỏ Gậy, cậu Ấm Sứt v.v..., ai nấy đều thông cảm sự giấu cọt của bà con chòm xóm, không oán trách gì, Trường hợp đáng đề ý là của một người tên Hai Cư. Anh ta cũng lớn lên trong cảnh nhà nghèo khổ, không có tham vọng. Bỗng có người tuổi tác tốt bụng mách cho biết ông nội tổ của anh ta có quan tước, nếu chịu mất hai đồng bạc cho làng anh có thể làm đơn xin tập ấm để được miễn sai. Anh nghe theo, anh được chỉ vẽ ; giúp đỡ, cuối cùng được thành một ấm tôn. Anh mở tiệc khao làng và họ hàng thân thuộc. Ngay trong tiệc vui ấy anh đã nghe loáng thoáng cái tiếng « ấm sứt ». Anh lặng người đi một lát. Rồi anh băng khuâng, trầm ngâm, như một người bắt đầu chịu trở nên chín chắn, từ bỏ những ngông nghênh rồ dại nhất thời để trở về với những cái thiết thực. Rốt cuộc, anh nhếch cười nhẩn nại, chấp nhận. Tiếng « ấm sứt » phổ biến nhanh chóng. Dân làng mừng rỡ, không ganh tị đối với chút quyền lợi anh được hưởng, nhưng còn sự danh giá thì họ đã bảo toạc ngay cho anh biết là không có đâu.

Chị Bốn ngày nhỏ tên là Bình. Nhưng càng lớn chị càng toe toét nói bậy nói bạ, bừa bãi lung tung ; cho nên bị coi như không xứng là miệng bình, dù là bình vôi. Do đó, bèn đặt tên là Chia Vôi.

Kề ra đặt như thế cũng bừa bãi, chẳng có ý nghĩa gì. Tôi thuật lại bấy nhiêu điều là để chứng tỏ ở đây người ta sống gần gũi, cởi mở. Cho đến cái tên của nhau ai nấy cũng tha hồ bôi bác lên đây tùy thích, cái tên riêng của cá nhân không còn thuộc về cá nhân mà là kết quả những ý kiến của tập thể. Sự can thiệp ngang nhiên, không e dè, nề nang gì cả. Thoạt đầu, có người bắt bình chút ít, rồi đâu lại vào đó.

Chị Bốn nham nhở đến nỗi đã mang tên là Bốn Chia Vôi, lại còn bị rủa là Thiên Lôi đập ba búa không chết. Không sợ loài bò sát, đó chỉ là tính tiêu biểu, thực ra chị còn lắm điều ngổ ngáo khác. Chẳng hạn nói tục. Các nhà nghiên cứu chuyện tiểu lâm đồng ý rằng để tài trào lộng chính của dân quê ta ngày xưa là cái tục. Những nhà nghiên cứu mác-xít còn đi xa hơn, cho rằng như thế không phải vì dân

lao động nghèo khổ ham thích cái tục hơn hạng nho sĩ trí thức ; họ nói tục chính vì óc tranh đấu bài phong, tức là vì một lý tưởng cao đẹp. Hạng giàu có nho sĩ sống trong lễ giáo giả dối, tránh chuyện tục tĩu, kẻ vô sản đầy tinh thần cách mạng bền xò tục ra, có ý tỏ sự chống đối, khinh thị, khiêu khích, có ý muốn quăng những cái tục ấy vào mặt bọn giàu sang trí thức.

Tôi không có dịp trông thấy chị Bốn Chia Vôi quăng cái tục vào tầng lớp thống trị. Chỉ thấy chị thường nói trong lúc chuyện trò, làm lụng. Giữa đồng nước lênh láng tiết tháng mười, chị vừa cấy mạ vừa nói chuyện. Xung quanh chị đàn bà con gái thỉnh thoảng nhao nhao, kêu oai oái, kêu loé choé, kêu ầm lên, như không chịu nổi. Thế nhưng họ chịu được tất. Hơn nữa, ai nấy đều hau háu đối với những câu chuyện của chị Bốn Chia Vôi. Họ tranh nhau nghe, họ kêu, rồi họ cười ngắc nga ngắc nghèo, họ oản người, gập người lại mà cười.

Nhìn cảnh tượng những người lao động nói cười nói ầm ĩ như thế giữa công việc, giữa trời nước bao la, dễ có cảm tưởng họ sung sướng vui vẻ, họ đang dự vào một sinh hoạt lành mạnh, làm sáng khoái tinh thần. Thú thực, chưa có lần nào trước cảnh ấy tôi có ý nghi chị Bốn Chia Vôi đang đầu độc trí óc bạn bè. Có lẽ những câu chuyện tiểu lâm đã thành hình trong dân gian theo kiểu ấy. Có điều các nhà khảo cứu không hay chú ý tới nỗi khổ tâm, hy sinh, của người sáng tác. Tôi được biết có lần chị Bốn Chia Vôi bị chồng đánh một trận toí bời, vì trong lúc cao hứng, hăng say, chị đã mang cả chuyện riêng trong bụng the ra làm trò cười.

Chúng ta đều biết những tác phẩm sớm nhất của nền văn chương bác học không phải là những truyện tình, những bài thơ tình. Không. Người trí thức dụng bút trước tiên là vào những công việc đứng đắn, long trọng : hoặc viết bản *Minh thệ Strasbourg* như ở Pháp, hoặc làm văn tế cá sấu như ở ta. Ở Pháp, ba thế kỷ sau áng văn lịch sử ấy mới có truyện tình, ở ta phải đến năm sáu thế kỷ sau khi nói với cá sấu kẻ sĩ mới nói đến con gái trong *Cung oán ngâm*, *Chinh phụ ngâm* v.v.,.. Ở Tàu, ở Ấn độ, ở Nhật v.v... có lẽ ở đâu đâu cũng vậy. Chữ nghĩa, văn từ, dùng vào việc tôn giáo, chính trị, giáo dục trước ; sau đó mới mon men tới ái tình.

Người bình dân thì vừa biết mở miệng ngâm nga liền tỏ ra lẳng lơ ngay. Những câu hát câu hò xưa nhất đã tình tứ rồi.

Chuyện tình cảm đã vậy, chuyện tình dục cũng thế. Trong nền văn chương truyền khẩu của dân gian từ những bao giờ đã có chuyện tục tĩu, còn văn chương bác học thì mới dám lần dò tới khu cấm gàn đây thôi. Và tội nghiệp, hễ cứ người trí thức mà toan dờ trò học đòi dân gian là y như là bị mắng nhiếc ngay. Dân gian hát huê tình, gheo nhau, ve nhau, thì được bốc thơm, mà cụ Nguyễn Du viết truyện tình liền bị kêu là đem dâm thư hại người. Sau này, sau khi dân gian nói tục chán chê, có mấy kẻ trí thức kể vài câu chuyện tục liền bị xã-hội đạo đức rửa cho thậm tệ Xã hội vừa rửa vừa đọc ngấu đọc nghiền các câu chuyện nọ. Y hệt như ngày nào các chị em thợ cấy vừa kêu la oai oái vừa nghe chuyện chị

Bốn Chia Vôi. Nghe chuyện tục, nó tựa tựa kiểu ăn chua, ăn cay : vừa nhăn nhó mặt mày, xuyết xoa, như khổ như sở, như ghê, như tởm, như ghét, như sợ, mà kỳ thực lại ham.

Ấy, sự đời nó như thế. Tầng lớp trên, tầng lớp bị người ta văng cái tục vào mặt, thì lại hí ha hí hửng, tấm ta tấm tắc bốc thơm kẻ văng tục, và lấy làm kiêu hãnh, tự cho tiến bộ. Trái lại, đối với cái tục của hạng cùng tầng lớp mình, do đó không chịu văng vào mặt mình, đối với cái tục ấy thì người ta tỏ ra nghiêm khắc. Do cái sự oái oăm như thế mà chị Bốn Chia Vôi bị bà con chòm xóm coi rẻ. Ai nấy chọc cho chị nói đề co rúm người lại mà cười, mà khoái trá, nhưng rồi ai nấy đều coi chị chẳng ra gì. Thậm chí còn nửa đùa nửa thật rửa chị như một thứ người ác ôn, trời đánh thánh vật.

Xưa, tôi cũng lấy cái thành kiến của người làng mà coi nhẹ chị Bốn, mặc dù đối với tôi chị Bốn Chia Vôi bao giờ cũng tốt. Ngày nay, tưởng nhớ đến chị trong niềm hối hận chân thành tôi chỉ những muốn đem tất cả sự hiểu biết lổm bổm của mình mà tìm ra một ý nghĩa cách mạng trong thái độ của chị. Bèn nghĩ rằng cái tục là vật cấm kỵ (tabou) trong cuộc sống xã hội loài người với nhau, bỏ sát là một cấm kỵ khác trong cuộc sống xã hội các loài sinh vật, thiên hạ tránh né những cấm kỵ ấy, chị Bốn ngạo ng nhiên bất chấp, ấy không phải là chống đối, là phản kháng, là hành vi « nổi loạn » đó sao ? Những kẻ văn nhược nho nhã bao giờ cũng chứa sợ răn, sợ thạch sùng, sợ các tiếng tục tĩu, những lẽ ấy đờn hèn đã đành. Còn trong hạng lao động khả kính, đầu làng cuối xóm thiếu chi người, tại sao ý thức nổi loạn lại cứ nhất định nhóm lên từ đầu óc một người nghèo rớt mùng tơi, nhà dột cột xiêu, từ một chị đàn bà lồi thối lếch thếch, vú bõ lòng thông ? Đó chẳng phải là đềm vinh dự riêng cho chị Bốn sao ?

oOo

Cái tốt đặc biệt của chị Bốn tôi không quên được là chị thường cho chim. Chị là người đàn bà độc nhất trong vùng có thể bắt được chim. Bởi vì chim chóc không phải như con cua, con ốc, con chái, con rận. Phải lanh lẹ, phải giỏi leo trèo mới bắt được chim. Đàn bà không sở trường về cái ấy.

Lần đầu tiên chị Bốn cho chim, chị cho tôi một lượt hai con se sẻ. Tôi quánh lên. Tôi nấn nì hỏi chị làm thế nào bắt được. Chị cười tít mắt, bảo đang đi giữa đường, tự dưng thấy hai con se sẻ đuổi nhau bay-tới, sà xuống, vùi nhau cắn lộn, chị đưa tay ra chộp như chơi. Tôi ngần ngơ ganh tiếc : Một cơ hội như thế sao lại không xảy đến cho tôi ? Năm chim trong tay đã đành là thích thú, nhưng so với cái lúc chộp được một lúc hai con chim đang cắn lộn thì thú ấy thực chẳng thấm vào đâu. Vậy mà cái dịp may dị thường chẳng thuộc về tôi đang lồng lên ao ước, lại thuộc về chị Bốn là kẻ đứng đưng không biết gì khoái thích !

Lần khác, chị cho tôi bốn con sáo ngà vừa bẻ bọng xềnh. Tôi lại tra vận làm sao bắt được. Chị cười rử rượi kể rằng đang làm cỏ chọt thấy con sáo mẹ tha mồi về một bọng cây mù u bên bờ ruộng và sáo con trong bọng thò đầu ra, chị chạy

Đến bắt trọn, thế thôi. Tôi đẩy này lên, bắt chị phải cam đoan lần sau thì chị không được vội vàng như thế nữa, cứ đề yên và chạy về mách tôi.

Nhưng lần sau đó và những lần sau nữa cũng không phải là cơ hội để tôi tự tay tóm được con chim tự do. Mỗi lần chị Bốn Chìa Vôi được chim vào một trường hợp khác nhau. Hoặc một con sáo ham ăn giun xán tới những luống cà vớ bị người ta dùng roi cà vớ quất chết tước, chị Bốn xin và bỏ ở chỗ đất ướt một lát nó sống lại. Hoặc một con cò bị kẹt giữa lùm tre dày sau một đêm mưa gió. Hoặc một con cò khác bị mắc vào bầy giò mà chị Bốn tình cờ bắt gặp trước khi người đánh bầy trông thấy.

Tôi kết luận rằng chị Bốn Chìa Vôi quả không có tài nghệ gì. Chị chỉ có sự may mắn. Giả tôi mà gặp con cò mắc kẹt trong bụi tre thì tôi cũng lôi ra được như chị, lại giả có người dùng roi quất lẫn kèn một con sáo bên chân thì nhất định tôi cũng nhặt lên được... Tôi quả quyết như thế. Và từ ganh, tôi ước với chị Bốn Chìa Vôi. Tại sao lần nào cũng vẫn lại chị có mặt ở những chỗ ấy mà không phải là tôi ?

Tôi còn nhỏ, chưa biết phục thiện. Thực ra, không phải không có lý do mà chị Bốn Chìa Vôi gặp chim. Xem hình dáng chị thì biết. Áo của chị kết năm hột nút thì đã rụng mất ba : hở cả bụng cả ngực. Đầu chị rối bời, tóc thì hoe vàng, đuôi tóc xơ xác. Suốt ngày từ sáng tinh sương cho đến tối mịt, lúc nào chị cũng tắt tả ngược xuôi, dầm mưa giãi nắng. Chị kiếm rau kiếm củi, mò cua bắt ốc, lúc ở bờ ao mép suối, lúc ở ven rừng, ven đồi... Tình hình trong vùng có gì đáng chú ý chị chú ý đến trước tiên, có gì đáng trông thấy chị trông thấy trước tiên. Năm Cán Vá hẹn hò với bà thím dâu ở bờ suối chẳng ? Đám mị của ông Tư bị trề chần bò đào trộm củ đem lên gò nương ăn chẳng ? Tre năm nay trở bông nhiều ? Chuột đồng gặp gió tây vừa mới chết lác đác ở các cửa hang ? Cây trâm sau đình làng trái sắp chín tới ? Không có gì chị Bốn Chìa Vôi không biết. Như thế, không những chị thường gặp chim chóc, chị còn bắt gặp gà rừng đang ấp và hốt trọn cả ổ trứng, chị gặp rắn đực rắn cái quấn nhau đề về xóm thuật lại cho mọi người nghe, chị gặp dơi ngủ trong đọt chuối, gặp chồn cắn nhau v.v...

Ngày xưa, tôi không rõ lý do khiến chị Bốn gặp chim, nhưng tôi yên trí là biết rõ lý do khiến chị cho chim. Vì sao chị chọn cho tôi, mà không chọn đứa trẻ nào khác ? Thật minh bạch : vì tôi dễ thương nhất chứ còn gì nữa.

Sau này, dần dần tôi tưởng hiểu được chị Bốn Chìa Vôi hơn. Sự việc không giản dị đến thế.

Chị Bốn vẫn xưng với mọi người là bà con họ hàng với chúng tôi. Trong khi ấy gia đình chúng tôi không thấy phi bác mà cũng không xác nhận. Sự thực, chị Bốn cùng họ Đặng. Nhưng ngôi thứ của chị trong thân tộc như thế nào không rõ, gặp chị chúng tôi cứ tùy tuổi tác mà xưng hô : kẻ gọi chị, gọi cô, người kêu mày, kêu con v.v... Ngày giỗ, ngày Tết, chị đến nhà chúng tôi, lằng xằng, giúp đỡ.

Bình nhật, mỗi lần chị tới nhà là gặp việc gì làm việc ấy luôn tay. Trông thấy

bà tôi ngồi buồn, chị đề nghị xỏ tóc bắt chít. Trong khi tìm chít, chị vui miệng hện hôm sau sẽ đem đến cho năm bồ kết. Đưa tới một năm bồ kết, một mớ rau dăng, chị mang về chén mắm, trái cà, trái dưa muối v.v...

Đối với các cô tôi, chị cũng không đáng ghét. Mỗi lúc nhìn trước ngõ sau quanh quất không thấy bóng bà tôi, chị Bốn liền kể một chuyện tục. Các cô tôi phản đối, dấm thùm thụp lên lưng chị. Nhưng khi bà nghe tiếng, hiện đến hỏi, thì ai nấy toa rập chối đây đây, vừa bảo là không có gì vừa cười rúc rích với nhau.

Hễ cứ lâu ngày không thấy chị Bốn Chia Vôi đến, tôi lên tiếng hỏi. Bà tôi kêu « Cái thằng ! Không thấy nhắc sách nhắc vở bao giờ. Lại đi nhắc con ấy. » Các cô tôi cười. Tuy nhiên, tôi thấy rõ không có sự phản kháng nào rõ rệt.

Một năm trời làm đói. Tháng mười mất mùa, tháng ba lại mất mùa nữa. Cả làng thiếu ăn, trẻ con ốm tong teo. Bảy giờ ngày nào chị Bốn cũng lảng vảng đến nhà tôi một lần. Về sau, cùng đường xoay trở, chị đến ở hẳn với chúng tôi. Rồi chị đem đến thằng con nhỏ nhất. Sau rớt, mang luôn đến con chị kề của đứa bé. Chị bảo với mọi người : có bà có con nhất định phải nhờ bà nhờ con một phen. Ngầm ý nói dù có bị đuổi cũng không chịu đi.

Mùa tháng mười năm sau, bắt đầu gặt hái được là chị liền đem con về, tắt tả kiếm ăn, không kéo dài cảnh nhờ vả thêm một ngày.

oOo

Ngày nay các cô tôi thường nhắc lại vụ đói năm ấy để oán trách chị Bốn Chia Vôi. Phải, có nhiều người trong chúng tôi oán trách chị.

Số là từ khi làng mất an ninh, dân làng kéo ra quận ra tỉnh lánh nạn một số lớn. Gia đình tôi về tỉnh lỵ ; chị Bốn thì không thể tưởng tượng có thể sinh sống được ở chỗ thành phố nên chị ở lại. Trong khi ra đi lén lút vội vàng, chúng tôi không thể đem theo cả gia sản mà cũng không thể bán được cho ai. Những thứ gì còn lại, chị Bốn hứa sẽ trông nom giúp. Thế rồi, ít lâu có người bỏ làng ra tỉnh kể rằng hai con bò của chúng tôi bị « Giải phóng » tịch thu chia cho đồng bào, mà một con thuộc về phần chị Bốn. Sau đó, lại có người khác kể rằng ruộng đất của chúng tôi, « Giải phóng » cũng chia cho đồng bào canh tác, riêng phần chị Bốn được hưởng hai đám. Dĩ nhiên chị Bốn là đồng bào, nhưng tại sao cái gì của chúng tôi chị cũng thụ hưởng được nhiều hơn mọi người. Có điều ám muội gì trong đó ? Lần khác, có tin chị Bốn bán dưa của chúng tôi. Lại lần khác nữa, chị đem cỗ thợ đường bằng ván mít của bà tôi hiến cho bộ đội « Giải phóng ». Bà tôi kêu trời. Các cô tôi mỗi người góp một chi tiết, nhắc lại những sự giúp đỡ của chúng tôi đối với chị Bốn trước kia, và trách mắng thậm tệ « quân ăn cháo đá bát ».

Chúng tôi với chị Bốn đã thành ra người của hai thế giới. Không ai biện bạch với ai được lời nào. Không có đối thoại. Sự thực, chị Bốn Chia Vôi đã nghi ngờ ra sao, đã hành động với dụng ý gì, chúng tôi không rõ. Chỉ nghe lời người khác thuật lại, nay một việc mai một việc, chắc hẳn là vừa thuật vừa thêm mắm

thêm muối cho đậm đà câu chuyện, thế rồi chúng tôi kết tội chị Bốn bội bạc, vong ân, chúng tôi lồng lên phẫn uất.

Trong tâm trạng ấy, chúng tôi kiểm điểm lại tánh nết của chị, và thấy toàn những nét trí trá, tinh quái. Cái người con gái biết mua chuộc kẻ này bằng con chim, kẻ kia bằng câu chuyện tục kè lén v.v., người ấy thực đã quỷ quyết, thao túng chúng tôi không chừa một ai. Càng nghĩ các cô tôi càng tức giận, vì đã thua cái tinh khôn của một kẻ tuổi tác chỉ đáng em, lại không có học hành gì.

Cứ thế cho đến hôm tôi trông thấy người ta khiêng chị Bốn Chia Vôi vào bệnh viện, người rách bươm tơ tả.

oOo

Sau khi chúng tôi bỏ làng đi độ ba tháng thì làng cũng không thuộc về chính phủ nữa. Thôn trưởng bị bắt lên núi. Rồi Quận cũng tìm ra người khác để đặt làm thôn trưởng; nhưng từ khi nhận chức chú Tư Huệ Héo — tức em ruột anh Ba Càng Cua — liền bỏ nhà xuống quận lưu vong. Ở làng, phe « Giải phóng » lập ban tự quản.

Như thế, cả hai phía cùng nhau cai trị dân làng. Một phía của chú Tư Huệ Héo, một phía thuộc về chú Ba Thiên, tức cháu gọi Hai Mỏ Gậy bằng cậu.

Ba Thiên tịch thu ruộng và bò của chú Tư. Một ngày tháng bảy, vào canh tư, trời còn tối, một trung đội nghĩa quân từ dưới quận kéo lên vây xóm. Bố trí chưa xong thì một phát súng nổ quá sớm làm cho bọn cán bộ cộng sản nhào ra chạy. Có hai tên trúng đạn, một bị gãy chân, một bề ngực chết. Tuy vậy cả hai đều thuộc hạng không quan trọng, còn Ba Thiên đã kịp trốn thoát.

Mờ sáng, nghĩa quân vào làng, người ta thấy Tư Huệ Héo đi theo, tập trung dân chúng, điểm mặt từng người, phổ biến chính sách. Xong rồi, chú Tư tới nhà Ba Thiên lừa tất cả bò mình lẫn bò Ba Thiên về quận. Đến lượt chú Ba bị tịch thu trở lại. Lừa bò, gánh lúa, còn nhà thì đốt bỏ.

Xong vụ ấy, Ba Thiên báo tin xuống quận cho Tư Huệ Héo hay là có ngày « giải phóng » sẽ tới tận quận hỏi tội y. Còn Tư Huệ Héo thì lén lút phàn nàn với một vài người thân tín rằng hôm đó có một anh nghĩa quân non gan, ngại đụng độ lớn, nên giả vờ lỡ tay làm nổ phát súng để đuổi địch chạy thoát, nếu không Ba Thiên đã bị bắt rồi. « Nhưng giữa nó với tôi còn có ngày gặp nhau mà. Nó đừng nóng nảy vô lối: rồi trước sau tôi cũng chẻ ba thẻ tre đem manh chiếu rách rước nó xuống quận một lần cho bà con coi chơi ».

Tin nhắn đi nhắn lại qua trung gian những người đàn bà đi chợ quận. Cũng qua thứ trung gian ấy, chú Tư đòi bẻ cõ hết những ai cày ruộng của chú do bên kia cấp phát. Ba Thiên họp đồng bào, đánh tan hoang mang, bảo đảm rằng chính sách sẽ được thi hành tới cùng.

Chị Bốn Chia Vôi có được chia ruộng của chú Tư. Mặc dù có sự bảo đảm, nhân một hôm đi chợ, chị vẫn lén gặp chú Tư để điều đình, xin coi như chị cày

thuê với một giá tương đối rẻ. Sự việc tiến hành trong vòng bí mật. Tiền thuê ruộng sẽ giao tới tay chú Tư làm ba lần. Tư Huệ Héo lấy làm hài lòng; trong lúc cao hứng còn khoe rằng hôm đưa nghĩa quân lên vây xóm chú đã nắm vững tình hình, biết rõ con đường hầm rút lui của từng tên trong bọn Ba Thiên. « Chậm năm phút nữa thì nó chạy đàng trời. » Chú Tư nhếch cười. Chú có đặc điểm là dẫu cười, cái cười cũng khổ sở, méo xệu. Vì vậy mà tên Huệ được đổi ra Huệ Héo.

Hai hôm sau, con Sáu Ty bỗng đứng chặn chị Bốn Chia Vôi lại, hỏi ấm ớ :

— Mợ đi thương lượng với nó rồi đó hả ?

Chị Bốn khựng người lại :

— Mà nói cái gì vậy Sáu ? Tao không hiểu.

Sáu Ty cười khẽ :

— Mợ khó hiểu thì có.

Rồi giọng nó đay nghiến :

— Cửa nhân dân chia cho, mợ không cày thì trả lại, người khác cày. Tại sao mợ lại đi phục hồi chủ quyền cho nó ?

Chị Bốn vẫn chống chế, mà van lơn.

— Sáu ! Mà nghi ngờ gì mợ đấy. Có gì thì mà cứ nói toạc ra, rồi khuyên bảo cậu mợ. Mà hiểu chính sách, chớ cậu mợ đâu có hiểu, Sáu !

— Mợ đi tìm thằng Tư Huệ Héo, điều đình riêng...

Chị Bốn dấy nẩy lên thề thốt :

— Ai nói với mà vậy ? Nó vu cáo mợ, mà không cãi cho mợ mà được một câu sao Sáu. Tao thề có Trời có Phật...

Con Sáu Ty ngoay ngoáy bỏ đi :

— Nay mai rồi mợ sẽ cãi lấy.

Chị Bốn tuyệt vọng, gọi với theo :

— Sáu. Ngày mốt giỗ bác Hai, mà nhớ đó chớ, đừng để cậu mợ mời lần nữa nhé.

Sáu Ty là cháu của chị Bốn Chia Vôi. Mẹ nó chết sớm. Ngày nó còn bé, chị Bốn thỉnh thoảng tới nhà, lôi nó ra tắm rửa, kỳ cọ, giặc giữ quần áo cho nó. Bây giờ Sáu Ty làm cán bộ, trở lại khắt khe với chị. Ở cái tuổi của chị, lớn lên trong hoàn cảnh của chị, chị không tự cắt nghĩa nỗi sự năm học của con Sáu Ty. Chị không tranh giành quyền lợi của cái của nó, tại sao nó có thể ghét chị đến thế ? Lý do chính trị là cái gì, chị không hiểu.

Những lần bị Sáu Ty chèn ép, làm khó làm dễ thái quá, chị đi phân trần với người này người kia : mới hồi nào chị vừa kỳ ghét trong nách trong háng của nó vừa la mắng nó, cốc lên đầu nó, chị coi nó như con như cái, một đứa con nít như thế ! Chị than trời trách đất.

Chị gặp Sáu Ty hôm trước, thì hôm sau ban tự quản thôn gọi chị tới cho

biết là phần ruộng tịch thu của Tư Huệ Héo chia cho chị bị rút lại cấp cho ông Tam Khoang.

Sự đen đủi này tiếp theo sự đen đủi khác. Thằng con trai của chị mới mười bảy tuổi tự xưng nhảy đại võ « lực lượng ». Ở địa phương chị, người ta vẫn gọi tắt như thế cái lực lượng võ trang của mặt trận giải phóng. « Võ lực lượng thì có súng đề mang. Võ lực lượng, ta đòi làm thịt đứa này, đòi hạ đứa nọ, nửa đêm bắt thằn về làng, thiên hạ cuống cả lên ; không võ lực lượng thì cũng phải đi lính quốc gia, mà lính quốc gia ở ngoài sáng, lực lượng ở trong tối dễ bắn ra v.v... » Không biết ai đã dụ dỗ, rủ rê nó mà thằng nhỏ bỏ nhà theo lực lượng. Chị Bốn Chia Vôì hết nghi người này lại ngờ kẻ khác ; chị oán chị trách.

Ba Càng Cua có hai đứa con trai, một đứa vô nghĩa quân, đóng tại quận, một đứa có trung học, đi Quang trung, gần lon trung sĩ. Ba Càng Cua vẫn ở lại làng. Nhưng sau khi thằng con chị Bốn Chia Vôì võ lực lượng ít lâu, bỗng một hôm, vào mùa gieo, trời chưa sáng, đường còn lờ mờ ánh trăng, Ba Càng Cua đánh bò gánh gồng ra đồng. Người ta trông thấy, yên trí là đi gieo. Cứ thế, qua khỏi các chỗ canh gác, gia đình Ba Càng Cua đi thẳng xuống quận lánh cơ. Đến trưa, ập vào xét nhà Ba Càng Cua thấy thứ gì thứ ấy đã dọn sạch. Thì ra trong cái gánh mà người ta tưởng là gánh lúa giống để gieo ấy anh ta trói nhốt năm con gà, với mắm muối, thuốc, lư đồng v.v...

Xuống quận được dăm ba hôm, Ba Càng Cua bắt đầu phát biểu cảm tưởng lai rai. « Con Sáu Ty ngày nào nó cũng tìm cách lọt vào nhà người ta vài bận. Nhà có bao lúa nào nó dòm lũng bao, có niêu cơm nó dòm lũng niêu. Con đó còn sống ngày nào. xem lũng còn điều đứng ngày ấy. » Chị Bốn Chia Vôì, con mẹ trời đánh sinh ra thằng con trai nghịch hết nói được. Nó mà nhảy núi chuyển này, nguy hiểm lắm. Tôi cho thằng đó nguy hiểm nhất. » Bấy giờ người ta nói nhớ ra trước kia nó với thằng con trai của Ba Càng Cua có nhiều chyuện hiểm khích rắc rối.

Chẳng bao lâu sau đó, cậu nghĩa quân này bị phục kích, trúng đạn, hỏng mắt con mắt bên trái, gò má lũng lổm đổm.

Mấy lần chị Bốn Chia Vôì đi chợ quận bị mụ vợ Ba Càng Cua đón đường, may mà mà đón hụt. Anh Ba Càng Cua lồng lên như gà mắc đẻ. Anh quả quyết đến lúc phải tảo thanh gấp cái làng ấy, nếu không cả quận này không yên. Anh chủ trương mở hành quân cấp tốc về làng. Ý kiến ấy, anh tìm Tư Huệ Héo đề trình bày, rồi gặp người nào — nhất là lính — anh cũng nói. Anh hy vọng ý kiến tới tai ông quận. Nhưng anh nói mãi, ý kiến chẳng đi tới đâu. Bỗng một hôm, một chiếc máy bay lướt nhanh qua làng, có kẻ nạc đó dùng súng trường « bia » một phát. Chiếc oanh tạc cơ quành lại, bắn, bỏ bom loạn xạ. Mười ngôi nhà cháy, hai người chết. Trong hai kẻ xấu số, một là chồng chị Bốn Chia Vôì, bị cắt đúng nửa thân người. Đêm ấy chôn cất xong xuôi, mờ sáng hôm hôm sau cả làng đón một cuộc hành quân. Lần này Ba Thiên cũng lại suýt bị tóm, nhưng vẫn chưa bị tóm. Đạn

đuổi sau lưng y. Cả bộ thôn hao hết thêm ba mạng. Ban tự quản gần tan rã. Thế nhưng Sáu Ty thì thoát, và Ba Thiên cũng chỉ suýt bị bắt.

Rồi Hai Mỡ Gậy lánh cư. Rồi Năm Cán Vá cũng bỏ làng ra đi. Nhưng chị Bốn Chìa Vôi thì ở lại. Chị phải ở lại, để thỉnh thoảng còn hi vọng gặp thằng con trong lực lượng. Chỉ cần đỡ dành để nó rời bỏ lực lượng, ít ra nó đừng có «bia» vu vơ vào một chiếc phi cơ bay lẻ, vào một anh địa phương quân lơ thơ về thăm vợ v.v..., đừng có gây rắc rối làm cho cả làng bị tai vạ tây. Chị Bốn Chìa Vôi ở lại làng, chịu khổ chịu sở mà ở lại. Nhưng mãi không gặp được đứa con. Chị ở lại chỉ để có dịp chôn xác con Sáu Ty.

Sau đó, một đại đội quân quốc gia về đóng tại làng, Ba Thiên bỏ nhà bầy nưí. Cậu em vợ của chú Ba cũng bầy theo. Trước khi đi, nó năn nỉ rủ đứa con gái đầu lòng của chị Bốn Chìa Vôi. Đứa con gái khác tí tề. Chị Bốn biết được, chị quát mắng, cậu kia van nài, xin cho nó cưới. Cứ cho nó cưới, rồi thì vợ nó ở lại làng cũng được. Chị Bốn không cho.

Anh em Ba Thiên đi rồi, bốn tháng sau đứa con gái chị Bốn phải lòng một anh hạ sĩ quốc gia. Chờ mãi tang anh Bốn, chị cho cưới. Đám tiệc gần tàn, lúc ấy vào khoảng tám giờ rưỡi tối. Có người đứng ngoài rào nói vọng vào nhà : «Khách khứa hai họ còn cả trong ấy chứ? Xin có quà mừng nhé.» Tiếp theo, một trái lựu đạn rơi xuống, nổ ngay trên thềm nhà, bốc văng mái trước, phá nát hết cửa lớn cửa nhỏ. Đứa con gái thoát nạn, không bị thương tích gì. Nhưng anh hạ sĩ chết ngay tại chỗ, còn chị Bốn Chìa Vôi thì đứt đi nửa ống chân, khắp người lỗ chỗ đều có mảnh lựu đạn ghim.

oOo

Mở mắt, bắt gặp tôi tỉnh cờ lảng vảng trong bệnh viện tỉnh lý, chị Bốn Chìa Vôi mừng rỡ, kêu lên : «May ơi là may. Lại gặp bà gặp con. Ông trời có con mắt, không nỡ hại người hiền lương lòng ngay dạ thẳng.»

Chị nước nờ. Chị cảm động. Chị đội ơn Trời Phật đã xui khiến người ta đưa chị đi bệnh viện kịp thời, xui khiến chị gặp lại tôi. «Thế này là tui không bơ vơ, tui có chỗ nương tựa rồi. Tui sống rồi. Nó hại tui, nhưng Trời Phật thương tui bà con thương tui v.v...»

Tôi thuật lại câu chuyện, cả nhà không còn biết nói sao. Chỉ có chút thắc mắc là chị Bốn đã rờ đem cỗ thợ đường của bà tôi bán đi. Chỗ thắc mắc ấy, tới khi các vết thương gần lành, hàng ngày ra vào gặp nhau trò chuyện, rồi chị Bốn cũng dò hiểu tâm lý chúng tôi. Và chị chấp hai tay trước ngực van vái : «Xin Trời Phật chứng giám, tôi có lòng nào, xin cho bom đạn phân thân tôi ra.» Xong, chị buông tay xuống, trợn tròn mắt, kể đầu đuôi tự sự : đêm nọ, vào quá một giờ sáng, cán bộ gọi cửa, đồng bào thức giấc trông thấy «giải phóng» kéo về thật đông. Nhà nào có thợ đường của ông già bà cả đều bị trưng thu trưng dụng hết. Quyết định xong, thi hành liền. Bao nhiêu cỗ thợ đường trong làng bị họ xông vào khênh ra hết. Khênh ra ngoài bóng tối, lao xao một lát, rồi biến đi đâu mất. Như thế tức là vừa có dụng độ gần đầu dây, bên lực lượng bị thiệt hại nặng về nhân mạng. Sáng ra, ban tự quản cấp cho mỗi thợ đường có chủ thứ

tốt năm trăm, thứ xấu ba trăm. Chị Bốn Chia Vôi nêu lên vấn đề cổ thợ đường của bà tôi. Sáu Ty hỏi: « Ai là chủ đây? » Chị đáp: « Có tôi. Tôi nhận thay. » Sáu Ty: « ũa, lại mợ, » Thế rồi nó bác bỏ, nhất định nó bác bỏ, không cho chị nhận xu nào. Chị Bốn lại chấp hai tay trước ngực: « Có Trời Phật chứng giám, con đòi chúng nó năm trăm đồng có phải để con tiêu đâu. Định tâm giữ đó rồi nộp lại bà. Bà đã gửi gắm thứ nợ thứ kia cho con, con không giữ nổi để chúng nó lấy cả đi mà không bồi thường đồng nào, con còn mặt mũi nào gặp lại bà. » Chị đau đớn, gần khóc. Ruộng của chúng tôi, bò của chúng tôi, chị đòi cày, ấy cũng là để giữ lấy nộp lại bà. Không thì mặt mũi nào.

Nhưng con Sáu Ty, khiếp, nó nghiệt ngã không tưởng tượng được. Nó xoi mói, vạch kẻ từng ly từng tí. Mỗi lần chị đi nộp lúa đảm phụ, nó chê lúa lép, đem ra giê lại; lúc đưa vào cân thiếu mấy trăm gam nó cũng đuổi về không nhận. « Con hết lời với nó: Sáu, mày nghĩ lại, hồi nào mợ hốt cứt hốt đái cho mày, mợ rửa háng rửa khu cho mày, mày nhận cho mợ đi, thiếu bao nhiêu rồi mợ sẽ đem thêm tới nộp đủ. Nhưng mặt nó cứ như sắt nguội. Thừa bà, lòng dạ nó không như lòng dạ chúng mình đâu. Mình thì dễ tiêu, chứ nó... » Nó, con Sáu Ty, nó là thứ người kỳ lạ lắm kia. Chị Bốn Chia Vôi chồm tới, níu vai cô tôi, kéo lại thì thăm một lát. Cô tôi xô chị ra: « Mụ nói cái quỷ gì đấy? Có thật không? » — « Trời Phật chứng giám, nó không còn ở đời nữa, tôi đặt điều thêm thắt cho nó làm gì. Vừa với thằng Ba Thiên vừa với thằng Bướm. Ít nhất hai thằng... » Chị níu vai cô tôi, thì thăm vào tai. Một lát, cô tôi xô chị ra, đỏ mặt: « Mụ nói yêu nói quỷ. » Chị Bốn nhiệt liệt: « Có Trời Phật... Con mà nói dối! Rõ ràng khi con trông thấy thì đứng quần rách hầy còn ướt nẹp... » Chị vội vàng đưa cả bàn tay bụm miệng lại. Nhưng chậm quá, mọi người vừa kêu la phản đối vừa sặc lên cười. Thấy thế, chị tự cho phép bỏ bàn tay che miệng ra, và tiếp tục kể. Hôm con Sáu Ty bị phục kích, bắn ngã, đồng bào ai nấy đều bảo nhau như thế là phải, không tránh khỏi, nó mang nợ với đồng bào nhiều quá, nó phải trả. Nghĩa quân dưới quận nhả về làng bảo: « Thân nhân con Sáu Ty, ai chôn cất nó thì hãy cột dây vào chân mà lôi, đừng nâng đầu. » Vừa lôi xác nó nhúc nhích một cái là quả lựu đạn cài sẵn dưới đầu phát nổ ngay. « Con nghe tin. Con vội vàng tay xách một ấm nước đầy tay mang theo chiếc chõng tre. Con chạy thẳng ra gò, định khiêng nó lên chõng, rửa ráy sạch sẽ, mặt lại đồ đặc tử tế cho nó trước khi đặt nó vào áo quan. Thừa, con đã kỳ cọ khắp người nó trước kia, bao giờ con cũng coi nó như còn nhỏ. Con thương nó. Nhưng trời ơi, lúc tới nơi, lật manh chiếu ra trông thấy cái xác không đầu, con không còn hồn vía nào nữa. Con quăng cái ấm, đồ nước tung toé, nhảy ngược lại, con khiếp quá, không dám hé mắt nhìn nữa. Thừa, có Trời Phật... con thương nó lắm kia. Mình ấn ở lòng ngay dạ thẳng v.v... »

Vừa bắt đầu chõng nạng đi lại được, chị Bốn Chia Vôi đã hoạt động. Chị nấu giúp ấm nước cho người này, mua giùm lon sữa, trái chuối cho người khác v.v... chị được các bệnh nhân khác cho tiền tiêu. Chúng tôi có cảm tưởng một mai lành bệnh hẳn, chị có thể xin một chân giúp việc hẹ trong bệnh viện có lẽ cũng

không khó. Như thế chị sống ở thành phố, xa lánh chỗ nguy hiểm. Bây giờ chị tàn tật rồi, không làm được việc nặng, về quê làm gì sinh sống rồi ?

Trong lúc ấy, một vài người ở làng trốn ra bảo với chúng tôi : « Nghe nói đứa con trai của mẹ Bốn ném lựu đạn vào nhà giết chị đấy. Chị nó lấy lính quốc gia là lấy kẻ định giết nó. Nó phá đám cưới. Còn con Sáu Ty ? Thì là chính mẹ Bốn dẫn đường chỉ lối cho nghĩa quân phục kích chứ còn ai vào đấy. »

Chị Bốn không phải không nghe phong thanh những lời như thế. Chị khinh thị : « Quân ấy chỉ được cái đều giả. Thời buổi này nhà nào ở thôn quê không thế : con bên này cha bên kia, anh bên này em bên kia. Hễ cứ em bị bắn chết là tội nó đồn anh hại, cha bị mìn là con hại. Nó chia rẽ. Nhưng nó qua mặt con này sao được ? Rõ ràng tiếng nói ngoài rào tối hôm đó là tiếng thằng Bướm, con này lạ gì ». Chị cười gằn khó hiểu.

Thế rồi ít lâu, không gặp chị Bốn nữa. Hỏi lại thì ra chị đã rời tỉnh lỵ, chị đã về làng,

oOo

Ở thành phố, nhà chúng tôi cũng được trang điểm một cách rất nhàn như hầu hết những nhà khác : Mặt tiền không còn được mấy tí đất, vài chậu hoa nép sát hè, dưới bóng một cây bông giấy đỏ. Thường, trong mười nhà trồng hoa phía trước, ở đô thị, đã có chín nhà trồng bông giấy. Giống cây mạnh lạ lùng, không cần chăm nom gì mà nhiều lá nhiều hoa, Càng khô nắng lại càng nhiều hoa.

Một buổi sáng, nhân theo dõi một rụ lau huệ tôi để ý đến một vết trắng trên lá lan. Xem đi xem lại, tôi bỗng phát phòng phần khởi : phân chim.

Tôi không còn bé nhỏ nữa, ờ không, tuổi nhỏ của tôi đã cách biệt xa tít, đã bị cuộc chiến tranh, nói đúng hơn là hai cuộc chiến tranh, che khuất từ lâu. Thật bất ngờ, tôi không tưởng tượng rằng hi vọng bắt được một con chim có thể gây nơi lòng mình một xúc động vui mừng như thế. Y như ngày nào còn bé thơ. Thế mới biết mối cảm tình giữa người với chim thực sâu xa vô hạn.

Ở thành phố, từ lâu chúng tôi không được gần gũi chim chóc. Tưởng đã quên chúng, nhưng kỳ thực đâu đó trong lòng vẫn tiềm tàng một khao khát nhớ nhung. Bỗng nhiên gặp một giọt phân chim, niềm vui bừng dậy. Thế ra đêm đêm vẫn có con chim ngủ sát ngoài hiên nhà ? Ở đâu ? Trên một nhánh bông giấy nào đó chăng ?

Buổi tối, tôi rình chờ, không thấy con chim nào về ngủ cả. Vài ba hôm sau, trên lá lan, lại có một hạt phân chim trắng trắng nữa. Tối đến, rón rén ra xem vẫn không thấy chim đâu. Thì ra mãi đến lớn, sống quá nửa đời người tôi vẫn không tìm được cơ hội tự mình bắt con chim tự do. Tôi chỉ có thể thưởng thức cái thú vuốt ve, ngắm nghía những con chim do chị Bốn Chia Vôi cho. Tôi nghĩ đến chị Bốn.

Chị trở về làng làm gì? Chị đã mất một người chồng, một đứa con rề ở làng. Chị đã mất đi nửa ống chân và quá nửa ngôi nhà ở làng. Một đứa con gái dở dang và một đứa con trai thất lạc... Như vậy không đủ ề chề rồi sao? Chị còn trở về làng làm gì với thân hình thủng nhiều vết và với cặp nạng? Dĩ nhiên không phải vì mấy đám ruộng và mấy con bò của chúng tôi. Tôi lấy làm hồ thẹn và hối hận. Sao trước chúng tôi có thể bất bình với chị vì những thứ đó được nhỉ? Nó nhỏ mọn biết bao! Chúng tôi đã sợ hãi, đã bỏ chạy. Cái nơi mà chúng tôi lánh xa, chị Bốn nhất định lần về. Lần này tôi tin thái độ của chị không do lòng tham lam. Để có thể坦然 nhiên trở về chỗ tử địa, chỗ sấm sét ấy, con người phải hướng dẫn bởi một thứ tình cảm mãnh liệt — không biết là thứ tình cảm gì, tốt hay xấu — nhưng nó phải thực mãnh liệt. Chỉ nghĩ đến mức độ mãnh liệt ấy đã cảm thấy mọi so đo tính toán đều nhỏ mọn, không xứng?

Chị Bốn Chia Vôi về làng được ba tháng, có người nói chị bây giờ như con hồ thọt. Chị dữ tợn vô song. Thăng Bướm — em vợ của Ba Thiên — bị phục kích hai lần, đều do chị mách. Ba Thiên cho vợ về quận qui chánh. Thiểm Ba nhờ Hai Mỏ Gãy vận động với Tư Huệ Héo, tìm cách đưa chồng trở về. Nhưng Chị Bốn Chia Vôi thì cứ lồng lên: Nó mang nợ với đồng bào nhiều quá. Nó phải trả. Hồi chánh thế nào được.

Chị Bốn đứng về phe nhất định đòi nợ. Họ rình rập, nghe ngóng, thề không để cho Ba Thiên lọt tới cơ quan hữu trách. Họ phải đón hạ Ba Thiên giữa đường.

Lấy oán báo oán, oán oán chập chồng. Biết bao giờ gỡ xong. Nhưng họ say rồi, họ bị thu hút vào cơn lốc.

Một buổi sáng vô vị ở chỗ đô-thị, nhìn giọt phân chim nhỏ trên lá, tôi bồi hồi nghĩ đến chị Bốn Chia Vôi. Cuộc đời của chị, ngày nay, bỗng nhuốm vẻ bi đát, khốc liệt, làm cho sự yêu ghét trách giận của những kẻ ở chỗ yên ổn như tôi đều không xứng đáng. Chị Bốn Chia Vôi, người đàn bà thô tục, tuệch toạc ấy.

oOo

Cuối năm, chúng tôi càng chú ý nhiều hơn đến mấy chậu hoa trước hè. Do sự chăm sóc ấy, tôi có dịp làm gãy một nhánh lan.

Thứ lan huệ, hoa nó màu tím, cánh mỏng, trông rất mong manh. Nhất là hoa nở ở đầu chót một cọng tròn bằng que tăm mà dài ngót nửa thước tây, vì vậy càng có vẻ mong manh. Mỗi cơn gió thoảng làm chùm hoa gật gù gật gù, cánh hoa mấp máy rung rinh.

Tiệc nhánh hoa, tôi đem cắm nó vào một ly nước. Sáng hôm sau, thấy nó vẫn còn tươi, tuy không nở thêm chiếc hoa nào. Đầu cành có hai hoa nở, một nụ lớn, hai nụ bé; và tình trạng vẫn nguyên như thế sau hăm bốn giờ.

Sáng ngày sau nữa, trông lên bàn, nó vẫn còn đó, mong manh mà nguyên vẹn. Tôi ngạc nhiên. Nụ lớn, bằng đầu ngón tay út, vẫn cứ no đầy, tuy không hé ra nổi. Suốt ngày hôm ấy, thỉnh thoảng, tôi thăm chừng. Nó có vẻ cầm cự được đến chiều. Chiều, quả nhiên vẫn tươi.

Hôm sau, thức giấc, tôi ngược mắt tìm nó liền. Vẫn tươi. Sau bảy mươi hơi giờ, chỉ được tiếp tế nước qua một nhánh nhỏ như que tăm, cả hoa cả nụ vẫn không hề hấn gì. Cánh hoa, mỏng như tờ giấy, sức chịu đựng của nó bền bỉ lạ. Tôi càng tò mò.

Hôm sau nữa, cuống hoa bắt đầu nhăn rồi. Tuy vậy tất cả chưa sụm hẳn. Nó còn đương đầu nổi ít ra trọn ngày hôm ấy. Chín mươi sáu giờ ! Mấy đóa hoa mong manh như thế, lia khỏi thân cây, vẫn tiếp tục tươi tắn trong khoảng thời gian đủ cho quân đội Do Thái phát khởi và kết thúc một cuộc chiến tranh.

Chiến tranh có thể ó những hình thức bạo liệt mà chớp nhoáng như vậy. Nghĩ đến cuộc chiến tranh ấy rồi nghĩ đến thứ chiến tranh trên đất nước mình ! Nó phát khởi từ ngày chị Bốn Chìa Vôi chưa có chồng, cho đến ngày nay đứa con trai của chị đến tuổi gia nhập « lực lượng », vác súng « bia » lên trời đoàn binh. Nó phát khởi từ ngày chị Bốn Chìa Vôi rửa ráy kỳ cọ khắp người con Sáu Ty, cho đến ngày nay Sáu Ty trở thành cán bộ chấp hành chính sách một cách khắt khe, ngã gục, để không còn đầu cho chị Bốn rửa lần cuối.

oOo

Người ta vẫn trách nền văn hóa chúng ta thiếu những công trình đồ sộ : không có Vạn-lý trường-thành, không có Đẽ-thiên Đẽ-thích, thậm chí cũng không có những kiến trúc bằng cỡ các tháp Chăm. Hôm nay thì chúng ta có thể vênh mặt lên vặn hỏi : Thế cuộc chiến tranh phần tư thế-kỷ của chúng tôi ? Vĩ-đại chớ ?

Và chắc chắn không còn ai dám cãi. Đánh nhau vào hậu bán thế-kỷ thứ hai mươi không phải là trò chơi. Hãy tính số bom rơi trên đất nước Việt rồi chia cho từng đầu người xem, hãy tính số phát đạn cỡ lớn cỡ nhỏ bắn ra trong một trận đánh tại Việt Nam xem ; chúng ta có ngay những con số danh dự, khả dĩ so sánh với bất cứ thành tích của bất cứ cuộc chiến tranh quốc tế nào, từ Thái-Bình Dương qua Đại-Tây-Dương. Và cuộc chiến lớn lao, vĩ đại ấy đang xảy ra trên nước chúng ta : cuộc chiến tranh của chúng ta đấy.

Trong những trường hợp hùng biện, long trọng, trên các diễn từ, tuyên ngôn v.v., ít khi các chính khách quên nhắc đến hơn hai mươi năm khói lửa, phần tư thế kỷ quẫn quại v.v. ; trong thơ phú văn chương, văn nhân nghệ sĩ cũng không ngớt nói đến phần tư thế kỷ quẫn quại, hơn hai mươi năm khói lửa. Con số càng lớn, khả năng xúc động càng cao. « Phần tư thế kỷ... dân tộc đau thương... », lắng kỹ mà nghe : trong câu văn, trong giọng nói của những kẻ đề cập đến cuộc chiến tranh vĩ đại in tuồng có ngấm phảng phất chút gì như sự kiêu hãnh ! Không sao ?

Đối với những người như chị Bốn Chìa Vôi, một phần tư thế kỷ trước, chỉ thấy ở chị mấy nét tinh ranh, tinh chài lỳ, lối ăn nói tục tịu. Đã hẳn không phải đó là những nét quý đáng mơ ước. Nhưng những gì nhận thấy ở chị một phần tư thế kỷ sau thực đáng ngại. Có phải đích là chị đã lập tâm bại con Sáu Ty ? Tôi không dám tin hẳn lời đồn đãi của nhiều người. Tuy vậy, những khi chị Bốn

Chị Vôi thuật lại cái chết của Sáu Ty và kết thúc : « con thương nó, con thương nó lắm kia », trông nét mặt và giọng nói của chị có cái gì rờn rợn. Chị có giết người hay không giết người, có « đòi nợ » hay không « đòi nợ », những gì xảy ra ở chốn hỗn độn ấy đều vô bằng, khó minh xác ; nhưng trong tâm hồn chị rành rành đã có một yếu tố mới. Nó làm cho lời ăn tiếng nói của chị khác đi, hành vi phong thái của chị khác đi, khác trước một cách đáng sợ.

Mà chị biết làm sao được ? Chị sống giữa hoàn cảnh như thế, trong hỏa ngục, trong giết chóc, xấu xí hàng ngày, chị phải tả xông hữu đột để tranh sống. Làm sao ngăn cản ảnh hưởng một hoàn cảnh ác liệt như thế khỏi thấm nhiễm vào tâm hồn chị ? Ngày một, ngày hai, chị biến cải. Cuộc chiến kéo dài lâu quá : trên hai mươi năm khói lửa, phần tư thế kỷ quần quai mà. Sống mãi lâu ngày trong cảnh ấy chị phản ứng tàn nhẫn, rồi quen với những phản ứng ấy.

Mãi sau, khói lửa với quần quai chấm dứt, nhưng cái nét tàn nhẫn nợ rồi có sẽ lưu lại như một di tích trong tâm hồn chị, và những người như chị, lưu lại như một thêm thắt vào cái vốn các đặc tính truyền thống dân tộc chẳng ?

Chém giết, dù kịch liệt đến thế nào, trong một trăm, hai trăm giờ rồi ngừng, thì chuyện có thể trôi qua, khuây lảng. Nhưng chém giết lọc lừa suốt phần tư thế kỷ, như thế liệu có thành một tập quán sinh hoạt, gây một tệ hại tâm lý ?

Nước ân tình đổi thành ra nước căm hờn. Ừ ù u u u ú .. Ra nước căm hờn..

Lại thơ lại nhạc về khói lửa, quần quai nữa đấy rồi. Ngại quá.

Ghét sợ bò sát, là di tích tâm lý của sinh hoạt tiền sử ? Gạt chuyện lếu láo láo ấy ra, vẫn còn có thể nghĩ cái tính ngang tàng chống phá các cấm kỵ là do một nếp sinh hoạt của tầng lớp lao động. Nếu chẳng may cảnh sinh hoạt tương tàn kéo dài lâu ngày lại in thêm một dấu vết lên tâm hồn...

Vừa lo ngại cho chị Bốn Chị Vôi tôi vừa nhận thấy những suy tư bắt nguồn từ một vết phân có khuynh hướng bi quan.

oOo

Tôi theo dõi con chim quý báu ở đô thị nép ngủ trước hiên nhà tôi. Buổi chiều, không hề trông thấy nó về. Tối, nửa đêm, tôi thình lình rón rén hé cửa bước ra, soi tìm. Vẫn không thấy. Một đêm mưa lạnh, tôi nghĩ nó phải tìm xuống đậu những cành thấp. Họa may, dễ trông thấy hơn chẳng. Tôi hé cửa, rón rén. Lại chẳng thấy gì.

Ngẫu nhiên, một buổi sáng, trên bàn viết tôi bắt gặp một vết phân trắng y hệt vết trắng trên lá lau. Thế này thì là một chú thạch sùng rồi !

Trời, lẫn lộn chim chóc với bò sát, Sự ngộ nhận không thể tha thứ được. Cuối năm, tôi ghi nhận thêm một sai lầm nham nhở, bẽ bàng.

VÕ PHIẾN

1967

TÌNH VÀ ĐIỆN

Nghe tiếng mưa đổ rào rào trên mái nhà, Kim giật mình thức dậy.

Chợt nhớ ra là thứ bảy không phải đi làm Kim muốn ngủ lại nữa, nhưng giấc ngủ tìm không đến. Tấm màn cửa màu ngà đã bắt đầu sáng dần lên.

Mọi ngày giờ này Kim nằm chờ âm nhạc báo thức. Chiếc đồng hồ có radio nàng để đúng 6 giờ 30, đến giờ nó sẽ tự mở đúng vào lúc báo tin thời tiết nắng mưa, lạnh bao nhiêu độ để Kim tiện mặc áo dày mỏng. Bao giờ Kim cũng dậy sớm hơn đồng hồ độ 15 phút để nhìn mặt trời mọc trên bãi biển.

Nhà Kim không sát ngay cạnh biển nhưng ở trên đồi cao kéo màn cửa sổ là nhìn thấy cả một vùng biển rộng rãi bao la. Những hôm trời tốt, không có nhiều sương mù, có thể nhìn rõ từng cánh buồm trắng của những chiếc du thuyền lướt đi lướt lại. Những hôm ấy mặt trời mọc lên thực đẹp, một vùng màu hồng phớt nằm dưới biển, cứ chầm dần từng tia sáng lóng lánh đủ màu, từ từ vượt ra khỏi mặt nước và vươn lên trời. Lắm hôm Kim say mê nhìn đến nỗi trễ giờ không kịp ăn sáng chạy vội đến sở.

Sáng nay mưa đổ như thế này may mà thứ bảy; nếu không phải dậy mang toi đội nón đi làm thì khổ chết. Bên

ngoài trời mờ mịt trong mưa. Đâu đâu cũng chỉ một màu sáng mờ loáng không có gì đáng ca tụng cả. Biển không xanh nữa mà bàng bạc trong màn mưa. Mặt đường nước hai bên sườn dốc đổ xuống ào ào, mang theo vô số sỏi đá vụn phiêu lưu xuống đường nhựa.

Kim xếp một đồng gối cao để ngồi dựa lưng, rồi kéo màn cửa nhìn sang nhà bên cạnh. Bên ấy có một bà già Nhật sống một mình. Hôm Kim mới dọn đến còn đang sơn quét túi bụi, bà cắt trong vườn một ít hoa Cúc mang sang cho Kim. Bà chống gậy đi từng bước rùa lầy bầy rói :

— Tôi thấy bà dọn đến, tôi mừng quá. Bà sơn nhà, làm vườn, trồng hoa ; cái nhà, con đường sẽ thêm giá trị, nhà hàng xóm cũng giá trị lây Bà biết không, chủ trước không bao giờ nhúng tay làm một việc gì hết. Rác bên vườn này họ cũng không đồ chỉ ném sang vườn tôi.

Kim ngạc nhiên hỏi :

— Bà làm thế nào ?

Bà già cười như tự phục mình lắm :

— Tôi ném trả lại hết. Đồ lười, đồ lộn, đồ ở. bần như lợn !

Mỗi ngày bà chống gậy ra vườn nhổ những cây cỏ dại đơn không biết thân phận, dăm mọc lan cạnh các bồn hoa yêu quý của bà. Chủ nhật con gái và rể

của bà ở một thành phố khác về thăm, mua đồ ăn cả tuần lễ và mang áo quần chần mà đi giặt cho bà. Có hôm Kim trông thấy anh chàng rề Mỹ ngoan ngoan cong lưng cắt sên cỏ mịn xanh mượt như một tấm thảm cho mẹ vợ, không hề ngàng đầu nhìn ngang nhìn ngửa bao giờ cả.

Bà già không có việc gì làm nhưng bao giờ cũng dậy sớm. Nếu thấy đèn nhà bà sáng thì Kim biết là đúng 6 giờ 40. Dù Kim đang làm việc gì khác cũng phải bỏ dở để thay áo.

Thỉnh thoảng bà mang sang cho Kim một bình rượu Sake và bảo :

— Tôi buồn quá uống một mình không thích. Tôi mang Sake sang hâm nóng uống với bà.

Kim không hay uống rượu nhưng về bà cụ nên cũng nhắm nháp đôi chút.

Bà cụ nói tiếng Anh chấp nhặt được ở đâu đâu, lẫn với tiếng Nhật và giọng Nhật nên rất khó nghe. May mà Kim là người Hàn Quốc, số vốn tiếng Nhật ngày xưa của nàng rất phong phú nên vừa nghe vừa đoán, vừa dưng dậy mở ký ức Nhật ngữ đã 20 năm không dùng đến, Kim nói chuyện với bà rất tương đắc.

— Rượu Sake ở đảo Hokaido ngon tuyệt. Tôi chỉ hy vọng có một ngày nào đó, lại được trông thấy đảo Hokaido. Gian nhà gỗ ngày xưa của chúng tôi ở cạnh bãi biển. Chồng tôi hay mua rượu Sake ở cái quán đầu làng, hâm nóng uống với tôi những hôm trời tuyết...

Nhà bên trái của một ông giáo dạy Piano. Ông bán đàn cho một hãng nhạc khí. Có lẽ ông đã già lắm rồi, nhưng khi người ta già đến một độ nào đó, không ai đoán được tuổi nữa. Ông cao lớn, hai ba cằm, bụng xệ như những ông già đầy

đà khác. Ông dạy học tận tâm và có đôi khi hơi lười thần, nhưng bao giờ cũng dạy quá giờ đã hạn định.

Ông có ba cái kính cận thị, viễn thị và kính lão. Vì không biết sẽ cần dùng cái nào vào lúc nào, nên ông luôn luôn phải có cả ba cái bên mình. Ngồi xuống đánh đàn ông đeo một cái, đứng lên ông phải đổi cái khác. Kính lúc đọc sách và lúc lái xe cũng không giống nhau. Những người quen ông thấy ông lúc nào cũng lần quần loanh quanh với mấy cái kính để góc này, góc nọ, túi trong, túi ngoài rồi tha hồ mà tìm.

Mỗi sáng khi Kim nghe ông đập Piano âm ỹ thì biết là đúng 7 giờ. Kim cũng đã trang điểm xong, bắt đầu vào bếp tìm thức ăn sáng. Ông Hà đúng 7 giờ sáng, trước lúc đi làm ông đập đàn như thế, và chiều tối lúc ở tiệm về ông cũng đập đàn một lúc. Tùy theo tiếng đàn Kim biết là ông hôm ấy buồn bán được, hay có chuyện gì thất ý bực mình. Sống một mình, vợ chết con cái khôn lớn ở riêng cả, ông phải đi làm, phải chiều chuộng mọi người; lắm lúc ông hứng những cái bực mình của chủ, của khách hàng, của đồng sự. Không biết phát tiết vào đâu, ông đập vào đàn dữ dội cho đến khi nổi bực mình dịu bớt, mọi người lại được nghe tiếng đàn dịu dặt du dương.

Một hôm ông mời Kim sang nghe nhạc. Ông lấy một tập bản đàn chép tay ra bảo :

— Những bản này tôi soạn cho ban hợp ca của nhà thờ tôi. Tôi làm trưởng ban nhạc. Tuần nào chúng tôi cũng hát.

Ông đánh thử cho Kim nghe vài bản. Bản nhạc hướng vào điệu tôn giao, hát ba, bốn bè, âm hưởng nghe như các bài hát trong nhà thờ.

Ông dở ra một bài khác bảo :

— Bản này đặc biệt hơn. Có lẽ một ngày kia tôi sẽ xuất bản.

Ông ngồi xuống Piano đánh bản đàn, nghe cũng khá hay, có vẻ buồn thê thảm.

Đàn xong ông lấy ra một đĩa hát không có nhãn hiệu cho Kim xem.

— Bài Maria này tôi đã thu thử vào đĩa. Hôm lễ Chúa Giáng Sinh con trai tôi ở Washington về thăm, nó hát đĩa cho tôi vì nó là ca sĩ giọng cao. Tôi đàn lấy.

Ông nâng niu cầu thận đặt đĩa hát vào máy. Cái tủ máy hát Sterio rất đẹp để trong góc phòng khách trang hoàng đơn sơ, chỉ có một bộ ghế và một cái piano thật lớn. Gian phòng thoáng đạt, không có đầy những đồ đạc lủng củng va chạm, tiếng âm nhạc phóng ra như thanh thoát hơn. Từng tiếng ngân nhẹ như hơi thở phảng phất trong không gian bồi hồi mãi như không bao giờ muốn tắt.

Trong khi giọng hát đang lên cao Maria, Maria... Tú bất chợt thấy ông quay mặt đi chùi hai giọt nước mắt. Maria là ai ? Niềm tâm sự u uất gợi trong bài hát ấy hẳn là một chuyện tình rồi. Người có tâm sự thì đôi khi có phần chí cũng không đáng ghét lắm. Từ đấy Kim không thấy khó chịu khi thỉnh thoảng nghe ông câu kính đáp đàn một cách gay gắt, uất ức vào những giờ giấc không nhất định nữa. Và khi nào gặp ông Kim lại nhớ : -

— Ông Hà, ông liệu mau mau xuất bản các bản nhạc của ông đi để thành triệu phú ; nếu để chậm quá ông biến thành một nghệ sĩ thì khổ lắm đấy. Nghệ sĩ hay triệu phú, ông phải chọn một và nhanh lên.

Ông Hà chỉ lắc đầu mỉm cười không bao giờ trả lời.

Trước mặt nhà Kim là nhà của một kỹ sư người Đức. Ông ta có một cái tên rất dài dòng khó đọc nên Kim gọi ông là ông Đức cho tiện. Ông Đức độ 40 tuổi nhưng trông còn trẻ như vào khoảng 30. Người ông thấp nhỏ gầy gò xương xẩu. Mỗi sáng đúng 7 giờ rưỡi ông lái chiếc xe Thunderbird sập trần đi làm ở một hãng kiến trúc. Khi thấy xe của ông ra cửa, Kim biết là nàng phải ăn xong điếm tâm, và chỉ còn 10 phút nữa để đi ra đi vào, quên cái này, nhầm cái kia, tô lại son, bay thay đổi giày, đổi cái áo khoác màu khác.

Hôm kia mới dọn đến, thấy con đường xi măng đi vào nhà xe lở loang lỗ từng mảng, nước mưa chảy tràn cứ xoáy dần và mang bột sỏi và xi măng đi. Kim mua một bao xi măng đã trộn lẫn cát và sỏi. Nàng chỉ phải trộn nước vừa phải không đặc không lỏng là được. Kim lấy chiếc son cũ dùng để trộn xi măng và chiếc thìa cũ thay chiếc bay của thợ nề. Kim múc từng thìa nhỏ đổ lên các lỗ nứt để vá một cách vụng về. Kim không ngại công việc mất thì giờ, nàng làm có vẻ thích thú lắm. Trong khi đang mãi mê làm việc Kim nghe tiếng chào sàu lưng :

— Chào bà, trông bà làm bánh xi măng khéo quá :

Kim cười trả lời :

— Chào ông. Trong trường hợp này tiếng nước tôi gọi là « Không có chó bắt mèo... »

— Sao bà không nhờ ai làm hộ ?

— Ý kiến của ông hay lắm. Hay là ông làm hộ đi !

Ông Đức vội vàng vua tay :

— Không, không xin bà cứ việc tự nhiên. Tôi không thích tranh công việc của ai cả ! Tôi thề từ nay không bao giờ đại mồm đại miệng xui ai gì nữa.

Sau đó Kim còn gặp ông vài lần trong các tiệc trà cửa hàng xóm, và biết thêm về gia đình ông. Ông ly dị, vợ ông giữ hai con. Ông nhớ chúng nó lắm, nhưng vợ ông đem chúng sang ở tiểu bang khác nên không thăm được.

Kim hỏi ông :

— Tôi xem ông còn có vẻ yêu qui vợ con thế tại sao ông lại ly dị ?

Ông Đức thở dài :

— Tôi không muốn nhưng bị tình thế bắt buộc.

Ông im lặng rất lâu, ngập ngừng mãi mới nói :

— Tôi đau khổ lắm bà ạ. Lòng tự ái của thằng con trai bị xúc phạm một cách kinh khủng. Tôi nói cho bà biết, bà đừng cười nhé.

Kim thấy ông sắp kể chuyện tâm sự, vội dọn nét mặt nghiêm trang để nghe.

— Nhà tôi là người Mỹ. Chúng tôi sống chung hơn 10 năm. Vì công việc tôi thường phải đi các tiểu bang hay thành phố khác vài ngày để kiểm soát. Một hôm tôi ở xa về lúc ấy đã 12 giờ đêm. Tôi trông thấy một người lạ ở trong nhà. Bà có thể đoán được là ai không ?

— Bạn của bà chứ gì ?

Ông Đức cắn chặt môi :

— Phải, bạn, bồ thì đúng hơn. Nhưng bà không thể tưởng tượng được đâu !

Tôi tưởng chuyện không lạ đến như thế.

— Không, bà không thể ngờ được. Và không ai ngờ được cả. Vì đó là một người đàn bà.

Kim ngạc nhiên nhưng không biết nó gì để diễn tả.

— Tôi thấy hai người ngồi cạnh nhau lâu quá tôi dục nài tôi đi ngủ vì tôi mệt lắm. Nhà tôi dùng dăng mãi và bảo tôi đi ngủ một mình vì bà ấy phải ngủ với cô bạn.

Hôm sau con tôi mách với tôi rằng suốt thời kỳ tôi đi vắng, hôm nào cô kia cũng đến ngủ chung với mẹ chúng nó. Nhà tôi cũng thú thật với tôi và yêu cầu được ly dị. Chúng tôi đi gặp bác sĩ tâm lý, các cố vấn hòa giải gia đình, các mục sư... đủ cả. Những người ấy cố tìm cách hòa giải mà vẫn không thể cứu vãn gia đình tôi được. Nhà tôi cũng rất đau khổ thú nhận là không thể yêu tôi và sống chung với tôi được nữa.

— Bây giờ bà ấy ở đâu ?

— Nhà tôi ở tiểu bang khác với « cô bạn » ấy. Tôi chỉ lo các con tôi trông thấy mẹ như thế sẽ bị ảnh hưởng, hỏng cả một đời.

— Tại sao ông không xin nuôi con ?

— Pháp luật cho phép con được ở với mẹ, trừ một vài trường hợp nhưng tôi không ở trong trường hợp ấy. Tôi mong một ngày kia sẽ về lại Đức cưới một cô gái làng tôi mang sang. Một cô không uống rượu, hút thuốc, yêu chồng và nhất là tâm hồn không bệnh hoạn.

— Ông không tìm được một người con gái ở Mỹ như thế sao ?

— Có thể có lắm, chúng tôi mất hết lòng tin rồi. Đàn bà Mỹ đòi hỏi nhiều quyền lợi quá. Họ luôn luôn muốn điều tra xem lấy mình họ sẽ được hưởng những gì mà quên phần họ sẽ đem lại những gì cho chồng. Trong số tôi cũng có nhiều cô rất ngoan và sẵn sàng vui lòng

mắc bầy nếu tôi giảng, nhưng tôi không muốn. Nhục lắm bà ạ. Chuyện của tôi ai cũng biết. Nếu vợ tôi theo trai thì cả bầu trời này tôi có rất nhiều đồng chí, nhưng vợ đi theo gái thì còn trời đất nào nữa !...

Những mẫu chuyện tâm tình như thế này, người ta chỉ thông cảm mà không thể an ủi được, vì bất cứ một lời nào cũng chỉ làm cho câu chuyện vô duyên. Kim chỉ im lặng nghe.

Ở trên dốc là nhà của Bình, một sĩ quan Hải Quân. Bình uống rượu suốt ngày và học rất dốt. Là một sĩ quan Hải quân Bình phải theo tàu nay đây mai đó. Sống quen cuộc đời sóng gió, rượu và gái lẫn lộn Bình đâm nghiện nặng.

Lần này là lần đầu tiên Bình được lên bờ ở một năm, hẳn ta ngỡ với tất cả. Có những người trời sinh ra để sống với sách đèn thì người ấy không phải là hẳn. Hẳn được phái đi học ngoại ngữ một năm, mà cầm cuốn sách, nhìn vào chữ, hẳn thấy mình không có bà con gì với thứ chữ ấy cả.

Đêm đêm ngồi học đến khuya với một chai rượu Whisky. Cuộc sống nay bờ này mai bến khác đã luyện dạ dày hẳn thành một cái thùng chứa rượu, không còn cảm giác gì khi đổ rượu vào nữa, chỉ còn một ít vị giác ở đầu lưỡi, hẳn thấy phải uống cái gì cay cay cho đỡ đỡ nhạt nhẽo vô duyên.

Hẳn ôm cái chai và cuốn sách vào lòng học mãi đến khuya. Nhưng chỉ thấy những giòng chữ nhảy múa trên sách. Hẳn đợi những giòng chữ ấy nhảy vào đầu hẳn cho đến khi mệt quá ngủ thiếp đi.

Đêm đêm Bình mở to máy ghi âm để học. Thỉnh thoảng hẳn cũng thuộc được một vài bài dễ, nhưng thuộc mà

không hiểu gì hết. Có những bài hát nghe hát đi hát lại mãi thì đâm thuộc và ai cũng hát được. Đó là phương pháp mới để học ngoại ngữ. Hẳn có thể làm nhảm chữ được chữ mất hát lên một vài câu, nhưng ý nghĩa và văn phạm thì không tiêu hóa lẫn với rượu được.

Tuần nào Bình cũng thi trượt. Điềm của hẳn luôn luôn ở vào quăng được vớt để mong cứu vãn tình hình làm hải hoang mang. Từ ngày bắt đầu đi làm, lần này là lần đầu tiên hẳn được sống trên đất liền ngày này qua ngày khác; được ở trong cái nhà không cảm thấy sàn nhà chao đi chao lại; ngoài cửa sổ không nghe thấy tiếng sóng vỗ; đi vào đi ra không phải cúi đầu khom lưng; nằm trên cái giường rộng thênh thang; và được nhìn lên trần nhà cao mênh mông...

Hẳn tiếc cuộc sống này, muốn bám víu đủ một năm, nhưng khóa thi nào cũng trượt. Cứ như thế này chỉ một vài lần nữa người ta sẽ cho hẳn trở về đơn vị cũ với một điếm phé vào lý lịch: "Không có khả năng ngoại ngữ" Thế thì đời tàn rồi còn gì! Cửa tương lai như đóng chặt lại thêm một chút. Không có khả năng ngoại ngữ nghĩa là kém thông minh, nghĩa là dốt và cũng có nghĩa là không thể làm việc bằng trí não được.

Ngày mai chưa biết ra sao, còn lại ngày nào hẳn phải cố gắng ngày ấy. Đêm đêm cả hai dãy hàng xóm cùng học một bài với hẳn. Tiếng máy ghi âm vang to đến nỗi hàng xóm, nhất là trẻ con phần nhiều thuộc bài trước hẳn. Sáng sáng hẳn ôm mối lo sợ đến trường, sống khắc khoải đợi ngày hôm sau chưa biết ra sao.

Lúc xe hẳn đi qua là lúc Kim phải lùi

xe từ nhà xe ra để đợi nhập vào đoàn xe trên đường.

Tất cả những con người ấy đều là đồng hồ của Kim. Những người hàng xóm biết giờ giấc và độ g tĩnh, tâm sự của nhau như người nhà và chia sẻ những nỗi vui buồn như bạn thiết.

Nhưng còn Kim? Các bạn của Kim đã biết gì về nàng? Kim là người Triều Tiên, lúc chiến tranh bùng nổ Kim mới 20 tuổi, mới lấy chồng, mới có đứa con đầu lòng, mới bắt từ giả đại gia đình phong kiến để bước vào cuộc sống văn minh Âu hóa bước đầu với chồng. Chồng Kim là một sĩ quan trong quân đội chánh qui. Quê hương của hai người cùng ở Bắc Hàn. Khi cuộc phân chia Nam Bắc xảy ra vợ chồng Kim hết đường về. Cả đại gia đình chết dần chết mòn theo với các trận đánh chánh thức, đánh vụng trộm, những vụ thả bom, đột kích lẫn nhau của cả hai bên. Chồng Kim tử trận trong một trận đánh lớn ở gần thủ đô. Kim bế con chạy về hậu phương. Nàng được vài gia đình Mỹ giúp đỡ đem sang Mỹ. Thế là gần 20 năm nay Kim sống yên lành với con, với nghề thư ký đánh máy cho một hãng tư.

Từ một cô kỹ trẻ mới góa chồng với một đứa con thơ, thời gian đã biến Kim thành một bà kỹ không già không trẻ, có một đứa con trai đã bắt đầu đi quân dịch.

Nhiều mối tình vụn đã thoáng qua. Những người bạn trai của Kim thích nói chuyện, đi chơi với Kim vì Kim đẹp một vẻ đẹp Á Đông dịu dàng, Kim hiền rộng và Kim nói chuyện có duyên nhưng không ai đi xa hơn nữa. Không ai nghĩ đến chuyện cưới Kim khi thấy đứa con trai cao sừng sững trong nhà. Cứ tưởng tượng đến chuyện nuôi ăn, nuôi mặc, nuôi thuốc thang đau

ốm con người khác là họ ngán chạy hết.

Lúc hồng Kim mới mất, tình yêu còn nồng nàn, Kim tưởng như có thể chết theo chồng, có thể tình nguyện ở vậy suốt đời nuôi con, không bao giờ có thể thương ai được nữa. Thời gian qua, tình nhớ thương nhạt dần, thêm vào cuộc sống máy móc đuổi bắt thời gian, những nhu cầu vật chất làm xao lãng những kỷ niệm thơ mộng yêu đương. Kim thấy ngán và mệt sự tranh đấu cho cơm gạo hàng ngày, nàng mong gặp một người thương nàng chân thành để làm lại cuộc đời cho tương lai đỡ bấp bênh, cho bước đường đỡ cô đơn... Nhưng những người đàn ông đến với Kim như những con chó đói lâu ngày thêm thịt, không ai có lòng hay trái tim, tình cảm gì hết. Không ai muốn thay đổi cuộc sống của Kim, không ai có ý định làm cho đời nàng tươi sáng hơn, hay đỡ bấp bênh hơn.

Những kinh nghiệm chua chát biến Kim thành một con người khác. Kim không tin tưởng, không chờ đợi, và cũng không đem tình thương thật ra cho ai nữa. Kim đi chơi với các bạn để tiêu phí thì giờ, để đỡ chán cuộc sống máy móc, đỡ chán chương trình bắt đi bắt dịch hàng ngày. Đi để thấy một cảnh trí khác cho đỡ phát điên phát cuồng lên mà thôi.

Cổ tiếng vẫy mạnh trong bể cá vàng. Kim dậy ra phòng khách thăm cá và cho nó ăn. Mỗi ngày Kim vẫn cho cá ăn vào giờ này. Hôm nay Kim không phải đi làm nhưng cá đã quen thói được ăn vào giờ nhất định. Kim cũng như những ông già, bà già khác, những con người độc thân, hay có con đã lớn, ở xa; những người này không có ai để vuốt ve, bồng bế yêu chiều, họ thường phải nuôi

một con vật gì như chó, mèo, chim, cá để chuyện trò, để thương yêu.

Muốn bớt suy nghĩ, Kim vẫn thường làm cho mình bận rộn đủ mọi cách. Ngoài giờ đi làm về, nàng có một cái vườn thật to để làm cỏ, tưới cây. Kim tự chùi nhà cửa, giặt dũ, quét tước, nấu nướng, may vá. Thế nhưng mấy hôm nay Kim chán tất cả, không thấy có hứng thú làm gì hết.

Như đồng lữa với sự lười biếng, trời mưa tầm tã suốt mấy ngày liền. Ở các vùng thấp, nước ứ đọng trên đường từng vũng lớn, mỗi lúc có một chiếc xe đi qua là bắn tung tóe cả lên. Nhờ thế Kim có cớ để không đi phố, đi chợ, và cũng không ra làm vườn.

Tiếng nói ở máy thu thanh đang ngân nga bài 'The green green grass of home'. Bài hát Kim thích nhất. Mỗi khi nghe đến câu 'tôi muốn sờ lên đám cỏ xanh ở quê tôi...' Kim thấy mình cũng có ý tưởng ấy. Trời! Từng đám cỏ xanh mượt mịn màng ở quê hương, nếu được sờ, được dẫm lên thì sung sướng biết bao!

Tiếng nhạc đang dìm dặt bỗng nhiên ngừng lại. Kim đang say sưa nghe bị cắt mất nguồn hứng giận dỗi quay vòng kim sang đài khác để thử tiếng. Chiếc đồng hồ liền với máy cũng đứng yên, kim chỉ giây đứng sững ra đấy một cách ngây thơ như đời chưa từng làm khổ ai vì cái trò chơi đuổi bắt thời gian cả. Kim bật điện để xem máy không chạy vì hỏng hay vì không có điện. Đèn không đỏ, lò sưởi điện cũng đã ngừng nhà hơi ấm.

Lắm hôm điện tắt nhưng chỉ vài tiếng đồng hồ chạy lại như thường. Kim chỉ việc chờ một người nào đấy ở cùng một con đường nóng ruột hơn nàng, gọi

điện thoại báo tin cho nhà điện biết để tìm chữa quãng bị hỏng.

Kim bỗng thấy muốn bận rộn làm một việc gì cho đỡ bứt rứt tâm hồn nhưng nghĩ không ra. Phần giải trí có máy hát, radio, máy truyền hình, tất cả đều không chạy, Đọc sách thì không có đèn. Phần việc làm thì máy giặt, máy sấy, máy hút bụi, máy may không có điện không dùng được. Kim lặng lẽ bó gối ngồi nhìn đàn cá vàng cảm thấy gian phòng lạnh dần, lạnh dần như trông thấy rõ khí lạnh đang tiến tới từng bước một.

Thấy đói bụng, Kim mở tủ lạnh tìm thức ăn. Tủ không điện tối âm u, Kim không tìm thấy gì ăn được. Ngăn đựng thịt ướp đông bắt đầu tan đá, nhỏ từng giọt nước xuống các ngăn. Tất cả đều sống, đều lạnh, cần phải nấu chín, hâm nóng nhưng cái bếp điện không có ý hưởng ứng. Kim đành uống một cốc sữa tươi dần bụng. Kim uống từ từ, nuốt dần từng ngụm nhỏ, sữa đi đến đâu nghe lạnh đến đấy.

Kim chợt nhớ đến mấy bắp cải bèn lấy ra muối chua theo kiểu Triều Tiên. Kim xóc cải lẫn với ớt bột, gừng, tỏi và hành hoa thái nhỏ. Cho vào lọ xong, Kim hòa nước muối vừa mặn, cho một viên đường và đổ vào lọ. Lọ dưa này độ năm hôm nữa sẽ chua. Tất cả các vị khác nhau của hành, tỏi, gừng, ớt, đường, muối hợp chung vào với nước dưa chua sẽ khai vị vô cùng. Ngày xưa mẹ nàng hay làm món này và bà làm khéo nhất làng nên lúc sinh Kim cha Kim đã lấy tên món dưa chua Kim Chi để đặt cho nàng. Từ ngày sang Mỹ, Kim chỉ làm dưa kiểu dối này chứ thực ra, còn cần nhiều thứ gia vị khác nữa. Mẹ nàng còn làm thứ cải củ

bắp cuốn bên trong một con cá mực hay cá thu, chất đầy một vò. Thứ này phải để hàng nửa năm mới ăn, vì phải chờ cho cá hay cá mực thành mắm, chất mắm thơm ngọt thấm vào lá dưa. Lúc vò dưa được mở ra lần đầu, từ nhà ra đến đường cái đều ngửi thấy mùi thơm.

Dưa làm xong còn suốt cả một ngày dằng dằng, Kim không biết làm gì, Cửa sau nhà Kim trông ra vườn. Cửa thật lớn bằng hai cửa thường, từ chân tường vươn cao lên gần đến nóc nhà như một cái tường bằng kính. Kim lấy cái chắn điện quấn vào người, cái chắn không có điện nên mỏng manh và lạnh như tất cả mọi thứ khác trong phòng. Kim nằm lẫn xuống sàn nhà nhìn ra vườn sau. Chợt ngẩng đầu nhìn lên, Kim bỗng thấy như bị lạc vào một thế giới khác. Cũng vẫn những cây gỗ đại thọ ấy, ngày thường lúc Kim đứng thẳng nhìn thấy khác hẳn bây giờ. Nằm xuống sàn thấp nhìn lên; đám cây như cao vươn hẳn mình lên, hùng vĩ thêm, cành lá cũng như nhiều thêm, và có vẻ thơ mộng hơn.

Kim thấy tất cả cái gì cũng như không động lại, thời gian cũng vậy. Nếu thời gian mà có qua thật thì giờ phút này điện phải chữa xong rồi. Máy hát, radio, tủ lạnh, máy may, lò sưởi, máy giặt, máy sấy, tất cả những thứ làm cho một gia đình sống động và linh hoạt vẫn còn im lìm. Chúng lạnh lùng đứng lì ra đấy, không hợp tác cũng không phản đối. Chúng chỉ chiếm một chỗ ngồi rồi ra điều kiện: Có điện thì tôi sống, tôi làm việc không có điện thì tôi chết, tôi không làm gì được hết.

Trí não Kim đang thả trôi một cách lười biếng bỗng dưng bừng tỉnh dậy như chợt nghĩ ra điều gì. À, phải rồi.

Cái bọn máy móc kia . phải có điện mới làm việc được thì con người phải có tình. Tình yêu là luồng điện, là nguồn sống cho nhân loại. Nếu không có tình yêu thúc đẩy thì loài người cũng sẽ lỳ ra đấy, sống một cách uể oải, không muốn làm gì nữa. Nghĩ đến mình, Kim thấy chính Kim cũng đã bị cái luồng điện kia chi phối khá nhiều mà không biết. Những năm sau này Kim hay nằm lỳ ra một cách lười biếng không có chí hoạt động hăng hái nữa. Những việc trong nhà, ngoài vườn ngày xưa Kim làm một cách trù mẫn say sưa, thì ngày nay làm để cho qua ngày giờ. Nhớ đến ngày mới dọn về đây Kim đã thao thức rất nhiều đêm để suy nghĩ, mơ tưởng phát họa bản đồ lập vườn. Nơi nào sẽ trồng cây, nơi nào sẽ trồng hoa, bồn cỏ đâu, bệ cá xây cách nào... Sáng dậy đi làm mắt đỏ mọng vì mất ngủ nhưng tinh thần vẫn tỉnh táo như thường. Còn bây giờ cái nhà có sập góc bên này chắc Kim sẽ dọn giường sát góc bên kia rồi cứ thế mà ở.

Ngày xưa lúc còn trẻ đẹp, thỉnh thoảng có vài người bạn đến chơi, Kim dọn dẹp nhà cửa, sửa soạn thức ăn, y phục chỉnh tề, lại còn tô son điểm phấn rất xinh đẹp nữa. Bây giờ chẳng chàng trai ấy tắt biến đi vào hư vô như luồng điện hôm nay, Không có điện các thứ máy móc đứng lì ra đấy, không có tình Kim cũng sống lỳ ra đấy nhìn đời tàn lẩn.

Ngày xưa có khi Kim cũng đã rất khó tính, hay chê khen, anh này lùn, anh kia cao, anh nọ thông minh, anh kia ngớ ngẩn... Bây giờ những con người dù dốt dù thông ấy đi đâu mất cả ?

Kim ghé mặt xuống sát đất để nhìn lên. Đám cây gỗ đỏ như vươn lên cao

cao hơn nữa. Nhưng càng cao ngọn cây như càng trở trội bờ vờ.

Kim chợt nghĩ đến những người hàng xóm láng giềng của nàng. Ba già Nhật tay chân run lập cập, ngày ngày đợi cuối tuần con và rề đến cắt cỏ, đợi cơ hội về lại đảo Hokaido xa vời... Anh chàng sĩ quan u mê đợi ngày bị đui như một cái án tử hình treo treo trên đầu, không biết ngày lãnh án bao giờ

sẽ đến... Ông Đức với bà vợ theo gái... Tất cả những con người ấy, bây giờ điện tắt đang làm gì ?

Văng lên tiếng đập đàn u uất của ông Hà. Kim mỉm cười bảo thầm :

— May mà cái đàn Piano của ông Hà không phải là Piano điện !

Monterey

LINH-BẢO

(Rút trong tập «*Những cánh diều*»)

Đã phát hành :

PHÁ NÚI (truyện dài)

NGƯỜI ĐÁ (tập truyện)

hai tác phẩm mới nhất
của LÊ-TẮT-ĐIỀU

Đã phát hành :

TRONG MẶT TRỜI BUỒN

tập thơ của

CHU - TRĂM NGUYỄN - MINH

Văn-Học xuất bản. Giá 60 \$

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 93.741 . 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

GIÓ CUỐN

12 Trác thoát chết một cách khó khăn. Bao nhiêu bác sĩ được huy-động để dành lại anh từ tay Tử Thần. Anh mê mang suốt cả tuần lễ. Khi anh mở được mắt nhìn tôi có cảm tưởng như chính tôi được sống lại. Cơn sốt hạ xuống dần nhưng những vết thương làm anh quần quại đau đớn. Khánh ở Đà-lạt. Tôi xuống không dám nói nguyên nhân nào đã gây ra tai nạn. Nếu Khánh biết nàng sẽ thù hận tôi như thế nào. Những nhân viên của bệnh viện đều tưởng chúng tôi là chị em. Tôi bảo Khánh: Càng hay, chúng ta cầu mong Trác thoát nạn, còn ngoài ra, ai muốn nói gì cũng được.

Trác uống những bát xúp đầu tiên. Trác đã thoát chết. Nhưng anh ngỡ ngác như người mất trí. Bác sĩ bảo vỏ não của anh bị kích động nặng và không ai dám bảo đảm là anh có thể trở lại trạng thái bình thường được không.

— Miễn là ông ấy sống được, — Bác sĩ Jeannot nói.

Đôi khi anh nhận biết chúng tôi.

— Khánh đó hả? Em ở Đà-Lạt xuống được bao lâu? Có ghé lại thăm nhà không? Hôm nay Nhân được nghỉ?

Nhưng liền sau đó anh nằm trầm ngâm mắt nhìn lên đỉnh màn, đôi mắt ngỡ-ngác dại khờ. Anh nói lầm nhảm:

« Một ngàn kí lô sơn... Tôi đồng ý, Đây tờ giao kèo đây... cho thằng Chiều rái banh màu đỏ này. Nay giờ tay chụp lấy... Xin cô cho tôi hận-hạnh nhảy bản này với cô... Vâng, em xa tôi như ngôi sao xa, xa tít tận vòm trời... » Nói lầm nhảm rồi anh òm mặt khóc. Nước mắt tôi ràn rụa theo nước mắt của Trác.

Sau hai tháng nằm bệnh viện, những vết thương đã lành nhưng trạng thái mất trí vẫn không thuyên giảm. Không có dấu hiệu tiến bộ. Bác sĩ Jeannot bảo tôi: Tôi cũng hy vọng với bà rằng ông ta có thể khá hơn. Hiện tình thì tôi không cả quyết đợ: gì. Gắng giữ cho ông ấy được yên tĩnh.

Khánh đề nghị đưa Trác vào dưỡng trí viện Bình-Hòa. Bác Sĩ Jeannot nhún vai:

— Nếu bà muốn. ghưng tôi không tin rằng nơi đó người ta sẽ làm được

cái gì hơn. Tốt nhất, theo tôi nghĩ, là nên để ông ấy nghỉ ngơi yên tĩnh một thời gian. Sau đó chúng ta sẽ liệu.

Khi Trác rời bệnh viện để lên xe về Đà-lạt, tôi đắm đắm nhìn khuôn mặt anh. Một vết sẹo chạy dài ở trán chạy xuyên qua má.

Dấu vết của tội lỗi tôi đó. Trác nhìn tôi rồi lơ đãng nhìn bồn hoa bên xuống thảm cỏ xanh. Anh không biết rằng có tôi đứng đây. Mọi dây li lạc tình cảm, yêu thương, xót xa, giận hờn, đều bị cắt đứt.

Tôi vốn ít nói mà từ ngày Trác bị nạn tôi càng ít nói hơn. Tôi thường ngồi suy nghĩ về ý nghĩa cuộc đời.

Sau tai nạn của Trác, tôi quyết định xin thôi việc. Tôi đã thấy cái vô nghĩa của cuộc đời, thành công đó rồi thất bại mau chóng đó, cái chết kề sát sự sống như hai bề trái mặt của một đồng bạc tung lên dò xem chân lẻ. Dù tận tình khai thác sự bất lương, Tôi chắc Thuyên và tôi cùng không hy vọng giàu bằng Trác được. Thế mà bây giờ Trác hưởng được gì ở những đồng tiền đồ sộ của anh? Nhưng ngoài sự lý luận và vượt lên trên lý luận, lý do khiến tôi xin thôi việc không cần lưỡng lự là niềm hối hận sâu thẳm ray rứt tâm hồn tôi. Tôi đã phá hoại cuộc đời Trác. Tôi chuộc tội bằng cách nào? Ý muốn cuối cùng của Trác là gì? « Nhân hãy thôi việc. » Ý muốn đó quay cuồng trong đầu óc anh gây nên băng khuôn, xót xa hờn tủi và trong cái tâm trạng xao xuyến cực độ đó, tai nạn đã bắt chọt vào anh. Tôi quyết định xin thôi việc.

Tôi đánh máy một lá đơn rồi nhờ Liên trao cho Mansfield. Tôi không muốn gặp Mansfield, tôi không dám gặp hẳn, không đủ can đảm để gặp hẳn. Thật khó khăn để trình bày lý do xin thôi việc. Nếu Mansfield xem tôi như bất cứ một nhân viên nào khác thì đơn xin thôi việc đã có sẵn công thức, cứ ngồi lại máy là đánh vào không cần phải làm nháp. Tôi trình bày lý do như thế nào để Mansfield khỏi đến tìm hỏi lời thôi về tôi? Suy nghĩ cân nhắc thật nhiều nhưng vì số vốn Anh ngữ có hạn tôi cũng đành bằng lòng với những câu sáo: Vì cần phải săn sóc gia đình... Đây tờ đúng đắn khó tìm... Những đứa ở tạm bợ hay đánh con tôi, cho ăn bậy và cho chạy chơi ngoài đường... Tôi rất tiếc phải xa ông Giám đốc tử tế và những bạn đồng nghiệp nhã nhặn... Cầu chúc...»

Bức thư gửi đến buổi sáng thì chiều Mansfield lái xe đến nhà tìm tôi. Tôi sai con nhỏ ở ra trả lời là tôi đi vắng. Dầu đang lúc bối rối, lo lắng và buồn phiền, tôi cũng không nhịn cười được khi nhìn qua khe cửa tôi thấy nó vừa giơ tay ra dấu vừa lắc đầu rồi cuối cùng không chịu đựng được sự căm lạng kéo dài, nó cứ nói: *năm bờ ten,.. năm bờ ten..* luôn mồm vừa giơ ngón tay chỉ về phía phòng tôi Mansfield nghiêm trang nhìn nó. Rồi cúi gập đầu ra xe. Qua hôm sau tôi đoán là Mansfield sẽ đến và lần này ắt phải nhờ một người bạn của tôi cùng đi, tôi đoán là con Liên phải lãnh nhiệm vụ đó, — để người này sức sạo tìm tôi. Tôi ghé chơi tại nhà chị Ân suốt sáng hôm đó. Trưa về hỏi con nhỏ ở thì quả đúng là Mansfield có đến với « một cô hơi béo mặc áo dài có thêu những chùm hoa ở ngực ». Đúng là Liên.

Sáng ngày thứ ba tôi nhận được một bức thư của Mansfield gửi theo bưu điện.

Liz yêu quý,

Tôi không dám lập lại sự tìm kiếm Liz ở tận nhà quá lần thứ hai bởi vì tôi tôn trọng sự kín đáo của Liz. Nhưng xin hiểu cho rằng sự thiếu vắng Liz ở bàn giấy, sự từ giã bất ngờ của Liz đã làm cho tôi hết sức buồn. Tôi mong rằng không phải vì tôi đã đối xử không nghiêm chỉnh. Tôi biết Liz đã có chồng con và tôi tôn trọng cương vị làm vợ làm mẹ của Liz trong khuôn khổ một gia đình có hạnh phúc. Ở nước tôi cũng vậy, cho dầu rằng sự luyện ái được tương đối tự-do hơn, nhưng những người có phẩm hạnh bao giờ cũng tự thấy bổn phận của mình là không được phá hoại hạnh phúc gia đình của kẻ khác. Có nhiều trường hợp người ta phải chiến đấu rất mãnh liệt mới chiến thắng nổi tiếng nói thúc bách của trái tim. Tôi ở trong trường hợp đó. Tôi gặp Liz, tôi yêu Liz tự nhiên như con chim yêu tiếng hát, như lá cây yêu ngọn gió. Liz dịu dàng và kín đáo khiến cho tâm hồn tôi theo đuổi mà không biết mệt, không biết điểm khởi đầu và điểm kết thúc bởi vì sắc đẹp như cái vòng tròn tha hồ cho mình đi vòng quanh, đi mãi không hết. Liz thông minh, Liz nhiều cảm xúc, Liz giống đóa hoa hồng vừa đẹp vừa thơm.

Tôi không có hạnh-phúc bên cạnh Kathryn, vợ tôi. Có điều làm tôi buồn là mặc dù Kathryn yêu tôi, cũng phải luôn luôn nhớ rằng nàng cứng đầu, ưa cãi lý và chỉ nhận lẽ phải sau ba mươi phút cãi lý. Đôi bàn tay vuông vầy khi cãi, đôi vai nhún lên trể xuống đôi môi thoăn-thoắt biến hình, những lúc đó tôi thấy Kathryn xấu xí lạ thường. Nên khi gặp Liz với nét đẹp đoan-trang vui buồn gần như không biến đổi, lúc nào cũng lặng lẽ với nụ cười kín đáo Phương Đông, tôi có cảm tưởng yên-đàn, tâm hồn như có chỗ dựa và nhịp sống chảy chậm rãi điều-hòa. Nhưng bây giờ thì tôi chỉ còn trông mong cho chóng đến ngày trở về Hoa kỳ. Trong khi chờ đợi, tôi sẽ cố-gắng xa rời về một thành phố khác, Tôi đã cảm hơn những người bạn đồng ngữ của tôi. Đó là một tánh xấu. Tôi không chịu nổi những kỷ niệm buồn.

Xin Liz xóa bỏ những lỗi của tôi. Hãy chọn để nhớ những kỷ-niệm nào êm ái hơn hết. Tôi cũng vậy. Chắc-chắn là dù năm năm, mười năm hai mươi năm sẽ trôi qua nhưng ở bên kia bờ Thái-bình-dương tôi sẽ không bao giờ quên được hình ảnh Liz. Kathryn sẽ không dịu-dàng với tôi đâu, tôi biết. Tôi sẽ phải đối phó thường xuyên với cá tính ngang ngược của nàng nhưng tôi sẽ tập cho quen đi và khi những nỗi buồn gặm nhấm tâm-hồn, tôi sẽ gọi lên hình ảnh dịu dàng của Liz để tự an-ủi mình:

Hãy đi cho trọn con đường nghĩa-vụ cao quý, hỏi người bạn gái yêu mến của tôi, dòng suối êm mát mà trong nhiều ngày tôi đã âm thầm thụ hưởng sự trong trẻo an lành, đóa hoa ngạt ngào hương thơm và màu sắc mỹ lệ.

Cầu mong Chúa che chở cho Liz.

J. E. MANSFIELD

Tôi xếp bức thư bỏ vào túi áo, êm đềm ngồi suy nghĩ, nhưng óc tôi chợt thấy trống rỗng, tiêu điều. Tiếng gàu thiếc va vào thềm giếng, tiếng chích chích, của bầy chim sẽ nói chuyện với nhau ở rui nhà, tiếng một đứa trẻ khóc u ơ tạo thành một cái không gian buồn nản. Tôi đang có tâm trạng như thế nào, đối với bức thư vừa nhận. Phải nói là tôi thoáng thấy niềm vui nhỏ trong nỗi buồn dày đặc của tôi. Mansfield đã xử sự lễ độ. Tôi không hối hận vì những lần đã lưỡng lự với một người đàn ông như vậy. Cảm ơn Johnny và giả từ vĩnh viễn anh. Anh không có lỗi và chúng ta cũng chỉ là những nạn nhân, nạn nhân vô tình của những biến cố đập dồn nhiều khi vô lý.

Phúc lăm lăm chạy từ dưới nhà lên, lay đùi tôi.

— Ba đâu má? Sao má nói trưa ba về mà ba không về?

Tôi xoa đầu con:

— Bây giờ chưa trưa mà.

— Hai giờ rồi mà chưa trưa, con nghe ra-dô nói bây giờ là hai giờ.

— Ừ, rồi ba về.

Tôi bế Phúc đặt lên đùi. Thuyên không về nhà từ tối qua. Sau khi tôi báo tin đã xin thôi việc. Thuyên ngạc nhiên đến sửng sốt. Anh sừng sộ muốn tiến đến đánh tôi nhưng tôi đã ngang nhiên nhìn thẳng anh và sự đánh thức đó làm anh chùn lại. Tôi chậm rãi dẫn từng tiếng:

— Tôi đã cân nhắc kỹ lưỡng trước khi đưa đơn xin thôi. Anh không cần lý luận để hy vọng bắt tôi đi lui.

— Thôi việc! Mỗi tháng mười tám ngàn không phải là một số tiền nhỏ. Mỗi năm hai trăm mười sáu ngàn, đi làm vài năm là có được một cái nhà.

Thuyên nghiêng rặng làm quai hàm banh ra.

— Tôi biết rõ con số nhân đó. Tôi biết rõ khả năng của số tiền đó. Tôi cũng muốn làm theo lời anh, tôi đang làm quen với cái không khí say mê điên đảo của đô-la xanh, đô-la đỏ, của chợ đen, của áp phe thì chợt tôi bị đặt trước sự vô nghĩa của giàu sang.

Thuyên nhia tôi lộ vẻ chưa hiểu.

— Anh cứ coi Trác đó.

— Tại nó lái xe ầu. Thằng đó «Uất-tri» một cây, học-hành dốt nát lưu-manh rồi nhờ Trời chó ngáp phải ruồi...

Tôi dẫn cơn giận, ngắt lời Thuyên.:

— Con người ta đau bệnh, tàn tật, chết... không phải đều chỉ vì lái xe ầu. Có nhiều cách để đi tới cái kết quả cuối cùng.

— Nhưng sự từ chối tiền bạc không giúp người ta thoát được cái «kết quả cuối cùng»

— Đúng vậy. Nhưng người ta sẽ đến đó với một tâm trạng khác.

— Nguy biện! Nguy biện! — giọng Thuyên quát to lên. Tôi im lặng không nói nữa, Thuyên cầm cái ly trên bàn ném mạnh xuống nền nhà. Thủy tinh vỡ một tiếng «Bụp» tan vụn thành từng mảnh nhỏ.

Trác ơi, tôi đang nghĩ đến anh. Trước cái tai họa to lớn mà anh hiện đang gánh chịu, tôi thấy xấu hổ về những sự giận dữ tầm thường của chồng tôi. Ném vỡ một cái ly! Một cuộc đời người, bao nhiêu tài sản còn có thể bị tan nát trong thoáng chốc, kể chi một cái ly nước tầm thường đáng giá vài chục bạc. Sao Thuyên có thể hạ mình làm một cử chỉ nóng giận, tầm thường như thế, khi đã chứng kiến cái tai

họa tà trời đã xảy đến cho anh? Tại họa đó, niềm đau đó không thay đổi được chút nào quan niệm về cuộc đời của Thuyên hết hay sao? Tôi kính trọng và thương anh hết lòng. Con Cúc ở Phan-thiết nó viết thư ra bảo nó khóc nó sợ anh chết. Nó niệm Phật cầu nguyện cho anh mỗi đêm. Một cô giáo hai mươi tám tuổi qui niệm Phật khác xa với cụ già bảy mươi tuổi. Nó nói nó thương anh như anh cả nó vậy.

Thuyên bỏ nhà chiều hôm đó. Tôi biết nơi anh đến và mục-đích khiến anh đến. Có yêu Kiều-Nga không thì tôi không rõ, nhưng chắc chắn nhất là anh muốn đảo mỏ. Cách đây chừng sáu tháng, một người bạn Thuyên anh Sung trung-úy pháo binh có đến nhà chơi. Hai người nói chuyện ồn-ào về những mối tình của thời-đại, những công-thức mới, những tiêu-chuẩn mới về ái tình. Câu chuyện được khởi dẫn bởi tin ông thiếu-tá Lê mới làm tiệc cưới với bà Mộng-Thu, chủ Bar Mary Flower. Thuyên hỏi.

— Thiếu tá Lê góa vợ?

— Không. Có vợ và năm con. Người con trai đầu du học ở Gia-nã-Đại, người con thứ hai du học ở Úc.

— Thế sao lại cưới bà Mộng-Thu?

— Cưới chỉ là một danh-từ một hình thức đánh lừa. Chỉ chắc-chắn là hôm đó có một bữa tiệc rất sang. Bà Mộng-Thu hiện giờ vốn có đến mười triệu bạc. Cần một người có địa-vị để tạm gọi là chồng hòng khai thác cái bar. Thiếu tá Lê cho mượn cái địa-vị đó. Chẳng ai bị thiệt trong cuộc hợp tác này. Lính tráng ba-gai, du-dăng cao bồi không dám phá phách cái Bar của bà thiếu-tá. Còn ông Lê thì : còm no bò cưới

— Sự giao du kiểu đó có thể hại đến uy-tín của ông ta.

— Anh miễn lo. Xã-hội hôm nay khác xa với xã-hội mười năm trước.

— Những tiêu-chuẩn giá-trị đã đổi khác. Ông giáo-sư Sinh trước dạy ở trường Trung học Nguyễn-Huệ nghe nói bị fiancée chê nghèo từ hôn, ông ta xin đổi về Saigon rồi lấy vợ vũ nữ. Ở Saigon đô thị rộng đông người chẳng ai biết ai nên chẳng cần giữ kẽ.

«A! Thằng Sinh lấy vợ vũ nữ» tôi tự nói thầm. Hèn chi nó chẳng cho mình biết tin. Thôi cũng được. Mày có lý của mày.

Giọng Thuyên vồn-vã :

— Có thể họ lấy nhau vì tình yêu.

— Có thể. Nhưng để có thể hơn, là... vì tiền. Lương giáo sư đọc thân thì còm lắm, lấy tiền đâu thuê nhà, cưới vợ, mượn đầy tớ và mua sữa cho con? Lấy vợ vũ nữ thì đỡ ngật trông thấy. Lương vợ mỗi tháng sơ sơ cũng được trăm ngàn. Và khi không còn yêu nữa, không còn đảo ra tiền được nữa thì có thể «Anh đi đường anh, tôi đi đường tôi». Tiện lắm.

Thuyên áp dụng công thức mới, liền sau đó. Anh làm quen với Kiều-Nga và nàng không từ chối một người có địa vị và khá trai như Thuyên.

— Liên có chỉ cho tôi xem mặt Kiều-Nga nhân một chiều chúa nhật đi dạo phố. Đó là một người đàn bà trên ba mươi tuổi, đầy đà với bộ ngực no ứ. Đôi mắt vẽ bút chì xếch lên. Mái tóc nhuộm màu râu bắp. Sơn phấn đậm đà.

— Em hay gặp anh Thuyên đi với cô này.

Tôi khó tin một lời nói dối.

— Chắc vì... quen.

— Quen gì với gái bán bar?

— Bán bar thì cũng như mình. Ai cũng đi làm để kiếm sống.

— Sao lại cũng như mình ?

— Thật vậy. Nếu gặp hoàn cảnh tốt thì họ cũng đi học, cũng thi đỗ, cũng lấy chồng thượng lưu cũng được thừa gởi bằng «Bà lớn».

Ngược lại, nếu mình sinh nhằm vào hoàn cảnh không ra gì, nếu mình gặp nghịch cảnh thì cũng đi bán bar như họ. Tôi thấy chả có gì để khinh hay trọng.

Quả thật đó là những điều tôi chân thành nghĩ, nhưng chắc Liên không in là tôi đã nói thật tình. Tôi cho rằng giá trị thật của một người không quyết định quá 60% cuộc đời của họ. 40% kia tùy thuộc ở sự may rủi.

Thuyền nhờ người mách đã mua được nửa lô đất ở đường Đông-kinh. Anh đang gom góp tiền nông để chuẩn bị đặt cho thợ xây nhà bếp, nhà ngang trước. Tối nào cũng thấy anh loay hoay kiểm tiền, gói từng gói, ghi sổ mục. Nhưng số tiền không thắm vào đâu nên anh quyết tìm viện trợ nơi Kiều-Nga. Tôi mặc kệ cho anh, muốn giao thiệp thế nào tùy ý. Anh sẽ để tôi yên ổn, không tìm cách day ngổ, dẫn vật hàng ngày. Tôi không muốn đối diện với khuôn mặt lăm lăm lì, với những vết nhàu lại nơi chân mày của anh. Tôi không muốn nghe tiếng đá cốc chạm mạnh xuống mặt bàn, tiếng cánh cửa bật tung đánh « sầm » vào tường, tiếng quát tháo vu vơ không duyên có chính đáng.

Tháng ba, khi hoa mạn nở trắng đầy cành, xòe tung những bông nhị rực rỡ như sợi chỉ, tôi nhận được thư của Khánh cho biết bệnh tình của Trác không có triệu chứng thuyên giảm. Anh ăn uống được, sức khỏe không đến nỗi

sút kém nhưng giấc ngủ thường bị sáo trộn. Anh hay ngồi thừ người hàng giờ, ôm đầu tỏ dáng suy nghĩ rồi nói lảm nhảm một mình. Có những lúc anh tỉnh táo suốt cả giờ, hỏi Khánh về tin tức của tôi.

— Nhân có biết tin anh đau như thế này không ?

Khánh trả lời :

— Biết chứ

— Ai bảo mà biết ? Đừng cho Nhân biết tin. Đề khi nào anh mạnh đã, khi nào anh thật khỏe mạnh, anh ăn mặc thật đẹp và lái ôtô cũng thật đẹp, anh sẽ đến thăm Nhân. Em có biết Nhân chưa nhỉ ?

Khánh trả lời :

— Biết rồi. Chúng em gặp nhau ở đây. Ở tại nhà anh.

Đôi lúc anh cầm tay Khánh thẩn thứn nói :

— Sao anh thấy nhức mỗi nơi cái này (Anh chỉ ngón tay lên đầu). Nó có lừa dối anh cái gì đó. Nó bỗng dưng chặn kín hết những ngõ đi về quá khứ. Sao anh biết ngăn thế này? Anh tưởng mình là con nít nếu không nhìn vào tấm gương soi. Có một ngôi sao thật sáng mà thật xa. Anh xa lạc nó, anh nhớ nó, có nhiều đêm anh thì thăm tâm sự với nó.

... Khi nào nghe anh nhắc đến ngôi sao là Khánh biết anh sắp rơi lại vào trạng thái mất trí rồi. Anh chuyển qua rồi lảm nhảm những chuyện gì đâu đâu, đầu Ngô mình Sở. Khánh không biết ngôi sao là cái gì mà anh hay nhắc đến luôn, là một ngôi sao thật hay là tượng trưng cho một cái gì luôn luôn ám ảnh vấn vương tâm hồn anh.

Khánh có viết thư xuống Bác sĩ Tân giám đốc dưỡng trí viện Biên hòa trình

bày bệnh chứng của anh để hỏi xem có nên đưa anh xuống dưới chữa không. Nhưng Bác sĩ Tân bảo rằng không chắc có thể chữa được với tình trạng thuốc men eo hẹp hiện nay. Tốt nhất là nên để anh sống trong sự an tĩnh mát mẻ của thành phố Đà Lạt đã. Khánh đã mời được một cô y-tá đến săn sóc thường trực cho anh.

.....

Tôi âm thầm nghĩ đến Trác. Ngôi

sao xa đang hướng nhìn về anh đây. Nhưng ngày xưa ngôi sao cách trở với anh bởi hàng vạn dặm đường thì bây giờ nó còn cách xa anh hơn nữa bởi những niềm đau nhức thê, bởi những bức tường dày đặc bao kín vây lấy tâm-hồn anh, cắt đứt mọi ngã thông về Quá khứ, Tương-lai và hiện tại.

(còn tiếp)

VÕ HỒNG

Nhà xuất bản AN-TIÊN
hộp thư 1510 — Saigon

Đã phát hành :

- hiện tượng KRISHNAMURTI của Trúc Thiên
- BUỒN NÔN (La Nausée) của J. P. Sartre
- CÂU CHUYỆN DÒNG SÔNG của Herman Hesse

- DÒNG SINH MỆNH VĂN HÓA VIỆT NAM của Lý Đại Nguyên
- KHUNG CỬA HẸP (La Porte étroite) của André Gide

nhà SỐNG MỚI tổng phát hành

Tìm đọc :

TẬP SAN SỬ ĐỊA XUÂN MẬU THÂN
đặc khảo về Quang Trung

— Khảo cứu công phu

— Tài liệu phong phú, mới lạ

với sự góp mặt của nhiều cây bút tên tuổi như : Hoàng-xuân-Hãn, Đặng-phương-Nghi, Phan Khoang, Nguyễn-đăng-Thục, Quách-Tấn, Hồ-hữu-Tường, Tô-Nam, Tạ-Chí Đại-Trường, Nguyễn v. v...

— Một cố gắng vượt mức.

LÁ THƯ HẢI - NGOẠI

NHẠC VIỆT XỨ NGƯỜI

MỘNG - TRUNG

Những chuyến đi

Con đường tìm đến quê hương

Càng gian khổ lắm càng thương nhớ nhiều

Bạn,

Mấy năm rồi, qua biết bao lần tôi cùng với anh Trần đi đó đây trình bày nhạc Việt mà tôi chẳng gửi về cho bạn một bức thư tường thuật nào. Và từ hôm thoát khỏi tay tử thần đến nay, tôi cũng đã cố gắng đi trình diễn được ở ba nơi: Pont Audemer, Berney và Londres. Mỗi lần đều có một ít chuyện kể lại cho bạn nghe, nhưng tôi cũng khép quyển sổ tay lại. Chắc bạn cũng biết tôi không còn lòng dạ nào gửi về bạn tiếng nói lạt lẽo của riêng mình trong lúc nước dân tang tóc. Nhưng nghĩ lại, mục đích trình bày nhạc Việt nơi xứ người của chúng tôi là làm cho các dân tộc khác nhìn thấy một phần truyền-thống tốt đẹp, phong phú của Văn-hóa Việt-Nam trong lãnh vực âm nhạc, thi ca, mà yêu nước nòi Việt qua tiếng đàn, giọng hát của chúng tôi. Vậy đọc lại những chuyến đi nhỏ bé này, may ra, bạn và tôi, chúng ta có thể tìm được một ít an ủi và phấn khởi trong thực trạng cực kỳ đau khổ này chăng ?

Bác sĩ chưa cho phép làm việc trở lại, nhưng sở dĩ tôi dám đi Londres trình diễn là nhờ tôi đã thử sức mình qua hai chuyến đi Pont Audemer và Berney, hai thị-trấn nhỏ chỉ cách Balê trên 200 cây số, ở vùng Normandie nước Pháp.

Hẳn bạn còn nhớ số tôi vốn đen, đi đâu cũng gặp cực khổ, rắc rối. Khi hồi sinh, tưởng rằng vận số mình thay đổi được phần nào, không dè đâu cũng hoàn đấy. Tại hai nơi trên đây, tôi cùng cực khổ không kém mấy lần trước.

Đường tuy không xa nhưng lạ. Hành lý và nhạc khí nhiều, tôi lại còn yếu nên chúng tôi quyết định đi xe nhà. Rủi có gì cần cấp khởi phải tìm kiếm xe cộ và đùm xách lại hụi.

Bảy giờ rưỡi sáng ra xe thì có thể đến Pont Audemer vào khoảng hơn mười giờ rưỡi trưa, nhưng không muốn bị thi giờ ràng buộc thúc bách nên chúng tôi hẹn với bà Archambauld de Vençay, nhân viên trọng yếu của ban tổ chức, đúng 12 giờ trưa đón chúng tôi dùng cơm rồi đi xem rạp và thử các dụng cụ cần thiết cho buổi trình diễn sẽ bắt đầu vào tám giờ rưỡi tối.

Vậy mà mãi đến hơn 1 giờ trưa, chúng tôi còn mù mịt giữa đường hoang

vắng, chưa tìm ra ngã nào gần nhất đi đến Pont Audemer. Anh tài xế, phần không rành đường, phần trời mưa không dứt hột, mây thấp và sương mù dày đặc tứ phía, một bầu trời sữa đục băng giá dầy úp chúng tôi vào giữa, nhìn không thấu hết tầm mắt để tìm ra một tấm bảng đường, hay lối ra xa lộ đi được một mạch đến nơi, mà xe lại lạc vào những con đường nhỏ cong queo xuyên sâu vào những cánh ruộng rừng xa mút, chung quanh không một ngôi nhà, một bóng người, cũng không có lấy một chiếc xe đồng hành cho mình thêm nghị-lực.

Bị cắt đứt liên lạc với cuộc đời mà trên xe không có lấy một miếng nước, một cái bánh. Mới vừa cuối Thu mà trời đã ra oai, bên ngoài khí lạnh mỗi lúc càng tăng gia thì bên trong ruột gan mình càng cồn cào teo thất. Xe được sưởi bằng sức nóng của máy, mà máy chạy hơn trăm cây số rồi vẫn chưa cho ra được hơi ấm đủ chống lại với thời tiết. Mở hết nút sưởi, đóng kín các cửa kiếng xe cho đỡ lạnh, chưa thấy ấm áp gì thì mùi xăng nhớt và hơi máy khét nực làm mình ngọt thờ, mà mở cửa xe, thì giông gió bên ngoài vút phùng vào người như cắt thịt xương. Suốt khoảng đường từ lúc đó trở đi, cứ mỗi vài phút, tôi phải hé cửa kiếng vừa đủ lọt một khe không khí đưa mũi ra thở hít vài hơi cho đỡ ngọt, đỡ chóng mặt rồi đóng lại. Chỉ mỗi một công việc đó cũng đủ mỏi rưng tay và bực mình, mà cò, vai phía cửa mở bị còng lạnh, nhức nhối như da mình ấp trên nước đá, mũi tai tê cứng tưởng chừng ai lắt đi cũng không biết đau. Vừa đói vừa lạnh và còn yếu sức, nhiều lúc tôi tưởng có thể chết cồng đi được. May mà chiếc xe còn tốt, xăng còn đủ, nếu có trục trặc gì chắc là chúng tôi khốn khổ.

Đánh quanh mấy vòng phóng mạng, chúng tôi tìm ra ngã đi đến Pont Audemer. Vào thị-trấn đã 2 giờ trưa, các hiệu buôn đều đóng cửa. Thấy trễ giờ hẹn quá xa, chúng tôi quên cả đói lạnh mà chỉ lo ban tổ chức nghĩ chúng tôi gặp trục trặc hoặc bị tai nạn không đến được và nhất là lo mình quá mệt không đủ sức trình diễn tối nay.

Tìm đường đến nhà bà A. de Vençay thì từ đây chúng tôi lại lạc thêm mấy trận nữa, chốc chốc phải dầm mưa lội nước, gõ cửa nhà người hỏi thăm lối đi từng chặng! Băng qua đồng trũng, gò nông cong queo, chịu trận thêm một quãng đường khá xa lẫn quẩn trong mấy xóm làng nho nhỏ nữa, chúng tôi mới đến được đúng nơi. Nhà bà A. de Vençay đã ở trước mắt rồi mà chúng tôi ngần ngại tưởng mình đi lạc nơi hoang dã nào, vì nhà này có hình dáng một "château" nhỏ, lại ở chơi vui một mình giữa đồng không mông quạnh.

Tin mình không lầm, chúng tôi cho xe chui qua cổng riêng vào sân. Còn đang do dự trước cánh cửa sắt nặng trĩch thì may nhờ bà A. de Vençay đã sẵn sàng chực chờ mong khách mà chúng tôi được vào nhà liền đỡ bị mưa ướt.

Bạn không thể nào tưởng tượng nổi cái cảm giác của một người trốn lạnh được vào nhà nơi tôi lúc này ra sao đâu.

Ở ngoài gió mưa lạnh buốt và khí trời ẩm ướt, mà vào nhà, tôi liền rùng mình mấy cái bởi khí lạnh ở đây khô bén ghê hồn. Tôi có cảm giác nó đã được đóng ủ kín kỹ ngàn năm nơi này, cũng tưởng dày mấy tấc, xây bằng đá xanh, như thứ hang hầm đầy lãnh khí dùng nhốt tù của vua chúa xứ này đời thượng cổ!

Gian nhà quá rộng, trần nhà đầy kèo cột mà vẫn quá cao, lại chỉ dùng nhất có một bà lão 70 với một chị « bonne » già, nên khí lạnh càng thừa chỗ, thừa sức siết chặt cứng lấy cuộc sống.

Chị « bonne » đưa tay cởi áo ngự hàn cho tôi và anh Trần thì tôi xin giữ nó lại, hồng lo lắng không biết mình chịu lạnh lẽo như vậy đến bao giờ và có chịu nổi không ? Nhưng may quá, bước vào trong, phía góc phòng xa, một lò sưởi đỏ ối than hồng ! Những khúc củi to nằm vắt chéo nhau trên đôi chân sắt chạm trổ rất đẹp. Phơi mình trên hỏa đài danh dự, nó đang lách tách phân thân, biến chất từ từ ngoan ngoãn cho đời tất cả thắm hồng rực rỡ của mình để rồi trở về với tro bụi.

Phút mong đợi của tôi là chào hỏi và phân trần lý do chậm trễ, xin lỗi rồi giữ nguyên áo lạnh bước vội lại đó. Nhìn hồn, tôi mới để tâm quan sát.

Biết ra thì đồ vật trang trí và của cải ở đây đều do cha mẹ và tổ phụ để lại cho bà A. de Vençay ; tất cả đều chắc đẹp và cổ kính mà nhiều nhất là những bức họa hình thân nhân của bà do thân phụ bà vẽ và lồng khung thật công phu.

Vào bàn ăn, bà A. de Vençay cho tôi ngồi gần lò sưởi. Rượu quý chỉ có bà và anh Trần dùng, tôi không uống được để thêm phần ấm cúng trong người mà thức ăn ngon tôi chẳng ngồi yên để trấn áp cơn đói. Chị « bonne » sáng ý lẳng lặng đi nướng hai miếng gạch thật nóng gói trong giấy dày để dưới chơn tôi. Lưng và chơn được ấm nhờ sưởi và gạch nhưng trước ngực thì như bị đeo khối nước đá vì không có ánh lửa rơi vào phía nào, khoảng nào đối diện chần ngay trước lò than thì nóng cháy người còn phía nào thiếu lửa, tức khắc bị khí lạnh lấn áp đến cắt giữa ! Không dám làm việc khó coi mà thỉnh thoảng tôi cứ xin lỗi cho đổi chỗ ngồi để trước ngực và sau lưng được ấm đều ; không vậy thì không tài nào chịu nổi.

Cơm nước xong, đã hơn ba giờ chiều. Bà A. de Vençay gọi điện thoại ra Pont Audemer cho bá triệu phú S.N. hay bà sẽ đưa chúng tôi đến nhà bà này, vì bà S.N. lãnh trách nhiệm tiếp đãi chúng tôi. Tối nay chúng tôi sẽ đến đây dự tiệc và sau khi trình diễn sẽ nghỉ tại đây một đêm. Nhưng người giúp việc cho biết Ông bà S.N. đi tỉnh xa, đến giờ đó vẫn chưa về kịp. Bà A. de Vençay bàn với chúng tôi nên ở lại nhà bà đến 6 giờ rưỡi chiều rồi đến bà S.N. dùng cơm xong đi sớm đến rạp xem dụng cụ và sửa soạn trình diễn.

Được mời dự tiệc nơi một nhà giàu sang nhất vùng mà bạn đoán thì biết : hình thù chúng tôi không khác những con mèo ướt. Từ sáng sớm đã phải chịu dầm vật cho đến giờ này bèo nhèo, chỉ tử mà vẫn chưa được nằm nghỉ lưng, hay có một chỗ riêng để chải gỡ sửa sang đi dự tiệc. Mặt mày mệt mỏi mà ráng ngồi chịu đựng mỗi người trên chiếc ghế bành to vây quanh lò sưởi tiếp chuyện với bà A. de Vençay !

Mấy hôm nay lo tổ chức đêm trình diễn, nay lại bận dọn dẹp, cơm nước, mong ngóng, tiếp đãi, bà A. Vençay cũng mệt. Cơm no, rượu ngà lại ngồi gần hơi lửa, chóng không nổi với cơn buồn ngủ nên bà cáo lỗi xin về phòng nghỉ lưng để

còn chịu đựng đến khuya. Nghi thần chúng tôi đường xa đến đây, yếu mệt lạnh lẽo hơn bà mà lại phải ngồi vật dựa làm tôi ngán và hơi giận, nhưng có ai bắt mình, mượn mình mà được đâu, mình tự dẫn thân thì phải cam lấy cực khổ, phải không bạn?...

Suy-tư bị cắt đứt vì cuốn sách trên tay anh Trần rớt bộp xuống sàn gạch. Anh đã đầu hàng con buồn ngủ, gục ngọe trên dựa ghế bành và bắt đầu kéo vang tiếng ngáy. Chị "bonne" nhìn tôi cười khẽ, lấy cây khơi lửa rồi gác lên chân sắt thêm ít thanh củi.

Tôi rất cần được nghỉ ngơi vài giờ để lấy sức. Thấm mệt tôi càng lo lắng vì đã cãi bác sĩ đi bừa như vậy rủi bệnh tái phát thật là nguy. Nếu mình biết trước cái chương trình « tiếp ngời » lạ lùng này — mà mình chưa từng gặp trong những chuyến đi xa — thì mình cũng đã có sẵn chương trình ấu ở của mình chớ. Bạn nghĩ coi, trên ba tiếng đồng hồ bị « tiếp ngời » một chỗ mà không có đổi thoai, tai bị thôi miên vì tiếng ngáy lại nhia chị "bonne" già gật gù trước lò lửa thì làm sao tôi chống lại nỗi với con buồn ngủ cứ từng chập se sẽ dịu dàng vượt sát đôi mi dính híp. Mà thật ra, mình lại không tài nào thiếp yên được. Một phía da nóng cháy, một phía lạnh tê, mình cứ phải xây qua trở lại, thần kinh vừa được dỗ yên thì bị giật tỉnh làm tim mình đánh thình thịch lên tận màng tai. Tôi vừa giận vừa hối, nhưng lại lo mình quá bực dọc, tối đến không trình diễn hay được nên tôi đành đứng lên đi vòng quanh nhìn sang mấy phòng bên cạnh quan sát,

Đôi chim nhỏ nháy nhót trong chiếc lồng vàng và hai chậu hoa hồng tươi thắm đem lại sống động và thơ mộng cho thư-phòng bà A. de Vençay. Các ngăn kệ được sắp xếp ngăn nắp đầy ắp những sách quý về hội họa, âm nhạc và sách của các văn thi sĩ tên tuổi nước Pháp. Một bàn viết thật rộng đủ cả giấy mực; máy đánh chữ, máy khâu thanh và rất nhiều đĩa hát. Cạnh bên có ghế nệm dài duỗi thẳng được hai chơn. Tất cả như mời mọc mình làm việc, viết lách, đọc sách hay thưởng thức âm nhạc trong bầu không khí hoàn toàn yên tĩnh.

Qua câu chuyện sau bữa cơm, tôi biết rằng lúc thiếu thời bà A. de Vençay là nhạc sĩ dương cầm và sau đó bà được mời dạy về lịch sử âm nhạc. Từ khi bà góa chồng đến nay, đã mấy chục năm, bà lui về vườn, ở vậy lo việc trồng tỉa, chăn nuôi. Nhìn khí sắc, nghe nói chuyện, trông cách đi đứng và làm việc của bà, tôi phải thán phục sức sống của bà lão hiếm có này. Ngót 70 tuổi mà độc thân coi sóc một sở ruộng vườn to đầy cây trái, khoai củ và lúa mì, heo chực, gà trăm và một đàn bò hơn 30 con.

Hoa, quả, heo, gà, trứng, khoai, hành, tỏi dự trữ dùng suốt năm không hết, mà tự tay bà còn làm « xốt » cà chua bơ, phó rách, mứt, thịt khô, dấm bông, xúc xích, để dành quanh năm đãi khách lúc nào cũng có. Cho đến dầu thơm cũng chính bà hái hoa chế lấy từng chai lít. Chiều hôm đó, trước khi chia tay bà cũng tặng cho tôi một chai làm kỷ niệm, vì bà biết tôi cực khổ không phải chỉ vì tư lợi. Từng tuổi đó, công việc đồng áng, gia đình đã quán xuyến, rảnh rỗi mà bà còn

tận dụng sinh lực, tình thương làm việc ích chung. Bà bỏ tiền ra tổ chức hoặc những buổi nói chuyện về văn-nghệ hoặc hoà-nhạc các nước cho thanh thiếu niên trong vùng thường thức, tìm hiểu và học hỏi.

Điểm lạ nhất làm tôi giật mình nhìn lại bản thân, tự xét nét kiểm điểm là khi dắt tôi vào phòng ăn, bà chỉ cho tôi thấy bà đang lo trang hoàng sơn phết nhà cửa. Bà có vẻ hãnh diện về cái sàn nhà được bà cạy lên lẻo gạch cũ, tự tay bà thay vào những viên gạch bông thật xưa bà gửi mua tận bên Bỉ. Bà sẽ mở thêm phòng ngủ, đem sưởi vào để khi có bạn bè thân quyến đến được ấm áp, không lạnh như bây giờ, rồi đến hè khô ráo, bên ngoài cái "château" căn cõi này sẽ được bà tu bổ lại cho đẹp mắt. Nhìn số tuổi đè nặng lên mái tóc bạc và thân thể bà, tôi khiếp sợ cái sức sống trong thể xác và nội tâm của bà. Riêng bà chắc không nghĩ gì. Người Âu thường sống trên go ; có lẽ bà sửa sang để "dưỡng già" chăng ?

Năm giờ chiều trời đã tối om và sáu giờ đúng chúng tôi bắt đầu đi đến nhà bà S.N.

Trời vẫn mưa, gió vẫn lạnh mà không có chút gì bực dọc, cóm róm hay mệt mỏi, bà A. de Vençay không mặc áo gi ấm hơn tôi, đôi ống chơn thì mang vớ thật mỏng, đeo cặp kính viễn-thị vào rồi mời chúng tôi ra ngõ. Trời tối đen, bà A. de Vençay một mình xả máy chiếc xe Dauphine đen đi đầu dẫn đường ra tỉnh. Còn trẻ hơn bà nhiều, cỡ tuổi chúng tôi mà không rán hết gân thì dừng hông rượt kịp xe bà cứ vun vút dưới mưa bay ! Sức vóc võ tướng như anh Trần nhia bà lái xe phăng phăng phía trước thỉnh thoảng cũng phải lắc đầu chắc lười ! Bạn nghe đã ngán chưa ?

(Còn tiếp)

Thu Balê 1967

MỘNG-TRUNG

**ĐỘC GIẢ TÌM ĐỌC TRONG MÙA XUÂN
TRONG MẶT TRỜI BUỒN**

Thơ : CHU TRẦM-NGUYỄN-MINH

biên và phụ bản : TRỊNH CUNG

phổ nhạc : VŨ THÀNH AN — Văn-Học xuất bản 1967

Đầu năm Mậu-Thân

Cadao sẽ phát-hành

TUỔI TRẺ BẮN KHOẢN

(Demian) của Hermann Hesse

Cuốn tiểu thuyết thơ mộng u trầm này — theo các phê bình gia — " đã xác định vị trí Hesse là một trong những văn-hào lớn của thế kỷ hai mươi. "

Sông-Mới tổng phát-hành

XUÂN NGỪNG LẠI BÊN NGOÀI

Truyện của MINH-QUÂN

Hôm nay là tuần lễ cuối M. theo các đoàn viên cũ vào thăm và phát quà cho bệnh nhân trong bệnh viện. Hai mươi tám Tết rồi. M. là đoàn viên mới nhất trong bọn và là một đoàn viên miễn cưỡng. Bởi M. vẫn cho là cái lối đến thăm viếng qua loa, phát quà chiếu lệ không nói lên được gì cả, không phải là chia xẻ, thông cảm chút nào với những kẻ không may mà còn làm người ta tủi thân thêm là khác.

Trong thành phố, nhân dật thụ hưởng mãi, đôi khi người ta cũng ngấy và người ta muốn tìm một vài trò là lạ, vài công tác khác thường, khác hơn những bài diễn-văn dài ngoằng, rỗng tuếch, những buổi tiếp tân hội họp đề khoe khoang quần áo, nữ trang và chức-vụ (phần nhiều là của đức ông). Mang những cái tên rất khiêm nhường, rất êm ái, biết bao nhiêu hội đã làm M. phải nản lòng? Một đôi khi M. có cảm tưởng chua xót này: bởi có chiến tranh, có nhiều kẻ bất hạnh cho nên một số thị-dân nhân đó mà gây được tiếng tăm, có dịp chường mặt lên các báo và được... cả người ngoại quốc biết đến mình!

M. chán ghét và muốn tránh xa những nơi đó, những người đó, cho nên nhiều lần các bạn rủ rê, M. một mực chối từ. Nhưng rồi một lần kia xiêu lòng, M. lại «thử» thêm lần nữa. Và chẳng, M. muốn nhân cơ hội đó vào bệnh viện để nhìn tận mắt thành tích của chiến tranh, chiến tranh mà người dân thành phố như M. chỉ nghe chứ chưa bao giờ thấy.

Bởi lẽ đó, trong lúc phân công M. sốt

sắng nhận đi vào trại những nạn nhân chiến tranh, dù là vài đoàn viên nửa thật, nửa đùa, dọa trước:

— Ghê lắm đó, vào đó rồi liệu có chịu nổi không hay lại ngất đi, không ai săn sóc đấy.

Giọng chắc nịch, M. trả lời:

— Yên chí. Kẻ hèn này cũng có lá gan khá lớn, không sao.

Nói nghe vững vàng vậy nhưng khi theo chị H. vào trại, mọi điều diễn biến khác hẳn M. tưởng. Thoạt đầu, M. ngỡ ngỡ, ngỡ mình đi vào một trại thương binh. Nạn nhân chứ không phải bệnh nhân nằm la liệt, chập chập các giường. Có giường hai, lại có giường ba người. Rất ít giường chỉ một người nằm, cách một lối đi chỉ vừa cho ta nghiêng mình lách qua. Hầu hết mọi người đều bị cụt tay hoặc cụt chân. Có người quấn băng trắng toát từ gót đến đầu, có người từ hông đến chân, có người từ một nửa thân trên đến trọn bàn tay. Có người mất đi một phần cánh tay hoặc bắp chân, quấn trắng đoạn trên hay bó cứng trong lớp bột..

M. hoa mắt lên, run rẩy, lặng lẽ xách giỏ theo sau chị H. như người máy. Chị H. vẫn tươi tỉnh phía trước, dịu dàng cúi hỏi thăm người này, nói chuyện với người kia, an ủi người nọ. Chị lấy cho giường này hộp sữa, giường kia chiếc khăn, giường nữa lọ dầu.

Nhiều lần, M. giả vờ quay đi phía khác hay trụt lại sau, thở mạnh để tăng thêm can đảm.

Sang đến phòng thứ ba, thì M. đã đủ bình tĩnh mà nhìn thẳng nạn nhân. Họ đều có vẻ thiếu ăn, mệt mỏi và đau đớn. song họ sáng mắt lên khi trông thấy chị H. Trong chớp mắt họ che dấu sự đau đớn và mệt mỏi đi, cười gương gạo trả lời những câu hỏi của chị H. Tất cả đều cố ngồi lên, trừ vài người mới mồ xong mê man, chưa tỉnh.

M. hơi khó chịu khi có người giữ chị H. và mình lại hỏi cà kê vì M. đang chú ý đến một đứa trẻ toàn thân trắng toát, nhưng rồi M. cảm thấy gương vì sự nóng nảy vô lý của mình. Mà người hỏi chuyện có vẻ lạnh mạnh chi đâu : bà ta bị bó bột cả hai chân lên gần đến bụng. Thân trên ngực đắp qua loa bằng một cái khăn. Vậy mà giọng bà tỉnh táo lạ lùng :

— Pháo kích, cô ơi ! Nhà tôi bị pháo kích. Cả một nhà còn có hai mẹ con tôi, cha tụi nó, thằng út, con giữa chết rụi rồi. Dạ, còn có hai mẹ con tôi.

— Con bà đâu ?

— Dạ, nó nằm kia, nó cũng gãy tay, tội nghiệp. Dạ, tôi ăn được, xin cô cho nó hộp sữa, tội nghiệp con tôi !

Bà ta từ chối hộp sữa M. vừa lôi dưới đáy giỏ đưa cho, chỉ về phía đứa con. Đó là một thiếu nữ cỡ 15 hay 16, cũng là nạn nhân có vẻ khỏe mạnh hồng hào nhất tại đây. Cô ta nằm nghiêng, bình thản, chịu đựng, cánh tay phải bị cưa mất, băng trắng lớp từ vai đến ngực. M. quay vội đi, chớp mau mắt cho hai giọt nước ứ nặng trong mí rụng xuống.

Hai người còn phải qua hai dãy giường nữa mới đến bên thằng bé bị phỏng kia. Trông nó không khác gì khúc gỗ được quấn băng, chỉ còn sót một con mắt được chừa ra, nhưng

mắt nó sưng mọng lên, nước vàng ứa qua lần băng trắng, thậm chí xuống nửa má và cằm (cũng quấn kỹ chẳng chịt nhiều lớp băng).

— Nó bị phỏng đó. Khộng ăn gì được, cô có sữa cho nó một hộp đi. Không có ai theo nuôi nó hết.

Người đàn bà cụt tay, có vẻ là « người cũ » ở giường bên cạnh nhanh nhẩu giới thiệu. M. vội vàng cúi xuống lục giỏ, song thất vọng : dầu, khăn, xà phòng, bàn chải... tuyệt không còn lấy một hộp sữa nào.

M. còn đang đứng lúng túng thì chị H. cũng vừa tới. M. đưa mắt cầu cứu với chị H. cười nhẹ :

— Hết sữa thì thôi, biết làm sao ? chờ đến tuần sau vậy.

M. cúi xuống nhưng thấy nó vẫn mê man nên đành đi sang giường khác.

— Chị ! (một tiếng kêu giật từ sau làm M. phải dừng lại) chị cho em một hộp sữa đi, em mới mồ xong, không ăn uống gì được hết.

Người vừa nói câu đó là một thanh niên, có vẻ nửa tỉnh, nửa quê, nom đã khá mạnh, bằng cứ là anh ta đang đi « du lịch » qua giường khác, dáng bộ tươi tỉnh, vui vẻ khác hẳn phần đông. M. sửng sốt không biết trả lời làm sao cả, may thay, chị H. đến kịp, chị kêu lên :

— Bộ tướng như vậy mà đòi sữa ? chú lúc nào cũng đùa ..

— Thật mà chị, em mới mồ, nặng lắm, cho em hộp sữa, mồ ngay trái tim đây !

Và giữa con mắt ngạc nhiên của M., thanh niên tốc vạt áo trước bày cái sẹo dài từ ngực xuống tận thắt lưng, giả bộ cất giọng rầu rĩ :

— Đó, hai chị thấy chưa ? em mồ ở

trái tim, đau thật mà!

Vài tiếng cười rời rạc nổi lên, M. có sắc giận, nhưng chị H. thì phớt tỉnh, chị nói nhỏ với M.:

— Thằng đó chắc là độc-giả trung thành của các tuần báo phụ nữ, từ bữa lành đến giờ hề thấy bóng phụ nữ là kêu đau tim, thất tình luôn.

Ra đến ngoài, M. phàn nàn:

— Tôi tưởng mình nên bớt mấy thứ khác, cho họ thêm sữa thế hơn. Họ đâu cần gì bàn chải? khăn mặt? Nếu tôi không làm thì hầu hết họ đều nghèo...

— Vẫn hay rằng thế, nhưng rồi chị thấy, đôi khi cũng cần mấy thứ đó lắm chứ. Với lại hội mình đâu có nhiều tiền để mua sữa không? Có phải của chính phủ đâu?

— Tuần tới, thế nào cũng vô phòng thẳng bé phòng cho nó hộp sữa trước khi đến mấy người lớn.

— Này, làm cái gì mà cứ lùi lại sau vậy? Khóc hả? hết nói tương chưa?

— Khóc bao giờ? chị có thấy mình khóc không? tài đoán già là không ai bằng.

Giọng chị H. nghiêm trang trở lại:

— Kéo được chị cùng đi lần này tôi mừng lắm. Tôi biết rằng chị thất vọng nhiều về các hội hè ở đây, nhưng chị cũng nên rộng rãi một chút, đừng đòi hỏi cái gì tuyệt đối. Với lại, chị thấy đó, tụi này không có hội họp, tuyên bố, diễn-văn suông. Riêng tôi, tôi biết rằng việc chúng tôi làm không nghĩa lý gì... nhưng mà... vẫn hơn không làm gì cả. Không làm gì cả, mình thảnh thơi, không yên, thấy như mình có tội.

— Nếu tôi là nhà văn chắc là tôi có đề tài để viết. Và tôi sẽ đặt tên cho tiểu truyện này là « Khi lương tâm thành phố thức dậy » chị nghe có kêu không?

— Kêu lắm, viết đi!

— Nói vậy chứ cũng còn lâu lắm tôi mới trở thành văn sĩ, đừng mong.

Hai người ra xe. Bên kia, hai ba đoàn viên cũng vừa ra. Một người trong bọn nói với M. bằng giọng buồn rầu:

— Đúng là « lửa xe nước gạo »!

oOo

M. đã trở thành đoàn viên đúng như lời chị H. ước đoán. Không tỏ ra sốt sắng mấy nhưng cũng không quá thờ ơ. Lúc nào M. cũng đúng giờ, xong việc, như mọi người khác, không hề vắng mặt lần nào. Nhưng luôn luôn M. vẫn có cảm tưởng mình cũng gần giống như một phụ nữ giàu có, trưởng giả nào đó, tiêu thì giờ bằng công tác xã hội để lấy tiếng thôi. M. vẫn đứng ngoài, đứng trên sự đau khổ, chịu đựng của kẻ khác, không phải là sự chia sẻ thực sự, giúp đỡ tận tình và vì lẽ đó, M. không tìm thấy hào hứng, thú vị trong công việc.

Nhiều lần M. bực mình, khó chịu vì các bệnh nhân có khi đòi hỏi quá đáng, chẳng hạn lành rồi, đi lại, ăn uống như thường mà vẫn đòi cho được hộp sữa mới chịu.

Có người nói: « Cái gì cũng được » song họ lại lắc đầu trả lại xà phòng, dầu nóng, khăn mặt, và chỉ bằng lòng khi nhận hộp sữa thôi.

Sữa! Sữa! Sữa. M. ghét tiếng sữa không biết bao nhiêu.

Song rồi, dần dần M. quen với khung cảnh và cả những người hay đòi hỏi khó tính kia. M. thấy không phải những người nghèo khổ ấy tham lam, họ không sung sướng chi khi ngửa tay nhận sự thi ân của người thành phố. Hình như họ cần thứ khác hơn. Trong số những nữ bệnh nhân M. quen với

một thiếu phụ còn trẻ. Chị cho M. biết rằng chồng chị chết trong lúc làm việc ở ngoài đồng, chị bị mảnh bom, văng xa bất tỉnh và may mắn cho chị là đứa con gái duy nhất vẫn yên lành. Lần thứ nhất M. gặp chị ta, chị đang còn đau nhiều, mê man trên giường, bó bột từ hông xuống hết chân phải. Không quần, không áo, ruồi bâu trên mặt, trên má, đứa con gái theo nuôi mẹ (mới tám tuổi) thì ham chơi quá, nhảy suốt ngày! Một bà cụ nói với M. về chị ta như thế.

Đứa con gái trông xinh xắn và vui vẻ, mỗi lần gặp M. nó cười thân thiện trả lời những câu hỏi của M. một cách ngộ nghĩnh nên M. thích nó hơn hết trong số những người nuôi bệnh khác. Trả lời câu «Cháu có đi học không?» của M. nó có giọng khôi hài :

— Dạ, có chứ! học ở trường làng, cái rồi... cái rồi súng bắn quá sá, thầy giáo biểu tụi con núp dưới bàn. Tại con thì không có sợ...

— Lâu mau rồi? giờ còn học không?

— Dạ hết lâu rồi. Thầy giáo đi mất tiêu. Hết học lâu rồi.

M. dặn nó :

— Con đừng bỏ mẹ nằm một mình, nghe không? Phải...

— Dạ, con đâu có bỏ mẹ? tại nóng quá, con chạy ra kia một chút, rồi chạy vô chứ.

M. nhìn quanh và ái ngại cho con bé. Nó không ghé chân vào chỗ nào được: mẹ nó tuy bị thương nặng nhưng không phải được nằm một mình, có một bà cụ nằm bên chị ấy và cả hai đều «trang bị» cồng kền từ chân đến thân dưới: bột, lưới sắt bọc quanh ống chân.

M. tiếc rằng mình không có kẹo. Kẹo chỉ phát bên trại nhi-dồng. Đây không

phải trại nhi-dồng. Và M. tự căn dặn mình tuần tới lấy ít kẹo của lũ con mang cho nó. Thiếu phụ lúc nào cũng tươi tỉnh, còn phần đông thì không được thế, song họ có một vẻ cam phận, nhẫn nại đến nỗi M. lạnh người vì xấu hổ, vì nghĩ rằng mình kém họ rất nhiều. Họ không kêu ca, nhăn nhó, rên rỉ trong lặng lẽ M. thấy sự kinh hoàng còn đọng trong mắt và đau đớn hơn sâu trên mặt họ. Đôi khi họ làm M. cảm động vì một tiếng reo mừng hay tia mắt ngời sáng lúc họ thoát thấy hai người.

M. vẫn ghét khăn mặt, bàn chải và dầu nóng. Mấy cái đó có vẻ hình thức chứ đâu giúp ích thiết thực cho ai? M. nghĩ vậy, chẳng qua không có nhiều sữa nên các bà bày đặt thêm xà phòng, khăn mặt... M. chỉ nghĩ thầm thôi, không phản đối ra lời. Nhưng rồi, một hôm, M. gặp một nạn nhân nài nỉ «xin cho tôi xà phòng nhiều nhiều chút, dạ đề giặt, hôi hám quá, chịu không nổi». Đó là một người đàn bà, chị ta nằm nghiêng, có vẻ áy náy vì vết thương hôi hám, chưa được bác sĩ khám cho, nước vàng và mủ máu giầy xuống giường, chị sợ bị rầy. Tất cả quần áo đều được chòng chị lúi xuống lót chỗ vết thương. Chị H. nói :

— Đừng sợ, cứ nằm tự nhiên. Không ai la rầy chi đâu.

Người đàn ông cúi đầu, dạ một cách kính cẩn, anh ta ngỡ chị H. và M. là nhân viên bệnh viện.

Trong tất cả những buổi đi vào bệnh viện đó chưa lần nào M. được vui vẻ trong lòng bằng một hôm M. gặp một bệnh nhân khoảng trung niên, mới mổ xong, nhưng từ chối hộp sữa. M. tưởng đây lại là một người khó tính, song ông ta nói ngay:

— Cảm ơn quý cô, tôi mới mở thật, mà đều... mà đều tôi mạnh, ăn cơm được. Quý cô để dành cho người yếu khác.

M. tưởng mình có thể reo lên khi gặp một bệnh nhân nữa giơ cái khăn đóng đầy máu, khô quánh lại trước mặt M. mà nói :

— Nếu cô có khăn, cho tôi một cái, ba bữa nay nằm đây, không giặt được khăn, không có gì lau mặt.

Ít nhất — M. vừa rút cái khăn trao cho anh ta vừa nghĩ thầm — những thứ mình biểu người ta cũng không quá vô dụng chứ.

oOo

Hôm nay là lần cuối cùng trong năm đến thăm họ. M. thấy mình náo nức khi nghĩ đến lát nữa đây sẽ cho con bé hai thỏi kẹo và nhất là nó sẽ vui vẻ nhận bộ áo quần của con M. Muốn nó và mẹ nó ngạc nhiên, M. không nói trước về bộ áo quần đó. Tuần rồi, mẹ nó nói với M. rằng chắc hơn tháng nữa mới về được. «Chị về đâu?» M. thấp giọng hỏi chị ta.

— Dạ, chưa biết về đâu, nhà cửa cháy tan, xóm tôi tản cư hết, ảnh chết rồi, chưa biết về đâu. Dạ, để lúc đó rồi tính sau, em không muốn nghĩ tới.

M. bàng hoàng trước giọng nói bình thản của thiếu phụ. Và M. đã suy tính cả một chương trình lúc ra về. Được rồi, mình sẽ cho chị ta ở nhà ít lâu, nếu chị ta có việc làm mà không tiện dắt con theo thì cho nó ở nhà mình cũng được. Nhà không rộng rãi gì, nhưng một đứa con nít, không sao. Nếu đời hỏi được những điều kiện dư dật mới giúp đỡ người ta thì biết bao giờ mình giúp nổi? Được rồi, được...

Ngồi trên xe, M. nhớ đến nét mặt

mẹ con bé, nét mặt biểu lộ tất cả chịu đựng, bình thản một cách đến xót xa người đối diện. Có lẽ — M. bật lên thành tiếng với chị H. ngồi bên — 'ôi tưởng chỉ có người nông dân Việt-Nam mới có sức chịu đựng phi thường đó; họ chịu nhận tất cả khổ nhục, hiểm nguy, đau đớn mà vẫn nói là « may quá », chị H. ạ!

Bên cạnh M. chị H. vẫn chăm chú lái xe tưởng như chị không quan tâm đến lời M. nhưng không, chị ném một cái nhìn sang M. giọng chị chua chát :

— Phải, tôi vẫn nghe họ nói thế này: «Dạ, may quá, có mình tôi bị thương nặng còn cha con nó bình yên»; «Có mình mẹ nó chết còn thằng nhỏ không sạo hết, thật là may»; «Trời ơi! may không thì cả nhà chết ráo đó chứ cô». Nếu thân nhân họ bị thương nặng thì họ nói: «May chỉ bị thương chớ không chết», nếu chết, họ lại nói: «Vây cũng là may rồi, chỉ chết vài người không chết hết cả nhà. Nếu gãy một chân họ cho rằng may chớ nếu gãy cả hai thì còn làm ăn gì được, nếu gãy một tay một chân cũng cứ còn là may vì nếu gãy đến hai tay hay hai chân thì còn cực biết mấy... Tôi rất mừng mà thấy chị còn khóc được, tôi, tôi hết cả nước mắt rồi...

Tuần rồi con bé kỳ kèo xin tôi kem và bàn chải đánh răng, mẹ nó ngăn lại, chị H. ạ. Chị ta nói thế này chứ: «Thôi con nhỏ, bộ mày muốn mở tiệm bán bàn chải răng hả! bây lớn mà đã tham lam», trông con bé khóc, tôi....

— Chắc chị không còn cho rằng dân quê....

— Không, tôi không hề nghĩ vậy, tuy quả cũng có vài người làm mình thấy bực, đôi khi.

— Cầm gói gì khư khư đó ?

— À, bộ quần áo của con gái tôi, tôi muốn dành cho con bé chút ngạc nhiên. Chị H. tươi nét mặt :

— Coi bộ đạo này chị có vẻ ưa công việc của hội ta ? Đó, chị coi, ít nhất mình cũng làm được điều có ích, còn hơn ngồi không chỉ trích, phải không?

— Thôi, đừng có giở giọng tuyên truyền. Không có gì thay đổi được ý nghĩ tôi về những phụ nữ thành phố đâu. Tôi vẫn...

— Lại sắp cãi nhau rồi đó. Tôi không muốn cãi nhau với chị nhưng chị gàn lắm, chị không tin tưởng chút nào vào công việc mình làm, tự làm khổ mình chi vậy ?

Hai người im lặng một cách khó chịu. Nhưng khi xe vào đến cửa bệnh viện M. lại thấy mình có lỗi và vô lý, sao cứ chọc tức chị H. làm chi ? Chị ấy tốt, lúc nào cũng muốn làm được một cái gì đó, không phải vì tiếng tăm hay vụ lợi như ai.

Chiều cuối năm bệnh viện thật tấp nập. Ai cũng nôn nả ra khỏi nhà thương. Bên mấy trại có trả tiền, tíu tít tiếng chào hỏi, từ biệt. chúc tụng của kẻ về, người ở. Trên những khuôn mặt còn xanh tái thỉnh thoảng ửng hồng lên vì mừng rỡ, vì nghĩ đến sự xum họp trong giây lát nữa. Ăn Tết ở nhà ! Chỉ bốn tiếng ngắn ngủi dung dị đó chứng tỏ một rộn ràng, náo nức, một sung sướng ấm áp tốt cùng mà chỉ những kẻ phải xa nhà, phải giam mình trong một nơi đầy tiếng kêu rên, đầy chai lọ, thuốc men, băng bông và những nhân viên áo trắng — đã chai lỳ vì chứng kiến quá nhiều đau đớn — mới thấm thía nỗi tủi buồn của người phải ở lại bệnh viện trong mấy ngày xuân.

M. thấy lòng mình nao nao, xót xa. Đó là những bệnh nhân ở đô-thành có

gia đình, dù họ không về được, ngày Tết người nhà vẫn ra vào. Còn trong trại mà M. đến chiều nay toàn là những nạn nhân chiến tranh từ một vùng quê, thân nhân của họ hoặc chết, hoặc cũng cùng cảnh ngộ như họ, hoặc kẹt ở đó không thể lui tới viếng thăm. Họ đã mất vĩnh viễn một phần thân thể, lại đang phải chống cự với cơn đau thể xác, họ sẽ khổ sở đến mức nào khi biết rằng mình xa lạ, lạc lõng ở bệnh viện không mất tiền trong mấy ngày xuân ? Liệu những bánh mứt mà M. và chị H. mang biếu họ có đủ ngọt ngào để che lấp, xóa tan những chua cay trong lòng họ ?

M. theo chân chị H. lòng buồn bã thấy những náo nức hớn hờ của mình tan biến như bọt xà phòng. M. cố nghĩ đến chốc nữa đây, con bé sẽ sung sướng nhận bộ áo để gây chút hứng thú nhưng vô ích.

Chị H. phàn nàn :

— Hôm nay mà vẫn có người vô !

M. thấy mệt mỏi vụt đến, bất ngờ, đột ngột khi nhìn những nạn nhân mới. M. tưởng mình có thể chùng xuống, gầy gập lại nếu không cố gắng. Tiếng nói dịu dàng, điềm tĩnh của chị H. phía trước như cuốn hút, kêu gọi bước chân M. Năng chiều loang loáng chiếu chệch vào khung cửa sổ, các phòng đều đầy nhóc người, nóng nẩy, hơi hám, chật chội.

Cụt chân, gãy tay, phồng nặng, lưng ngược, gãy sườn, quai M, toàn màu trắng của bông, băng, của bột và màu đen của áo vá, quần đùi. Không, rõ ràng là Xuân ngừng ở ngoài kia, xa tắp. « Cầu cho họ quên phắt ngày Xuân » M. lầm bầm một mình và không ngớt đưa tay lau mồ hôi trán tuôn giọt giọt. M. quên mất mẹ con đứa bé, cho đến lúc đi hết các phòng, chị H. chỉ tay vào gói áo quần, nhắc :

— Ủa, chưa cho nó à?

M. chợt nhớ và hoảng hốt kêu lên :

— Phải, tôi quên.. nhưng sao lúc này mình đi ngang giường không thấy nhỉ?

— Sao đứng sững ra đó? thì hãy trở lại coi, lẹ lên còn về chớ, bữa nay là mấy rồi?

M. cúi xuống giở nhật gói áo quần, rảo chân về phía phòng thiếu phụ. Không thấy cả mẹ lẫn con, các giường quanh đó đều là người mới. M. ngạc nhiên như mất hồn không biết hỏi ai. Vô lý sao lại ra? ra bao giờ? chính chị ta nói có lẽ hơn tháng nữa mới về được mà! M. đứng chôn chân tại đó, nghẹn cứng cổ, giận sôi lên mà không biết là mình giận ai? giận chính mình hay mẹ đưa bé? Gói áo trên tay trở nên thừa thãi, nặng nề, vô duyên hết sức. Và còn hai thỏi kẹo trong xác tay nữa. Để làm chi?

Chị H. đứng cuối phòng theo dõi cử chỉ M. lặng lẽ và kín đáo. Một lát, chị đến gần, thấp giọng:

— Chắc mẹ con nó ra rồi. Thôi, về đi. Đừng buồn, ra Tết đem cho bên trại trẻ con.

M. lầm lũi theo sau chị H., tay vẫn nắm chặt gói áo. Một chiếc băng ca vừa được khiêng trở tới, hai người phải nép tránh lối cho họ sang bệnh nhân xuống giường. Đó là một thiếu phụ còn trẻ, trẻ hơn mẹ đưa bé. Mắt nhắm nghiền đáng bộ mệt mỏi nhưng không bằng tay, cũng chẳng bó chân. Chị H. xán lại, cúi xuống nói chi đó. Thiếu phụ mở choàng mắt, thều thào :

— Dạ em mới sinh, không sao, không bị thương nặng, dạ lưng một chút trên đầu thôi....

— Mới sinh? cháu đâu?

— Dạ, chưa đủ tháng,, đêm hôm kia đánh nhau dữ quá, em sanh chưa đủ tháng, dạ... cháu đâu còn? chắc tại em sợ quá, thưa bà,

— Khờ chưa? uống sữa nhé? chị M. đưa cho tôi hộp sữa đi! Chị làm sao vậy?

M. đưa hộp sữa cho chị H. nhưng thiếu phụ quay lại, từ chối:

— Dạ, cảm ơn bà, em khát nước chớ không muốn uống sữa, em ăn cơm được. Sữa, em thiếu gì đây? Sữa căng nhầy đây, tức ngực quá thưa bà.

Chị H. nhẹ nhàng rút cái khăn dưới giở lau mặt cho sản phụ, và cúi xuống thì thầm, thì thầm. M. không biết chị đã nói gì mà thiếu phụ gật đầu, một mầu hồng chợt hiện trên khuôn mặt tái mét của chị ta, rồi tắt mất.

Nắng vẫn gay gắt chiếu xuyên qua cửa sổ, từ cuối phòng có tiếng máy điện chạy rè rè. M. bước theo chị H. như cái máy. Bên góc phòng, ngay tia nắng chệch, một nữ y-tá đang dùng chiếc cưa điện cắt rời khuôn bột bó từ ngực đến chân nạn nhân. Bụi trắng nháy múa trong tia nắng và rơi lả tả xung quanh. Nạn nhân nằm yên, mồ hôi trán lấm tẩm, môi mím chặt, từ đầu chí chân trần trụi không một mảnh vải che.

Tiếng cưa điện vụt ngưng bật. Cô y-tá sắc ho lên mấy tiếng. Cô đổi chiều, xoay ngang chiếc cưa ấn mạnh vào tảng bột. Tiếng kêu lần này nghe soè soẹt. Bụi trắng vẫn nháy múa tung tăng trong tia nắng chệch vàng hoe..

MỘT VI SAO LẠ

Thơ TRẦN-HOÀI-THƯ

đêm qua bỗng thấy vì sao lạ
cô độc vô vàn giữa cõi đêm
anh đứng trên đời rung nước mắt
sao buồn anh cũng phải buồn thêm

chao ơi nồi bánh đêm trừ tịch
một bếp lửa hiền lách tách reo
tiếng pháo giao thừa ai đã gọi
mẹ nhìn con nhỏ cũng vui theo

cha ngâm khe khẽ bài thơ cổ
đợi cánh mai vàng nở trước sân
đợi tấm lụa đào khô nét mực
hai hàng câu đối chúc mừng xuân

đêm qua bỗng thấy vì sao lạ
đã vội tương tư một mái nhà
đã vội nghe lòng ru chuyện cổ
lạnh lùng trong đêm quạnh tha ma

sao rủ một mình trên tháp xưa
thêm sao một tối cửa ba mươi
nghe chừng hương lửa tàn ma lịm
và thấy rưng rưng ngọn lửa Hời

đêm qua thấp nển buồn thiên cổ
gọi lại những hồn ma chiến chinh
xuân ơi thôi đến làm chi nữa
đề gọi hồn ai chút lệ tình

đêm qua bỗng thấy vì sao lạ
cô độc vô vàn giữa cõi đêm
mới biết nhà ai eòn mở cửa
mà mình là một gã chẵn chiên.

(Đồi Tháp Bạc, Bà Di)

SARTRE trong đời tôi

Khi nói tới chủ-nghĩa hiện-sinh, nhất là hiện-sinh của SARTRE ở Việt-Nam, những người chống đối ở cả hai miền Nam-Bắc đều chung một luận-điều kết án: hoặc coi hiện-sinh đồng nghĩa với tự-do phóng-khoáng, phi-luân, sa-đọa về luân-lý, hoặc nhẹ hơn, coi triết-lý hiện-sinh chỉ là một thứ triết-lý tiêu-cực, thoát-ly, nguy hiểm.

Về phía những người có thiện cảm hay theo hiện-sinh, thì một số tác-giả trẻ thực ra không chịu tìm hiểu Sartre hoặc chỉ hiểu lơ mơ, nhưng lại thích đem một số thuật-ngữ của triết-lý đó vào công-trình biên-khảo, sáng tác của mình một cách giả-tạo, kهنh kiệu, như một thứ khoa-trương làm dáng trí-thức, một số ít khác có uy-tín, biên-khảo một cách thận-trọng, nhưng lại chỉ chú ý giới-thiệu khía cạnh siêu-hình và giai-đoạn đầu tư-tưởng của Sartre.

Những người có thiện-cảm hay theo hiện-sinh thực ra trách nhiệm một phần thái-độ gớm ghét của những người chống đối. Nếu hiện-sinh là sa-đọa, tiêu-cực, thoát ly, làm dáng trí thức thì người ta gớm ghét là phải. Nhưng vấn-đề là hiện-sinh của Sartre có thực là thế, hay ít ra chỉ là thế? Những người chống đối có lẽ không đặt câu hỏi trên vì lười biếng, cố chấp, nhưng cũng vì thế chưa hiểu đúng đắn Sartre.

Với những người biên-khảo chỉ chú trọng giới thiệu khía cạnh triết-lý và

giai đoạn đầu tư-tưởng của Sartre, phần trình bày nhận-định về khía cạnh triết-lý và giai đoạn đầu là đúng nhưng thiếu sót vì đã không chú trọng đến những khía cạnh khác, nhất là khía cạnh chính-trị và những biến-đổi tư-tưởng gần đây và hiện nay của Sartre.

Còn những người trẻ đi vào sáng tác, trừ số người kهنh kiệu, làm dáng trí thức không nói làm gì, chắc hẳn đều rất nhiều thiện-chí cố gắng muốn nói lên một cái gì mới nhưng rất tiếc đã làm biên-khảo nhằm giới thiệu một tư-tưởng, trào-lưu triết-lý, văn-học thế-giới như một sự-kiện văn-hóa, với sáng tác là một công-trình xây dựng giả-thiết một lựa chọn: chấp nhận tư-tưởng, triết-lý, quan-niệm văn-học trên từ bên ngoài như của mình.

Nhưng vấn-đề là có thể chấp nhận được không, và nếu chấp-nhận được, phải chấp-nhận thế nào và chấp-nhận tất cả hay chỉ một phần nào đó? Vấn-đề tiếp thu càng cần phải đặt ra vì đòi hỏi đặc biệt của triết hiện-sinh: suy-tư, sáng-tác, lập-trường triết-lý, quan-niệm luân-lý, hành động tranh-đấu chính-trị... tất cả đều xuất phát từ hoàn-cảnh. Hoàn-cảnh là khái-niệm căn-bản của Sartre. Không phải hoàn-cảnh nói chung, vô-định, vượt không-gian thời-gian, nhưng là hoàn cảnh của thời-đại tôi, của đất nước tôi, của chính tôi, ở đây, bây giờ và lúc này.

Vậy một nhà tư-tưởng, nhà văn Việt-Nam nếu chấp-nhận triết học Sartre thì có phải là chấp-nhận những kết quả suy-tư, sáng-tác của Sartre từ hoàn-cảnh của Sartre, là những lập-trường, quan-điểm, ngôn-ngữ diễn-tả, hay là chấp-nhận đòi hỏi căn-bản của thuyết hiện sinh: suy-tư, sáng tác từ hoàn-cảnh của thời-đại mình, của dân-tộc mình, của chính mình, lúc này, bây giờ và ở đây?

oOo

Tôi là người đã yêu thích Sartre và còn yêu thích, hơn nữa càng ngày càng yêu thích Sartre. Tôi là một trong những người đã giới thiệu Sartre đầu tiên và nhiều ở Việt-Nam. Tôi có phần trách-nhiệm thái-độ chống đối cũng như thái-độ theo Sartre một cách giả-tạo vì một đảng, lúc đầu tôi đã chỉ chú trọng giới thiệu phần « Văn-chương siêu-hình », « triết-lý thi-ca » và một đảng khác, chưa bao giờ tôi đặt vấn-đề tiếp-thu tư-tưởng, văn-chương hiện-sinh, nhất là cho những độc-giả trẻ đang khao khát tìm cái mới. Vấn-đề tiếp-thu trên, thực ra, tôi cũng mới đặt ra gần đây cho chính tôi mà thôi. Do đó, tôi không có gì để nói thêm về những nhận xét của Ô. Nguyễn-Trọng-Văn trong hai bài: « Triết-học hiện-sinh và những người cầm bút ở Miền Nam » (Đất nước số 2) và « Những người con hoang của Nguyễn-văn-Trung » (Bách-Khoa số 264) mà tôi đồng ý về những nét chính; cũng như không cần trả lời hay tranh-luận với Linh-mục Trần-Thái-Đình về bài « Triết-học hiện-sinh và chính-trị » (Bách-Khoa số 264) vì những nhận-xét của linh-mục đều đúng trong một lối nhìn. Tôi chỉ muốn nói rằng đã có lúc trước đây tôi cũng biên-khảo và nhận xét về Sartre theo lối nhìn đó, thế thôi.

Tôi mong ước những suy nghĩ dưới đây không được coi như một biên-khảo một cách khách-quan vô tư, mà được coi như một chứng-từ chủ-quan của một người muốn kể lại trong những hoàn-cảnh nào đã đọc Sartre, đã khám phá Sartre qua giai-đoạn thuần-túy triết-lý, với thái-độ thường ngoạn, đến giai-đoạn triết-lý chính-trị với thái độ dấn-thân và những ảnh-hưởng đã tiếp-nhận, để có thể giúp người đọc tìm hiểu phần nào những ý nghĩ, thái-độ đã bày tỏ trong cuộc đời suy nghĩ, viết lách của mình.

Di nhiên, việc kể lại diễn-tiến suy-tư và khám phá Sartre trên, không tách rời được sự diễn-tiến suy-tư của chính Sartre. Do đó, cũng phải nhắc qua những hoàn cảnh nào đã qui-định sự diễn-tiến thay đổi lập trường tư-tưởng của Sartre.

oOo

Tôi bắt đầu đọc Sartre vào khoảng năm 1951, trong thời gian học ở Toulouse (Pháp) và Louvain (Bỉ). Lúc đó là thời-kỳ cực-thịnh của Triết-học hiện-sinh. Những tác-phẩm, nhất là kịch của Sartre, khi xuất-bản, hoặc trình-diễn, đều là những biến-cổ văn-ngệ khá ồn ào. Chẳng hạn vở « Le Diable et le Bon Dieu » (1952) đã gây rất nhiều phản ứng mãnh liệt, đặc biệt trong giới công giáo vì vở kịch được coi là chống tôn giáo, « đó là một cái tát vào mặt đấng Kitô » như lời kết án của một nhà phê-bình hồi đó; thực ra vở kịch cũng mang một ý chính-trị rõ-rệt: Thế-giới không dứt khoát chia làm hai khối: bên thiện bên ác, nhưng thiện ác lẫn lộn, và hành động tranh đấu phải dựa trên một phân tách sáng suốt nhằm tìm ra cái thiện bên cái ác, đồng thời cũng không

ngăn ngại dùng cái ác để thực hiện điều thiện. Đó là một thái độ thực-tiễn về chính-trị ; nhưng lúc đó ít người đề ý đến khía cạnh triết-lý chính-trị mà chỉ thấy ý nghĩa triết-lý và tôn-giáo của vở kịch.

Lúc đầu tôi đọc rất ít tiểu-thuyết, kịch (trừ những cuốn : *la Nausée, Les mouches, La p... respectueuse, Le Diable et le Bon Dieu..*) và đọc nhiều lần rất kỹ những *l'Être et le Néant, Esquisse d'une théorie des émotions, l'Imagination, l'Imaginaire...* vì cho rằng có hiểu được Triết-lý của Sartre mới hiểu thấu đáo kịch, tiểu thuyết, mà lúc đó tôi cũng nhầm tưởng như nhiều người là Sartre coi văn nghệ chỉ như một *dẫn chứng* những tư-tưởng, quan-niệm triết-học của ông ta.

Ý-tưởng cần đi sâu vào triết-học Sartre và hơn nữa vào nguồn gốc triết-học đó càng ám ảnh tôi trong thời gian học Triết-học ở Đại-học Louvain.

Lúc đó (bây giờ cũng thế) Đại-học Louvain có thái độ rất cởi mở đối với tư-tưởng hiện-đại. Các Đại-học khác, ngay cả Sorbonne, thường có thái-độ dè dặt, nếu không phải là thù địch với những triết-gia còn sống, nổi tiếng, nhất là với Sartre, có vẻ thật ồn ào vì ông phá vỡ tất cả những phân biệt cụu truyền giữa triết-học và văn-nghệ, chính-trị, giữa triết-gia, nhà giáo đạo mạo, với anh chàng văn-nghệ la cà các quán cà-phê.

Trái lại ở Louvain, Viện Cao-đẳng Triết-học đã thiết lập hẳn những giảng khóa đối chiếu nhằm trao đổi, tranh-luận bằng một thái-độ đầy thiện-cảm với những trào-lưu hiện-sinh và mác-xít.

Thái độ cởi mở, đón nhận, đối-thoại trên đã dọn đường cho Công-đồng Vati-

can II mà Đại học Louvain đã đóng một vai trò quan trọng trên phương-diện tư-tưởng.

Đại học Louvain còn có nhiều giáo sư nổi tiếng về giải thích Triết học Hedegger, Husserl là hai người đã ảnh hưởng trực tiếp trên triết học của Sartre.

Đặc biệt về Husserl, Louvain là nơi tàng trữ những "bản thảo của Husserl" (*Archives de Husserl*) mà Merleau-Ponty, Trần-đức-Thảo, những người đầu tiên đem truyền tư-tư-tưởng Husserl trong giới triết-học Pháp, thường lui tới để tham-khảo và mượn bản-thảo. Sinh viên được tham dự những buổi tọa-đàm về hiện-tượng-luận có những chuyên-viên về Husserl ở Pháp, Đức, Bỉ tham dự.

Khi đọc « *l'Être et le Néant* », những đoạn nổi tiếng về Cái nhìn, Người đàn bà nguy tín, Chất nhầy... có làm cho tôi thích thú vì tính cách độc đáo, mới mẻ, trong những phân-tích của Sartre thật, nhưng chính lối phân-tích của Sartre mới làm cho tôi chú ý và thúc đẩy tôi học hỏi. Lối phân tích đó là phương-pháp hiện-tượng-luận. Do đó, dần dần khi đọc Sartre, tôi chỉ chú trọng xem Sartre xử dụng phương-pháp hiện-tượng-luận ra sao, đồng thời cũng đề ý tìm hiểu Sartre nhiều hơn Husserl.

Tuy nhiên trong thời gian du học, không phải là tôi không đề ý đến những vấn-đề chính-trị, xã-hội : chiến tranh ở quê nhà, vấn-đề cộng-sản. Tôi thường đi dự những sinh-hoạt chống thực-dân của kiều-bào tổ chức, tham gia những hội-thảo chính-trị, làm việc trong các trại định-cư dọc theo bức Màn sắt ở Đức. Đã hẳn, lúc đó, mới chỉ là một mối bận khoăn, tấm lòng tha thiết mà thôi ; tôi tìm kiếm trong

những tiếp xúc, trong sách báo, một giải-pháp lý-thuyết cho đất nước: với tư cách một người Việt Nam và người công giáo, không chấp thuận những chế-độ quốc-gia trá hình tay sai của thực-dân đế quốc đồng thời cũng không chấp nhận cộng-sản, tôi phải đi theo con đường nào?

Tôi đã tìm thấy con đường ấy trong khi đọc tạp-chí Esprit và E. Mounier. Đọc Sartre lúc đó tôi chỉ thấy thích thú, với một thái-độ thường-ngoạn, hưởng-thụ trí-thức, nhưng đọc Mounier, tôi mới thấy gần gũi «thiết thân». Không những Mounier mang đến cho tôi một lối thoát trên lý-thuyết chính-trị: chủ nghĩa nhân-vị xuất hiện như một nỗ lực vượt qua cả Tư-bản lẫn Cộng-sản, nhằm thiết-lập một tước xã-hội chủ-nghĩa không cộng-sản đồng thời bảo-vệ được những đòi hỏi cốt yếu của Thiên-Chúa giáo, mà nhất là một thái-độ trí-thức, một lối nhìn « đượm đầy đủ những tính-chất của chủ-nghĩa nhân-vị », đặc biệt đối với cộng-sản; chính Mounier, chứ không phải Sartre, lúc đó đã đưa tôi vào chủ nghĩa Mác, nhắc nhở tôi phải tìm hiểu chủ nghĩa Mác với một tinh-thần như thế nào, và xác-định cho tôi một thái-độ đối với cộng-sản mà bây giờ tôi vẫn còn coi là đúng.

Thành ra, trong thời gian du học, có thích Sartre thật, nhưng chỉ với tư cách riêng và trong những sinh hoạt nhà trường; Còn khi gặp nhau, những sinh-viên du học, chúng tôi đề ý nhiều đến chính-trị, xã hội. Chúng có là chúng tôi có một tạp-chí bằng tiếng Việt mang tên là « Cùng học »; bây giờ xem lại tôi không thấy ai đề cập đến những hiện-sinh, Husserl, mà chỉ bàn về những vấn - đề chính - trị, xã - hội, giáo-dục. Chúng tôi cũng thành lập

một nhóm « Esprit » Việt-Nam bên cạnh nhóm « Esprit » Bỉ và thường tổ chức bàn cãi học hỏi về chính-trị, nhất là về cộng-sản theo tinh thần và đường lối của Mounier; tờ « Cùng học » là cơ quan của sinh viên Việt ở Bỉ, nhưng thực ra là của nhóm Nghiên-cứu trên vì chỉ có những người trong nhóm « Esprit » viết.

Quả thực, không những mình tôi, mà nhiều bạn học khác cùng lứa tuổi đã chịu ảnh hưởng sâu đậm của Mounier. Chẳng hạn cả tôi và Lý-Chánh-Trung đều chọn Mounier làm tiêu-luận đề thi tốt-nghiệp Cử-nhân Triết-học.

Tóm lại khi đọc Sartre trong thời gian du-học, tôi chỉ chú ý đến khía cạnh Triết-lý, và ngay cả khi đọc những bài về chính-trị của Sartre, tôi cũng chỉ đề ý đến khía cạnh triết-lý mặc dầu lúc 1951, 52 là lúc Sartre không những nói viết nhiều về chính-trị mà còn tích cực hành-động chính-trị (tham gia phong-trào đòi thả Henri Martin, dự hội-nghị hòa-bình thế-giới do cộng-sản tổ chức ở Vienne, viết Les Communistes et la Paix) vì lúc đó về chính-trị, tôi chỉ nghĩ đến Mounier và chỉ tìm ở Mounier những giải đáp cho những thắc mắc của tôi về chính-trị, tôn giáo...

oOo

Vào quãng 1955, nhóm bạn bè chúng tôi du học ở Bỉ lần lượt về nước. Lúc đó chúng tôi đều trùm chán, ăn dật. Người quê miền Nam về tỉnh dạy học, người gốc Bắc ở lại Saigon mở lớp tư dạy mẫu giáo, tiểu học, hay trung học...

Tôi còn nhớ hồi 1954, khi Ông Diệm từ Mỹ qua Âu-châu tạm trú ở một nhà dòng bên Bỉ, chúng tôi có mời Ông đến Louvain cho anh em sinh viên tiếp xúc vì chưa ai được biết mặt Ông Diệm,

Nhưng buổi tiếp xúc và bữa cơm tối ấy đã làm cho tất cả thất vọng, vì ông Diệm chỉ độc thoại và tỏ ra không am hiểu những vấn đề thời-sự. Chính ông cũng bực bội vì bị sinh viên hỏi vặn, chất vấn, không phải vì ác tâm, mà chỉ vì muốn hiểu một «lãnh-tụ». Chắc hẳn ông không quên được kỷ-niệm đó (ông là người nhớ dai) nên về sau ông vẫn ghét «bọn Louvain» mỗi khi có dịp nhắc đến.

Chúng tôi cũng ức ông Diệm, nên đã dám viết trên «Cùng học» nhắc ông trả 20 quan Bì tiền cơm! Sau đó, một số học xong, sang Paris cộng tác với tờ «Thống nhất» chống giải-pháp Ngô-đình-Diệm.

Khi về nước, một vài bạn trong nhóm «Cùng học» tiếp tục làm chính trị chống đối và phải lưu vong, một vài bạn khác vẫn tiếp tục trùm chẵn cho đến năm 1963. Riêng tôi, cuối năm 1957, tôi nhận lời của Linh-mục Cao-văn-Luận mời ra cộng tác xây dựng Đại-Học Huế, vì nghĩ rằng có thể làm văn-hóa giáo-dục được. Đê hết tâm trí, sức lực của một người thanh niên 25, 26 tuổi vào việc xây dựng một Viện Đại-Học Việt-Nam đầu tiên (chống lại Đại học Saigon mà lúc đó tôi cho rằng khó có thể thoát những ràng buộc phong-kiến, thực-dân) và vào việc tổ chức nhà xuất-bản, tạp-chí Đại-học, tôi chưa thấy ý nghĩa chính-trị việc làm văn-hóa của mình và vẫn tưởng là mình chỉ làm văn-hóa thôi. Những ý kiến về chính-trị tạm dẹp lại, tiểu-luận về Mounier cũng xếp xó. Vì chủ nghĩa nhân-vị của Mounier không phải là nhân-vị của ông Ngô-đình-Nhu và Giám mục Ngô-đình-Thục, tạp chí Esprit bị cấm ở Việt-Nam và Domenach người thay thế Mounier điều khiển tờ báo bị nghi là cộng-sản trong nghị-định cấm

của Bộ Thông-Tin! Không nói được về chính-trị, thì làm văn-hóa vậy. Và làm văn hóa, tất nhiên phải nói viết những điều mình ưa thích. Tôi bắt đầu giới thiệu hiện-sinh hoặc viết những bài sáng tác nhỏ theo phương pháp hiện-tượng-luận trong các tạp-chí Sáng-tạo, Bách-Khoa và Đại-học. (1) Tôi cũng dành hẳn một số Đại-học nói về triết-học hiện-sinh. (Đại học số 18..) và chỉ nhấn mạnh vào khía cạnh triết-lý thuần-túy. Rồi trong những bài giảng ở lớp Dự-bị Văn-khoa, các chứng-chỉ Siêu-hình-học, lịch sử Triết-học, tôi cũng giới thiệu và dạy trong chiều-hướng hiện-sinh.

Trước hết, phải nhận rằng vì thích thú riêng mà tôi đã nói và viết về hiện-sinh, nhất là về Sartre. Thực sự không phải tôi chấp nhận tất cả, mặc dầu người đọc có thể hiểu là tôi theo hiện-sinh. Sở dĩ tôi đề cho người đọc có cảm tưởng đó là vì quan-niệm rằng muốn tìm hiểu và giới-thiệu một tư-tưởng phải có thiện-cảm với tư-tưởng đó mới hiểu được, hơn nữa phải tôn trọng quyền tiếp thu của người đọc. Do đó, tôi ít bày tỏ ý kiến rõ rệt, tán thưởng hay kết án.

Có lúc, khi nghĩ đến chính-trị, nhưng lại muốn bỏ quên thực tế chính-trị mà mình không bằng lòng, đồng thời cũng muốn người khác theo mình, nên tôi cho rằng cớ võ cho thứ triết-lý phi-lý, văn-chương siêu-hình, phi-luân cũng là một cách phủ-nhận tiêu-cực chính-trị.

Nhất là khi gặp những chống đối, đặc biệt những chống đối xuất phát từ

(1) Chẳng hạn: Văn chương và siêu-hình-học. «Sáng Tạo» số 7 (1957). Thông cảm, E lệ, Cái nhìn, Hối hận. Tự tử vv... trong Sáng Tạo và Bách Khoa.

những người, cơ quan mà tôi gớm ghét tính cách giả đạo đức, bất tài, xu thời, tôi càng muốn dùng Sartre như lợi khí tố cáo và nhạo báng những thái độ bảo vệ đạo đức, hữu thần của họ. Chẳng hạn nhóm Vác-Đan, công kích « Sáng tạo, Hiện đại, Thế kỷ Hai Mươi » và tôi, mà họ cho là lý-thuyết-gia của tạp-chí trên, chủ trương nền văn-ngệ phi luân, vô thần,... Lúc đó, tôi nghĩ rằng dù họ thành thực hay không thì hiện - sinh vô - thần, phi-luân, cũng là một hòn đá ném xuống mặt nước phẳng lặng làm lay động lòng-tâm an-bình và thỏa-nhãn của họ, là những người tự cho mình có sứ-mệnh bảo vệ Đạo-đức, Tôn-giáo.

Nhưng với những biến cố chính-trị lớn lao dồn dập nổi ra : Đảo chính hụt tháng 11-60, việc thành lập Mặt trận dân-tộc giải-phóng miền Nam, chiến tranh tái diễn, một cách cụ-thể đối với tôi là không còn đi xe lửa Saigon-Huế được nữa. Và chính bản thân tôi bị đẩy ra khỏi Đại-học Huế do lệnh của Giám-mục Ngô Đình Thục vì lý do không muốn thấy mặt tôi khi ông ra nhận chức Tổng Giám-mục Huế. (1)

Những sự kiện trên buộc tôi trở lại với thực tế chính-trị. Tuy nhiên vẫn chưa thể trực tiếp nói đến chính-trị nên tôi tiếp tục viết về văn-hóa, nhưng gắn liền văn-hóa với chính-trị trong vấn-đề quan-điểm nghiên - cứu, trách nhiệm người cầm bút, tác-dụng của văn-chương.

Vào thời-kỳ đó (1961) tôi lại có dịp qua Pháp, giữa lúc chiến tranh Algérie đang làm sôi nổi tình hình nước Pháp, tôi chú ý đến thái-độ phản-đối của các nhóm trí-thức, của Sartre. Bản tuyên-ngôn 121, vụ án Jeanson, đã làm tôi rất xúc động và suy nghĩ nhiều về thái-độ trí-thức trước thời cuộc. Tôi đọc lại những tập Situations, Réflexions sur la question juive, và bắt đầu hiểu Sartre theo

những chiều-hướng khác.

Những ý tưởng do sự hiểu biết mới đó đã hướng dẫn tôi trong khi biên-soạn *Lược-khảo văn-học I, II*, và *Chủ-nghĩa thực-dân Pháp, thực - chất và huyền-thoại*.

Nếu những bản thảo chính-trị lúc đó đòi hỏi tôi gắn liền văn-hóa với chính-trị, thì cũng những bản thảo trên đòi hỏi tôi tách chính-trị ra khỏi tôn-giáo ; tôi và số anh em bạn thành lập nhóm trí-thức công-giáo, tờ sách Đạo và Đời, rồi tuần báo Sống Đạo nhằm tách công-giáo ra khỏi chính-thể Ngô Đình Diệm, ngụ ý là chống lại thứ Công-giáo của Đức cha Ngô Đình-Thục.

Những biến-động nhân vụ Phật-giáo và đảo chính 1963, chiến tranh gia tăng và sự can thiệp ồ ạt của người Mỹ không còn cho ai quên được thời-sự, để tiếp tục nói chuyện văn chương triết-lý, phản kháng siêu-hình. Tất cả đều bị chi phối ám ảnh về chính trị. Sau đảo-chính 1963, tương đối được tự do hơn, tôi và một số bạn cho ra tạp chí *Hành-trình* để nói lên những nỗi niềm và lập trường của mình về chủ-quyền, về thực-dân mới, về sự xâm nhập của ngoại bang, về cách-mạng xã-hội là những điều đã suy nghĩ và ước mơ từ 10 năm trước.

Với tâm-trạng nặng trĩu những âu lo chính-trị, nhất là từ sau 1963, dĩ nhiên tôi không còn để ý đến những tác-phẩm thuần-túy triết-lý của Sartre, và đồng thời cũng muốn phủ-nhận tất cả những gì đã viết trước đây về hiện-sinh theo chiều hướng triết-lý thuần túy.

Từ đây, khi đọc Sartre, tôi chỉ chú trọng đến thái độ chính-trị của Sartre và chính thái độ đó bao hàm một quan niệm về triết học, văn học mà dần dần tôi mới hiểu, làm cho tôi cảm phục Sartre, đồng thời chán ghét những người như Heidegger, G. Marcel.

(còn tiếp)

NGUYỄN VĂN TRUNG

(1) Theo lời Bộ-trưởng Trần-Hữu-Thế nói với L.M. Cao Văn Luận.

Trên đồi nhìn xuống

Tiếng hát của mấy người lính Đại Hàn dưới chân đồi văng lên tai tôi thật buồn rầu. Tôi thấy họ đang trên xe mười bánh vừa chòng tay nhau vừa hát. Tôi đoán bài hát nói về nỗi ly hương.

Bây giờ mấy cặp nhân tình đã lên xe Honda trở về. Qua khóm dương liễu, một tà áo trắng bay lơ mờ. Tôi bỗng nhớ đến Quỳnh với tà áo trắng, mái tóc thề và chiếc nón bài thơ. Những ngày cắm trại đã giam cầm bước chân của tôi về ngôi trường ven bờ biển, nhưng làm nỗi hung nhớ của tôi tăng lên hơn bao giờ hết. Những chờ đợi, những sửa soạn của kẻ cầm súng sắp bước vào mặt trận đã làm tôi mang nhiều ưu tư. Đã ba ngày nằm lại trên đồi này với cả balo chứa đầy quần áo, mền võng và cây M 2 cùng mấy trái lựu đạn. Tôi đã đếm từng giây từng phút. Tôi đã nghĩ những gì mà người lính phải nghĩ. Người yêu, gia đình, và một nắm đất. Đáng lẽ tôi phải viết cho Quỳnh một lá thư kể rõ sự hung nhớ của tôi với nàng. Đáng lẽ tôi phải kể cho nàng rõ mối tình đã ấp ủ trong tim tôi mấy năm nay. Đáng lẽ tôi phải viết cho những người thân yêu ở ngoài nó những dòng chữ hỏi thăm, mà biết đâu, là những dòng chữ cuối cùng. Nhưng tôi không viết. Hay tôi sợ. Hãy tin rằng số mạng mình to lắm. Hãy tin như ông thầy tướng đã bảo số tôi sẽ làm lính, vì

có đôi lông mày giao nhau và rậm. Số ông làm Tướng. Hình như hôm đó, tôi say. Đứng theo thẳng bạn từ một quán bar ở con phố chính, khi ngang qua chỗ ông thầy tướng ngồi, tôi hỏi: Ông xem tôi chừng nào tôi chết, ông thầy cười hề hề: Thầy nói nhảm không nên. Tôi la: Sao lại nhảm. Tôi nói thực đó! Không, thầy làm lính lắm. Có đôi lông mày giao nhau và rậm...

Bây giờ, buổi chiều đã sắp tàn. Những ngọn tháp hiện lơ mờ với những viên gạch đen và lòng tháp trông thật âm u. Tiếng hát ở dưới đồi cũng đã dứt. Bức tượng Phật to lớn cũng đắm mình trong màu tranh tối tranh sáng trông như màu xám sẫm. Giòng sông ven đồi trầm ngâm với bãi cát màu vàng đục. Tôi tự ru ngủ trong giờ khắc giao tiếp giữa màn đêm và buổi chiều. Gió lạnh len vào da thịt, làm tôi phải rùng mình, Người lính Thượng ngồi trên mỏm đá, hút ống điếu, và nhìn xuống chân đồi. Vai trắng lách đi qua, bàn chuyện hành quân. Bọn nó nghe ở đâu toàn những tin đông trời. Rằng hồi đêm một trung đội bảo an bị tịch gần hết, còn mấy con. Rằng mấy xe thiết giáp Đại Hàn bị đốt. Tôi nhìn về phía xa. Chắc bọn nó nói cũng đúng. Truyền đơn từ máy bay thả hồi trưa, báo cho biết có một tiểu đoàn địch, và kêu gọi ra chiêu hồi. Máy

những cái hôn, những tình yêu trẻ trung của họ. Hippies chủ trương tình yêu và hòa bình. Họ nói làm tình với nhau chứ không giết nhau (*Faites l'amour pas la guerre*). Họ chống chiến tranh ở Việt nam, họ chối bỏ *John Wayne*, *John Steinbeck* vì hai gã này là những tên hiếu chiến, tiêu biểu cho sự chém giết trên màn ảnh hoặc trên thực tế. Họ muốn trở lại nếp sống bình dị, thực thà, gần gũi thiên nhiên. Có nhóm Hippies không mặc y phục, có nhóm mặc quần áo sặc sỡ hoa hoét. Họ thường tự coi mình như môn đệ của những *Jésus*, Đức Phật, của những *Gandhi*, *Aldoux Huxley*, thánh *François d'Assise*, của những *Rousseau*, *Thoreau*, *Fourier*.

Khởi nguồn từ ý muốn chối bỏ xã hội trung lưu, trường giả Tây-phương, họ xây dựng một nếp sống mới với những luật lệ kỳ quặc và độc đáo khác. Người hippies cho rằng tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục, kỹ thuật, máy móc của xã-hội họ, đã tạo ra những đứa con mắt linh hồn, sống bơ vơ, lạc lõng trong chính xã hội của mình. Phải chối bỏ xã hội đó và coi mọi thứ của xã hội đó là biểu hiệu của xấu xa, chẳng khác gì người Hoa kỳ cũng đã coi mọi thứ của Cộng sản đều là sai lầm (*Time* 7/7/67, t. 17). Phải sống bình dị, không đạo đức giả, không khắt khe, cấm đoán. Cởi bỏ mọi kim hãm của xã hội đó để tìm về con người thực với mọi tình cảm, bản năng tự nhiên. Đó cũng là trở về với thiên nhiên, là gặp Thiên nhiên, Thượng đế. Trong công cuộc trở về này những chất ma túy, những màu sắc và âm thanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Có nhiều chất ma túy được người hippies sử dụng. Nhờ những thứ ma túy đó, họ như lạc vào thế giới thần tiên, lâng lâng, khoái cảm. Họ đạt tới

một trạng thái viên mãn, thanh thản về lý trí, tình cảm, thẩm mỹ, cảm giác... Người hippies gọi trạng thái đó là *Psychedelic*. Họ cho rằng họ đạt tới con người thật của họ cũng như họ đã gặp Thượng đế trong trạng thái tâm lý đặc biệt đó. Có thể chia ra ba loại Hippies, một loại gồm những thanh thiếu niên khoảng 15, 16 tuổi dùng ma túy với mục đích tăng cường sinh dục, một loại khác lớn tuổi hơn dùng ma túy để chữa bệnh, loại thứ ba là những người coi ma túy như những bậc thang đưa họ tới Thiên nhiên, tới Thượng đế. Chất ma túy thông thường nhất là *Marijuana*, một thứ cỏ được chế biến dưới nhiều hình thức để pha vào thuốc lá, rượu, chè. Nó đem lại trạng thái nhẹ nhõm, thoát ly, ngây ngất. Những chất khác như *DMT* (*dimethyltryptamine*) hoặc *DET* (*diethyltryptamine*) có công dụng gây tình trạng xuất thần trong khoảng 20, 30 phút. Mạnh hơn là những chất *LSD* (*lysergic acid diethylamide*) và *STP*. *LSD* cho phép người hippies gặp Thượng đế trong nửa ngày, *STP* đem người ta vào thế giới thần tiên trong khoảng 72 giờ đồng hồ, sáu lần mạnh hơn chất *LSD*.

Sau khi dùng những thứ thuốc trên, người hippies nhìn đời với con mắt khác hẳn. Màu sắc, âm thanh trở nên chói chang, gần gũi, thực hơn. Đó là lý do khiến người hippies thích những màu sắc sặc sỡ, nóng bỏng. Họ sơn phết xanh đỏ trên người, trên mặt, trên xe hơi, họ mang theo những vòng hoa vừa để tặng người khác vừa để tìm cảm giác mới nơi chính mình. Ngoài ra để tăng cường khoái cảm về màu sắc, họ đeo những thứ kính đặc biệt. Ma túy, màu sắc, kính màu đưa họ vào thế giới mới lạ; Màu sắc như nghe được, âm thanh như thấy được, họ nhìn thấy những tế bào

óc, họ nghe thấy tiếng máu chảy trong mạch. Nhà thơ của nhóm hippies Richard Brautigan cho rằng ông nghe thấy mình đang chuyển động. Chính trong trạng thái lâng lâng xuất thần đó các người hippies làm thơ, làm nhạc, hoặc họ vẽ trên tường, trên da thịt ni ững hình ảnh kỳ quái lạ lùng chói chạn sắc sỡ.

Thơ và họa của họ thường dở nhưng nhạc của họ thì hết sức đặc biệt, nó đưa người ta vào thế giới đồng bóng, thần kỳ, ma quái. Những buổi hội họp có nhạc là tuyệt đỉnh của trạng thái khoái cảm trọn vẹn nơi người hippies. Đó là tổng hợp của ma túy, màu sắc, âm thanh cử động, tình cảm, bản năng. Nó gây ảnh hưởng tâm lý hết sức mãnh liệt nơi những người tham dự. Nó hoang dã, rùng rú, cuồng loạn, lời cuốn như lên đồng, thôi miên; nó đưa người ta thoát ly khỏi khung cảnh hiện tại để trở lại những gì là sâu xa, thậm kín nhất. Nó là tiếng gọi của thiên nhiên, của bản năng. Nó khác những buổi hòa nhạc thông thường của các ban nhạc cuồng loạn dâm dật hay kích động nhất. Nó là nhạc điên, nhạc rùng, đó là tiếng gào, tiếng hú của thiên nhiên, của sấm sét hơn là nhạc. Người hippies gọi đó là nhạc Psychedelic, so với nhạc psychedelic thì những điệu fox, rock' n' roll... là những con số không. Âm thanh chát chúa, sấm sét không phải là yếu tố quyết định và đặc biệt của những buổi hòa nhạc psychedelic; tính cách mê hoặc, thôi miên của nó chính là khung cảnh trong đó người ta chơi nhạc. Trong gian phòng rộng lớn, âm u, những hình ảnh siêu thực về Jésus, đức Phật, Gandhi... lấp lánh ẩn hiện trên tường. Người ta nhây nhót điên cuồng như bị quỷ ám. Ánh đèn trăm nghìn màu sắc luôn luôn thay đổi quấn quít lấy những người hippies, vẽ những hình ảnh

quái đản, mê hoặc trên tường, trên trần nhà. Ánh đèn, màu sắc, cử động, khói thuốc, âm thanh sấm sét, những hình ảnh quay cuồng, xoay tròn, những thân xác quần quại, những ánh mắt tóe lửa hoặc đờ đẫn, tất cả biến buổi hội họp đặc biệt của người hippies thành nơi tiếp giáp giữa con người và thần lực thiên nhiên, người hippies như mê man tham dự vào sức lực đó, họ cởi bỏ quên lãng tất cả những gì là gò bó, luật lệ để thoát ly và tìm lại con người thực của họ. Trong khung cảnh đó, họ là thiên nhiên và thiên nhiên là họ. Sau những buổi hòa nhạc trên, người hippies như thấy viên mãn, no nê, sảng khoái hơn. Hằng tuần sau ảnh hưởng ma quái, thần bí đó mới phai nhạt và họ lại tham dự với nhau một buổi họp mặt đặc biệt khác.

Người hippies muốn tạo ra một thế giới mới thay thế cho thế giới nhiễm độc; gò bó hiện nay. Ngoài những kỹ thuật, những lối sống đặc biệt có tính cách mê hoặc, thoát ly đó, người hippies cũng lo đến những công việc khác để xây dựng thế giới hippies của họ. Những người con gái lo sản xuất những quà tặng, những thứ quần áo có màu sắc hippies, những vòng hoa, những cái chuông, những chuỗi hạt, những sợi dây... Người hippies cũng có những tờ báo riêng phổ biến lối sống cũng như văn chương, thi ca của họ, chẳng hạn tờ *Haight-Ashbury Tribune*, *Oracle*, *Berkeley Barb*, *Los Angeles underground press*... Sách báo của họ bàn về nhiều chuyện trong đó có những chuyện như nếu bị bệnh phong-tinh thì phải làm sao, phải đối phó cách nào khi bị cảnh sát làm khó dễ... Tương tự như các phong trào khác, phong trào hippies cũng tạo ra một số danh từ hoặc tiếng



Hippies tại San Francisco và



... tại Pháp : Rosko và J. Hallyday

lóng đặc biệt, chẳng hạn *psychedelic* (trạng thái xuất thần, viên mãn nhờ ma túy), *pot* (chất marijuana), *coke* (cô-ca-in), *smack* (chất hê-rô-in), *acid* (chất LSD), *speed* (chất Méthedrine), *joints* (thuốc lá), *straight society* (xã hội trưởng giả), *down trip* (buồn nản, khó chịu) *plastic hippies* (những người hippies nhày dù một hai buổi một tuần chứ không sống hẳn vào thế giới hippies như những người khác), *crash* (ngủ)... Có thể nói họ có triết lý, âm nhạc, hội họa, thi ca, ngôn ngữ, y phục... khác biệt thế giới trưởng giả mà họ muốn ly khai. Họ cũng có những hình thức công tác xã hội để phục vụ người hippies mới nhập cuộc hoặc thiếu thốn. Những nhóm hippies thiện chí lập các tổ chức để tìm chỗ ăn ngủ, tặng quần áo vật dụng cần thiết cho những thanh thiếu niên nam nữ mới bỏ nhà ra đi và gia nhập vào thế giới hippies (chẳng hạn, nhà hàng Free Store tại Hashbury).

Phong trào Hippies có những luật lệ phóng túng với những lý tưởng phần nào đáp lại khát vọng thầm kín của con người bị nghiền nát vì máy móc, kỹ thuật, chiến tranh.. nên nó đã gây những chi nhánh khắp nơi. Mỗi chi nhánh hippies có những sắc thái đặc biệt, có những nhóm hippies ở ngoại ô, những nhóm hippies ở trên núi hoặc dưới bãi biển, có những hippies thi ca âm nhạc... Mỗi nhóm hippies sẽ tùy nghi làm những điều mà họ cần thiết, làm một mình hoặc với những bộ lạc, những chi nhánh khác. Tại Pháp, Johnny Hallyday, Rosko cũng đã mặc quần áo rườm rà, choàng hoa đầy mình. Hallyday thu bằng hai đĩa về Hippies : San Francisco và Psychedelic... (Trong bài San Francisco, có những câu : Nếu bạn tới San Francisco, bạn sẽ gặp những người mà tôi rất yêu mến : những người hippies...). Có hai ban nhạc hippies tại Pháp : ban *Les Herbes Tendres* và ban *Les Fleurs de Pavot*. Họ cũng ăn mặc

khác thường, sơn phết trên người trên áo, choàng hoa dây mình, đầy đầu như những hippies Hoakỳ. Tuy nhiên, Patrick Thevenon cho rằng dù sao phong trào hippies tại Pháp cũng không thịnh hành và mạnh mẽ như ở Hoa kỳ: đó là phong trào của con nhà giàu bỏ nhà ra đi và chống lại sự giàu có, nhưng tại Pháp người ta chưa giàu có nên cũng không nổi loạn chống lại sự giàu có mạnh mẽ như ở Hoa kỳ (Express, 16-22 tháng 10-67 t. 54). Tại Anh, ban Beatles cũng có một đĩa về Hippies: đĩa *She's leaving home*. Những đứa trẻ con nhà giàu bỏ nhà ra đi vì không chịu được sự cấm đoán, những luật lệ khô khan Cha mẹ chúng đang hình tìm kiếm, lo âu, khóc lóc. Họ nói chúng tôi đã cho chúng nó tiền bạc, của cải và mọi thứ đều đầy đủ nhưng tại sao chúng lại bỏ đi. Những đứa trẻ hippies đã bỏ đi vì chúng thấy tiền bạc của cải không đủ để đem lại lẽ sống cho con người, vì chúng không muốn bị ràng buộc vào của cải, tiền bạc như cha mẹ ông bà chúng, những người đã gây dựng nên xã hội Mỹ đó cũng chính là những người đã coi tiền bạc là Thần thánh trên cõi đời này.

Bộ mặt trái

Nhiều người có thiện cảm với phong trào, coi đó như những hiện thân của đức Phật, đức Chúa, đang đem tình yêu, sự thanh thản cho nhân loại đau khổ. Có những ban nhạc, những văn sĩ trứ danh ở Anh, Pháp, Mỹ đứng về phía phong trào. Tuy nhiên, ngoài những vẻ quyến rũ độc đáo của nó, phong trào cũng có những bộ mặt trái bĩ đát.

Người hippies muốn sống bình dị, thanh thản, bất bạo động, tìm lại bản chất tự nhiên của con người nhưng thực ra họ cũng có những hành động hung bạo. Chất ma túy đã gây những ảnh

hưởng hết sức tai hại. Nó làm cho người hippies xuất hiện lằng lằng thích thú nhưng nó cũng đã khai sinh ra những trạng thái tâm lý bệnh hoạn, bất thường. Nó đưa tới sự hành hung, chém giết. Đã có những vụ giết người trong thế giới hippies: những cái chết của Linda và Groovy đã làm rung động dư luận (1). Từ đây, người ta nhìn phong trào với con mắt nghi kỵ, k-ả: k-ê hơn. Chính niềm tin của người hippies cũng bị lung lay: liệu họ có thể thay thế sự độ: á, bạo cộng của thành thị bằng tình yêu, sự tha thứ của thế giới hippies hay họ cũng chỉ thay thế luật rừng rợ bằng luật rừng kia? Một mối khó khăn khác mà phong trào hippies phải đương đầu là sự bùng nổ của bệnh tật trong thiên đường hippies của họ. Những căn bệnh thần kinh, đau màng óc, những bệnh do sự sử dụng quá độ những chất ma túy, do sự ăn ở bần tiện, làm tình bừa bãi. Lại có những đứa trẻ sơ sinh đau phổi, ho lao bên những người mẹ hippies bị bệnh thần kinh hoặc phong tình. Bệnh tật đã xuất hiện từ những nếp sống trác táng, phóng túng cũng như từ những căn nhà chật chội, thiếu vệ sinh của những kẻ lãng tử hippies.

Người hippies muốn đem chính cuộc

(1) Linda Rea Fitzpatrick, 18 tuổi, con gái một thương gia ở Connecticut. James Groovy Hutchinson, 22 tuổi. Trong mùa thu năm 1967, cả hai đã tham dự một buổi hội dưới một căn hầm tại East Village (Manhattan) cùng với nhiều người Hippies khác. Họ đã dùng chất ma túy, ăn chơi, nhảy múa... Ngay đêm đó, James Groovy Hutchinson bị những người kia đánh vỡ sọ chết còn Linda Rea Fitzpatrick bị cưỡng hiếp và bị đập chết bằng gạch. Ngoài ra cũng có thể kể trường hợp giết người của Carol Metherd (27 tuổi, Denver, HK): trong một cơn say ma túy, cô đã giết chết đứa con hai tuổi bằng những mảnh chai vỡ.

đời họ để làm gương cho những người khác trong việc tạo dựng một xã-hội mới hơn nhưng thật ra nếp sống họ đã không đủ sức thu hút người khác. Những người này, nhất là thành phần nghèo khó, thiết thời, không coi nếp sống của người hippies là lý tưởng, trái lại họ coi đó như lối sống thoát ly của những kẻ quá thừa thãi, phê phỡn. Chẳng hạn dù người hippies lấy hoa để tặng người khác nhưng xã-hội không muốn người hippies nhờ hoa bữa bãi ở những vườa hoa trong thành phố vì hoa đó là của chung chứ không phải của riêng người hippies mà họ có quyền nhờ hết và phung phí bữa bãi. Người hippies đi tới đâu là có hoa, có nhạc, tiếng cười, tình yêu nhưng họ đi tới đâu là rác rưởi, dơ dáy lan tràn tới đó vì thực ra người hippies đã sống một cách dơ dáy, họ không chú ý đến sự thơm tất, sạch sẽ. Rác rưởi, vỏ đồ hộp, những đồ thừa thãi ngổn ngang nơi nào mà người hippies đi qua. Một người da đen ở Hashbury nói: những người hippies đã biến một thành phố tươi đẹp thành một khu nhà ổ chuột dơ dáy. Những cuộc di dân của người hippies cũng không làm cho dân chúng thích thú. Một người đàn bà đã nhận xét: bọn hippies đầu tóc bù xù, nhăn mặt, lè lưỡi với chúng tôi, như thế thì có ảnh hưởng gì tốt với con cái chúng tôi đâu! Không những dân chúng không cảm tình với nếp sống của người hippies, họ còn khó chịu, nhột nhạt và chống đối phong trào Hippies nữa. Một người Porto Rico tại East Village nhận xét: Thái độ của bọn Hippies như muốn chứng tỏ rằng nếp sống của họ là đúng còn nếp sống của chúng tôi là sai. Nhưng làm gì có sai có đúng khi chúng tôi phải làm việc 12 giờ một ngày trong nhà máy mới đủ tiền để lấy tiền nuôi gia đình. Mọi lời

nói và hành động của họ làm chúng tôi e ngại và luật rừng dạy chúng tôi rằng cần tiêu diệt những gì đe dọa mình.

Không những thái độ của quần chúng đối với phong trào đã đi từ thiện cảm tới khó chịu, chính thái độ của những người hippies đối với phong trào của họ cũng là nghi ngờ và bế tắc. Họ phải đương đầu với ba vấn đề sống còn luôn luôn ám ảnh họ: Công ăn việc làm, lương thực và chỗ ở. Thực vậy, họ không thể tiếp tục ca hát nhảy múa, làm tình ngày đêm, choàng hoa, tặng kẹo bánh... mãi mãi. Chính vì vậy dù khinh bỉ sự làm việc và chối bỏ xã hội nhưng họ đã không thể vượt qua được lao động và xã hội. Họ chưa xây dựng được một xã hội mới như họ muốn, họ chỉ chạy trốn xã hội cũ mà thôi. Một cô gái 23 tuổi, người Porto Rico đã nhận xét rất đúng: Những người hippies không thể chinh phục được thế giới bằng sự ăn không ngồi rồi và thái độ chạy trốn của họ, đó không phải là xây dựng xã hội mới. Đó là thoát ly.

Từ Hippies đến Freebies

Người hippies đã trốn tránh xã hội xấu xa và giả dối bằng cách lao mình vào thế giới ma túy, bản năng, màu sắc và tiếng động. Ma túy, màu sắc có thể làm cho xã hội tươi đẹp hơn nhưng không cải tạo được xã hội. Họ tin sự thù ghét chém giết sẽ tan biến trước sắc đẹp, tình yêu và tự do phóng khoáng. Họ coi mình như những người sáng lập của một xã-hội mới trong đó con người sống thành bình, hòa hợp với thiên nhiên, yêu thương nhau, một xã hội không có thù ghét, chém giết, không tôn thờ vật chất, tiền bạc, một xã hội trong đó người ta không còn là những cái máy vô hồn nhưng đã trở thành

những con người tự do, ăn chơi, làm tình bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu mà mình thấy thích... Tất cả những ước vọng đó dần dần bị thực tế bóp chết, những người hippies bị ném trả lại với những sự thật đau thương mà họ muốn trốn tránh. Những vụ chém giết, hiếp dâm, những thái độ chống đối của quần chúng, những khó khăn và bế tắc trong chính thiên đàng hippies, tất cả đã làm cho người hippies tỉnh mộng. Vì vậy, trong khi phong trào đang lan tràn ra những nơi ngoài Hoa Kỳ thì ở chính San Francisco; các nhóm hippies đã họp nhau lại để làm lễ chôn cất cho phong trào hippies. Lễ an táng đã được cử hành vào những ngày 6, 7, và 8 tháng 10 năm 1967. Ngày 6 tháng 10 một cỗ quan tài choàng hoa hồng đã được diễn hành qua các đường phố tại San Francisco; ngày 7 các người hippies tụ họp nhau lại để trầm tư mặc tưởng về cái tang của phong trào Hippies. Sáng ngày 8 tháng 10 một cuộc lửa trại lớn đã được tổ chức tại Golden Gate Park và những người hippies đã quăng vào lửa tất cả gia tài và dấu vết hippies của họ. Sau đó người ta đã giải tán và phong trào hippies tại Mỹ tan rã.

Tại sao họ lại khai tử cho phong trào? Người hippies muốn chối bỏ những luật lệ, những tổ chức gò bó như sau hai năm hoạt động, chính phong trào hippies cũng đã có những luật lệ, những phân công như cái xã hội mà họ muốn phản đối! Mặt khác, các người hippies đều cảm thấy họ như bị bó buộc dùng thuốc, bó buộc làm tình bừa bãi. Trước kia không được tự do dùng thuốc, tự do làm tình, tự do phóng túng, họ cảm thấy bị bó buộc, cấm đoán, họ đã

chống đối để được tự do nhưng khi đã có những thứ đó một cách thừa thãi (lúc nào cũng dùng ma túy, cũng làm tình, cũng ca hát, nhảy múa, cũng ăn kẹo, choàng hoa, cũng nằm đầu đường xó chợ...) thì họ lại cảm thấy những tự do đó đã trở thành những bó buộc, phản tự do. Họ muốn được tự do hơn nữa nghĩa là có thể làm cái này hay cái khác chứ không nhất thiết hàng vạn người đều hành động như nhau. Cái gì cũng làm ngược với xã hội trưởng giả thì có khác gì bất chước xã hội đó. Như vậy không phải là tự do mà là bó buộc. Ngày nay, họ tự do theo nghĩa khác nghĩa là họ có thể là hippies hay không, có thể dùng ma túy hay dùng Coca-Cola, có thể thắt cà-vạt hay cởi truồng, có thể có vợ con đàng hoàng hay làm tình lung tung. Họ muốn trở thành *fremen* chứ không muốn là hippies như trước nữa. Từ Hippies họ trở thành Freebies.

So với những khủng hoảng, nổi loạn của thanh thiếu niên Tây-phương từ trước tới nay thì phong trào hippies tương đối hiền lành và đàn bà hơn cả. Có những người kết án họ một cách khắc nghiệt nhưng như vậy có lẽ là quá đáng vì thực ra họ chỉ là con hoang của một tổ chức xã hội đã trở nên phi nhân. Những điều mà họ chống đối không phải là không có lý nhưng cách thức phản đối của họ có tính cách thoát ly, trưởng giả. Nếu thực sự họ muốn chống lại cái xã hội đó thì họ đã có thể có những cách thức khác, chẳng hạn những cách thức của người da đen trong những khu ổ chuột. Thành ra hành động của họ có tính cách khắc khoải và làm dáng. Họ phản kháng không phải để cải tạo xã hội mà chỉ để yêu mến thêm cái khung cảnh xã hội phi nhân

đó. Họ không thể thoát ly khỏi khung cảnh đó vì họ chính là khuôn mặt thật của xã hội Hoa Kỳ.

Điều đáng chú ý nơi phong trào hippies không phải là sự khác khối, phản kháng mà là sự khác khối, phản kháng của những người giàu có, thừa thãi. Chính trong khung cảnh thừa thãi, sung túc tới tuyệt đỉnh người ta lại tự hỏi sống để làm gì vì chẳng có gì phải làm cả, sống thừa ra, cực hình ở trong sự quá đầy đủ, quá nhàn rỗi. Của cải vật chất nghiền nát con người và thời gian là sức ép nghìn cân khiến người ta cảm thấy một cách thảm thía sự vắng mặt và bất lực của mình. Đó là khung cảnh khiến những thắc mắc siêu hình, những tra vấn về số phận con người, lưu đầy, phi lý... có ý nghĩa và trở nên thiết thân. Hiện tượng hippies còn cho thấy người ta đã gặp cái phi vật chất ở cuối đoạn đường của vật chất thừa thãi. Tại các xã hội chiến tranh đói

khát, người dân phải lo chạy bom chạy đạn cả ngày mới được sống còn, phải làm việc quần quật mới có được miếng ăn và những điều kiện vật chất tối thiểu để làm người thì những say nghi siêu hình cao xa chỉ có tính cách xa xỉ và giả tạo. Những vòng hoa, những buổi chơi nhạc quái đản của người hippies chỉ là những hình thức ru ngủ, thoát ly chứ không phải là những xây dựng tích cực, lâu dài. Những hiện hữu, hư vô, siêu hình, nôn mửa, phi lý... được giảng dạy trên đại-học và được chép nhật trong văn chương của người thành-thị hiện nay cũng không giá trị gì hơn những tiếng hát, những vòng hoa sắc sỡ đó.

Người hippies là những kẻ vô sản của Freud, là những kẻ muốn sống bên lề xã-hội phi nhân hay là những đèn đỏ của nền văn-minh kỹ-thuật Hoa kỳ? Họ là tổng-hợp của ba thứ đó.

NGUYỄN-TRỌNG-VĂN

TIN MỪNG

Được tin Anh TRẦN-LƯỠNG-NGỌC bút hiệu NGỌC-VÂN sẽ làm lễ thành hôn với Chị NGUYỄN-THỊ NGỌC-LIÊN tại Saigon ngày 21-1-1968 (22 tháng Chạp âm-lịch),

xin chân-thành chúc mừng Anh NGỌC và Chị LIÊN trăm năm hạnh phúc.

TỪ-TRÌ và LÊ-NGỘ-CHÂU

Tìm đọc :

NGỰA TÍA

truyện dài đầu tiên của Y-UYÊN Giao-Điểm xuất bản

NGHĨ VỀ HIỆN TƯỢNG HIPPIES

Nếu có phong trào nào đã từng làm điên đầu những nhà đạo đức, những bậc cha mẹ, những linh-mục cũng như những tổ chức công an cảnh sát Tây phương thì chính là phong trào Hippies. Nó được khai sinh từ khoảng hai năm trở lại đây tại Hoa-kỳ và đã gây những ảnh hưởng đáng kể ở Hoa-kỳ cũng như ở những nơi khác ngoài Hoa-kỳ. Không có được con số chính xác về những người hippies nhưng người ta cho rằng phong trào hippies có khoảng 300.000 nhóm viên rải rác khắp nơi. Nó mang nhiều hình thức khác nhau tại Hoa-kỳ, Anh, Pháp-Bos'on, Seattle, San Francisco, Detroit, New Orleans, New Delhi, Katmandu... Những người Hippies ăn mặc lôi thôi, sặc sỡ, đầu tóc bù xù, râu ria lồm chồm, đi chân đất, luôn luôn mang theo kẹo bánh, vòng, chuông, vòng hoa.. Họ sống chen chúc lẫn lộn, họ nằm la liệt ngoài đường, trong công viên, họ hôn hít, làm tình một cách tự nhiên, họ tham thiền trong công viên hay trên mui xe, họ đàn ca nhảy múa. Bất chấp những lời khen tặng chê bai, họ sống theo lý tưởng và luật lệ của họ.

Tình yêu, ma túy, màu sắc và tiếng động

Phong trào Hippies có những đặc điểm và những nguyên nhân khác những phong trào có trước nó. Chẳng hạn, nó không giống phong trào Beatniks, phong trào này thoát thai từ những thành phần xã hội nghèo nàn, bị thiệt thòi, họ nổi loạn để có được tiện nghi, sung sướng hơn, phong trào Hippies, trái lại, gồm những thành phần xã hội giàu có, nổi loạn để chống lại sự tiện nghi, sung sướng. Một đảng chống sự nghèo khổ, thiếu thốn, một đảng chống lại sự sung túc, thừa thãi. Phong trào Hippies gồm những thanh thiếu niên nam nữ trong khoảng 15, 16 và 25, 26, họ bỏ nhà ra đi để trở thành hippies. Có hàng trăm cách cắt nghĩa khác nhau về phong trào nhưng có điều mà ai cũng phải nhìn nhận và đồng ý là những người hippies muốn chống lại trật tự xã hội hiện có, họ chống lại sự

giả dối, cạnh tranh, tinh thần tôn giáo giả hình, họ chống sự tôn thờ vật chất, tiền bạc, chống xã hội trưởng giả, chống duy lý, máy móc, chống những cấm đoán trong phạm vi đạo đức, giáo dục, xã hội, tình cảm, hôn nhân, sinh lý... Họ muốn từ bỏ cách sống trước đây, muốn thoát ly xã hội, muốn sửa lại nếp suy tư. Họ thay thế sự giả dối, cạnh tranh, chém giết, đạo đức giả... bằng sự thành thực, lòng tốt, sắc đẹp, tuổi trẻ và tình yêu. Con trai hippies luôn luôn mang theo kẹo bánh, vòng hoa, khi bị cảnh sát vây đánh, họ tặng những vòng hoa, những bánh kẹo đó. Con gái hippies cũng có những kẹo bánh những vòng hoa, những tặng vật nhưng ngoài những thứ đó họ còn có những vòng tay, những cái hôn. Tất cả làm cho cảnh sát không nổi bằng tay đàn áp, giải tán. Một cảnh-sát viên đã nói: thật khó lòng mà thắng tay với những người đã trả lời sự giải tán của chúng tôi bằng những vòng hoa,

tiếp theo ở trang 124

bay Đại Hàn cũng ra lệnh du kích phải ra hàng nếu không sẽ áp dụng biện pháp tàn nhẫn. . Bây giờ, hai chiếc phản lực cơ đã bay tới vùng có khói trắng. Những trái bom tếp tục thả ra, khói đen bốc lên ngợp trời, và những tiếng dội ầm ầm vang theo sau, ở lều bộ chỉ huy ở giữa đồi, người sĩ quan đang liên lạc với các đơn vị hành quân. Tiếng hẳn đều đều, rành rẽ. Cốc lát, tiếng reo của máy điện thoại lại vang lên. Hẳn lại được dịp chưởi thề. Mục tiêu A, mục tiêu B. vô sự ta tịch thu một bộ ba đen và mấy bao gạo. Đại Hàn hả, lại đụng hả? 4 tên V.C. bị chết hả. Ủ, báo cáo anh nghe không trả lời...

Tôi trở vào phòng, cố tìm giấc ngủ. Nhưng óc tôi chấp chờn những hình ảnh của trận đánh, của những máy bay phản lực đang thả bom và nhào lộn ở phía dưới, mãi tít đặng xa, của những điều tưởng tượng không đâu khi chiếc trực thăng thả tôi lên mặt trận. Con dao găm, mấy trái lựu đạn. Cái kính cận thị nấn độ lở đánh rớt hay bị vỡ. Những ngày qua, tôi vẫn bị ám ảnh như vậy... tôi sợ rồi... tôi lại sợ rồi.

Có tiếng gõ cửa phòng. Thằng lính xạ t... trung hĩa rút rề vào, chào và trình c... ện. Tôi hỏi lại xin nghỉ nữa hả? Dạ th... ểu úy, vợ em bị sưng vú. Vú chảy mủ, c... em nó bú không được. Thiếu úy cho em nghỉ hai ngày để em đưa đi bác sĩ mỗ. Tôi nạt : Hành quân mà xin nghỉ à! Tao không có quyền. Làm đơn tao chuyển lên đại đội trưởng.

Thằng lính tội nghiệp đi ra. Tôi lại trở về cùng nỗi ưu tư. Nếu không cảm trại, tôi sẽ cho nó nghỉ ít nhất bốn ngày, Thời này, cứ ở được nhà lúc nào thì ở. Ở xong rồi thì ra trận, rồi nhảy trực thăng, rồi... rồi. Tiếng la hét của mấy

thằng lính đang uống la de từ câu lạc bộ đại đội vang vào đến nhức óc. Lại có tiếng chuông điện thoại từ lều chỉ huy reo lên dồn dập. Tiếng người sĩ quan hỏi to: Ai? Hả? Thằng Hy à? Tiểu đoàn 2 à?

Tôi nhòm dậy. Hy, tiểu đoàn 2? Tôi chạy vội ra lều, hỏi: Thiếu úy, cái gì đó? Thiếu úy? Hẳn bỏ máy, buồn rầu trả lời: Mới đụng. Chuồn úy. Hy đại đội tiểu đoàn 2 bị chết... Thôi đúng rồi. Tôi quay cuồng muốn quị. Tôi không còn nghe gì nữa, thấy gì nữa. Mới cách đây ba ngày, mới cười nói đó, mới uống cốc cà phê ở Tuyết Trắng đó, mới chưởi thề đó, bây giờ lại...

Tôi vào phòng, khóa cửa lại. Tôi muốn khóc. Mới hôm thứ bảy đó, tao với mày ở Hòa bình ra, say lướt khướt cùng diu nhau trên đường Gia Long. Mày hăm đánh thằng chơi nhạc. Mày đòi chơi bản Tôi đưa em sang sông. Tôi còn nhớ đôi mắt của Hy. Uống mấy lon bia, hình như Hy bắt đầu say, và mắt trông dữ lạ lùng. Trong bar với gái điếm năm trăm, với những tiếng nhạc loạn cuồng với màu xanh đỏ của trụy lạc, Hy nói với tôi:

— Đề tao đập thằng chơi nhạc, nó không nghe lời tao cứ chơi loại nhạc dâm dật đó.

Nó đứng dậy. Tôi kéo xuống và diu vào vách: Mày làm vậy, chứng tỏ mày say. Đề mai đi với tao vào đập... Thôi đi về...

Đêm hôm đó, chúng tôi trở về phòng của một thằng bạn. Thằng Hoàng. Nó kéo ở đâu về phòng một con nhỏ. Loại em hạng « luych ». Em tên Thu. Thu thấy cả bọn tôi, mới dùng dăng đòi trở về. Hy đứng chặn ở cửa, thề: Tối nay, ai mà

qua giường em, anh đập vỡ mặt. Thôi em vào động phòng hoa chúc với anh Hoàng đi.

Cả đêm, hai chúng tôi nằm thao thức. Tôi bảo nhỏ : Nó là gái điếm, mày sợ gì. Qua làm đại đi. Nó đánh vào sườn tôi. Bậy mày, đã hứa với nó rồi. Hứa cái quái gì, qua đi... Tôi đẩy nó sang...

Đến sáng, Hy dựng tôi lại, chửi thề. Nó biết được, nó không cho.

Tôi cười : Tại mày dở.

Nó kêu : tại thẻ bài . Mày biết không Tân ? Tao qua, mò sao lại trúng Đùi thẳng Hoàng. Thằng Hoàng nhóm dậy bảo : mày vào giữa. Đ M cái thẻ bài kêu reng reng. Em biết tao. Em hất... Em la... Tao mới nói : Tại bên này nóng quá...

oOo

Tôi mang kỷ niệm của Hy bằng câu chuyện mò hy hữu. Tôi không ngờ mới ba ngày, còn gặp nhau, bây giờ một thằng lại vinh viễn nằm xuống lòng đất. Thời buổi này mạng con người chẳng còn ý nghĩa nữa. Một phát đạn, một vụ nổ, một trái bích kích pháo, một quả cà nông, rồi sau đó, có một sinh vật mà Thượng đế nâng niu nhất lại nằm xuống. Tôi tự hỏi, nếu có Thượng đế, sao Thượng đế lại bắt bêu những đứa con của ngài một cách đau đớn như vậy. Có lẽ tôi lại nhuộm căn bệnh ngày xưa, những ngày tôi còn khoác bộ áo thường dân, đêm ngày với những suy tư, băng khuâng với cuộc đời của chính mình.

Tôi lại ra ngoài hiên. Trăng lười liềm đã hiện trên nóc tháp Chàm. Khung cảnh thật u oán, Đại đội đã tập họp. Người trung sĩ thường vụ đang dọn đèn pin để kiểm soát quân số trước khi lên xe. Bốn chiếc GMC đã đậu ở chỗ bốn trung đội xuống phi trường. Tôi nài

lại giầy đạn và khoác cây Ma vào vai, rồi chậm rãi bước quanh sân, ở trước bàn thờ làm bằng xi măng, nhia lên tháp, một người lính đang thắp nhang. Có lẽ hẳn cầu nguyện cuộc hành quân này yên ổn để nó có thể về với vợ con. Trong ánh trăng vàng vọt, tôi thấy cả dáng nó nặng nề với balô, súng đạn, tôn nghiêm trước bàn thờ... Tôi cũng đứng nép vào hàng hiên, mắt ngược lên bàn thờ còn nghi ngút khói. Tôi chẳng biết cầu gì nữa. Nếu mọi người ở bên này hay ở bên kia đều cần như thế này, thì súng đạn sẽ vô giá trị. Nhưng tôi cũng nhìn lên lư nhang, cầu nguyện : Trước khi lên trực thăng, xin ngài phù hộ con được bình an.

Tôi trở ra sân đại đội. Bóng những người lính trải dài trên nền đất sỏi. Những vũ khí đã được sắp sẵn. Thằng Đô, hiệu trưởng viên trung đội, đang chửi um lên : Tao vác máy mệt chết cha, mà bắt tao công tác. . Tôi nhủ thầm : Lại thằng này nữa. Những lần đi hộ tống ra Bồng Sơn, với lèo tèo một trung đội, với Carbine với Garant đời xưa, đời xưa.. Tôi phải điên đầu vì tiếng hét của nó ở đằng sau xe : Thiên lôi gọi ông Tạ, anh nghe không trả lời. Rồi nó chửi : Đ.M. nói bắt rất cở, nó lại gác máy. Tôi kiểm soát cấp số đạn được cần thiết. Lại thằng Đô. Sao mày không mang Carbine ? Dạ, mang 2 trái lựu đạn là đủ rồi, thiếu úy. Một trái quăng, một trái để phá hủy máy... Tự dưng tôi thấy cảm động. Tôi đi qua một lượt hai mươi sáu thằng lính đang đứng nghiêm. Mười người Thượng, một người Nùng còn bao nhiêu là người Kinh. Những gương mặt mà tất cả báo chí và đài phát thanh để cao lên tận mây xanh, bây giờ đang yên lặng chờ đợi. Những gương mặt của

muôn màu muôn vẻ, đen thui, đen thui, chưa hề tìm một sự bình yên. Tôi ngược lên tìm lấy hiah bóng rầu rầu của ngọn tháp, dưới ánh trăng vàng vọt của một đêm cuối đông. Đó là hình ảnh của

một người Mẹ, của một cái gì thân yêu. Tôi bảo lính lên xe, sau khi nói một câu vó vắn với viên trung sĩ nhất người Thượng giữ chức Trung đội phó : Chắc mình này chỗ hiểm phải không Trung sĩ ?

Viết khi chờ trực thăng :

Quỳnh,

Đáng lẽ cậu không viết lá thư này cho Quỳnh. Cậu nghĩ rằng những cái khăn mà Quỳnh đã gửi cho cậu vào một ngày cậu học trong trường lính còn đầm nhiều nước mắt của một cuộc chia biệt đau lòng. Những cái khăn và những lá thư năm xưa cậu vẫn còn giữ, dù cậu biết cậu lãng mạn một cách ngu ngơ. Quỳnh hãy tha lỗi cho cậu và hãy coi lá thư này là lá thư chót. Quỳnh hãy tha lỗi cho cậu, vì dù sao cậu cũng là thằng lính đang sửa soạn đi vào chiến trận, đang ngồi trên sân phi trường chờ đoàn trực thăng, đang chịu nhiều hắt hủi nhất của cuộc đời, Quỳnh hãy đọc một lần rồi đốt đi càng tốt rồi coi như không có gì cả.

Cậu cũng vừa nhận được một lá thư của một người bà con báo tin hai bác có ý gả Quỳnh cho một người gia thế. Cậu rất mừng và cậu biết Quỳnh cũng mừng. Đời người con gái chỉ ao ước được như vậy. Trong thời buổi chiến chinh, tìm được người như cậu là một điều bất hạnh. Nhưng trước khi Quỳnh ra đi, về an hưởng hạnh phúc, hãy cho cậu xin một điều là cho cậu xem Quỳnh là một người yêu dấu nhất đời cậu, để cậu mang theo trên con đường vô định nguy hiểm này. Viết đến đây, cậu lại thấy những ngày giá lạnh ở quê nhà, những hạt bắp rang nóng hổi, những chuyện như pháo nổ của cậu, của Quỳnh, và những gì xôn xao khi cậu bắt gặp Quỳnh ở một người con gái cậu yêu mến. Hình như đã sáu bảy năm rồi cậu chỉ đợi đến phút này, cái phút cậu dám viết một lá đề rồi cậu không còn viết nữa, vì Quỳnh sẽ ra đi, cũng như cậu sẽ ngủ yên trong nỗi nhung nhớ. Cái phút người con trai biết rằng mình sẽ mất tất cả, để có quyền nói lên một tiếng. Đã sáu bảy năm rồi, cậu sống trong âm thầm. Bây giờ cậu không thể sống như thế được nữa. Bên ngoài, trực thăng đang chờ quân, và người ta đang đổ về một mục tiêu, trong đó có cậu. Quỳnh hãy thương cho cậu. Đời người bây giờ dễ dàng lắm.

Chốc nữa, ngày mai, ngày kia, hay biết đến bao giờ, cậu sẽ ra đi. Cậu bị quan không, sự thực là thế. Nhưng cậu đâu có sợ, khi đi lính thì mình phải chấp nhận rồi — phải không Quỳnh ?

Những đêm ở trên đồi, cậu vẫn vọng về bờ biển, ở đó ánh đèn vẫn thấp hoai trong đêm. Cậu vẫn nói thầm, Quỳnh đang học bài ở đó, đang mộng mơ ở đó, đang vui vẻ ở đó đáng lẽ cậu nói những nỗi nhung nhớ trong buổi chiều cậu đến thăm Quỳnh, nhưng cậu e sợ Quỳnh bảo cậu lãng mạn có ở trên đồi này, trong nỗi hiu quạnh, trong nỗi cô đơn của những tháp chàm mòn mỏi, người ta dễ sa vào cái lãng mạn yếu hèn này. Thú thật, cậu cố tránh nhưng không thể tránh cậu bây giờ vẫn ngồi đợi từng giờ từng phút. Chẳng biết trực thăng tới hết cậu lúc nào đây. Nhưng trong cái chờ đợi dài dằng dặc này, đôi mắt của Quỳnh, và những ngọn đèn của bờ biển nhấp nháy trong đêm làm sưởi ấm cậu hơn lúc nào hết.

Quỳnh.

Tự dưng cậu ao ước một điều gì thật lạ. Cho cậu bị thương hết sức nhẹ, hết sức nhẹ, để cậu vào quân y viện, mặc bộ đồ xanh và nằm đợi Quỳnh. Cả đời cậu, chưa hề có một người nào đến thăm, an ủi. Mẹ cậu, thì đã đi đâu lâu rồi chẳng bao giờ tìm lại. Chiến tranh đã đẩy bà vào hố thẳm của cuộc đời, cũng như đã đẩy cậu vào con đường không có tương lai như thế này. Quỳnh có đến thăm cậu hay không? cho cậu nhìn được tất cả những gì cậu trù mẩn cho cậu nhìn hạt nước mắt của một người đã lo lắng, thương xót cùng cậu. Nhưng cậu bỗng cười với mình. Lại ủy mị rồi Tân ơi! Thôi đừng nghĩ bậy nữa. Số mạng cậu chắc lớn lắm. Về đơn vị này, mới bắn mấy phát đạn chỉ thiên. Bắn để thử cây M2 có trúng đạn không. Bốn lần vác ba lo nằm phi trường chờ trực thăng để nhảy tiếp viện nhưng bốn lần lại trở về. Vì quân mình thắng trận cả hay vì đại đội cậu hèn.. Nhưng có một điều, trong giờ phút chờ đợi, con người dễ băng khuâng xao xuyến. Cũng như hôm nay, bên tiếng đạn bom vang rền rung chuyển lòng đất, bọn cậu vẫn ngồi đợi từng giờ từng phút. Rán lên các con, đáng cho hăng để tao đừng nhảy. Lính khôi hài nói như vậy. Hay đánh quách rồi về Quy Nhơn hú hí, vào bar liếc uống 33, chứ đợi chờ như thế này chán quá.

Thôi Quỳnh ngủ ngon. Buổi trưa ở dưới đó chắc mát lắm. Cậu lại xách vòng ra tháp ngắm hay ra sân xem phản lực thả bom. Hành quân chuyển này ngon lắm. Địch không giám đương, hy vọng cậu sẽ không lên trực thăng đâu.

Quỳnh,

Có lẽ đêm nay bão Quỳnh ơi. Những trận gió thổi trên đồi làm những mái tôn kêu ầm ầm, Cậu bỗng thêm một liều thuốc, một phòng ấm cúng và một tách cà phê thật đậm để viết những dòng thăm kín trong tim của cậu. Bây giờ thì vắng lặng quá rồi. Cậu sẽ sống bằng nội tâm. Cho phép cậu viết cho Quỳnh với một tiếng thân yêu, tiếng anh. Anh của Quỳnh, người yêu của Quỳnh. Biết bao giờ cậu nói được ý nghĩ này trước mặt Quỳnh, hỏi Quỳnh.

Lại một ngày đã qua. Một ngày chỉ chờ và đợi. Một ngày chỉ ngồi trên đồi nhìn những chiếc phản lực thả bom, những cuộn khói bốc cao và một ngày chỉ nghe trong máy C10 có gắn máy khuếch đại những tin tức diễn biến cuộc hành quân. Cầu trời bình yên. Không khéo chúng tôi đánh mạnh, e mình sẽ nhảy. Thám kich mà. Đi lính này chính phủ cho thêm, ba trăm nữa chứ ít a. Cậu đã nghĩ nhiều về Quỳnh, và nhớ thật nhiều gương mặt hiền từ của người con gái — Quỳnh có thương cậu không? Cho cậu gọi bằng anh nha... Lại lẳng mạn. Cậu lẳng mạn trật đó... Cậu biết thế nào hai đứa cũng xa nhau, như hai chiếc phi cơ trở đuôi ngoài phi đạo vào một ngày đầu xuân năm nào. Ngày đó cậu về SG thì Quỳnh về sứ lạ. Sao ông trời lại cho hai đứa gặp nhau lần cuối rồi lại xa nhau. Người đi về phương này kẻ đi về phương tê. Trời mùa xuân mang theo giá lạnh. Lạnh hồn anh hay lạnh hồn em? Bây giờ, đã hết, cậu sắp mất Quỳnh vĩnh viễn... mất Quỳnh vĩnh viễn...

TRẦN QUÍ SÁCH

Mùa xuân

trên tóc

HOÀNG ĐÌNH

HUY QUAN

buổi chiều như đóm thuốc
người ngồi bên kia sông
đêm tàn như gió lướt
người còn ai đợi không ?

thu mình trong bóng tối
trời đen ngoài không gian
sương mù như đám khói
người buồn như nước sông

đi về trong nỗi nhớ
người còn hai bàn tay
sao trời như mắt ngỏ
người là chim là mây

đây mùa xuân trên tóc
nỗi buồn không ai hay
đêm dài trôi trong mắt
người nằm trong bóng cây

thôi một đời im lặng
có gì hơn hư không
biển trong hồn dậy sóng
chút tình như khói sương

người đêm này thức trắng
rồi mai ngày đi xa
xuân về xin chút nắng
người về thêm thiết tha.

(Một chút đời vui)

thảo mộc gian truân

Thơ TRẦN-HUIỀN-ÂN

Loài đông miên suốt mùa quên gió bắc
Anh cũng quên mùa nắng ấm xuân hồng
Trời phương em có mưa nhòe lất phất
Con đường vàng thơm cốm tết hay không ?

Buổi học cuối năm tàn trên bậc nhỏ
Em xuôi về quê mẹ Vĩnh-long thương
Hay dấu mền dòng sông xanh luống cỏ
Vẫn xa xôi như biển nhớ non Trường ?

Anh ở đây miền Trung cần cỗi tuổi
Ngày đêm tin chiến sự tiếp bay về
Đời trần thủ thời gian buồn biếng đuối
Sương tuần hành khuya lạnh thấm môi tê

Đồn bình lẻ buông rơi ngoài nhịp sống
Súng im rồi trở lại nổi bơ vơ
Người lính gác nhìn chiều mây trắng đọng
Lòng bàng khuâng trái nhẹ nếp mong chờ

Có gì đâu em ! Rào gai thép rỉ
Hỏa châu tàn đom đóm cũng theo bay
Loài dế đại tự đời xưa thủ thi
Đến đời nay câu chuyện cũ nguyên đầy

Cây rừng cao chùng đâm chồi lộc muện
Chiến chinh dài thảo mộc cũng gian truân
Mảnh đời trôi thêm hao gầy ước muốn
Anh thật tình không một ý thơ Xuân

Thành lũy hư vô

truyện ngắn NGUYỄN THỊ HOÀNG

Tôi nốc ba ngụm bia thông thả, đắm đuối. Một ngụm cho cô cô đơn. Một cho tình yêu. Một cho sự chết. Và cầu khẩn được một trong ba điều. Nhưng chẳng điều nào đến, hoặc chỉ đã đến thoáng qua một lần nào đó xa vời, và mất hút vĩnh viễn. Còn lâu lắm một trong những điều ấy mới trở lại, có lẽ là điều cuối cùng, có thể là điều thứ nhất. Không bao giờ điều thứ hai, không bao giờ là tình yêu. Nói vậy chắc chắn không ai tin, tình yêu đã chẳng bao giờ đến trong suốt nửa đời bằng bệnh vô định. Tôi nhìn thẳng vào gương, tìm uống ánh mắt mình trong đó cùng với cảm giác lâng lâng ngọt ngào của hơi bia lạnh ngắt đầu môi, và thấy điều đó thật vô lý. Tôi đẹp, tôi biết, ai cũng biết. Là thằng con trai đẹp, và bây giờ, gã đàn ông đẹp, thật ngang tàng, phảng phất một thoáng lãng mạn âm thầm, ở mái tóc, vầng trán, và nhất là hai con mắt. Hai con mắt vốn liếng của tình yêu, của cô đơn, và đến một lúc nào đó, rồi là của sự chết. Hai con mắt đưa tôi đến gần tôi và nhìn thấy rõ chính mình. Đàn ông soi gương nhiều thật là hài hước. Nhưng sau mỗi chuyến bay xa về, tôi vẫn cố kiểm tìm lại hai con mắt đen mở lớn của mình, bất cứ nơi đâu, trong khung gương lớn của nhà hàng ăn, trong phòng rửa mặt của rạp chiếu bóng, trong kính chiếu hậu của một xe nào bên cạnh thoáng qua. Không có dấu hiệu gì thay đổi. Vẫn nổi buồn đong đưa. Vẫn nổi ngạc nhiên sờ sờ. Vẫn một tìm kiếm xa xăm không người. Chúng nó cứ bảo là tôi diễn xuất. Có ai đâu mà diễn xuất.

Chán ngấy, như phải ăn mãi một món xúp tủy bò, những em chiêu đãi óng ả, lượn lờ như rắn đêm. Không còn ai nữa. Thịnh thoảng là một bóng dáng hành khách mơ hồ. Họ đến và họ đi, với những người khác, thuộc về những chân trời khác. Đôi mắt tôi mất hiệu-lực từ ngày lấy vợ. Vì sao không biết. Trước kia nhìn là một dấu hiệu bắt buộc họ dừng lại, ngã gục trong thuốc mê đắm thắm của hồn tôi. Bây giờ họ lạnh lẽo bỏ đi. Tôi biết là cái nhìn đã trở nên mỗi một. Có riêng gì tôi, mỗi một người trong chúng ta cùng đều nhìn ra ngó mỗi một buồn rầu như thế. Tôi tưởng là vì đời đường bay xa, nhìn mãi những chân mây hun hút nên hai mắt lơ đãng ưu phiền không còn linh động. Tôi chỉ đối trá vô ích với mình. Tất cả chỉ vì Loan. Vàng, Loan, người đàn bà là vợ. Loan không có một khuyết điểm nào, không làm mất lòng tôi bao giờ, nhưng chính điều đó làm ta đứng đưng, khô cạn. Phải cảm thấy người kia sắp sửa bỏ đi để ta tìm kiếm, phải bội đê ta giận hờn, xua đuổi đê ta đón đau, buông rời đê ta níu kéo, xấu xa đê ta khinh bỉ, và tất cả tạo thành một khát khao, một đeo đuổi, một phấn đấu âm thầm nào đó. Loan lại hoàn toàn quá cho nên tôi cảm thấy nhẹ nhõm trống không. Mà tôi thì mong đuổi bắt như ngày trước, tôi cũng phải đuổi bắt hụt hơi đê được Loan. Lần nào trở về cũng thấy Loan bằng con đứng đón ngoài sân bay chói nắng hay dầm dề mưa phủ. Vẫn những món ăn tôi ưa thích làm sẵn ở nhà. Vẫn những âu yếm nâng niu, những níu kéo

vòi vỉnh đó. Nhiều thứ quá nên tôi không thiết tha đến cái gì nữa. Tội của Loan là làm tràn ngập đời sống tôi, trong khi chính tôi lại muốn trùm phủ hết đời sống và tâm hồn vợ. Nhưng tại sao vẫn không cảm thấy cô đơn, cô đơn dịu dàng thân thuộc của những ngày phiêu bồng thuở trước. Đôi mắt tôi trong gương bỗng rung rúc tủi buồn. Tôi cố nghĩ triền miên để tìm quên đây. Quên đi. Không quên được. Cái gì vụn xoắn trong lòng, nóng bỏng thịt xương, ngáy ngất mặt mày. Đứng nhìn về phía đó nữa, đứng. Cố nghĩ tiếp tục cái gì nữa đi. Không thể nghĩ đến điều gì khác. Bồi, cho thêm một bữa ba. Hết rồi à. Sao vậy. À hằng định công. Thôi một bia hộp. Gì cũng được. Hammer's đi. Phải hộp xanh. Cám ơn. Một ngậm hai ngậm ba ngậm, nốc hết, nốc hết lột lẫn tất cả cô đơn, tình yêu và sự chết, tất cả đến dần dần rồi đây. Cái gì, say à, còn lâu, rỗng la-ve mà say, còn lâu. Nhưng sao chong chóng màu đen quay tít. Quay tít những vòng tròn hun hút, dịu dàng. Bão lốc khô khan ùn ùn thổi tới. Hai mắt tôi khép kín, hai mắt tôi mở ra. Và vẫn nhìn về phía ấy. Áo xanh, trời ơi áo xanh sao.

Đó, người ta ngồi đó. Áo xanh xoắn tóc qua bờ má đỏ. Áo xanh chống bàn tay ngón nhỏ lên cằm. Áo xanh chớp hàng mi nhẹ, và áo xanh mỉm cười với khoảng không trước mặt bằng quơ. Có phải khoảng không hay có ai ngồi trước mặt. Hàng cột che khuất mắt chỗ tôi muốn lao mắt nhìn tới. Áo xanh rời bàn tay khỏi cằm, nâng ly nốc một ngậm, cũng bia, cũng hammer's xanh, và cười, ơi khoe môi tôi không thể nhầm lẫn với một khoe môi nào khác, đúng là người, đúng là em phải không người năm năm nhìn thấy lại chiều nay.

Có nên đứng dậy và đi đến không. Tôi một điếu thuốc và thở khói, tự hẹn sẽ quyết định khi hút xong điếu thuốc. Điếu thuốc tàn bao giờ. Em lung linh bên kia bàn, cách tôi một lối đi nhỏ, những dãy ghế chông chênh trống lốc. Tôi đứng dậy và ngồi xuống. Vẫn nhìn qua bên ấy. Làm sao tôi biết tên người để gọi chiều nay, gọi cuồng điên cho năm năm tìm kiếm mịt mù tăm tích. Cho tôi nói. Cho tôi kể. Và cho tôi xin mười ngón tay người rẽ lối tóc đêm. Không bao giờ như thế đâu. Nhưng cho tôi mê mù ao ước. Hãy ngồi lại, đừng xê dịch, đừng bước đi, cho hồn tôi lai tinh trở về. Áo xanh đứng dậy, và rồi cũng như tôi áo xanh ngồi xuống. Và nhìn ra. Cơn đau đớn bàng hoàng êm dịu phủ trùm xuống người tôi như một ngọn sóng thần lặng lẽ. Chúng mình nhìn ra nhau rồi phải không em. Nhìn ra nhau, vì đã đi tìm nhau thắm kín phải không. Thành phố ngoài kia im tiếng. Những tiếng xe chìm xuống hư vô. Buổi chiều phủ phục lặng ngắt trên những hàng cây trụi lá. Nhạc chết ngắt trong đáy ly này, và ào ào vô vàn những mảnh vỡ tới tấp rơi bay của thời gian. Cho năm năm qua không còn. Cho hôm nay là ngày ấy. Và tôi lùi về đêm tối nào xưa tìm áo xanh người.

oOo

Đến một ngã tư đèn xanh, tôi vẫn dừng xe lại, hơi lâu và khác thường. Con đường vắng ngắt phía trước. Gió đêm quạt những chiếc lá lia cành qua kính xe. Rượu nồng và gió lạnh bốc lên tâm trí tôi những ám ảnh vừa buồn rầu vừa nao nức. Người đàn bà hỏi, sao dừng ở đây. Tôi cố ghìm đầu thật thẳng để đừng xoay lại đằng sau, hình như xe có gì trục trặc, để tôi xem lại. Tôi

nói và mở cửa nhảy xuống. Giọng bà ta trong vắt, xe ông nhà vừa mới mua đã hư rồi sao. Tôi nói, xe này của chú tôi, tôi chỉ quen lái xe tôi. Hình như bà ta nói trong nhà nhiều xe thế. Rồi im. Lúc tôi xem xong đầu máy mở cửa bước vào xe, bà ta ngồi lặng ngắt như một xác chết. Hai con mắt mở trừng trừng nhìn lên vòm lá dẽm xôn xao trên kia vũng tối, tay khoanh trước ngực phập phồng, bà ta hỏi, con đường này đi đâu. Tôi cảm thấy nước mắt mọng đầy như nước mưa căng trong không khí ẩm ướt ở giọng nói người đàn bà.

— Về nhà bà, chú tôi bảo đưa bà về nhà.

— Lúc này, anh biết nhà tôi đi đâu.

— Đi với chú tôi.

— Anh dối, không phải vậy đâu, tôi biết, và muốn người khác cũng san sẻ điều đó, anh nói cho tôi nghe đi.

Tôi định nói thẳng thắn là đi theo cô ca-si, nhưng cảm thấy điều đó bần thủ hạ cấp, không xứng đáng để trả lời người đàn bà, tôi nói khác đi:

— Bà cũng quan-tâm đến thế sao.

— Tất nhiên, vì quan-tâm đến việc nhà tôi là quan-tâm đến tôi, tôi cảm thấy bị xúc-phạm, thế thôi. Tôi chỉ đau đớn khi bị xúc-phạm, ngoài ra, mọi điều không có nghĩa gì hết.

— Không đáng cho bà quan tâm

— Định khuyên tôi hay sao.

— Không dám, nhưng tôi không muốn thấy bà như vậy.

— Như vậy là thế nào.

— Chịu đựng tình trạng của buổi tối này.

— Vậy ra cũng có người biết tôi sao.

Nhưng không phải tất cả đâu, chỉ mới một phần, một phần nhỏ thôi.

Tôi nhìn người đàn bà. Hai con mắt trong bóng tối bỗng nhìn lên tôi thẳng thốt nhìn chăm. Và đôi con người dịu dàng lắng xuống, chìm đắm trong một nỗi bồi hồi nao nức. Tôi bỗng nói, hình như tôi có gặp bà ở nơi đâu một lần rồi. Bà ta nói, tôi không nhớ, nhưng hình như vậy. Nhưng trong nụ cười, đúng là người đàn bà đã nhớ ra như tôi đã nhớ ra ngày đi chơi đập nước ở ngoại-ô. Tôi đến tìm thằng em đang làm việc đó, và gặp nàng khi đi ngang một phòng trống đang xây cất. Ai vậy, tôi hỏi thằng em. À, nữ họa-sĩ làm trong ban kế-hoạch, nó nói, ghé gồm lắm, không được đâu anh. Tôi hỏi cái gì mà ghé gồm, nó bảo em thì chịu thua rồi, thành thử không dám nhìn bà ta nữa. Tôi vỗ vai thằng em, vậy thì chú kém quá. Nhưng chính tôi cũng kém quá. Bởi sau đó tôi mất hồn, mất bình tĩnh, đi ngang đi lại trong phòng trống không biết mấy lần để nhìn nàng, nhưng không còn thấy đâu nữa. Cho đến khi đi ra cửa, tôi cảm thấy bị nhún, nhún xoắn lốc theo một cơn gió thơm. Tôi đứng lại và không nhận ra nàng ở phía nào trong xưởng đang xây cất. Xe chạy qua con đường mòn, tôi nhón thấy nàng đứng sau hàng cột lớn trông theo, hai con mắt đắm đắm. Tôi quay xe trở lại, thẳng về phía nàng. Qua lớp bụi hồng ngun ngút của công-trường, hai con mắt người đàn bà sững sờ mở lớn, nhún gửi chăm lắng một nỗi gì nao nức bất ngờ. Chúng tôi nhìn nhau, lâu, thật lâu. Và tôi lái xe đi ngay, không hiểu sao. Hai con mắt người đàn bà ám ảnh trên suốt đường về, trên suốt những bước thời gian tôi đi qua sau đó. Đôi mắt đã tìm thấy một điều gì đó lạ lùng kinh ngạc sững sờ, và đồng thời, tuyệt vọng vì điều gì đó ở trong một khoảng

cách vô-biên. Hai con mắt nòng nân và đau đớn. Những chuyến bay xô đẩy tôi xa thành phố, và đêm nay đôi mắt mở lớn âm thầm trong xe tôi.

- Tôi đã nhận ra bà.
- Tôi cũng vậy.
- Bà ra ngồi đằng trước này.
- Không, nhất định không.

Chống đối với chính mình đấy phải không, tôi định hỏi, nhưng người đàn bà đã yên lặng mở cửa xe, ngồi đằng trước, bên cạnh tôi. Tôi mở máy xe, quày trở lại con đường tối vắng cũ.

- Hãy đưa tôi về.
- Vâng, nhưng trước đó, nên đi một vòng cho mát.

Ích gì đâu, hoặc trở về, hoặc đi thật xa không bao giờ trở về, cả hai đều không đn. Nhưng phải rồi, nên đi trước khi trở về, dù chỉ là một đoạn đường.

- Sao hôm đó bà nhìn tôi.
- Anh giúp tôi nhìn rõ đời sống tôi.
- Không dám.
- Thật đấy mà, tôi nhìn thấy anh và nhận ra mình đi lạc đường, bao lâu nay. Người nào cũng có một lúc cảm thấy thế. Dù sao tôi cũng xin lỗi, nhưng tôi quá nặng lòng với ngày cũ, và anh đánh thức ngày cũ của tôi, anh biết không. Anh còn nhớ con đường đầy hoa ăng-ti-gôn trắng, và tiếng hát trong đêm trăng..., tiếng động sau vòm lá.

- Đúng là bà phải không.
- Tôi đến ở cạnh nhà anh từ lâu, dạo ấy, anh không biết, anh đàn cho cô gái kia hát.
- Bà theo dõi tôi hồi đó?
- Tôi chẳng có quyền đó sao.
- Nhìn trộm kẻ khác.
- Tôi không nhìn trộm, ngang nhiên

là khác, nhưng anh không thấy, vì nhìn đi nơi nào thế thôi.

- Vậy ra chúng mình là người quen.
- Phải, những người quen rất xa lạ, và cách biệt bây giờ.

Con đường đi đến đâu rồi tôi không biết. Phía trước chỉ còn một vùng sáng tròn lơ mờ của đèn xe. Tôi tắt đèn.

- Tự nhiên tôi ghét tôi lạ lùng.
- Nghĩ bậy.

Hai tiếng buông ra không suy nghĩ lựa lời gieo vào chúng tôi âm thanh thân mật đến bàng-hoàng rợn người. Mùi thơm ngây ngất của mái tóc người đàn bà trong vòm xe tối phải lên tâm trí tôi phiêu bồng lãng đãng cảm giác ray rứt xôn xao không tên. Tôi cảm thấy người đàn bà nhìn tôi, đắm thắm và nòng nân trong bóng tối, như choáng ngợp trước một trời pháo bông vừa rục sáng. Tôi chỉ cảm thấy và không nhìn lại. Cảm thấy do một linh-giác nhạy bén, đến rồi trong đám đông, mỗi lúc bị nhìn, tôi có thể quay lại và tìm ra phương-hướng của đôi mắt đắm đắm nào đó. Nhưng phút giây tôi tiêu tan, tiêu tan hoàn toàn, chỉ nghe một vầng mây ảm lan dần, bủa vây thân thể, và tất cả những hơi rượu nồng của bữa tiệc vừa tàn buổi tối xông lên bát ngát trong đầu tôi hừng hực nóng. Và tôi nghiêng người qua bên cạnh. Tiếng người đàn bà mơ hồ xa tắp.

- Chúng mình đi đâu đây.
- Cuối cùng của một con đường tưởng tượng.
- Sau kia nút đường là gì.
- Hòa-ngục hay thiên-thai.
- Chúng mình đến đâu.
- Nếu tìm đến thiên-tha sẽ rơi vào

hỏa-ngục, và nếu chịu đựng hỏa-ngục sẽ tìm thấy đường về thiên-thai.

— Tôi chọn đường thứ hai. Hỏa-ngục ở đâu.

— Ở đây.

Tôi nghiêng mặt xuống vũng tối lờ mờ không phân biệt ảnh hình màu sắc trong tầm mắt ngất ngây mờ mịt. Ngón tay tôi vẫn vờn quanh đôi môi nóng bỏng của người đàn bà. Hơi thở nàng thơm như sương khuya tỏa ngát từ một cành ngọc lan trắng nõn. Tôi không biết tên anh, muốn gọi, nhưng hãy đừng nói cho biết. Hình ảnh là hình ảnh, chắc không tên nào đúng là tên anh. Còn bà, tôi hỏi. Tôi cũng vậy, hãy quên tên, nhưng danh-từ riêng vô nghĩa, không diễn tả được gì. Vậy bà mặc áo gì. Anh không thấy màu áo tôi sao. Không, tôi chỉ thấy màu con mắt bà. Áo xanh. Áo xanh như buổi chiều ở công trường đó sao. Vàng, dấu hiệu để anh nhìn thấy tôi. Gió khuya thả vầng tóc nhung của người đàn bà xuống bờ vai tôi nặng nề ám ảnh về Loan.

— Xin đưa tôi trở về, trở về thật nhanh.

Tôi lao vút xe vào khoảng đường tăm tối cũ. Tôi rẽ rời nghĩ đến chuyến bay ngày mai. Đến Loan đêm nay ở nhà. Đến người đàn ông chờ người đàn bà trong căn phòng quen thuộc nào đó. Đến những ảo tưởng mong manh của một đời người nổi trôi vô nghĩa. Đến những đuổi bắt không đâu. Những sót xa kiếm tìm. Những thao thức nhớ mong. Đến tất cả những vẻ đẹp bất ngờ chợt đến chợt đi không báo trước. Rồi sẽ chán ngấy hơn khi trở về cuộc đời, trở về nhìn hai con mắt tôi, sau mỗi chuyến bay, sau mỗi đời thay, mỗi tình cờ gặp gỡ. Tại sao

bắn khoăn. Tại sao xếp đặt cho thật đẹp, tất cả, tất cả. Tại sao không liêu linh, không khí phách, như lệ thường. Tôi đang mất thăng bằng hay tìm lại thăng bằng cho đời sống từ buổi tối nay. Chúng tôi, tôi và người lặng cầm ăn năn vô lý bên cạnh chỉ là những kẻ đói khát hạnh-phúc, những kẻ tìm kiếm rất cô đơn. Tôi tìm ra em. Và em cũng đã tìm ra tôi, nhưng sao ta xa cách nhau thắm thắm nghìn trùng. Tại sao, tại sao. Trong câu hỏi vẫn bao hàm muôn nghìn câu hỏi. Tôi chỉ có thể giải-đáp nếu phút giây ảo-ảnh vừa rồi, tôi ghé xuống môi em, ghé xuống đời em. Nhưng chúng ta đã thả trôi giây phút thiên-thu đó. Như thả một chiếc lá theo dòng chảy xiết, gieo một giọt nước vào biển cả vô cùng. Tất cả đã đến, chỉ một lần, và đã chìm tan. Cái gì làm mỗi chúng ta phải loay hoay khổ sở tuyệt vọng kiếm tìm cái ngoài đời ta hiện có. Tôi hiểu và tôi quất quay vì hiểu tại sao em tìm kiếm hai con mắt tôi buổi chiều nắng cát công-trường. Vì sao buổi tối này em gục đầu trong hai tay giữa tầng bùng yếm tiệc. Vì sao người đàn ông bỏ đi và em đứng đưng. Vì sao em bỗng vui bỗng buồn. Cũng như tôi hiểu từng nỗi niềm riêng-tư thầm kín của mỗi người ở đó. Hiểu vì mỗi một người đều phải đi qua đường đời mình với chừng ấy cảm-tình, tâm-trạng, đau khổ hay sướng vui. Tôi đã đi qua rồi, đi qua khắp cùng rồi nên tôi hiểu đó em. Hiểu là người đàn ông yêu em nhưng vẫn kiếm tìm một cái gì thấp kém và xa lạ để đổi thay cảm-giác, đúng hơn là không khí ngục-tù hôn-mê của đời sống đã quá cũ mòn. Hiểu là ông linh-mục trang-nghiêm điềm tĩnh mỉm cười bao dung nhìn đám thực khách, nhưng trong lòng cuồng điên nấu nung muốn chết,

muốn chết chỉ bởi ý tưởng nọc độc là đời sống quá tội-nghiệp đáng thương đã dung chứa những con người nông nổi, tầm-thường, hưởng thụ ngu ngơ và sung sướng ngốc nghếch, bởi thấy mọi sự ngay cả hy-sinh, khổ-hạnh, tất cả mọi hành vi cứu rỗi đều chỉ là hạt muối thả vào dòng nước biển sâu, những bài kinh không làm nguôi dịu những tâm hồn điêu đứng. Và chân-lý mặt trời cũng không sáng tỏ bằng một miếng ăn ngon, hay một nụ cười chuỗi chuỗi của gái đêm. Mọi sự thực tình đã đảo lộn hết ngôi-vị và tính-chất rồi. Những nếp nhăn, những vết thương xâu xé sau vầng trán căng đầy của ông linh-mục, không ai biết không ai thấy. Bởi ông ta là kẻ lạ trong đời, luôn luôn là kẻ lạ cô đơn trong xứ đời huyền ảo. Bởi ông ta hòa đấy nhưng chẳng bao giờ đồng, và ông ta, cũng như mỗi người trong chúng ta, đều có hai con người riêng biệt chống đối vừa quay lưng nhau vừa thỏa-hiệp bắt tay nhau, một cho riêng mình, và một cho cuộc đời đối diện, cho những hiện tượng bên ngoài. Hiểu là tên nhà văn nhân nhỏ, vừa khinh bỉ bám víu lấy vẻ lệch lạc khó coi của bữa tiệc đời quá muộn. Hắn muốn bỏ đi mà không thể dứt lìa những hệ-lụy xung quanh. Hắn muốn chửi rủa nhưng phải tươi cười chúc tụng. Cho nên hắn chịu đựng thường-xuyên một bi-kịch phức-tạp trong lòng. Hiểu là ông bộ-trưởng cố tìm những câu hài hước để lấp đầy khoảng trống không trong lòng và trong đời. Khoảng trống tạo ra bởi một tình yêu biến mất và một xác chết vùi chôn. Ông ta đón đau thường-trực nên phải tươi cười không dứt để gượng gạo với đời. Ông ta móc nối vô vọng, bằng sự hài hước và tiếng cười ung dung của

minh, những người đối lập xa cách với nhau, và dẫu lối chính mình về với đám đông rạc rời ngao ngán. Hiểu là người con gái mê tình-nhân và đồng thời cũng có thể thồn thức vì một vẻ hào hoa nào khác. Cho nên khi rót rượu vào cốc của người tình, nó vẫn không quên chạm nhẹ tay mình vào vai áo của người kia. Tất cả là một thảm-kịch, và em lạc loài trong thảm-kịch đó, suốt một buổi tối suốt một đời còn. Tôi xa lạ, tôi bên ngoài, và hai con mắt em đã viết chúc-thư vào hai con mắt tôi trao gửi hết tâm hồn cô quạnh. Cho nên tôi đã tìm cách đưa em về. Tìm cách đưa em đi, tách rời trong khoảnh khắc khối không-gian đặc quánh của tru-phiền quen thuộc đến không còn nhận ra, để nhìn thấy tôi, nhìn thấy em một lần, trước khi ta có thể nghỉ, vĩnh viễn từ đây, trong tâm hồn, tôi có em và em có tôi. Đó là hạnh phúc mỏng manh, là niềm an ủi thăm lặng cuối cùng, ta không thể phá cho tan hoang những ngày còn lại, cho nên trong một khoảng cách hỏa-ngục dày vò, mỗi anh đã ngừng trên bóng môi em. Nếu không sau đó, bờ đê sẽ vỡ, con lụt sẽ tràn, và đồng bằng ngày tháng ngày mai sẽ không còn xanh thắm nữa. Nhưng như thế là anh đã buông tay. Mai anh đi rồi. Đi thật xa và không biết bao giờ về. Sẽ phải bỏ máy bay một thời gian. Đi vì không thể sống mãi với Loan, và vì vậy, cũng không bao giờ còn gặp lại em. Rồi em sẽ trở về đời sống đó. Đời sống sẽ dàn bày đầy đủ trong bữa tiệc buồn đêm nay.

— Mai tôi đi xa.

— Sao lại mai mà không một ngày khác.

— Mọi chuyện đã sắp đặt như thế, tôi cũng không định.

— Thế cũng may...

— Nếu mai tôi chưa đi, bà cho phép tôi gặp lại không.

— Không. Tôi không cho tôi gặp lại anh đâu.

Bà chọn đường đi từ hỏa-ngục đến thiên-đường.

— Không chọn, nhưng đành vậy, như thế này biết đâu là thiên-đường đến hỏa-ngục. Ngày mai chẳng phải là hỏa-ngục sao. Sắp đến nhà tôi rồi, anh cho quẹo trái, đấy, cách ngã tư một quãng. Anh nghĩ gì nãy giờ.

— Bữa tiệc, và bà trong bữa tiệc.

— Tôi sao.

— Bà lạc lõng, kiếm tìm, và tìm thấy.

— Tìm thấy ở đâu anh.

Tôi ngừng xe dưới một bóng cây không có đèn đường canh giữ, buông tay lái, nín lấy bờ vai quấn vầng tóc thơm. Đêm im ru ngủ môi tôi trên môi nàng mận nồng nước mắt thăm trời.

oOo

Bỗng bùng cháy lên trong tôi một ngọn lửa kỳ dị giây phút đó, khi tôi nhìn thấy anh ở bàn bên kia. Tôi cố nghĩ không phải anh đâu, mà một người khác, bởi bao nhiêu năm nay tôi chỉ sợ hãi mỗi một điều là còn nhìn thấy lại anh một lần đâu đó. Bởi chỉ cần nhìn thoáng thấy anh thôi là tất cả sẽ phục hồi trong tôi, và tôi sẽ phải chọn lựa, dứt khoát chọn lựa. Hoặc ở lại đời sống này hoặc bỏ đi. Bởi vì anh là gương trong phản-chiếu cho tôi nhìn thấy những sự thật buồn rầu tương-phản. Xin lỗi tôi đã tìm đến làm phiền và khuấy động yên lặng chúng mình đã ngấm ngấm thoả thuận giữ gìn, kéo dài. Nhưng tôi không thể

ngừng lại được nữa khi ngọn lửa kỳ dị đã cháy lên. Nhưng tôi chỉ đến thăm rồi lại về, tôi không chọn lựa, không bỏ đi đâu cả. Đời sống đã mọc rễ trong hoàn cảnh cố định, và tôi sẽ cố gắng hoàn thành những ngày còn, như một kẻ tu hành phân vân giữa thế-tục và đức-tin, đã chọn lựa phần khỗ-hạnh.

Buổi chiều mùa xuân phủ nắng hồng non lên bờ cây đường phố. Tôi ngồi yên nghe người đàn bà nói, nói một mình. Những âm thanh trơn tuột ra khỏi chú ý tôi. Lại nổi mỗi một không đâu ùn ùn như một tầng mây đen kéo đến phủ trùm. Sự mệt mỏi khước từ tất cả cả những hình thức phức tạp và những vấn đề rắc rối của đời sống. Người đàn bà ở trên bờ vực, sắp sửa buông tay, như tôi ở trong lòng trời ngày hôm trước, không hiểu vì sao cũng đã muốn buông tay. Nhưng rồi cả nàng, cả tôi, cả mọi người đều biết dừng lại đúng lúc. Và vì thế mà lần thân, vô nghĩa. Người đàn bà đã tìm đến, sau buổi chiều nhìn thấy tôi ở nhà hàng. Tôi đã cuồng điên muốn kiếm tìm cho thấy áo xanh. Nhưng khi nàng tìm đến, tôi không còn cảm thấy gì hết, ở người đàn bà, ngọn lửa cháy lên chỉ để rơi xuống trong tâm hồn bình yên những tàn tro lá tả. Khoảng không-gian cách trở chẳng còn, chúng tôi đã nối liền và vì vậy người ta mất nhau, đúng hơn là không còn cảm thấy thích nhau. Ở mắt nàng nhìn tôi, và tôi nhìn nàng đã tố cáo điều đó. Không còn ánh sáng rực rỡ của sựng sốt ngạc nhiên và nồng nàn của hôn xao rung cảm. Sự quen biết, và tệ hơn, sự gần gũi cố ý đã giết chết ảo tưởng mong manh về người đối diện suốt nhiều năm đeo đuổi không ngừng. Nàng đòi ra phố ngồi với tôi, thật ngang nhiên để thử tìm lại xem cảm

giác bồi hồi trong cách ngắm nhìn thấy nhau hôm nào ở nhà hàng còn không. Bây giờ chúng tôi đứng đưng nhìn nhau. Con mắt không còn gì hơn là hàng mi đen dài vây quanh một khối tròn màu đen màu trắng ướt át. Tiếng động bàng hoàng, tiếng kêu thất thanh trong xương tủy đã chìm lắng xuống dần dần. Và chúng tôi đã trở lại là những người lạ, những kẻ phũ tay vô ơn đi ngược chiều nhau xuống con dốc đời bây giờ lạnh lẽo không cùng.

Mùa Xuân trở về hấp tấp trên những tà áo mới của hè phố đông chủ nhật. Nhôn nhao những bọn người nao nức kiếm tìm niềm vui, hẹn hò, rủ rê may, bắt ngờ, tình yêu, hạnh phúc. Họ tìm thấy ở nơi đâu không. Họ đi như vôi vàng sợ đến trễ một cuộc lễ tung bưng độc nhất trong đời ở cuối con đường, như chúng tôi cũng đi và cuối đường không có gì hết. Nhưng họ say mê đi tới, say mê mù quáng đến tội nghiệp. Mỗi người giành giật lấy hạnh phúc tối thiểu trên hè phố. Đứa con gái diêm dúa kẹp tay hí hờn một người lính đồng minh. Thằng nhóc con cúi đầu bồm xồm xuống má hai con

nhóc con tán tỉnh liên hồi. Mụ đàn bà quá tuổi phấn son loè loẹt cổ gò lấy một dáng đi dịu dàng. Tên đàn ông hấp tấp nhào lên xe hơi cửa mở đeo đuổi một áp-phe. Người vợ mang hai mỗi một đi cạnh người chồng lính áo quần lếch lác nhuộm đầy bụi đất. Bọn sinh-viên sĩ-quan hối hả qua lại, muốn mua thật nhiều với số tiền thật ít, muốn hưởng thật đầy phần thì giờ mong manh, để có thể mang về quân-trường tất cả phố phường reo vui chiều chủ nhật. Để cuối cùng những chiều chủ nhật như thế là bãi chiến trường... Và tôi, và em ngồi đây nhìn ra sự sống chênh vênh dần trôi bên ngoài trong khi chiều dần dần xuống, khoả lấp những hy vọng cuối cùng, và một ngày khác sẽ mọc lên, như một nắm mồ mới. Tất cả những thứ ấy, giả tạo, mong manh, thương tâm, kỳ cục, sống sượng, hài hước đang diễn hành qua hè phố đó em, như tất cả những trạng-thái đó đã chảy trôi qua tâm hồn qua, bao nhiêu năm nay, từ khi con mắt em nòng nọc kêu gọi lòng anh, để dù sao cũng đã xây đắp nên thành-lũy hư vô cho đời sống buồn rầu.

NGUYỄN THỊ HOÀNG

Nhà may

BẮC HẢI

Tốt nghiệp tại Ba-lê

778 Phan Thanh Giản Saigon

Chuyên may Âu phục

Hợp thời trang — Giá phải chăng

BAY MAU AO

bảy bài thơ

1

Màu áo THƯ SINH

*Màu áo thi nhân trinh trắng
Trắng pha tà áo Thư sinh
Là một bài thơ Bấy tuyền
Trắng tinh một tấm ân tình
Đôi bờ mộng trắng đêm đêm trắng
Thương nhớ buông dài tuổi tóc xanh*

2

Màu áo XUÂN HỒNG

*Màu áo Xuân hồng năm mới
Hồng pha đôi má xuân hồng
Là một bài thơ Nguyên đán
Hoa đào mừng tuổi gió đông
Mỗi mùa xuân đến mùa xuân thắm
Xuân thắm hồng thêm tết nhớ nhung.*

3

Màu áo SINH NHẬT

*Áo tím tươi màu Sinh nhật
Tím pha màu tím hoa cà
Là một bài thơ Khiêm tốn
Nếp mình thẹn nguyệt nhường hoa
Tuổi thơm sữa ngọt dòng năm tháng
Buộc lại thời gian giải trã lạ.*

Màu áo HỒ THỦY

Màu áo biếc xanh Hồ thủy
 Xanh pha ánh mắt gương hồ
 Là một bài thơ Mộng ước
 Bên hồ vốc liễu tương tư
 Bờ vai áo dệt văn thơ tóc
 Cho đậm thêm màu xanh tuổi thơ.

Màu áo MÙA SON

Màu áo Mùa son phượng nở
 Son pha bút diềm ngòi son
 Là một bài thơ Mỹ mãn
 Cửa son cảnh quế trắng tròn
 Áo xanh nô nức đường hoa rộn
 Nhìn phấn hồng gieo bước mẫu đơn

Màu áo DÂN TỘC

Màu áo nền vàng Dân tộc
 Vàng pha bông lúa chín vàng
 Là một bài thơ Đất nước
 Đất giàu sang nước giàu sang
 Lúa vàng tà áo nàng thôn nữ
 Tà áo thư sinh chữ quyền vàng

Màu áo THANH BÌNH

Màu áo Thanh bình xanh ngát
 Xanh pha màu trái thiên thanh
 Là một bài thơ Lý tưởng
 Gió hòa mưa tạnh mây lành
 Minh châu ngời dịu vồng nam hải
 Cao vợi trời Thơ nhạc thủy tinh.

NHẤT PHIẾN BĂNG

KHI MÙA XUÂN TỚI

Tùng thong thả bước vào. Cả nhà đã ngồi quanh mâm cơm. Văn đang so đĩa, xếp bát. Cụ Trùm ông vừa rót ly rượu thuốc vừa nhìn Tùng, vui vẻ.

— Sao cậu giáo hôm nay về trễ vậy?

Tùng cười, không trả lời, anh đi thẳng lên gác. Tùng đặt sách, tập bài lên bàn, anh dơ tay với chiếc khăn mặt ở đầu giường, thong thả trở xuống. Trong mọi động tác, bao giờ Tùng vẫn có vẻ thư nhàn. Mặc dù nhiều hôm về muộn hơn, cả nhà đang dùng cơm, Tùng vẫn giữ một mực độ như vậy. Đã có lần Văn cười về tính ấy Anh nói với Tùng.

— Người ta bảo số những người như cậu nhàn!

Tùng trở vào trong nhà, mọi người đã cầm bát đĩa, ăn cơm. Tùng ngồi xuống cạnh Văn, Văn hỏi câu hỏi từ nãy của cụ Trùm.

— Sao về muộn vậy?

— Cho tụi nó làm bài, tụi nó đòi thêm giờ!

Văn cười.

— Tụi này đang mong ông về. Đến hỏi thăm thằng học trò vừa bị chết đuối.

— Thằng nào vậy?

— Thằng Yên ở ấp Tin-Lành Chiều nó bơi qua sông bị chết. Tụi học trò vừa nói chiều nay. Tôi hướng dẫn lớp

nó, tới thăm một chút. Có đi không?

Tùng và một miếng cơm lớn vào miệng. Anh không đáp Thằng Yên chết đuối. Trong một ngày sự mong mỏi trở về tỉnh át tất cả những điều xảy ra không liên hệ tới hình ảnh anh đang nâng niu, thằng Yên chết, điều ấy không làm Tùng xúc động, anh chỉ thấy hơi bất ngờ, Tùng thong thả trả lời:

— Để xem có đi được không, sợ tổ nay bận..,

Buổi tối khi Văn đi rồi, Tùng ở lại nhà, anh biết rõ là mình không hề bận. Tùng nói với Văn:

— Cậu đi đi. Tôi còn phải chấm bài, trả cho xong trước Tết.

Văn đi được một lát. Tùng có dở tập bài buổi chiều, xem qua loa, nhưng anh gấp cả lại, lấy thuốc hút, xong anh ra ngoài lan can ngồi vơ vẩn. Tất cả những cử chỉ vụn vặt đó hình như chỉ để đè nén sự xao động trong lòng anh suốt buổi chiều, đè nén không vì muốn làm yên ắng sự xao động, nhưng chỉ để sự xao động tới một cách tự do thích thú hơn. Những cử chỉ vụn vặt của Tùng giống như một người sửa soạn hút thuốc lão, kể cả rót ly nước, vẩn vơ điều thuốc, bẻ đóm lách tách, chữa lại thế ngồi, tất cả chỉ một mục đích tăng thêm khoái cảm khi lim dim mắt thở khói trắng ra khỏi miệng

Hiện tại đang lim dim với hình ảnh của Cúc, Tùng cũng tỏ ra tiết kiệm, anh dè dặt dè dặt hình ảnh chạy trong đầu dè dặt như một người ăn dè, nhắm nháp miếng đi xanh với ly rượu trắng.

Sáng thứ hai Cúc về, hôm nay là thứ bảy, có thể tối nay Cúc đang sửa soạn hanh lý. Trong nhà Cúc, nàng đang gọt gọt sấp từng thứ một vào chiếc va ly màu cà phê sữa nhạt lấm tẩm nâu, chiếc va ly, Tùng đã trông thấy, khi Cúc xách từ Sài-gòn trở lên, vào hai tháng trước. Sáng mai, chủ-nhật, Cúc sẽ ra chợ mua quà, mang về Saigon. Tùng lang thang ngoài phố, thế nào cũng gặp. Chỉ sợ Cúc đi với bà cô, Tùng sẽ không có dịp nói chuyện nhiều. Nhưng nếu Cúc đi với đứa em họ, anh sẽ tự nhiên hơn. Anh có thể mời Cúc đi ăn kem, nói vài câu chuyện trước khi từ biệt. Lòng Tùng rộn ràng mà se sắt, vẫn giống như là bụi cây dại trong mùa thu khi có cơn gió thoảng qua..

oOo

Hai cánh đồng thẳng tắp ở hai bên quốc lộ cánh đồng đã nờ mờ tối, không còn phân biệt rõ được màu sắc. Nhưng cây cỏ cao vạc những đường đen trong không gian lay động. Dãy núi xa, sát chân cánh đồng chỉ còn là một bóng đen thẫm Chắc ở trên đó có nhiều người đang ăn nấp. Văn rảo bước, trời đã tối hẳn, Văn không còn thấy rõ được cảnh vật. Quên mang chiếc đèn pin vào trong ấp, trời tối đường lại trơn, không khéo bị ngã. Lúc anh khởi hành trời còn sáng, Văn không quan tâm. Văn bước mau hơn. Anh tần ngần đứng trước con đường đất, mắt cố gắng nhận xét xem có hai bờ mương bên cạnh đường không. Nhà thẳng Yên, anh không biết, anh sẽ tới nhà thẳng Khanh

hỏi thăm. Hai đứa ở cùng xóm.

Văn gõ cửa đã ba lần. Không nghe thấy tiếng trả lời, không thấy có ai mở cửa. Trong nhà một ánh đèn leo lét. Văn thất vọng anh chưa biết tính sao. Anh đang tìm thử một cách khác để tới nhà Yên thì chợt nghe thấy tiếng bát đĩa đụng vào nhau ở tận sau nhà. Nhà Khanh đang ăn cơm. Văn rút thuốc rạ hút, chờ. Anh ngàng nhìn dãy núi trước mặt, dãy núi chạy dọc suốt quốc lộ. Trời đã tối đen. Dãy núi sừng sững, nguy hiểm đe dọa. Xung quanh anh không một bóng người; Những dãy nhà rải rác quanh đó cho tới sát chân núi mỗi lúc một cao hơn. Từng ánh đèn thoi thóp. Văn không nghe thấy tiếng động nào từ các nơi ấy vang lên ngoại trừ tiếng ếch nhái và tiếng dế kêu rì rả. Văn đối diện với sự sống im lìm. Văn đứng dựa vào một thành cột anh thở khói thuốc, mắt ngược lên trên nền trời. Bầu không gian chung quanh anh bao la quá, Văn không có cảm giác lạc lõng, cô đơn, ngược lại anh còn dễ chịu thoải mái. Giờ này ở Saigon, tụi em anh đang đọc báo. «Tụi nó đâu biết mình đang đứng giữa bầu trời xa lạ này, ý nghĩ trôi nhẹ như một con thuyền chắc tụi nó tưởng mình đang ở tỉnh, chăm lo việc học.» Ý nghĩ vô tình ngừng lại tầm mắt Văn lại chạm vào dãy núi trước mặt. «Mọc hành chó gì được. Ở trên núi nhiều người đang ăn nấp...»

Có tiếng cửa kẹt. Văn giật mình. Người ở trong nhà, đúng hơn, đứa nhỏ, cũng giật mình lùi lại. Nó gọi lớn :

— Má ơi ! Có ông nào đứng ở đây này.

Một cái đầu người đàn bà lộ ra. Văn cười :

— Thưa bà, tôi muốn hỏi em Khanh.

Mẹ Khanh :

— À, Thầy giáo. Xin mời thầy vào chơi.

Văn bước qua cánh cửa.

— Em nó vừa chạy đi chơi, để tôi sai cháu đi gọi! Mời thầy ngồi uống nước đã.

Văn vừa ngồi xuống đã đứng dậy.

— Bà để em đưa tôi đi tìm Khanh được rồi.

Mẹ Khanh nài nỉ :

— Chẳng mấy khi thầy tới nhà. Mời thầy ở đây xơi nước đã.

Văn nghĩ « và dùng ít hoa quả... », sự thật tâm tới độ cảm động. Bao giờ vào nhà một học trò Văn và Tùng cũng được mời ăn, mời uống. Chối từ là cả một khó nhọc. Văn lấy cớ phải về sớm không ở nhà đóng cửa, anh xin phép được đi ngay cho kịp. Mẹ Khanh nài nỉ thêm vài lần nữa. Văn làm theo ý nghĩ.

Nhưng khi Văn vừa bước ra cửa, anh đã thấy một tiếng reo : Thầy ! Bỗng một thằng nhỏ không biết từ trong khoảng tối nào bỗng xuất hiện, hai chân nó nhẩy căng lên, băng qua những lùm cây thấp.

— Thầy tới thăm em hả ?

— Nhờ cậu dẫn tôi tới nhà Yên, tôi được tin nó chết đuối chiều nay.

Đứa nhỏ không để ý gì tới lời nói có thể làm nó thất vọng. Nó dơ tay chỉ lên một chiếc nhà ven sườn núi :

— Nhà Yên kia kia. Chút em dẫn thầy lên. Thầy vào nhà chơi đã !

Văn nhắc lại lời nói từ chối máy móc. Anh đòi đi ngay.

Thằng Khanh dẫn đường. Chân nó thoăn thoắt bước qua những mô đất

trơn. Bàn chân của nó làm cỏ dạt xuống, trong khi đó Văn đang còn lúng túng với đôi giày và chiếc quần mới thay, Anh cố bước cẩn thận, năm đầu ngón chân cố quặp lại để mũi giày bít xuống đất. Anh chọn chỗ không có cỏ cao để quần đỡ lấm. Thằng Khanh kêu lên :

— Thầy đi vào chỗ cỏ, không có ngã đó. Trơn lắm.

Giọng nói trợ trợ Quảng-Nam của nó đã biến hẳn. Vào đây lập nghiệp sống gần với những người Bắc, nó phát âm giống như tụi bạn học. Chỉ còn chữ « ngã » lơ lơ như chữ « ngả ». Đường quá trơn, Văn không còn giữ gìn được nữa. Anh bước bừa lên, ống quần anh và cẳng chân bắt đầu thấm lạnh. anh nói với Khanh :

— Dơ hết quần rồi !

Khanh cười hể hể :

— Không sao thầy. Thầy để em giặt cho thầy !

— Dạo này, nghỉ học rồi hay sao ?

— Rồi thầy !

— Sao không đi học nữa ?

— Nhà bạn quá xá! Bố em bảo sẽ cho đi Phan-Rang học.

— Sao không ở đây phải đi xa vậy ?

— Ở Phan Rang, em có bà con quen học sướng hơn. Ở đây chán thấy mồ !

Thằng Khanh dẫu đầu, hờ dẫu. Nhà nó bạn làm sao kêu là rồi, đi Phan Rang học được. Hình như ông bố không muốn cho nó thất vọng nên khi nó nghỉ học, ông tuyên bố bừa một câu :

— Rồi hết tháng này, tao cho mày ra nhà Thím Tư học.

Nó cũng biết đó là lời tuyên bố tương tự như lời tuyên bố của mấy ông chính khách hiện tại. Nhưng dần dần nó

cũng cứ bám vào lời nói đó để tự an ủi.

Con đường dẫn lên trên những khoảng đất cao hơn. Có tiếng nước róc rách. Khanh quay lại :

— Thầy coi chừng đó. Có cầu đây này !

Văn vượt qua hai cây gỗ ghép bắt ngang một dòng suối nhỏ. Dưới chân cầu chỉ có tiếng động, không nhìn thấy nước đâu.

— Gần tới rồi thầy ! Nhà Yên kia kia !

Khanh dơ tay chỉ một ngôi nhà biệt lập. nó nói tiếp :

— Văn chưa kiếm thấy xác nó thầy.

Câu chuyện Yên chết đuối, học trò đã kể lại, Văn không muốn hỏi thêm. Hai thầy trò lăm lăm bước. Lát sau hai người dừng trước một căn nhà, vách đất lợp tôn. Trời tối Văn không phân biệt được cảnh xung quanh nhà. Trong nhà, qua chiếc cửa mở, Văn trông thấy bóng một người đang nằm phục trên một chiếc chiếu. Tiếng nói chuyện rì rầm. Thằng Khanh nói nhỏ :

— Bố Yên đó !

Văn theo thằng Khanh bước vào. Một chiếc bàn kê sát vách khuất tầm mắt nhìn ở ngoài vào. Trên một hàng ghế dài ở trong, có hai người đàn ông đang ngồi nói chuyện. Văn chào. Khanh nói :

— Đây là thầy giáo tới hỏi thăm.

Văn ngồi xuống chiếc ghế, đối diện với hai người nông dân lạ mặt. Cả hai đều là người Quảng-Nam giọng nói trọc. Một người cất tiếng :

— Nay anh Ba, có thầy giáo tới thăm.

Người đàn ông đang ở thế nằm phục, từ từ ngồi dậy, ông ta sắp chân bàn tròn,

xoay về phía Văn. Cặp mắt rầu rĩ, dưới ánh đèn càng thêm tối tăm. Cử chỉ của ông giống một hiệp sĩ Nhật trong những phim ảnh. Ông đứng dậy, ngồi vào chiếc ghế trống cạnh hai người từ nãy. Cặp mắt của ông vẫn rầu rĩ. Văn không dám chắc là chúng ta đang hoe đỏ, vì ánh đèn không đủ soi rõ. Văn lên tiếng trước :

— Thưa ông, tôi nghe tin buồn về em Yên chiều nay. Tôi hỏi thăm ông...

Văn lúng túng lựa lời nói. Nhưng bố Yên giúp anh thoát khỏi sự lúng túng đó. Giọng ông rõ rệt :

— Dạ thưa thầy, xin cảm ơn thầy đã có lòng hỏi thăm. Sáng nay nó phải qua bên sông trồng giây khoai. Tôi sai con nhỏ em nó, gọi nó về. Mọi lần, nó vòng về ngã cầu ở trên. Không hiểu sao lần này, nó lại cởi áo quần ra bơi qua về cho chóng. Em nó la, bảo về ngã cầu. Nó đã lên bờ mặc lại áo quần rồi nó cởi ra xuống bơi. Nó vừa lội được một chút thì chìm luôn. Con em nhỏ đứng bên sông kêu ầm ĩ. Mà số nó không sống được. Trên bờ toàn có mấy người đàn bà. Nó chìm hẳn, cả chiều nay chúng tôi mò mà không thấy xác.

Ông bắt đầu sụt sịt, bàn tay che lên mặt, để hở hai con mắt và chiếc mũi. Khuôn mặt gầy gò, hốc hác, mái tóc không chải bờm xờm, một mảng trể xuống dưới trán. Văn chỉ có ý muốn diễn tả nguyên nhân hiện diện của mình ở nhà ông, anh hỏi thăm về cái chết của Yên, nhưng bố Yên đã kể ra một mạch, rõ ràng tỉ mỉ. Đoạn kết của lời nói lại là một cử chỉ bi thảm bất ngờ. Văn không thể có phản ứng nào lạnh lẽo anh đành an ủi :

— Thưa ông, người ta ai cũng có số cả...

Giọng của người đàn ông càng trở nên xúc động hơn :

— Thưa thầy, vẫn biết vậy, nhưng tôi buồn lắm. Nhà chỉ có một mình nó là lớn, có thể đỡ dần công việc nhà.

Ông ngừng lại một chút, bàn tay của ông khẽ bò lên sát phía hai con mắt, xoa xoa vào riềm mắt dưới, rồi từ từ chạy dần xuống, sau cùng rơi khỏi khuôn mặt. Ông nhìn chăm chú vào Văn. Giọng ông dịu xuống :

— Lẽ ra thì tôi cưới vợ cho nó rồi, nhưng nó xin học thêm năm nữa, tôi cũng chiều, có ngờ đâu...

Yên sắp sửa lấy vợ? Nó mới đang học lớp đệ ngũ, tuổi chắc cũng không nhiều Văn bị dẫn từ bất ngờ này sang bất ngờ khác.

— Thưa ông, Yên năm nay bao nhiêu tuổi ạ?

— Nó tuổi dần... Tính xem nó bao nhiêu tuổi.

Bố Yên dơ ngón tay lên làm nhăm...

— Dạ nó được mười bảy tuổi ta, mười sáu tuổi tây

Ông thở dài buồn bã:

— Nó được mười bảy tuổi mà nó bỏ tôi nó đi. Một trong hai người đàn ông ngồi cạnh ông lên tiếng :

— Thì số nó như thế, anh Ba buồn cũng chẳng ích chi. Ông quay sang với Văn :

— Thằng nhỏ ngoan lắm, cả ấp ai cũng khen, chịu khó làm ăn chứ không như mấy đứa khác. Không biết nó học khá không thầy?

Yên thuộc loại học trò học kém. Nhưng Văn không muốn nói rõ điều đó.

— Kề nó học cũng được, nhưng nó ít thuộc bài có lẽ vì bận ở nhà quá!

Bố Yên tiếp lời :

— Dạ thưa thầy vâng, nó làm suốt ngày. Tôi dạo này cũng yếu. Mọi việc trông trọt, tưới tắm đều giao cho nó cả.

Ông hơi cúi xuống, bàn tay đặt trên trán; ông nói thật nhẹ, nhưng bỗng có giọng nước mắt :

— Thật khổ...

Văn bối rối. Anh chưa tìm được lời. Người bạn của bố Yên đã cắt nghĩa :

— Đến bây giờ vẫn chưa thấy xác nó... chết đau đớn đã đành, nhưng chết mất xác nữa còn khổ. Tai tiếng cho cả gia đình. Người ta lại bảo tại nhà mình làm sao thất đức như vậy. Anh ba đây buồn là vì thế.

— Thưa ông, không lo gì cả. Tôi đoán chắc em nó bị cuốn vào cái hố nào đó, nên mò không thấy...

Anh ngập ngừng một chút, giọng vững chãi, tự tin hơn :

... Cũng có thể có nhiều khi luồng nước ngầm cuốn xác ngược lại phía trên. Nếu không biết chỉ tìm ở phía dưới thì không thấy được.

— Dạ, có cho mò trên dưới chỗ nó chìm mà cũng không thấy, mười mấy người mò lặn.

Câu nói làm Văn thất vọng, không phải vì ý kiến của anh vô hiệu. Nhưng vì cái hy vọng anh nêu lên cho những người thân yêu của Yên không có một chút hiệu quả.

Bố Yên thở dài :

— Chiều nay, tôi đã lên quận xin người đóng cửa đập, nước cạn mà không thấy nó thì chắc là...

Ông dừng lại không nói hết câu. Bàn tay ông vẫn đặt trên trán mệt mỏi.

Người bạn thứ hai ngồi cạnh vách, âm thầm từ nãy tới giờ không nói năng

gi. Ông vẫn vè điếu thuốc lòn trong tay, mắt lơ đãng :

— Anh Ba đừng sợ Nói thiêng thề nào nó cũng báo mộng cho mình biết.

Điếu thuốc đặt vào nỏ. Xe điếu dựa trên vai. Ông vừa châm lửa vừa tiếp tục.

Tôi nó thiệt đó mà... Anh biết vụ thằng Sáu con ông Chín Cửu chứ ? Hồi nó chết đuối ở xứ đó...

Xe điếu đặt trên môi. Ông hơi dươn người lên một chút chiếc điếu kêu ròn rã. Ông lim dim mắt, thở khói. Ông tiếp theo câu chuyện. Khói hây còn nhiều ở trong miệng tỏa ra trong không gian :

— Thằng Sáu nó chết đuối. Tìm mãi không thấy. Sau nó báo mộng cho ông chín Cửu, là nó bị kẹt ở bụi rười đó. Ra chỗ đó tìm quả nhiên nhiên thấy...

Khói đã bay hết khỏi miệng, ông quay sang bố Yên :

— Anh ba cứ tin đi...

Phía ngoài trời đã tối đen, ánh đèn vàng vọt lay động. Văn đưa mắt vào phía trong nhà. Chiếc bàn thờ tổ tiên, với bức tượng phật đầy bụi ngay ở bên phải anh, chỗ từ nãy, bố Yên nằm phục xuống. Văn mới nhận rõ vì một người con gái ở trong nhà vừa đem đặt hai cây nến thắp sáng lên trên đó. Không hiểu cô xuất hiện lúc nào. Người cô đầy đà. Mái tóc uốn một cách vụng về, thô kệch. Cô xụp xuống lễ. Lúc cô đứng dậy, Văn trông nghiêng, anh thấy trên má cô có ngấn nước mắt. Cô đi thẳng vào phía buồng trong sâu hút, lặng lẽ. Cái lặng lẽ tới rùng mình. Trên bàn thờ, những bức màn đỏ bụi bậm lay động. Khói của hương bốc lên mờ ảo. Văn nhìn ra ngoài đường : Đêm đen kịt. Một luồng gió lạnh thổi vào. Anh trông thấy rõ bụi bay lả tả từ những bức màn đỏ trong ánh nến.

Khanh vẫn giữ nhiệm vụ đưa đường khi trở về. Nó vẫn nhẹ nhàng, thoăn thoắt nhảy qua nhưng mô đất, trông nó thản nhiên, vui vẻ như lúc đi :

— Thầy ! Thầy biết cái cô thắp nến từ nãy là ai không thầy ?

Văn ngó xuống dưới chân. Một vệt sáng ở dưới anh tưởng là một vũng nước Văn bước qua :

— Không.

— Là vợ sắp cưới của anh Yên đó.

— Thế à ?

Chân Văn trượt một cái, Văn giữ chặt chân sau để lấy thăng bằng, chữ «thế à» mất tự nhiên, Khanh quay lại :

— Thầy suýt té hả thầy. Thầy đi theo em đây này.

Khanh dừng lại chờ Văn. Văn chậm chạp bước tới, anh cẩn thận nhìn từng bước của anh một. Trời tối hơn lúc đi nhiều quá, khi anh tới gần Khanh, nó chìa tay cho anh nắm.

— Thầy nắm lấy tay em.

Giọng nói lại thoăn thoắt :

— Mấy hôm nay mưa to quá thầy. Đường trơn thấy mờ. Mấy ngày trước nắng, đi khỏe lắm.

Nó vẫn tiếp tục :

— Nước sông mấy hôm nay cũng dâng to, lại sóng mạnh... Anh Yên bơi giỏi lắm thầy. Thường ngày anh ấy bơi qua bơi lại mấy lần sông, cũng không khêng việc chi. Tại số anh đó thầy !

Văn muốn bảo Khanh đi chậm lại một chút. Tiếng nước chảy róc rách. Gần trở về chỗ cầu từ nãy. Nhưng anh lại cất tiếng hỏi đũa học trò.

— Đóng cửa đập quận thì bao sông cạn hết ?

— Chừng đêm nay thôi. Phải kiểm

xác anh ấy suốt đêm nay. Sáng mai họ lại mở cửa đập như củ... Thầy coi chừng qua cầu nghe!

Vấn rời tay Khanh. Thăng bé bước qua bên kia trước. Vấn mò mẫm sang sau. Qua khỏi cầu, bắt đầu đường bằng phẳng hơn. Nhà ở trước mặt. Ánh sáng vàng vọt chỉ lọt qua hai khung cửa lớn.

Hai người đứng trước cửa nhà Khanh. Vấn nhìn ra con đường hun hút tối.

— Bây giờ tôi phải về, để vào chào ông cụ một lát...

— Ba em ra sông kiếm xác Yên rồi.

— Thế à? Thế có chiếu đèn pin nào cho tôi mượn.

— Ba em mang đi rồi. Tầy vào nhà chơi, em đi kiếm mang về cho.

Vấn phân vân đôi chút. Anh vỗ vào vai Khanh.

— Thôi để tôi ra sông với cậu vậy...

.., Hai người ngược con đường cũ ra quốc lộ Vấn không nói một lời nào thêm. Anh cố gắng theo Khanh thật mau. Khanh dẫn anh đi vào một con đường nhỏ ở trước mặt. Con đường trơn, ướt át nhưn để đi. Hai ống quần, khoảng dưới đầu gối tới mắt cá chân bắt đầu sưng ướt. Biết đâu ra tới sông, người ta đã mò được xác nó rồi? Khuôn mặt xám ngoét, lạnh lẽo, máu tuôn ra đặng mũi, miệng, tai. Vấn tưởng như luồng lạnh từ chân chạy lên mình. Vấn gặp những lùm cây cao hơn. Con đường mòn bởi vết chân người đi. Nhiều cây nghiêng hẳn ra đường Khanh phải dơ tay lên gạt ra một phía. Nó giữ cây thật nhẹ nhàng để Vấn đi qua, nhưng những giọt nước nhỏ vẫn bắn vào anh, khi cây được buông lại. Một lát, Vấn thấy tiếng người và ánh lửa lập loè. Khi anh qua khỏi lùm cây cuối

cùng, một quang cảnh vừa nhộn nhịp vừa nghiêm trọng hiện ra trước mắt.

Một đám đông trên năm chục người đang soi sáng cả một khoảng sông, bằng đèn, đuốc. Con sông không rộng lắm, chỉ vào khoảng bảy, tám thước. Hai bên bờ là cát trắng. Sát bãi cát phía bên kia, cây cối um tùm, ánh đèn không đủ chiếu rõ vào trong đó, chỉ đậu trên những lá cây ướt lấp loáng. Nước đã rút hẳn, một vài mầu đất cao ở giữa sông nhô lên, Lòng sông ngầu những bùn. Đám người tụ tập ngay ở trên đó. Một vài người lội xuống những khúc sông còn nước sâu. Nước ngập tới ngực. Thỉnh thoảng họ ngụp xuống, rồi lại nhô lên. Một vài người khác lom khom, một tay cầm đèn, một tay cầm chiếc gậy dài đứng ở những mô đất chọc chọc, xuống đáy.

Hai người đàn ông ngồi trên bờ, cời trần trụi, tóc ướt đẫm. Họ vừa hút thuốc vừa run lập cập trong chiếc áo mưa. Chắc họ vừa lặn xong. Trên bờ đèn thấp la liệt, đủ loại, đủ cỡ. Từ chiếc đèn manchon đặt ở giữa cho tới những chiếc đèn Hoa-Kỳ nhỏ tí teo để hút thuốc lào. Bên kia sông chỉ có bóng đàn ông. Các bà tụ tập ở bên này bàn tán xôn xao. Cách nói, điệu bộ còn nhiều sôi nổi. Một bà vừa vung tay chỉ xuống phần sông sát bờ bên kia vừa phát biểu hăng hái:

— Rõ ràng con nhỏ em nó thấy thẳng nhỏ lội xuống chỗ nè mà! Sao không thấy?

Bà khác, sợ sệt, bà nhìn trời vờ vờ, nói khẽ:

— Tôi chỉ sợ « ma da » nó dấu xác.

Chữ « ma da » làm cho đám đông, chầm chú lắng tai bà ta có vẻ kiêu hãnh

dẫn chứng, vẫn cái giọng thì thảo, nhưng phát âm lại rất lớn :

— Chứ không à ! Tôi hỏi các bà nhé. Thằng nhỏ tội giỏi, thế mà nó qua sông một cái là chìm liền. Không ma dìm thì còn ai nhúng tay vào đấy nữa ?

Chừng đã thỏa mãn vì lời cuốn được đám đông, bà thở dài một cái :

— Cũng là số nó chết. Tôi ở cạnh nhà nói, tôi biết mà. Má nó kể là ngày hôm qua, nó xin tiền ba nó mua sách. Nó nói gở : Thôi ba cho con lần này là lần chót, những lần sau con không xin ba nữa...

Vấn bị lẫn trong đám đông ồn ào. Anh đưa mắt kiếm Khanh.

Thằng bé biến đâu mất. Lúc nhìn ra khoảng cuối sông thừa thớt người Vấn nhận ra nó đang nói chuyện với bố. Bố nó nhìn về phía anh gật gật, một tay ông còn cầm cái gậy. Ông cụp ra chỗ đóng áo quần bới lấy chiếc đèn pin, đưa cho Khanh, Khanh cầm lấy chạy lại. Nó dơ chiếc đèn cho Vấn :

— Rồi thầy, mình về !

Vấn theo nó trở về con đường cũ. Hai người chia tay giữa quốc lộ. Khanh đòi đưa thầy về, nhưng Vấn không cho. Tới khi thằng Khanh đi khuất vào con đường đất, anh ngoái cổ lại nhìn, còn có một mình, Vấn mới cảm thấy một nỗi sợ vu vơ từ đâu đang xuất hiện trong lòng.

Hai bên đường cây cối um tùm. Những dãy nhà ở ven núi đã tắt đèn cả. Con đường trở về dài những bóng tối. Lần đầu tiên Vấn mới thấy chữ « đi trong đêm » có ý nghĩa. Mỗi bước của anh như giúp thân thể anh đi sâu vào trong bóng đen dày đặc. Vấn rảo bước. Tiếng ếch nhái kêu thật nhiều. Thình thoảng Vấn bật đèn để tìm lối và

cũng để mình vững bụng hơn. Vệt sáng của đèn, khi thì đụng phải một cái hững trên khoảng đường hư, khi thì đụng phải một chiếc cọc ai đóng lẻ loi ở mép ruộng, không biết để làm gì. Đôi lúc Vấn chiếu đèn ngang về phía mấy thửa rau. Những cây xú như cũng đang nằm ngủ, yên lặng.

« Giá có ai ra chặn đường mình cũng chẳng làm gì được ». Tư tưởng khiến anh đưa mắt về phía núi. Dãy núi vẫn đen ngòm đe dọa. Vấn mỉm cười. Anh tức cười về sự lo sợ của anh. Sự tức cười đó hình như cốt để chính anh yên trí đôi chút.

Vấn dừng lại. Anh kẹp chiếc đèn pin trong tay, xòe diêm hút thuốc. Ánh lửa nhỏ sáng trong khoảng không gian bao la. Mắt Vấn nhìn ánh lửa chăm chú. Một ánh lửa nhỏ, cũng làm anh ấm hẳn lại, hết như từ nãy anh đang từ vùng cây um tùm bước ra, tới khoảng sáng ở bờ sông. Giờ này, họ còn đang tìm kiếm Vấn liên tưởng tới điều đó rất nhanh. Những mảng ánh sáng chập chờn lóe trong óc Vấn cựa tới những khoảng sáng và đám đông người ấy hiện tại. « Ma-da », âm hưởng của lời nói vang trong óc. « Ma da » dấu xác Yên. Không biết thằng bé bị tấp vào hốc cây nào mà không thấy. Vấn không nghi là Yên bị ma-dìm. Anh đoán nó bị chuột rút. Có thể nước xoáy mạnh cuốn nó xa hơn mọi người tưởng. Nhưng trong khoảng không gian rộng lớn núi non trùng điệp, một mình giữa quốc lộ, anh vẫn rờn rợn. Lúc Vấn chiếu đèn pin, thấy chiếc công xã với hàng rào áp chiến lược hiện ra, Lòng anh nhẹ lại như vừa trút được gánh nặng. Hai dãy nhà trong xã im lìm. Cảnh tượng cũng hoang vắng như vậy, ếch nhái rí rả. Nhưng Vấn yên trí. Anh

biết ở hai bên cạnh anh, chắc chắn như vậy, có loài người hiện diện...

— Khi bước chân lên gác, Văn chỉ lo Tùng đã ngủ. Sáng mai Tùng về chuyển xe sáu rưỡi, thường thường đi ngủ rất sớm. Văn ngại, sáng mai anh cũng phải dậy sớm theo Tùng để dặn hẳn mua giùm cho chiếc vé máy bay. Tối nay Văn phải thức khuya để soạn bài kỳ thi đệ nhất bán niên cho học trò, làm sao dậy sớm? Nhưng Văn an tâm ngay. Tùng đang nằm khoèo trên giường hút thuốc. Một chân anh co lại, chân kia bắt chéo lên theo hình chữ vương, thấy Văn, Tùng hơi ngoẹo cổ nhìn cho rõ, anh lại tiếp tục hút thuốc như cũ. Từ lúc Văn bỏ đi thăm Yên cho tới bây giờ những ý nghĩ mãi mê về Cúc vẫn còn xáo trộn trong đầu óc Tùng.

Văn tới giường. Anh ngả lưng trên nệm. Đôi chân mang đặt trên nền gác gỗ. Anh thở phào một cái, quay sang Tùng :

— Nghĩ gì mà thần người ra vậy ?

Tùng đã chờ câu hỏi đó, anh chống chế dễ dàng :

— Không ! Ngồi một mình buồn quá, định vào ngủ, mà chưa ngủ được.

— Anh quay sang Văn hỏi tiếp :

— Thế nào, đã vớt được xác Yên chưa?

— Chưa, họ đã đóng cửa đập ở trên quận rồi. Chắc nó kẹt đâu đấy.

Văn ngồi dậy, anh loay hoay, cởi giày:

— Đi về, quốc lộ vắng quá, sợ thấy mẹ! Sao « cụ » không đi cho vui.

Tùng cười :

— Định ở nhà chấm bài. Lười quá lại thôi.

Văn bỏ đôi giày, xuống sàn, anh co cả hai chân còn mang tất lên trên giường. Đôi gấu quần còn lạnh nước nhưng anh

thấy ấm cả lại. Văn nhắm mắt lại, mím cười băng quơ, anh không muốn nghĩ ngợi gì. Nhưng ánh lửa ở ven sông bỗng lại hiện trong óc Văn nói với Tùng, mắt vẫn chưa mở ra:

— Tùng, Ở ấp Tin Lành họ đoàn kết thật. Thăng Yên chết mà cả xóm thấp được đi tìm.

— Thế à ? Hình như ở đây toàn dân Quảng Nam, Quảng Ngãi Bình Định di cư. Trong óc Văn xuất hiện ra khuôn mặt của thằng Minh với lời nói. « Ở Quảng nhà em giàu lắm thầy. Ở đây chẳng còn gì cả. Thầy biết « chồ mía » không ? Nhà mà có « chồ mía » là giàu

Văn ngồi dậy, dựa lưng vào thành giường. Tùng hỏi :

— Cậu có về mệt ?

Văn không đáp, anh khẽ lắc đầu. Anh định nhắc lại lời thằng Minh cho vui chuyện, xong lại thôi. Anh hỏi sang chuyện khác :

— Mai cậu về Dalat mua giùm tôi vé máy bay được không ?

— Được.

Cậu quen, mua chắc dễ. Tôi mua sợ không còn chỗ. Nhất là dạo này đi xe « tăng-bo » nhiều lắm !

Ngày mốt Cúc về Sài-Gòn. Câu nói của Văn gọi ra hình ảnh Cúc. « Minh đi ra tiễn Cúc và mua vé máy bay cho hẳn luôn thề » Tùng lơ đãng đáp :

— Được, chắc mua được mà, yên trí.

Tất cả những ý nghĩ từ nãy bỗng trở lại trong óc : Minh sẽ dò hỏi Cúc, trước khi quyết định ». Sự băn khoăn tái diễn trong đầu « Hay là hỏi ý kiến Văn ? » Tùng lại có cái cảm giác vừa khó chịu vừa sung sướng. Anh hỏi Văn :

— Cậu định về ngày bao nhiêu ?

— Ngày mồng bốn, tức hai mươi bảy tết.

— Được rồi!

Tùng ngáp một cái dài:

— Thôi bây giờ «moa» đi ngủ. Không mai dậy muộn trễ xe.

Tùng nhòm dậy, anh dơ tay lên kéo màn. Văn cũng không nói gì thêm. Anh quơ tay khép lại cánh cửa sổ, cho đỡ lạnh. Trong tâm hồn, một nỗi nhớ nhung nhẹ nhẹ đang lướt qua. Văn chợt nghĩ tới gia đình và những ngày sắp tới tại Saigon.

Mỗi lần về tỉnh, qua Hàng-Không Việt Nam, Văn lại xôn xao nhớ nhà.

Nhiều lần Văn bản thân đứng ngắm người công nhân của hãng, sắp xếp những chiếc va-ly lên trên nóc xe. Anh lại muốn về Saigon. Nao nức như một đứa trẻ mong ngày tết. Nhưng công việc níu kéo. Thành ra Văn chỉ có dịp về Saigon vào dịp tết. Trong mấy ngày gần đây, anh nôn nao với cái nôn nao của học trò. Không khí tết nhất đã xuất hiện ngay ở trong lớp. Học trò tiếp đón nồng nhiệt hơn đề khao thưởng việc chúng không phải thi cử. Mỗi lần Văn vào lớp, trong tiếng ồn ào phát biểu tư tưởng một cách vô trật tự, tiếng tụi nó yêu sách om sòm:

— Tết rồi thay, thầy kể chuyện thầy,

— Tết rồi thầy, thầy cho chơi thầy!

— Năm nay đâu có thi, mà thầy bắt học dữ vậy.

Tất cả những yêu sách đó, Văn phải

đàn áp bằng sự nghiêm trang. Anh ôn lại bài vở cho tụi nó thi trong kỳ thi sắp tới. Cha hiệu trưởng quyết định: Cho tụi nó thi rồi nghỉ tết luôn.

Tụi học trò không hiểu thầy. Văn rất muốn kể chuyện. Anh muốn cho tụi nó biết, anh cũng chờ đón ngày tết như chúng nó. Mặc dầu ý nghĩa khác nhau: Anh không ăn mừng việc bỏ thi nhưng về Sài Gòn gặp gia đình bạn bè.

Văn bỏ ra bàn, anh kéo ghế ngồi; lôi một tập giấy trắng để trước mặt. Anh hí hoáy soạn đề thi. Thỉnh thoảng một vài ý nghĩ xen lẫn qua những bài học. Anh nghĩ tới thằng Yên hiền lành mà không ngờ nó đánh nhau. Anh nghĩ tới ánh lửa lập lòe và đám đông dân Quảng. Anh nghĩ tới gia đình, Văn phải bình tâm gạt bỏ những ý nghĩ đó để làm việc. Văn soạn bài xong, anh vươn vai đứng dậy. « Không biết Tùng có mua được vé cho mình không », Anh quay nhìn vào bức màn trắng mấp mờ ánh đèn. Có tiếng cục cựa trở mình của Tùng trong màn. Rồi tiếng một que diêm xòe lên Văn hỏi:

— Chưa ngủ cơ à?

Tùng thò bàn tay ra khỏi màn, bỏ que diêm đã vầy tắt xuống sàn gác. Anh trả lời:

—, Ừ không hiểu làm sao, hôm nay khó ngủ quá!

(còn tiếp 1 kỳ)

TRẦN-ĐẠI

Trích « giữa hai vùng đất »

Những người ý thức tìm đọc

SÓNG Số 7 tháng 1 năm 1968

Tạp chí vận động Văn Học Nghệ Thuật mới

LỜI ĐƯA XA

TRẦN THỊ TUỆ MAI

gửi chị Vân-Nương, Luân-Đôn

Mộng xanh bay lạc trời nào
cánh thơ thả mãi từng cao thắm tìm
ngoảnh về ngày tháng vùng quen
âm ba gờn gợn lại mềm nhớ nhung

Chị còn thương em nữa không
đưa em « băng giá giữa lòng hỏa tinh » (1)
nhớ xuân đan kết tâm tình
lời lời thơ chị đổ dành giấc em
rời xuân xa cách đôi miền
em phương đông đó giữ nguyên dáng hình

Tóc buông chiều gió ân tình
chân đưa vẫn nhịp độc hành thuở nao
mộng xanh bay lạc trời nào
cánh thơ thả mãi từng cao thắm dò

Xuân tràn nắng lửa Thành Đô
em đi dưới nắng nghe mưa trong hồn
nghĩ gì với phận nước non
gót xuân bè bạn trái toàn ưu tư

Làm sao đẹp mộng đẹp mơ !
chị ơi, có trách tiếng thơ em sầu ?

— Thơ chị cho Mai : Băng giá hồn thơ giữa hỏa tinh

ngọn khô

Thơ HỒ MINH DŨNG

★ Giữa khe hở của hai bàn tay đầy máu
anh đã nhìn thấy rõ ràng
sự bóp nát
và con chim bồ câu đã chết
ấy là mùa xuân
anh cho em nỗi huy hoàng
của hai cánh trắng đã rụng
lời tình buồn thôi hát trên môi
khi nhánh-cây-ngày không còn lá mọc
em đi về trong lối nhớ vẫn hoang vu.

★ Giữa khe hở của hai bàn tay đầy máu
anh đã nhìn thấy quê hương
một lần thật túi hờn
như tấm bia đã đổ nát
trên vũng buồn xanh cúi mặt
ấy là mùa xuân
cho em tiếng khóc
không làm sao cảm nổi.

★ Và giữa khe hở của hai con mắt
chiến tranh vẫn nhẹ rặng cười
em trở về trộm dĩ vãng rách
khi cánh trắng đã rụng
em thay lời chim hát trên ngọn khô
ấy là mùa xuân
anh chúc mừng cho em năm mới.

SINH HOẠT

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Các giải-thưởng văn-chương Pháp : Fémina...

Claire Etcherelli hiện thời 33 tuổi. Năm 18 tuổi, chưa kịp thi tú tài, cô đi lấy chồng, có con, rồi ly dị, rồi lo tất tả làm ăn. Cô làm thợ, ban đầu trong xưởng chế tạo xe hơi Citroen, Công việc làm theo lối dây chuyền ấy khiến Claire Etcherelli nhớ suốt đời. Sau 17 tháng, cô bỏ việc ở hãng Citroen, tìm công việc khác. Thay nghề năm ba lần, rốt cuộc cô tìm được chỗ làm tương đối rảnh rang, có thể dành thì giờ viết tiểu thuyết. Cuốn tiểu thuyết ấy tên là *Elise ou la vraie vie*. Nó được trao tặng giải Fémina năm nay.

Người ta có cảm tưởng trước khi được tặng thưởng, Claire Etcherelli không bao giờ ngờ rằng trên cõi đời này có một giải-thưởng văn-chương tên gọi là Fémina. Cô không quan tâm đến giới trí-thức, đến các hoạt động của xã hội văn nghệ. Thế giới của cô là của các công nhân, tư chức cặm cụi với công việc nhọc nhằn. Nhân vật chính trong tác phẩm của cô cũng làm việc trong xưởng máy như cô, theo lối dây chuyền. Nhân vật ấy cũng là gái như cô, lại đi yêu một công nhân người Algérie trong lúc Pháp với Algérie đánh nhau. Vì vậy tình yêu dang dở.

Nhiều người cho *Elise ou la vraie vie* là hồi ký. Tác giả phản đối: đó là tiểu thuyết, có nhiều chất sáng tạo trong ấy. «Tôi quan tâm rất nhiều tới chữ viết».

Tuy vậy, hình như «chữ viết» của cô cũng chưa xuất sắc mấy.

...Médicis

Claude Simon được giải Médicis. Kề a như vậy là muộn, quá muộn. Claudette Simon có thể bị mịch lòng đấy.

Từ mười năm nay, C. Simon đã nhiều lần suýt được giải này giải nọ, nhưng rồi cứ bị hụt mãi, vì những lý do nhỏ như tờ như tóc. Chẳng hạn, năm 1958 hội đồng Goncourt định chọn ông, rồi rại không chọn; sau đó ông Hàn Emile Henriot tiết lộ một ý kiến: «phải chi C. Simon đừng viết những câu dài bảy mươi lăm dòng!»

Trời! Cái gì thì còn chữa được chứ câu 75 dòng làm sao chữa?

... «Chữa được cái gì hay cái ấy. Họa chẳng chữa rượu với chữa trà.»

Còn câu 75 dòng thì bất khả. Từ bấy tới nay mười năm trời, Simon vẫn cứ lòng thông dây mơ rễ má. Rốt cuộc ông thắng, giới thưởng thức chịu đầu hàng, trao cho *Histoire* giải Médicis. Claude Mauriac cho rằng đó là tuyệt phẩm của C. Simon. François Bondy bảo nó lớn lao hơn người ta có thể tưởng tượng. Luc Estang phê: kết quả đáng phục.

Nhưng Alain Bosquet thì trịnh trọng tuyên bố: «Tôi tuyệt nhiên không thể

vào nuốt trôi một tác phẩm như cuốn *Histoire* !

... Interallié

Giáo sư Jean Baby một đảng viên cộng sản trí thức quen thuộc, đã viết nhiều đã in nhiều vì cuốn *Critique de base* mà ông bị khai trừ khỏi đảng.

Ông có con gái — Yvonne Baby — viết tiểu thuyết một cách tài tử mà lại tài tình. Cuốn *Oui, l'espoir* được giải Interallié. Sách đề cập tới nghề làm báo và nghề điện ảnh là hai việc có liên quan đến tác giả, vì Yvonne Baby vẫn là ký-giả viết về điện ảnh trên báo *Le Monde*. Tuy vậy, tác phẩm không hẳn là tự thuật, hồi ký. Nó là tiểu thuyết, « có nhiều chất sáng tạo trong ấy.»

Thì ra các bậc nữ lưu tài danh năm nay, trong khi sáng tạo, đều có chỗ giống nhau là dùng rất nhiều chất liệu lấy tự đời mình.

Miguel Angel Asturias, giải Nobel 1967, đặc biệt tán thưởng Yvonne Baby: «Viết chữ 'hạnh phúc'. Bệnh vực nó. Táo bạo. Nhưng bệnh vực nó một cách lạng

lẽ, không lời, không mấp máy làn môi.

Đó là cách cụ già Asturias ca ngợi «nó», «bệnh vực nó». Bí hiểm thực.

Giải văn-chương quốc-tế

Louis Guilloux cũng thành ra một cụ già rồi. Năm nay ông 68 tuổi. L. Guilloux là một tài danh xui xẻo. Lẽ ra quần chúng phải biết đến ông sớm hơn nhiều lắm.

Hồi 28 tuổi ông đã viết cuốn tiểu thuyết mà Albert Camus trong lời tựa cho là một tác phẩm lớn lao (tức cuốn *La maison du peuple*). Năm 36 tuổi, ông xuất bản *Le sang noir*. Cả André Gide, cả L. Aragon, và A. Malraux đều cùng ca ngợi. Thế mà mãi 50 tuổi ông mới được giải Renaudot với cuốn *Jeu de patience*. Được Renaudot rồi mà quảng đại quần chúng vẫn không chú ý tới ông mấy. Lần này, sau giải quốc gia (Grand Prix National des Lettres), liệu L. Guilloux có đến gần quần chúng hơn chăng ?

TRÀNG-THIÊN

● TRẦN-ĐẠI

Ca quan họ : 36 điệu

Thính giả đã tới đầy giảng đường của Viện Đại Học Vạn Hạnh để nghe ông Châm-Vũ Nguyễn văn-Tần «đính chính những quan niệm sai lầm về dân ca quan-họ» (1) vào chiều ngày 31-12-1967.

Ông Châm-Vũ tự giới thiệu ông là người làng châm Khê huyện Võ-Giang tỉnh Bắc-Ninh một trong những nơi phát xuất ra ca quan họ. Hai em gái ông đã từng ở trong phường ca, tới trình bày các điệu ca khi ông đề cập tới phần đó.

Quan-họ không có nghĩa là họ nhà quan như có người hiểu lầm, quan họ có nghĩa là quan-hệ họ hàng. Nó chỉ xuất-hiện ở trong vùng Bắc-Ninh và ở ba huyện Võ-Giang, Tiên-Du, Tiên-Phong.

1) Đề tài buổi nói chuyện.

Tại sao lại có tục ca quan họ tại các huyện trên trong tỉnh Bắc-Ninh ? Ông Châm-Vũ cho biết. Thuở ông còn nhỏ, «tinh thần phong kiến» tại các làng ông còn mạnh mẽ. «Trâu ở làng này qua làng kia bị bắt, con gái ở làng này qua làng kia cũng bị bắt» Ca quan họ là một hình thức phá bỏ hàng rào phong kiến nông thôn để các làng có thể hợp tác với nhau trên phương diện giải-trí hay nghề nghiệp.

Nhưn làng ông, làng Châm-Khê, có phường quan họ và làng Nghĩa-Lộc có phường tuồng. Hai làng thường mời nhau sang giúp vui mọi dịp vào đám. Nhiều làng khác, vì cùng nghề buôn gạo hay chung nhau một cánh đồng chiêm đã ca quan họ để kết thân với nhau.

Xuất xứ của cửa lối ca quan họ, là do các rành niên trong làng đã kết hợp các điệu hát ru con với các giọng chèo mà thành, trước còn quê mùa thô-sơ, dần dần trở nên tinh vi, Người kết chèo là ông cả của phường tức người đứng đầu phường. Sau này khi có ca Huế và ca cải lương, do các phường tới lưu diễn tại vùng, ca quan họ cũng có cả điệu ca Huế và ca Cải lương

Người ta phân biệt ra loại ca loại từ cha ông để lại gọi là ca nòi, và loại ca mới do các người sau này kết chèo ra. Ca quan họ tại vùng Bắc Ninh tới hồi ông Châm Vũ từ 15 đến 25 tuổi, đã có đủ 36 điệu. Có phường Nam, phường Nữ và lối ca đó phổ biến khắp ba huyện, mười mấy làng.

Nhận xét lối ca quan họ, ông Châm Vũ cho là «một văn minh nông thôn», rất cao quý.

Những người trong phường ca, tối thiểu phải thuộc lầu Kiều, chinh-phụ-Ngâm và tất cả các câu ca-dao, Càng nhiều kiến-thức càng tốt. Có những cuộc rành tài quan họ dài tới ba ngày, ba đêm. Chữ anh Cả, chị Cả, Hai, Ba, Tư, Năm, Sáu v.v... để chỉ trình độ, khả năng của người trong phường. «Được gọi là anh chị Ba cũng là khá lắm rồi».

Những người trong phường ca còn đứng đắn, tế nhị. « Không bao giờ có người trong phường ca lấy nhau vì quan hệ họ hàng thì không lấy nhau ». Dù đi cấy một budi có 6 xu, người trong phường ca cũng dám bỏ ra 4 cắc mua 1 con gà, góp vào phường khi mời phường ở làng khác tới. Chưa kể những vật đem tặng riêng. Trong bữa cỗ quan họ, chỉ có người nam là dám ăn, còn người nữ không bao giờ đụng đĩa. Ông Châm Vũ dẫn chúng thêm : hai em gái của ông hiện đã già, lấy chồng, có nghề đứng đắn, trước cũng ở trong phường Quan-họ.

Đáp lại một câu hỏi của một vị nào đó phát biểu trên hàng đầu, ông Châm-Vũ cho biết gọi là Ca hay Hát quan họ cũng như nhau. Gọi là Ca, vì dòng sông Nguyệt Đức chảy qua vùng Bắc Giang Bắc Ninh, các làng ven sông đều thờ Thần Hoàng là 3 anh em chết đuối trên sông, trong đó có một vị tên là Trương Hát, nên mọi người kiêng tiếng « Hát »

Suốt trong budi «đính chính những quan niệm sai lầm về dân ca quan họ», thỉnh thoảng ông Châm Vũ cũng dừng lại đính chính thêm về vụ hai người em gái của ông không phải vì tiền nong mà vì nghệ thuật sẽ đến đây trình diễn,» nhưng không hiểu sao tới giờ phút đó vẫn không thấy.

Đó cũng là lời đính chính cuối cùng trong khi «**đính chính** những quan niệm sai lầm về dân ca quan họ.»

Mọi người ra về rất thích thú về những điều diễn giả đã kể cho nghe bằng một giọng thân mật, cởi mở, tuy rằng ai cũng tiếc chưa được nghe phần trình bày «**thực điệu** của dân ca quan-họ, mà ông Châm Vũ đã cáo lỗi và hẹn sẽ tổ chức riêng trong một buổi sau này.

TRẦN-ĐẠI

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong bài «*Sứ mạng của người cầm bút hôm nay*» của Trần Đại, trên mục Sinh hoạt, Bách khoa số trước (264 ngày 1-1-1963), có in thiếu một chữ trong câu sau đây ở hàng 11 (đếm từ dưới lên):

Hầu hết các người cầm bút khác hoặc không cầm bút đều đồng ý...

Xin thêm là : đều không đồng ý.

Trân trọng cáo lỗi cùng bạn Trần Đại.

Tòa soạn BÁCH KHOA

Đã phát hành

TAY GỖ CỬA ĐỜI

của DU TỬ LÊ

Bìa và phụ bản : Duy Thanh,
Tạ Ty, Trịnh Cung, Huy Tường
Đặng-Giao, Mai-Chứng.
Nguyễn-đình-Vượng xuất bản

Giá 145đ.

Đã phát hành :

- TÔI ĐI DÂN VỆ MỸ ký sự ĐÌNH BẠCH DÂN
- MẶT TRỜI LÊN thơ HOÀNN KHỞI PHONG
- CẢM XUÂN THÁNG BA CUỘC ĐỜI truyện LÊ VĂN TRƯỚC

ĐỜ MỚI tổng-phát hành

Sách báo mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các tác giả, dịch giả, nhà xuất bản đã gửi tặng những sách báo sau đây :

— **Lời chim bão tố** tập thơ của Ngọc Dung Chinh văn, do Sinh-viên hải-ngoại ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 156 trang, gồm 70 bài thơ. Bìa và phụ bản của Hiếu-Đệ. Giá 70đ.

— **Trong mặt trời buồn** tập thơ của Chu Trầm Nguyên Minh. Sách dày 96 trang, gồm 56 bài thơ. Bìa và phụ bản : Trịnh Cung ; Phụ bản nhạc: Vũ Thành An. Giá 60đ

— **Tình người** tập thơ của Đỗ Nghê, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 36 trang in ronéo hai mặt, gồm 20 bài thơ, ấn hành giới hạn dành cho thân hữu.

Vinh danh và quyền lực, nguyên tác *The Power and the Glory* của Graham Greene, bản dịch của Hoàng Long do Cáo xuất bản và gửi tặng. Sách dày 388 trang, tựa dịch François Mauriac. Bản đặc biệt. Giá 138 đ.

Những ngày chưa quên, ký sự của Đoàn Thêm, do Nam-Chi từng-thư xuất bản và gửi tặng. Sách dày 242 trang ghi lại những biến cố chính trị trọng đại trên đất nước Việt Nam, « một số điều mắt thấy tai nghe » từ đầu Thế-chiến thứ hai đến Hiệp định Genève. Giá 100 đ.

— **Chuyến hiện Đạo Phật vào thời-đại** của T.T. Đức - Nhuận do Vạn-Hạnh xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 178 trang gồm 10 chương, từ « Nguồn suy tưởng » đến « Đạo Phật, nguồn sinh động của văn-hóa nhân-loại » Giá 80 đ

— **Buồn nôn** nguyên tác : *La Nausée* của J.P. Sartre, bản dịch của Phùng Thăng, do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 322 trang. Giá 122 đ.

— **Khung cửa hẹp**, nguyên tác : *La Porte étroite* của André Gide, bản dịch của Vân-Mồng do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 222 trang. Giá 85 đ

— **Tày gõ cửa đời** tập thơ của Du Tử-Lê do Nguyễn đình Vương xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 126 trang gồm trên 30 bài thơ và những phụ-bản của Tạ Tỵ, Duy Thanh, Trịnh Cung, Nguyễn Vương, Mai Chửng, Đăng Giao, Huy Tường. Giá 145 đ.

— **Văn - phẩm Hành-tinh mới** của Xuân-Đài, Nhất thuyết Tinh-Đài-Lan, do Tân nhân bản ấn-hành và gửi tặng. Sách dày 122 trang gồm tiểu luận, truyện và thơ. Giá 68 đ

— **Về nguồn** tập thơ của Hoài Mai do tác-giả gửi tặng. Sách dày 90 trang gồm 60 bài thơ, in trên giấy hoa rất công phu. Giá 100 đ

— **Nước non Bình Định** của Quách Tấn do Nam Cường xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 516 trang biên soạn rất công phu, giới thiệu lịch sử, địa lý, hình thắng cảnh, cổ tích cùng kinh tế, phong hóa, tôn giáo, tỉnh Bình Định. Có kèm theo nhiều ảnh. Giá 220đ.

Bách-Khoa trân trọng cảm ơn nhà xuất bản Đại-Nam văn-hiến đã gửi tặng những sách sau đây :

— **Cảm - Xuân**, tháng ba cuộc đời tập truyện của Lê văn Trước, dày 88 trang, gồm 7 truyện ngắn, Nhật-Tiến vào đề. Bản đặc biệt.

— **Tôi đi dân vệ Mỹ** ký-sự của Đình-Bạch Dân, dày 96 trang. Giá 60 đ

— **Mặt trời lên** tập thơ của Hoàng Khởi-Phong, dày 78 trang, gồm 13 bài thơ. Thế Phong vào đề, bạt của Mai Trung Tinh. Giá 66 đ.